

**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ VIỆC PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU  
THEO HÌNH THỨC PHÁT HÀNH RIÊNG LẺ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN**

*(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0309966889 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư  
Thành Phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27 tháng 4 năm 2010, như được sửa đổi bổ sung  
tùy từng thời điểm)*



**TRÁI PHIẾU 500 TỶ ĐỒNG LÃI SUẤT KẾT HỢP  
GIỮA LÃI SUẤT CỐ ĐỊNH VÀ LÃI SUẤT THẢ NỔI - ĐÁO HẠN NĂM 2024**

**Giá Phát Hành: 100% bằng mệnh giá**

Trái phiếu bằng Đồng Việt Nam, không chuyển đổi và được bảo đảm được phát hành riêng lẻ theo quy định tại Nghị định số 163/2018/NĐ-CP ngày 4 tháng 12 năm 2018 của Chính Phủ quy định về phát hành trái phiếu doanh nghiệp, với tổng mệnh giá tối đa 500 tỷ Đồng, đáo hạn vào năm 2024 (“Trái Phiếu”) sẽ xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp, có bảo đảm và không phải là nợ thứ cấp của Công ty Cổ phần Tài Nguyên Masan (“**Tổ Chức Phát Hành**” hoặc “MSR”).

**THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU THEO HÌNH THỨC PHÁT HÀNH RIÊNG LẺ, TỔ CHỨC PHÁT HÀNH KHÔNG CẦN XIN BẤT KỲ PHÊ DUYỆT HOẶC CHẤP THUẬN CỦA BẤT KỲ CƠ QUAN NHÀ NƯỚC CÓ THẨM QUYỀN NÀO CỦA VIỆT NAM KHI BAN HÀNH BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN NÀY.**

*Tổ Chức Bảo Lãnh Phát Hành*

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KỸ THƯƠNG**



*Bản Công Bố Thông Tin này được phát hành ngày 10 tháng 5 năm 2019*

**THÔNG TIN QUAN TRỌNG**

Công Ty Cổ Phần Tài Nguyên Masan (“**Công Ty**”, “**Tổ Chức Phát Hành**” hay “**MSR**”) chịu trách nhiệm về thông tin có trong Bản Công Bố Thông Tin này.

Tổ Chức Phát Hành chưa ủy quyền và không ủy quyền cho bất kỳ tổ chức/cá nhân nào khác ngoài Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Kỹ Thuật (“**TCBS**” hoặc “**Tổ Chức Bảo Lãnh Phát Hành**”) cung cấp thông tin hoặc đưa ra cam đoan liên quan đến Tổ Chức Phát Hành hoặc Trái Phiếu ngoài các thông tin có trong Bản Công Bố Thông Tin này và nếu có bất kỳ thông tin hoặc cam đoan nào do bất kỳ tổ chức, cá nhân nào ngoài TCBS hoặc Tổ Chức Phát Hành cung cấp hoặc đưa ra thì thông tin hoặc cam đoan đó sẽ không được xem là thông tin hoặc cam đoan được Tổ Chức Phát Hành hoặc TCBS ủy quyền cung cấp hoặc đưa ra. Trong mọi trường hợp, việc phát hành Bản Công Bố Thông Tin này hoặc việc chào bán, bán hoặc chuyển giao liên quan đến việc phát hành Trái Phiếu đều không được hiểu là Tổ Chức Phát Hành hay TCBS đưa ra cam đoan rằng chưa có bất kỳ thay đổi hoặc sự kiện nào được đánh giá một cách hợp lý là có thể dẫn đến thay đổi trong hoạt động của Tổ Chức Phát Hành kể từ ngày phát hành Bản Công Bố Thông Tin này và cũng không ngụ ý đưa ra khẳng định rằng thông tin trong Bản Công Bố Thông Tin này là chính xác vào bất kỳ thời điểm nào sau ngày phát hành Bản Công Bố Thông Tin này.

Bản Công Bố Thông Tin này không phải là bản chào bán hoặc đề nghị đăng ký mua hoặc mua Trái Phiếu của Tổ Chức Phát Hành, TCBS hoặc bất kỳ đại diện nào của họ và sẽ không được sử dụng để chào bán Trái Phiếu cho bất kỳ cá nhân/tổ chức nào hoặc thuyết phục bất kỳ cá nhân/tổ chức nào mua Trái Phiếu nếu việc chào bán hoặc thuyết phục mua đó không được phép hoặc bất hợp pháp tại bất kỳ quốc gia/vùng lãnh thổ nào hoặc trong bất kỳ tình huống nào.

Mỗi nhà đầu tư dự kiến mua Trái Phiếu được khuyến cáo tự mình đánh giá thông tin có trong Bản Công Bố Thông Tin này, và nếu thấy cần thiết, nên tham khảo ý kiến của các bên tư vấn thuế, pháp lý hoặc kinh doanh của mình để quyết định có mua Trái Phiếu hay không. Mỗi nhà đầu tư dự kiến mua Trái Phiếu chỉ nên đăng ký mua Trái Phiếu sau khi đã tự mình hoặc thông qua đại diện đầu tư của mình yêu cầu và đã nhận được tất cả thông tin để có thể đánh giá lợi ích và rủi ro của giao dịch mua Trái Phiếu dự kiến và đã hài lòng với kết quả đánh giá đó.

Khi đưa ra một quyết định đầu tư, mỗi nhà đầu tư dự kiến mua Trái Phiếu phải dựa vào kết quả kiểm tra và đánh giá của chính mình về Tổ Chức Phát Hành và Các Điều Khoản Và Điều Kiện Trái Phiếu, kể cả lợi ích và rủi ro liên quan. Nhà đầu tư dự kiến mua Trái Phiếu cần đọc kỹ phần có tiêu đề “**CÁC YẾU TỐ RỦI RO**”, tuy nhiên, cũng lưu ý rằng phần này chưa liệt kê đầy đủ mọi rủi ro có thể xảy ra. Nhà đầu tư Trái Phiếu cần đọc Bản Công Bố Thông Tin này cùng với các thông tin khác về Tổ Chức Phát Hành và các công ty con của Tổ Chức Phát Hành đã được công bố công khai.

Mỗi tổ chức/cá nhân nhận Bản Công Bố Thông Tin này xác nhận rằng họ không dựa vào bất kỳ tổ chức tư vấn nào của Tổ Chức Phát Hành, TCBS hoặc bất kỳ tổ chức/cá nhân nào khác liên quan đến Tổ Chức Phát Hành hoặc TCBS để xác minh tính chính xác hoặc tính đầy đủ của thông tin có trong Bản Công Bố Thông Tin này hoặc để tổ chức/cá nhân đó đưa ra quyết định đầu tư.

Bằng việc nhận Bản Công Bố Thông Tin này, người nhận đồng ý vĩnh viễn không tiết lộ các thông tin trong Bản Công Bố Thông Tin này và các thông tin khác mà người nhận đó có được

## BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

---

trong quá trình thẩm định và đánh giá việc mua Trái Phiếu trừ trường hợp người nhận bắt buộc phải tiết lộ thông tin theo quy định của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan. Bản Công Bố Thông Tin này không được sao chép hoặc mô phỏng dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Tổ Chức Phát Hành hoặc TCBS.

Việc lưu hành Bản Công Bố Thông Tin này và việc chào bán Trái Phiếu tại một số quốc gia/vùng lãnh thổ có thể bị pháp luật hạn chế. Tổ Chức Phát Hành và TCBS yêu cầu và khuyến cáo bất kỳ tổ chức/cá nhân nào nhận được Bản Công Bố Thông Tin này phải tự mình tìm hiểu và tuân thủ các hạn chế nêu trên. Tổ Chức Phát Hành không thực hiện bất kỳ hành động nào cho phép phát hành Trái Phiếu riêng lẻ hoặc ra công chúng hoặc cho phép bất kỳ tổ chức/cá nhân nào nắm giữ hoặc lưu hành Bản Công Bố Thông Tin này tại bất kỳ quốc gia/vùng lãnh thổ nào mà Tổ Chức Phát Hành phải thực hiện một hoặc một số hành động nhất định để cho phép phát hành Trái Phiếu hoặc cho phép các tổ chức/cá nhân nắm giữ hoặc lưu hành Bản Công Bố Thông Tin tại quốc gia/vùng lãnh thổ đó.

Một số số liệu nhất định có trong Bản Công Bố Thông Tin này có thể đã được làm tròn; theo đó, các số liệu được thể hiện cho cùng một danh mục xuất hiện tại các bảng biểu khác nhau có thể khác biệt rất ít và các số liệu được thể hiện là các khoản tổng trong một số bảng biểu nhất định có thể không phải là tổng số học của các số liệu trước đó.

## CÁC TUYÊN BỐ VỀ TƯƠNG LAI

Một số tuyên bố nêu tại Bản Công Bố Thông Tin này là các tuyên bố về tương lai. Trong nhiều trường hợp, nhưng không phải toàn bộ, các từ như “sẽ”, “tin tưởng”, “dự toán”, “dự kiến”, “có thể”, “kế hoạch”, “dự đoán”, “khả năng”, “rủi ro”, “nên”, “có thể sẽ” và các từ tương tự khác khi được sử dụng trong Bản Công Bố Thông Tin này nhằm mục đích xác định các tuyên bố về tương lai. Các tuyên bố nói trên bao gồm cả các tuyên bố liên quan đến các điều kiện và triển vọng kinh doanh và tài chính của Tổ Chức Phát Hành. Tất cả các tuyên bố mà không phải là các tuyên bố về sự kiện lịch sử (bao gồm các sự kiện lịch sử liên quan đến chiến lược, kế hoạch và mục tiêu của Tổ Chức Phát Hành và triển vọng của thị trường Việt Nam) là các tuyên bố về tương lai. Các tuyên bố về tương lai này bao gồm các rủi ro, biến động và các yếu tố khác đã được biết đến và chưa được biết đến (bao gồm cả các thay đổi chính sách và pháp luật của Nhà nước) mà có thể dẫn đến các kết quả, thành tựu hoặc thành quả của Tổ Chức Phát Hành, hoặc các kết quả của ngành công nghiệp trên thực tế có khác biệt đáng kể so với bất kỳ kết quả, thành tựu hoặc thành quả nào được thể hiện rõ ràng hoặc ngụ ý trong các tuyên bố về tương lai đó. Các tuyên bố về tương lai này dựa trên nhiều giả định liên quan đến các chiến lược hiện tại và tương lai của Tổ Chức Phát Hành và môi trường hoạt động tương lai của Tổ Chức Phát Hành.

Vì các tuyên bố này phản ánh các quan điểm và mục tiêu hiện tại liên quan đến các sự kiện trong tương lai, các tuyên bố này tất nhiên sẽ bao gồm các rủi ro, biến động và giả định. Kết quả thực tế có thể khác biệt đáng kể so với kết quả nêu trong các tuyên bố về tương lai do nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm nhưng không giới hạn bởi:

- Các yếu tố bất lợi bên ngoài lãnh thổ Việt Nam như suy thoái kinh tế khu vực, suy thoái kinh tế toàn cầu;
- Các yếu tố bất lợi trong nước như giảm đầu tư trực tiếp và gián tiếp nước ngoài, tăng lạm phát, tình trạng giảm phát, lãi suất tăng và biến động về tỷ giá, thị trường;
- Các ảnh hưởng của các chính sách pháp lý của Nhà nước và các thay đổi trong các chính sách đó;
- Các ảnh hưởng của việc cạnh tranh trên thị trường kinh doanh và khu vực địa lý nơi Tổ Chức Phát Hành sẽ thực hiện hoạt động kinh doanh;
- Các ảnh hưởng của việc thay đổi luật, quy định, thuế hoặc tiêu chuẩn hoặc thông lệ về kế toán;
- Khả năng duy trì hoặc mở rộng thị phần trong khi vẫn phải kiểm soát chi phí;
- Giảm lượng mua từ các khách hàng lớn;
- Việc mua, chấm dứt đầu tư và các cơ hội kinh doanh đa dạng mà Tổ Chức Phát Hành có thể theo đuổi;
- Các ảnh hưởng của sự kiện chính trị quốc tế và trong nước đối với hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành;
- Tai nạn, thiên tai hoặc sự bùng phát các bệnh truyền nhiễm;
- Khả năng của bên thứ ba trong việc thực hiện các điều khoản và tiêu chuẩn hợp đồng;
- Kết quả của các vụ tranh tụng đang diễn ra hoặc có nguy cơ diễn ra; và

- Sự thành công trong quản lý rủi ro đối với các yếu tố kể trên.

Các yếu tố quan trọng nêu trên chưa bao quát mọi khía cạnh. Các yếu tố khác có thể dẫn đến các kết quả, thành tựu hoặc thành quả trên thực tế khác biệt đáng kể, bao gồm, nhưng không giới hạn bởi, các yếu tố đã được thảo luận tại phần có tiêu đề “CÁC YẾU TỐ RỦI RO”. Khi dựa vào các tuyên bố về tương lai, nhà đầu tư nên cân nhắc cẩn trọng các yếu tố nêu trên, các biến động và sự kiện khác, đặc biệt là các biến động và sự kiện liên quan đến môi trường chính trị, kinh tế, xã hội và pháp lý nơi Tổ Chức Phát Hành hoạt động. Các tuyên bố về tương lai này chỉ được đưa ra vào ngày phát hành Bản Công Bố Thông Tin này. Trừ khi được pháp luật yêu cầu, Tổ Chức Phát Hành sẽ không có nghĩa vụ và cũng không có ý định cập nhật hoặc sửa đổi bất kỳ tuyên bố về tương lai nào được đưa ra trong Bản Công Bố Thông Tin này, cho dù Tổ Chức Phát Hành có thông tin hoặc biết được các sự kiện tương lai hoặc các vấn đề mới khác. Tất cả các tuyên bố về tương lai bằng lời nói hay bằng văn bản do Tổ Chức Phát Hành hoặc tổ chức/cá nhân hành động nhân danh Tổ Chức Phát Hành đưa ra sau ngày phát hành Bản Công Bố Thông Tin này được giới hạn trách nhiệm toàn bộ bởi các tuyên bố mang tính chất cảnh báo có trong Bản Công Bố Thông Tin này. Nhà đầu tư tiềm năng của Trái Phiếu không nên dựa quá mức vào các tuyên bố về tương lai vì các tuyên bố về tương lai này được đưa ra trên cơ sở các giả định nhất định và có thể có các rủi ro hoặc biến động có thể xảy ra trong tương lai.

**MỤC LỤC**

<b>CÁC KHÁI NIỆM .....</b>	<b>1</b>
<b>PHẦN 1: TÓM TẮT THÔNG TIN VỀ ĐỢT PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU .....</b>	<b>4</b>
<b>PHẦN 2: THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ ĐỢT PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU .....</b>	<b>7</b>
I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ ĐỢT PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU.....	7
II. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH .....	8
III. THÔNG TIN VỀ ĐỢT PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU .....	44
IV. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH VÀ KẾ HOẠCH THANH TOÁN GỐC LÃI CHO NHÀ ĐẦU TƯ .....	48
V. CÁC LOẠI THUẾ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁI PHIẾU .....	49
VI. CÁC YẾU TỐ RỦI RO .....	52
<b>PHỤ LỤC.....</b>	<b>65</b>

## CÁC KHÁI NIỆM

**“Bản Công Bố Thông Tin”**: Bản Công Bố Thông Tin này và cũng là bản cung cấp thông tin của Tổ Chức Phát Hành về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư Trái Phiếu.

### Các công ty trong Tập Đoàn Masan và Nhóm công ty Masan Resources

“Masan Group” hoặc “Tập Đoàn Masan” hoặc “MSN”	Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Masan
“Masan Horizon”	Công Ty TNHH Tâm Nhìn Masan
“MSR” hoặc “Công Ty” hoặc “Tổ Chức Phát Hành”	Công Ty Cổ Phần Tài Nguyên Masan
“Nhóm công ty Masan Resources”	Công Ty Cổ Phần Tài Nguyên Masan và các công ty con của Công Ty Cổ Phần Tài Nguyên Masan, bao gồm MRTN, TNTI, Công Ty Núi Pháo và MTC
“MRTN”	Công Ty TNHH Một Thành Viên Tài Nguyên Masan Thái Nguyên
“MTC”	Công Ty TNHH Vonfram Masan
“TNTI”	Công Ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Và Đầu Tư Thái Nguyên
“Công Ty Núi Pháo” hoặc “NPM”	Công Ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo

### Thuật ngữ chuyên môn về hoạt động của Tổ Chức Phát Hành

“AMEC”	Hiệp Hội Các Công Ty Khai Thác Khoáng Sản (“AMEC”) – Association of Mining and Exploration Companies
“APT”	Ammonium paratungstate, là muối kết tinh màu trắng amoni và vonfram.
“BTO”	Oxit vonfram tinh chế thể màu xanh (Blue tungsten oxide)
“CRU”	Công ty tư vấn CRU, Anh Quốc
“Dự Án Núi Pháo”	Dự án mang tên “Dự án khai thác, chế biến khoáng sản Núi Pháo” theo Giấy Chứng Nhận Đầu Tư số 17121000026 cấp lần đầu ngày 21 tháng 7 năm 2010 bởi Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Thái Nguyên và các sửa đổi bổ sung

“Mã JORC”	Mã Báo Cáo Kết Quả Thăm Dò, Tài Nguyên Khoáng Sản Và Trữ Lượng Quặng của Úc (Australasian Code for Reporting of Exploration Results, Mineral Resources and Ore Reserves) do Ủy Ban Liên Tịch Trữ Lượng Quặng của Viện Khai Khoáng Và Luyện Kim Úc, Viện Các Nhà Nghiên Cứu Địa Chất và Hội Đồng Khoáng Sản Úc (Joint Ore Reserves Committee of the Australasian Institute of Mining and Metallurgy, Australian Institute of Geoscientists and Mineral Council of Australia) ban hành, Ấn phẩm năm 2012
“SGS”	Công Ty TNHH SGS Việt Nam
“ST”	Sodium Tungstate – sản phẩm trung gian giữa tinh quặng vonfram và vonfram giá trị gia tăng cao
“YTO”	Oxit vonfram tinh chế thể màu vàng (Yellow tungsten oxide)
<u><i>Định nghĩa chung</i></u>	
“Chính Phủ”	Chính phủ nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
“BTNMT”	Bộ Tài Nguyên Và Môi Trường Việt Nam
“BCT”	Bộ Công Thương Việt Nam
“BCTC”	Báo cáo tài chính
“CP”	Cổ phần
“CPI”	Chỉ số giá tiêu dùng
“ĐHĐCĐ”	Đại hội đồng cổ đông
“Điều Lệ”	Điều lệ của Tổ Chức Phát Hành ngày 12 tháng 9 năm 2018 và các sửa đổi bổ sung (nếu có)
“GDP”	Tổng sản phẩm quốc nội – Gross Domestic Products
“Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp”	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0309966889 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Thành phố Hồ chí Minh cấp cho Công Ty lần đầu ngày 27 tháng 4 năm 2010, như được sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm
“HĐQT”	Hội đồng quản trị
“HĐTV”	Hội đồng thành viên
“LNST”	Lợi nhuận sau thuế



“MTV”	Một thành viên
“ngày hoàn thành đợt phát hành”	ngày mà Tổ Chức Phát Hành nhận đủ tiền mua Trái Phiếu từ các nhà đầu tư mua Trái Phiếu
“Nghị Định 163”	Nghị Định số 163/2018/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 4 tháng 12 năm 2018 quy định về phát hành trái phiếu doanh nghiệp, có hiệu lực từ ngày 1 tháng 2 năm 2019
“SGDCK”	Sở giao dịch chứng khoán
“TNHH”	Trách nhiệm hữu hạn
<u>Các thuật ngữ khác</u>	
“km”	Ki-lô-mét
“m <sup>3</sup> ”	Mét khối
“mtu”	Metric Ton Unit, 1 mtu tương đương với 10 ki-lô-gram.
“%”	Phần trăm
“USD”	Đô-la Mỹ
“VND”	Đồng Việt Nam

**PHẦN 1: TÓM TẮT THÔNG TIN VỀ ĐỢT PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU**

Dưới đây là các thông tin tóm tắt về các điều khoản chính của đợt phát hành Trái Phiếu. Để biết thêm các thông tin chi tiết liên quan đến các điều khoản của Trái Phiếu, vui lòng xem thêm Mục III, Phần 2 "THÔNG TIN VỀ ĐỢT PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU". Các thuật ngữ viết hoa được sử dụng trong phần này mà không được định nghĩa sẽ có nghĩa như được quy định tại các phần khác trong Bản Công Bố Thông Tin này.

1. Tổ Chức Phát Hành Công ty Cổ phần Tài Nguyên Masan.
2. Loại hình doanh nghiệp Công ty cổ phần đại chúng.
3. Tên Trái Phiếu MSR052024
4. Tổng số lượng Trái Phiếu phát hành 5.000.000 (năm triệu) Trái Phiếu.
5. Giá chào bán 100% mệnh giá.
6. Tổng giá trị phát hành Tối đa 500.000.000.000 VND (năm trăm tỷ Đồng).
7. Mục đích phát hành Trái Phiếu được phát hành nhằm mục đích:
  - (i) Tăng quy mô vốn hoạt động của Tổ Chức Phát Hành; và/hoặc
  - (ii) Thực hiện các chương trình, dự án đầu tư của Tổ Chức Phát Hành.
8. Các điều kiện, điều khoản chính của Trái Phiếu
  - (a) Kỳ hạn Trái Phiếu: Tối đa 60 (sáu mươi) tháng kể từ ngày phát hành.
  - (b) Mệnh giá: 100.000 VND (một trăm nghìn Đồng).
  - (c) Loại hình Trái Phiếu: Trái Phiếu là trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, được bảo đảm và không phải là nợ thứ cấp của Tổ Chức Phát Hành.
  - (d) Hình thức Trái Phiếu: Trái Phiếu được phát hành dưới hình thức bút toán ghi sổ.
  - (e) Lãi suất danh nghĩa dự kiến: Lãi suất của hai (2) Kỳ Tính Lãi đầu tiên là 10,2%/năm (mười phẩy hai phần trăm một năm); và  
Lãi suất của mỗi Kỳ Tính Lãi sau hai (2) Kỳ Tính Lãi đầu tiên là tổng của 3,3%/năm (ba phẩy ba phần trăm một năm) và Lãi Suất Tham Chiếu (Kỳ Tính Lãi và Lãi Suất Tham Chiếu được xác định tại Mục III, Phần 2 - "THÔNG TIN VỀ ĐỢT PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU").
  - (f) Mua lại Trái Phiếu Tổ Chức Phát Hành có quyền mua lại trước hạn một phần hoặc toàn bộ Trái Phiếu đang lưu hành sau 12 (mười hai) tháng kể từ

ngày phát hành. Tuy nhiên, Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có toàn quyền từ chối bán lại Trái Phiếu của mình cho Tổ Chức Phát Hành.

9. Ngày phát hành dự kiến

Không muộn hơn ngày 30 tháng 6 năm 2019.

10. Giao dịch trái phiếu

(a) Kể từ ngày phát hành cho đến khi kết thúc 1 (một) năm kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành, Trái Phiếu chỉ được giao dịch trong phạm vi dưới 100 (một trăm) nhà đầu tư, không kể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp, trừ trường hợp theo quyết định của Tòa án hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật.

(b) Sau thời hạn nêu trên: Trái Phiếu sẽ được tự do bán, chuyển nhượng, tặng, cho, góp vốn, hoán đổi, trao đổi, để lại thừa kế, chiết khấu hoặc chuyển quyền sở hữu theo hình thức khác; hoặc được sử dụng Trái Phiếu làm tài sản bảo đảm hoặc tham gia các quan hệ dân sự và/hoặc thương mại hợp khác phù hợp với các quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu, Hợp Đồng Đại Lý Lưu Ký Trái Phiếu và các quy định của pháp luật có liên quan.

(c) Trong kỳ hạn Trái Phiếu, Trái Phiếu có thể được sử dụng làm tài sản bảo đảm hoặc tham gia các quan hệ dân sự và/hoặc thương mại khác phù hợp với các quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu, Hợp Đồng Đại Lý Lưu Ký Trái Phiếu và các quy định của pháp luật có liên quan.

11. Các tổ chức tham gia đợt phát hành

(a) Tổ chức bảo lãnh phát hành:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương.  
*Địa chỉ: Tầng 10+Tầng 21 tòa nhà Techcombank 191 Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam*  
*Số điện thoại: +84 24 3944 6368*  
*Số fax: +84 24 3944 6583.*

(b) Đại lý lưu ký:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương.  
*Địa chỉ: Tầng 10+Tầng 21 tòa nhà Techcombank 191 Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam*  
*Số điện thoại: +84 24 3944 6368*  
*Số fax: +84 24 3944 6583.*

(c) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương.  
*Địa chỉ: Tầng 10+Tầng 21 tòa nhà Techcombank 191 Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam*  
*Số điện thoại: +84 24 3944 6368*  
*Số fax: +84 24 3944 6583.*

(d) Tổ chức tư vấn luật

Công Ty Luật TNHH YKVN, Chi Nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh

*Địa chỉ: Phòng 1102, Tòa nhà Metropolitan, 235 Đồng Khởi, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

*Số điện thoại: +84 28 3822 3155*

*Số fax: +84 28 3823 6902.*

**PHẦN 2: THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ ĐỢT PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU**

**I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ ĐỢT PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU**

Tổ Chức Phát Hành:

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN**

- Ông: Danny Le Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- Ông: Craig Richard Bradshaw Chức vụ: Tổng Giám đốc
- Bà: Nguyễn Thị Thanh Mai Chức vụ: Kế toán trưởng
- Bà: Đoàn Thị Mỹ Duyên Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm Soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản Công Bố Thông Tin này là chính xác, phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã được thu thập và thẩm tra một cách hợp lý.

## II. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

### 1. Thông Tin Chung

Tên Công Ty	: Công Ty Cổ Phần Tài Nguyên Masan
Tên tiếng Anh	: Masan Resources Corporation
Tên viết tắt	: Masan Resources
Trụ sở	: Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, 17 Lê Duẩn, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh
Điện thoại	: (84 28) 6256 3862
Fax	: (84 28) 3827 4115
Website	: <a href="https://masangroup.com/masanresources/">https://masangroup.com/masanresources/</a>
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	: Số 0309966889 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 4 năm 2010, như được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm
Vốn điều lệ đã đăng ký	: 8.993.091.220.000 VND
Vốn điều lệ thực góp	: 8.993.091.220.000 VND
Ngành nghề kinh doanh	: - Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Chi tiết: Dịch vụ nghiên cứu thị trường); và - Hoạt động tư vấn quản lý (Chi tiết: Dịch vụ tư vấn quản lý).
Mã chứng khoán tại hệ thống giao dịch UPCoM thuộc Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội	: MSR

### 2. Cơ Cấu Tổ Chức Của Doanh Nghiệp

#### 2.1 Quá Trình Hình Thành Và Phát Triển Của Tổ Chức Phát Hành

Tổ Chức Phát Hành được thành lập ngày 27 tháng 4 năm 2010 với mục tiêu thực hiện hoạt động khai thác khoáng sản và tài nguyên của Tập Đoàn Masan. Dưới đây là các mốc hoạt động kinh doanh ấn tượng của Tổ Chức Phát Hành:

2010 Ngày 27 tháng 4 năm 2010, Tổ Chức Phát Hành được thành lập dưới hình thức công ty cổ phần.

Tháng 5 năm 2010, MRTN được thành lập và là công ty con do Tổ Chức Phát Hành sở hữu 100% nhằm thực hiện hoạt động tư vấn và nghiên cứu thị trường.

Tháng 7 năm 2010, Công Ty Núi Pháo được thành lập nhằm mục đích sở hữu và vận hành Dự Án Núi Pháo để khai thác và chế biến khoáng sản tại Xã Hà Thượng, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2010, Masan Horizon chính thức sở hữu 79,95% cổ phần của Tổ Chức Phát Hành.

Ngày 23 tháng 9 năm 2010, Tập Đoàn Masan hoàn thành việc mua lại quyền kiểm soát Công Ty Núi Pháo.

Công Ty Núi Pháo nhận được giấy phép khai thác khoáng sản số 1710/GP-BTNMT ngày 21 tháng 9 năm 2010 do BTNMT cấp.

2011      Tổ Chức Phát Hành bắt đầu thúc đẩy phát triển Dự Án Núi Pháo.

Tháng 3, MRC Ltd, một công ty đầu tư của Mount Kellett Capital Management L.P., trở thành cổ đông nắm giữ 20% vốn điều lệ của Tổ Chức Phát Hành.

Tháng 12, Hội Đồng Đánh Giá Trữ Lượng Khoáng Sản Quốc Gia công nhận kết quả chuyên đổi cấp trữ lượng và cấp tài nguyên cho Dự án Núi Pháo.

2012      Tháng 2, Công Ty Núi Pháo nhận được chấp thuận chính thức của BCT đối với thiết kế cơ bản mỏ của Dự Án Núi Pháo.

2013      Tháng 1, Private Equity New Markets II K/S, một công ty đầu tư của BankInvest trở thành cổ đông nắm giữ 2,86% trong Tổ Chức Phát Hành thông qua phương thức chào bán riêng lẻ.

Tháng 6, MRC Ltd tăng tỷ lệ sở hữu trong Tổ Chức Phát Hành lên 21% thông qua phương thức chào bán riêng lẻ bởi MSR.

Tháng 8, Tổ Chức Phát Hành nhận Giấy Chứng Nhận Đầu Tư số 41122000131 do Ủy Ban Nhân Dân Thành Phố Hồ Chí Minh cấp.

2014      Dự Án Núi Pháo bắt đầu sản xuất thương mại từ ngày 1 tháng 3 đối với vonfram và đồng, từ ngày 1 tháng 6 đối với florit và từ ngày 1 tháng 9 đối với bismut.

2015      Tổ Chức Phát Hành đạt kỷ lục về sản lượng khai thác đối với tất cả 4 dòng sản phẩm. MTC được trao chứng nhận Dự án ứng dụng Công nghệ cao của Bộ khoa học và Công nghệ vào ngày 24 tháng 4.

Tổ Chức Phát Hành đạt công suất theo thiết kế, và vận hành thử thành công nhà máy chế biến sâu của MTC. Các sáng kiến tăng năng suất và hiệu quả sản xuất đã được áp dụng.

Tháng 9, Tổ Chức Phát Hành niêm yết thành công cổ phiếu của Tổ Chức Phát Hành tại sàn Upcom của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Tháng 9, Tổ Chức Phát Hành đăng cai tổ chức Hội nghị Thường niên lần thứ 28 của Hiệp hội Công nghiệp Vonfram Quốc tế (ITLA).

- 2016 Ngày 22 tháng 4, Công Ty tổ chức thành công cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên đầu tiên sau khi niêm yết; cổ phiếu của Công Ty được xếp vào danh sách cổ phiếu hạng sang (Premium) trên hệ thống giao dịch UPCoM thuộc Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội.
- Dự Án Núi Pháo bắt đầu sản xuất Bismut Xi măng thương mại từ ngày 1 tháng 7.
- Triển khai các sáng kiến và đầu tư đổi mới quy trình và công nghệ, tiết kiệm chi phí, thay đổi quy trình nghiệp vụ, và xây dựng các mối liên kết và hợp tác mới; MTC đã đạt sản lượng và doanh thu vượt bậc đối với sản phẩm hóa chất vonfram giá trị gia tăng.
- Tháng 12, Masan Group thông qua công ty con thuộc sở hữu của mình đã hoàn thành chào mua cổ phần của Tổ Chức Phát Hành, qua đó đưa Mount Kellett rời khỏi cơ cấu cổ đông của Tổ Chức Phát Hành và tăng quyền sở hữu MSR lên 93,78%, mở đường cho chu kỳ cấp vốn chiến lược và tăng trưởng tiếp theo.
- 2017 Việc nâng cấp chu trình tuyển trọng lực vonfram giúp tăng tỷ lệ thu hồi vonfram lên 67% và vẫn còn khả năng cải thiện thông qua các biện pháp tối ưu hoá.
- Giá của tất cả các sản phẩm của Công Ty đều tăng đáng kể cùng với nâng cao hiệu suất sản xuất đã giúp MSR đạt được kết quả kỷ lục trên tất cả các mặt từ sản xuất, doanh thu đến lợi nhuận ròng.
- Việc Tổ Chức Phát Hành được công nhận là thương hiệu toàn cầu, nhờ các sản phẩm chất lượng cao và đáng tin cậy, đã dẫn đến hiện tượng số lượng đơn đặt hàng của các khách hàng mới đối với sản phẩm của Tổ Chức Phát Hành tiếp tục vượt mức cung.
- 2018 Tháng 8, Công Ty Núi Pháo đã mua lại 49% phần vốn góp của H.C.Starck GmbH trong Công ty TNHH Tỉnh lỵện Vonfram Núi Pháo – H.C.Starck (“NHTCM”) để sở hữu 100% NHTCM và sau đó chuyển nhượng lại một phần vốn góp tương đương 1.000.000 VND cho TNTI dưới sự đồng ý của H.C.Starck GmbH. NHTCM sau đó đổi tên thành Công Ty TNHH Vonfram Masan (MTC).
- Tháng 10, Công Ty hoàn thành phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, nâng vốn điều lệ lên 8.993.091.220.000 VND. Sau đợt phát hành, Masan Horizon sở hữu 95,99% vốn điều lệ của Tổ Chức Phát Hành.
- Hiện tại Công Ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0309966889 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27 tháng 4 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 3 tháng 10 năm 2018 với vốn điều lệ là 8.993.091.220.000 VND.

## 2.2 Quá Trình Tăng Vốn Điều Lệ

Bảng dưới đây trình bày thay đổi về vốn điều lệ đã được đăng ký của Tổ Chức Phát Hành kể từ ngày thành lập:

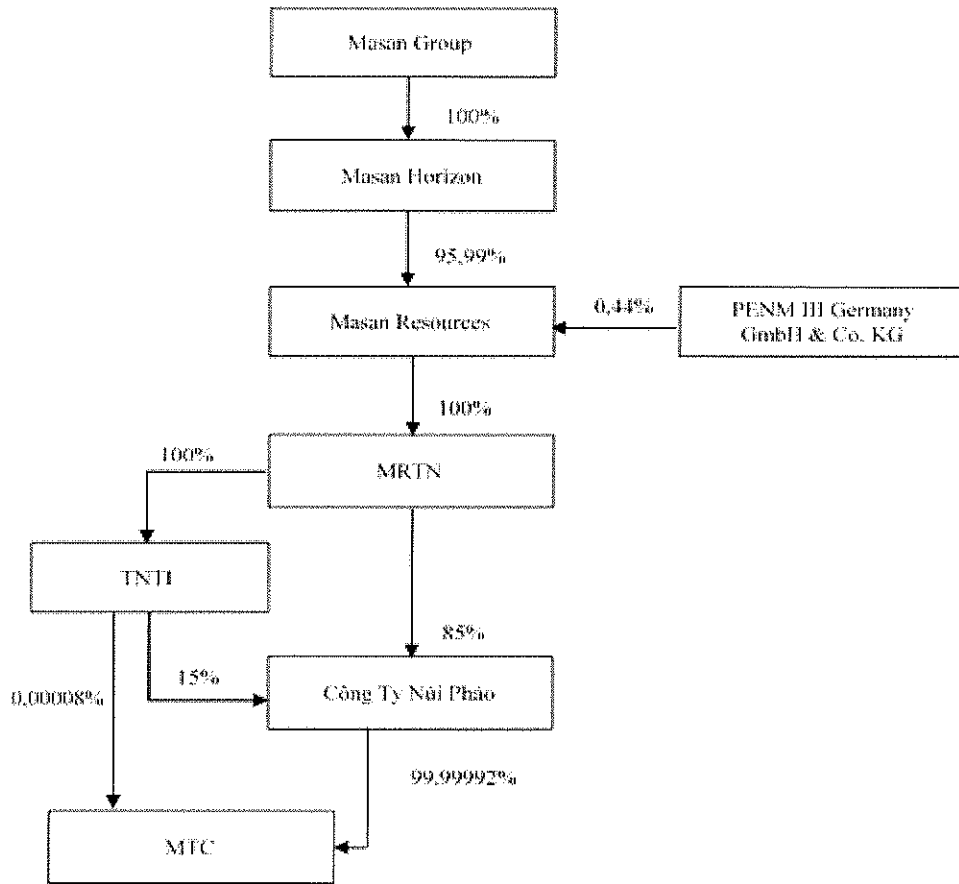


## BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Thời điểm	Số vốn tăng thêm (VND)	Phương thức tăng vốn	Vốn điều lệ sau khi tăng (VND)
27/4/2010	20.000.000	Vốn góp của cổ đông	20.000.000
23/9/2010	1.892.855.000.000	<ul style="list-style-type: none"><li>- Góp vốn bằng quyền sở hữu đối với khoản vay đã chuyển đổi thành vốn góp tại Công ty Núi Pháo;</li><li>- Góp vốn bằng quyền sở hữu tài sản từ 70% vốn điều lệ của Công ty Núi Pháo</li></ul>	1.892.875.000.000
21/3/2011	3.513.951.290.000	<ul style="list-style-type: none"><li>- Chuyển đổi thặng dư vốn; Chuyển đổi từ vốn vay thành cổ phần;</li><li>- Góp vốn bằng cách chuyển nhượng phần vốn góp trong Công Ty Núi Pháo (15%); và</li><li>- Vốn góp của cổ đông.</li></ul>	5.406.826.290.000
24/1/2013	159.024.300.000	<ul style="list-style-type: none"><li>- Vốn góp của cổ đông</li></ul>	5.565.850.590.000
26/7/2013	1.286.029.830.000	<ul style="list-style-type: none"><li>- Vốn góp của cổ đông</li></ul>	6.851.880.420.000
04/2/2015	342.592.860.000	<ul style="list-style-type: none"><li>- Vốn góp của cổ đông</li></ul>	7.194.473.280.000
3/10/2018	1.798.617.940.000	<ul style="list-style-type: none"><li>- Phát hành cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu</li></ul>	8.993.091.220.000

### 2.3 Cơ Cấu Tổ Chức Của Tổ Chức Phát Hành

Tính đến ngày lập Bản Công Bố Thông Tin này, cơ cấu tổ chức của Tổ Chức Phát Hành được trình bày trong sơ đồ dưới đây:

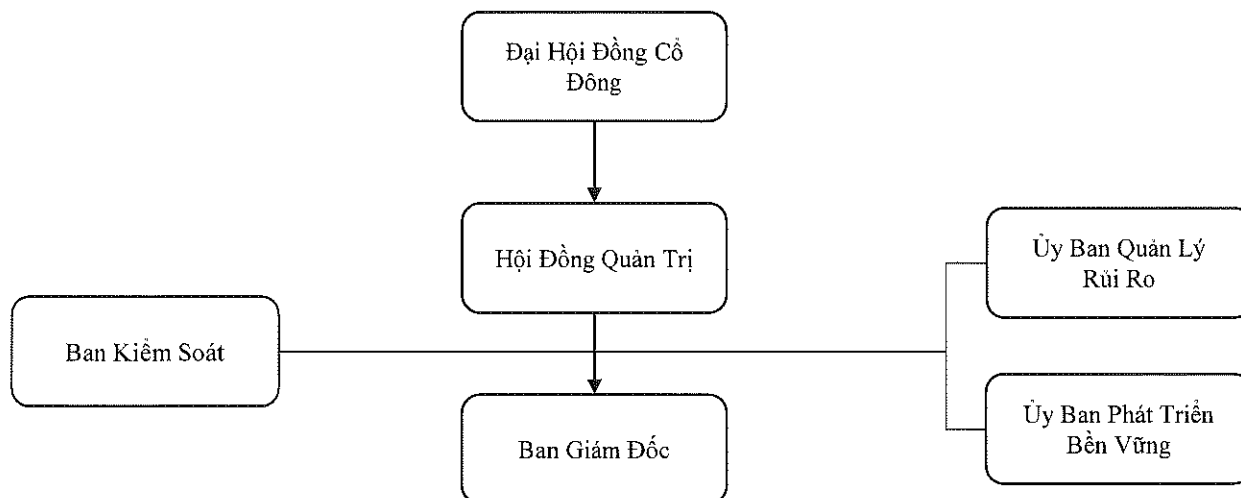


#### 2.4 Cơ Cấu Quản Lý Của Tổ Chức Phát Hành

Tổ chức và hoạt động của Tổ Chức Phát Hành căn cứ vào các văn bản sau đây:

- Luật Doanh Nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Luật Chứng Khoán số 70/2006/QH11 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2006, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 62/2010/QH12 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán và Luật số 35/2018/QH14 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch;
- Điều Lệ; và
- Các văn bản quy phạm pháp luật khác liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành.

Tính đến ngày lập Bản Công Bố Thông Tin này, cơ cấu quản lý của Tổ Chức Phát Hành như sau:



### Đại Hội Đồng Cổ Đông

ĐHĐCĐ là cơ quan quyết định cao nhất của Tổ Chức Phát Hành. ĐHĐCĐ thường niên được tổ chức mỗi năm. Địa điểm họp ĐHĐCĐ phải trên lãnh thổ Việt Nam. Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên phải được triệu tập trong thời hạn bốn tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính, hoặc có thể được gia hạn nhưng không quá sáu tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính nếu được cơ quan đăng ký kinh doanh chấp thuận theo đề nghị của HĐQT.

### Hội Đồng Quản Trị

HĐQT chịu trách nhiệm điều hành và quản lý chung đối với Công Ty. HĐQT họp ít nhất mỗi quý một lần hoặc khi có yêu cầu để đánh giá và giám sát tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của Công Ty.

HĐQT hiện tại gồm có 5 (năm) thành viên. Nhiệm kỳ của HĐQT là 5 (năm) năm. Nhiệm kỳ của mỗi thành viên HĐQT không vượt quá 5 (năm) năm và có thể bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. HĐQT có thể bầu, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT.

### Ban Kiểm Soát

Ban Kiểm Soát chịu trách nhiệm giám sát hoạt động tài chính của Tổ Chức Phát Hành, và tính hợp pháp trong hoạt động của các thành viên HĐQT, các thành viên Ban Giám Đốc và những người giữ các chức danh quản lý, và quản lý mối liên hệ giữa Ban Kiểm Soát, HĐQT, Ban Giám Đốc và các cổ đông.

Ban Kiểm Soát sẽ báo cáo cho các cổ đông và trong phạm vi nhất định, Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước hoặc các cơ quan nhà nước khác tại Việt Nam khi Ban Kiểm Soát phát hiện bất kỳ hành vi nào do các thành viên HĐQT, Ban Giám Đốc, hoặc những người giữ chức danh quản lý khác thực hiện mà có thể vi phạm pháp luật Việt Nam hoặc các quy định của Điều Lệ.

### Ban Giám Đốc

Ban Giám Đốc chịu trách nhiệm đối với hoạt động kinh doanh và quản lý hàng ngày của Công Ty, thực hiện các chiến lược và kế hoạch kinh doanh đã được ĐHĐCĐ và HĐQT phê duyệt. Thành viên Ban Giám Đốc được HĐQT bổ nhiệm.

## 2.5 Danh Sách Các Cổ Đông Lớn, Các Cổ Đông Sáng Lập Và Cơ Cấu Cổ Đông

### 2.5.1 Danh Sách Các Cổ Đông Nắm Giữ Ít Nhất 5% Vốn Điều Lệ Của Tổ Chức Phát Hành

Tính đến ngày 28 tháng 2 năm 2019, danh sách các cổ đông nắm giữ ít nhất 5% vốn điều lệ của Công Ty chúng tôi như sau:

Tên	Đăng Ký Kinh Doanh số	Địa chỉ	Số cổ phần nắm giữ	% vốn điều lệ
Masan Horizon	0309966871	Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, 17 Lê Duẩn, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh	863.270.140	95,99%

### 2.5.2 Cơ Cấu Cổ Đông

Tính đến ngày 28 tháng 2 năm 2019, cơ cấu cổ đông của Công Ty chúng tôi như sau:

STT	Cổ đông	Số cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tổng giá trị (mệnh giá) (VND)	% cổ phần
<b>I</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>1.002</b>	<b>881.179.832</b>	<b>8.811.798.320.000</b>	<b>97,98%</b>
1	Cổ đông tổ chức	8	863.459.120	8.634.591.200.000	96,01%
2	Cổ đông cá nhân	994	17.720.712	177.207.120.000	1,97%
<b>II</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>26</b>	<b>18.129.290</b>	<b>181.292.900.000</b>	<b>2,02%</b>
1	Cổ đông tổ chức	1	3.975.607	39.756.070.000	0,44%
2	Cổ đông cá nhân	25	14.153.683	141.536.830.000	1,57%
<b>III</b>	<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
	<b>Tổng số</b>	<b>1.028</b>	<b>899.309.122</b>	<b>8.993.091.220.000</b>	<b>100,00%</b>

## 2.6 Vị Trí Của Tổ Chức Phát Hành:

Tổ Chức Phát Hành hiện hoạt động theo mô hình công ty mẹ, công ty con.

## 2.7 Danh Sách Các Công Ty Mẹ Nắm Giữ Quyền Kiểm Soát Hoặc Cổ Phần Chi Phối Trong Tổ Chức Phát Hành Và Danh Sách Các Công Ty Mà Tổ Chức Phát Hành Nắm Giữ Quyền Kiểm Soát Hoặc Cổ Phần/Phần Vốn Góp Chi Phối

### 2.7.1 Công Ty Mẹ Nắm Giữ Quyền Kiểm Soát Hoặc Cổ Phần Chi Phối Trong Tổ Chức Phát Hành

## BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

- Tên công ty : Công Ty TNHH Tầm Nhìn Masan
- Địa chỉ : Phòng 802, tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp : Số 0309966871 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27 tháng 4 năm 2010, như được sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm
- Vốn điều lệ đăng ký : 11.950.000.000.000 VND
- Vốn điều lệ thực góp : 11.950.000.000.000 VND
- Tỷ lệ góp vốn tại Tổ Chức Phát Hành : 95,99% vốn điều lệ
- Ngành nghề kinh doanh chính
  - Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận; và
  - Hoạt động tư vấn quản lý (chi tiết: dịch vụ tư vấn quản lý, tư vấn đầu tư, ngoại trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật).

### 2.7.2 Danh Sách Các Công Ty Mà Tổ Chức Phát Hành Nắm Giữ (Trực Tiếp Hoặc Gián Tiếp) Quyền Kiểm Soát Hoạch Cổ Phần/Phần Vốn Góp Chi Phối

#### CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TÀI NGUYÊN MASAN THÁI NGUYÊN (MRTN)

- Tên công ty : Công ty TNHH Một Thành Viên Tài Nguyên Masan Thái Nguyên
- Địa chỉ : Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, 17 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp : Số 0309960069 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 5 năm 2010, như được sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm
- Vốn điều lệ đăng ký : 5.140.335.573.000 VND
- Vốn điều lệ thực góp : 5.140.335.573.000 VND
- Tỷ lệ nắm giữ của Tổ Chức Phát Hành : 100% vốn điều lệ

- Ngành nghề kinh doanh chính : - Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (cụ thể: nghiên cứu thị trường); và  
- Tư vấn quản lý (cụ thể: dịch vụ tư vấn quản lý, tư vấn đầu tư, ngoại trừ tư vấn tài chính, kế toán).

**CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ THÁI NGUYÊN (TNTI)**

- Tên công ty : Công Ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Và Đầu Tư Thái Nguyên
- Địa chỉ : Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp : Số 0310352925 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 10 năm 2010, như được sửa đổi, bổ sung từ từng thời điểm
- Vốn điều lệ đăng ký : 1.624.861.500.000 VND
- Vốn điều lệ thực góp : 1.624.861.500.000 VND
- Tỷ lệ nắm giữ của Tổ Chức Phát Hành : 100% vốn điều lệ (nắm giữ gián tiếp thông qua MRTN)
- Ngành nghề kinh doanh chính : - Tư vấn quản lý (cụ thể: dịch vụ tư vấn quản lý, tư vấn đầu tư, ngoại trừ tư vấn tài chính, kế toán);  
- Quảng cáo;  
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (cụ thể: nghiên cứu thị trường);  
- Khai thác quặng kim loại quý hiếm (không hoạt động tại trụ sở chính);  
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt (không hoạt động tại trụ sở chính);  
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại; và  
- Các hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính, chưa được phân vào đâu (cụ thể: hoạt động tư vấn đầu tư, ngoại trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật).

**CÔNG TY TNHH KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN NÚI PHÁO (CÔNG TY NÚI PHÁO)**

- Tên công ty : Công Ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
- Địa chỉ : Xóm 2, xã Hà Thượng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam
- Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp : Số 4600864513 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 5 tháng 7 năm 2010, như được sửa đổi, bổ sung từ từng thời điểm

## BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

- Vốn điều lệ đăng ký : 4.789.010.000.000 VND
- Vốn điều lệ thực góp : 4.789.010.000.000 VND
- Tỷ lệ nắm giữ của Tổ Chức Phát Hành : 100% vốn điều lệ (nắm giữ gián tiếp thông qua MRTN và TNTI)
- Ngành nghề kinh doanh chính :
  - Khai thác quặng kim loại quý hiếm (khai thác, chế biến vonfram, florit, đồng, bismut và vàng);
  - Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
  - Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (hoạt động thăm dò địa chất và tài nguyên nước (thăm dò khoáng sản);
  - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác;
  - Bán buôn kim loại và quặng kim loại (không bao gồm kinh doanh mua, bán vàng miếng);
  - Sản xuất kim loại màu và kim loại quý;
  - Hoạt động tư vấn quản lý;
  - Sửa chữa máy móc, thiết bị;
  - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
  - Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
  - Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
  - Bốc xếp hàng hóa;
  - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
  - Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác (Các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác); và
  - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được phép kinh doanh khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

### CÔNG TY TNHH VONFRAM MASAN (MTC)

- Tên công ty : Công Ty TNHH Vonfram Masan
- Địa chỉ : Xóm 2, xã Hà Thượng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam
- Giấy Chứng nhận : Số 4601163743 do UBND tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 15 tháng 1 năm 2014, như được sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm
- Vốn điều lệ đăng ký : 1.250.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp : 1.250.000.000.000 đồng

- Tỷ lệ nắm giữ của Tổ Chức Phát Hành : 100% vốn điều lệ (nắm giữ gián tiếp thông qua Công Ty Núi Pháo)
- Ngành nghề kinh doanh chính : Sản xuất kim loại màu và kim loại quý hiếm (chế biến Vonfram để xuất khẩu hoặc bán trong nước)

### **3. Tóm Tắt Hoạt Động Kinh Doanh Chính Và Các Dự Án Đang Triển Khai Của Tổ Chức Phát Hành**

Tổ Chức Phát Hành được thành lập với mục tiêu thực hiện hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản của Tập Đoàn Masan và sở hữu các công ty được thành lập để phát triển Dự Án Núi Pháo cũng như các dự án khai thác, chế biến khoáng sản và hóa chất công nghiệp khác bao gồm MRTN, TNTI, Công Ty Núi Pháo và MTC. Vui lòng tham khảo thông tin tại Mục II.2.3, Phần 2 “*Cơ Cấu Tổ Chức Của Tổ Chức Phát Hành*” để biết thêm về cấu trúc các công ty con của Tổ Chức Phát Hành.

Sau khi Tổ Chức Phát Hành được thành lập vào tháng 4 năm 2010, Tập Đoàn Masan đã ký các thỏa thuận chính thức với các quỹ đầu tư do Dragon Capital sở hữu và quản lý để mua lại quyền kiểm soát trong Công Ty Liên Doanh Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo (Nuiphaovica), một công ty thành lập bởi các nhà đầu tư trước đây của Công Ty Núi Pháo, được thành lập theo giấy phép đầu tư số 2377/GP do Bộ Kế Hoạch Và Đầu Tư cấp để thực hiện Dự Án Núi Pháo. Tập Đoàn Masan đã hoàn tất việc mua lại quyền kiểm soát Công Ty Núi Pháo vào ngày 23 tháng 9 năm 2010. Công Ty Núi Pháo hiện là một công ty con do Tổ Chức Phát Hành sở hữu gián tiếp 100% thông qua MRTN và TNTI và cũng là đơn vị trực tiếp vận hành dự án mỏ đa kim Núi Pháo ở Việt Nam.

#### **3.1. Sản Lượng Sản Phẩm, Giá Trị Sản Xuất Qua Các Năm**

##### **3.1.1 Giới thiệu sản phẩm của Nhóm công ty Masan Resources**

Hiện nay, các sản phẩm nằm trong danh mục của Nhóm công ty Masan Resources bao gồm vonfram, florit, đồng và bismut đều từ Dự Án Núi Pháo và được trực tiếp khai thác và chế biến bởi Công Ty Núi Pháo. Các sản phẩm này được giao dịch trên toàn cầu và được sử dụng rộng rãi trong nhiều ngành công nghiệp.

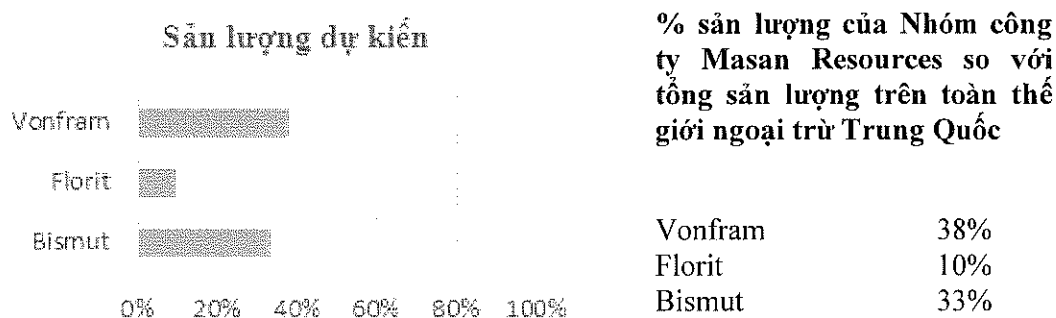
##### ***Vonfram***

Vonfram là một kim loại rất cứng có điểm nóng chảy cao nhất trong tất cả các kim loại và nặng gần như bằng vàng. Vonfram cứng hơn gấp ba lần crom, cobalt và titanium và cứng hơn gấp năm lần nickel, sắt và platinum. Hợp kim vonfram có thể hàn tốt với các kim loại khác, và có nhiệt độ nóng chảy cao nhất trong tất cả các kim loại và có khả năng chống mài mòn cao.

Vonfram được sử dụng chủ yếu trong sản xuất các hợp kim các-bua cứng hoặc các kim loại cứng, được dùng làm vật liệu chống mài mòn sử dụng trong các ngành công nghiệp gia công kim loại, khai thác mỏ, dầu khí và xây dựng. Vonfram là kim loại hầu như không thể thay thế trong một loạt các ứng dụng công nghiệp như sản xuất máy công cụ hiệu suất cao và các hợp kim thép, được sử dụng trong các ngành công nghiệp như ô tô, năng lượng, xây dựng, hàng không vũ trụ... Vonfram cũng được sử dụng trong các ứng dụng đa dạng về quân sự và sản xuất điện.

Mỏ Núi Pháo là mỏ đa kim có trữ lượng vonfram lớn nhất thế giới đang hoạt động bên ngoài Trung Quốc, và Nhóm công ty Masan Resources cũng là nhà sản xuất florit và bismut hàng đầu thế giới.





(Nguồn: MSR; CRU; báo cáo Somerley; Cục Khảo Sát Địa Chất Hoa Kỳ)

### Florit (CaF<sub>2</sub>)

Florit được sản xuất thành 2 loại chính:

- Acidspar, chứa ít nhất 97% CaF<sub>2</sub>. Sản phẩm chất lượng cao này được dùng để sản xuất axit flohydric (HF), được sử dụng trong sản xuất nhôm và chất bán dẫn. HF cũng được sử dụng trong sản xuất chất làm lạnh. mỏ Núi Pháo đang sản xuất acidspar; và
- Metspar, chứa ít nhất 60% CaF<sub>2</sub> và được sử dụng chủ yếu trong sản xuất thép để nâng cao chất lượng thép.

Tổng sản lượng florit của thế giới năm 2017 được ước tính vào khoảng 6 triệu tấn, trong đó Trung Quốc sản xuất hơn 60%.

### Bismut (Bi)

Bismut là nguyên tố không phóng xạ tự nhiên nặng nhất. Đây là một kim loại cơ bản trên trái đất với trữ lượng trên thế giới tương tự như với trữ lượng của bạc, và hầu như không bao giờ xuất hiện ở dạng tinh khiết. Bismut gần như hoàn toàn được sản xuất như một sản phẩm phụ trong quy trình chế biến chì, kẽm, đồng và vonfram. Bismut được sử dụng nhiều trong các ngành công nghiệp nhuộm, dược phẩm và mỹ phẩm. Kim loại này được sử dụng như sản phẩm thay thế cho chì trong các ứng dụng hàn, chống thấm và bơm. Gần đây, bismut đang dần thay thế chì trong nhiều ứng dụng sản phẩm.

Trung Quốc chiếm 50% sản lượng bismut trên toàn cầu. Trong trường hợp không có thêm nhà cung cấp bismut nào đi vào hoạt động trên toàn cầu, thì sự thâm hụt cung cầu dự kiến sẽ ngày càng gia tăng, điều này sẽ là tác nhân tích cực cho biến động tăng giá.

### Đồng (Cu)

Đồng là kim loại quan trọng với rất nhiều ứng dụng, được sử dụng rộng rãi trong ngành công nghiệp và trong sản xuất hàng hoá tiêu dùng. Trung Quốc là nước tiêu thụ đồng lớn nhất. Đồng cũng rất quan trọng trong các ứng dụng không dùng điện như hàn, tấm lợp, và khi kết hợp với kẽm, dùng để sản xuất đồng thau cho các ứng dụng công nghiệp và tiêu dùng. Hoạt động xây dựng chiếm 40% nhu cầu đồng trên thế giới.

Nhu cầu đối với đồng được ước tính sẽ tiếp tục tăng. Trung Quốc là nước đã có ảnh hưởng lớn nhất đến việc tăng nhu cầu này. Các lĩnh vực chính liên quan đến việc tăng nhu cầu này là hạ tầng, các phương tiện dùng điện và ngành năng lượng tái tạo.

### 3.1.2 Giá Trị Sản Xuất

Bảng dưới đây thể hiện khối lượng quặng được khai thác và chế biến, sản lượng của mỗi loại sản phẩm cho các giai đoạn được thể hiện:

	Mười hai tháng kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	Mười hai tháng kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	Mười hai tháng kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018	Ba tháng kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2019
Quặng được chế biến (theo tấn)	3.631.894	3.888.483	3.804.391	899.255
Sản lượng vonfram (quy về tấn kim loại)	6.357	6.762	5.871	1.245
Sản lượng florit (quy về tấn tinh chất)	214.894	230.107	233.886	52.124
Sản lượng đồng (quy về tấn kim loại)	8.122	8.498	9.331	1.979
Sản lượng bismut (quy về tấn kim loại)	2.306	2.646	2.567	578

### 3.1.3 Chi Tiết Doanh Thu Theo Sản Phẩm

Bảng dưới đây thể hiện chi tiết doanh thu của Tổ Chức Phát Hành và các công ty con đối với mỗi loại sản phẩm trong các giai đoạn được thể hiện:

Sản phẩm	Mười hai tháng kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016		Mười hai tháng kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017		Mười hai tháng kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018		Ba tháng kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2019	
	Doanh thu bán hàng	% Doanh thu	Doanh thu bán hàng	% Doanh thu	Doanh thu bán hàng	% Doanh thu	Doanh thu bán hàng	% Doanh thu
	(triệu VND)		(triệu VND)		(triệu VND)		(triệu VND)	
Vonfram	2.391.680	59,07	3.220.111	59,58	4.215.790	61,41	723.960	60,93
Florit	833.247	20,58	1.086.633	20,11	1.381.224	20,12	415.898	35,00
Đồng	619.614	15,30	734.678	13,59	942.301	13,73	-	-
Khác	204.277	5,05	363.223	6,72	325.696	4,74	48.355	4,07
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.048.817</b>	<b>100</b>	<b>5.404.645</b>	<b>100</b>	<b>6.865.011</b>	<b>100</b>	<b>1.188.213</b>	<b>100</b>

(Nguồn: BCTC hợp nhất được kiểm toán năm 2016, 2017 và 2018 của Tổ Chức Phát Hành; BCTC hợp nhất chưa kiểm toán quý 1/2019 của Tổ Chức Phát Hành)

Công Ty không phân bổ chi phí cho từng sản phẩm do không thể phân bổ chính xác chi phí khấu hao cũng như các chi phí khác như nhân công, chi phí nguyên vật liệu... cho từng sản phẩm nên không có chi tiết số liệu lợi nhuận trên từng sản phẩm.

### 3.2. Nguyên Vật Liệu

#### Nguồn nguyên liệu thô

Nguyên liệu thô cần thiết cho hoạt động sản xuất của Công Ty Núi Pháo bao gồm nguyên liệu thô cơ bản và hóa chất chuyên dùng trong hoạt động chế biến. Nhóm công ty Masan Resources đang mở rộng nguồn cung cấp, không chỉ mua nguyên liệu thô cơ bản mà còn mua một phần các hóa chất từ các nhà cung cấp trong nước, đảm bảo giá mua hợp lý và chất lượng phù hợp. Các hóa chất chuyên dùng còn lại được nhập khẩu từ các nhà cung cấp nước ngoài có quan hệ lâu dài, giá cả cạnh tranh và chất lượng được đảm bảo.

Bảng dưới đây thể hiện danh sách các nguyên liệu thô, các hóa chất và các nhà cung cấp chính của Công Ty Núi Pháo trong năm 2018:

Nguyên liệu thô	Nhà cung cấp trong nước	Nhà cung cấp nước ngoài
Sodium Carbonate	x	
Đá vôi	x	
Sodium Hydroxide	x	x
Bi nghiền quặng		x
PAX		x
Sodium Sulphite		x
Copper Sulphate		x
Chất tập hợp	x	x
Sodium Cyanide	x	
Chất tạo váng/bọt		x
Sodium Chloride	x	
Chất tăng xúc tác		x
Hydrogen Peroxide	x	
Bột sắt		x
Axit Sunphuric	x	

(Nguồn: Công Ty)

### Tính ổn định của các nguồn cung cấp

Nguyên liệu thô và một phần các hóa chất mà Công Ty Núi Pháo mua từ các nhà cung cấp trong nước (như sodium carbonate, đá vôi) nhìn chung là những nguyên liệu có sẵn các nhà cung cấp và thương nhân khác để thay thế nguồn cung cấp. Tổ Chức Phát Hành tin rằng điều này làm giảm các rủi ro trong chuỗi cung ứng trong trường hợp có bất kỳ gián đoạn nào trong việc cung cấp hoặc bất kỳ biến động nào về chất lượng các nguyên liệu. Nguyên liệu mà Công Ty Núi Pháo lấy từ các nhà cung cấp nước ngoài (như sodium hydroxide, PAX...) nhìn chung là những hóa chất chuyên dùng được sản xuất bởi các nhà sản xuất công nghiệp danh tiếng trên thị trường quốc tế.

Công Ty Núi Pháo đã ký kết các hợp đồng dài hạn, thông thường với thời hạn từ hai đến ba năm, với các nhà cung cấp trong nước và quốc tế để đảm bảo nguồn cung nguyên liệu thô dự kiến phù hợp với tiến độ giao hàng như đã thỏa thuận. Để giảm thiểu rủi ro về nguồn cung nguyên liệu thô, Công Ty Núi Pháo thường xuyên xem xét các nhà cung cấp thay thế tiềm năng khác mà có thể đáp ứng các yêu cầu về chất lượng và giao nhận cần thiết cho hoạt động kinh doanh của mình.

Nguyên liệu dự trữ được duy trì để đảm bảo đủ cho nhu cầu phục vụ hoạt động sản xuất, có tính đến thời gian hoàn thành việc sản xuất, giao hàng, thanh toán, thông quan nội địa bao gồm cả các thủ tục hải quan và vận chuyển đến khu vực dự án. Đối với các nhà cung cấp địa phương, Nhóm công ty Masan Resources chú trọng duy trì mức dự trữ nguyên liệu hợp lý. Ngoài ra, Nhóm công ty Masan Resources cũng duy trì danh sách các nhà cung cấp thay thế được chấp thuận để giảm thiểu rủi ro về nguồn cung nguyên liệu.

### Ảnh hưởng của giá nguyên liệu đối với doanh thu và lợi nhuận

Giá cả nguyên vật liệu không ảnh hưởng trọng yếu tới doanh thu và lợi nhuận của Tổ Chức Phát Hành do chi phí nguyên vật liệu chỉ chiếm khoảng 10% tổng chi phí và Tổ Chức Phát Hành đã duy trì ổn định được nguồn cung cấp nên chỉ bị ảnh hưởng rất nhỏ bởi biến động giá cả nguyên vật liệu.

Để giảm thiểu tác động của biến động giá nguyên liệu đối với kết quả hoạt động kinh doanh, Nhóm công ty Masan Resources ký kết các hợp đồng dài hạn, thông thường với thời hạn từ hai đến ba năm, với mức giá cố định. Trước khi các hợp đồng này hết hạn, Nhóm công ty Masan Resources tiến hành quy trình đấu thầu để có được giá tốt nhất trên thị trường trong khi vẫn bảo đảm được các yêu cầu về

## BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

chất lượng do Công Ty đưa ra, và hoàn thiện các hợp đồng mới trên cơ sở đó. Đối với bất kỳ nguyên liệu nào không có hợp đồng dài hạn, đấu thầu cạnh tranh sẽ được thực hiện và dựa trên chi phí, chất lượng và thời gian giao hàng, các đơn hàng giao ngay sẽ được áp dụng với giá thị trường để mang lại hiệu quả kinh tế cao nhất.

### 3.3. Chi Phí Sản Xuất, Tỷ Lệ Chi Phí/ Doanh Thu<sup>1</sup>

Bảng dưới đây thể hiện cơ cấu chi phí cho hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành.

Đơn vị: Triệu VND

Chỉ tiêu	2016		2017		2018		% tăng (giảm)	Quý 1/2019	
	Giá Trị	% Doanh Thu	Giá Trị	% Doanh Thu	Giá Trị	% Doanh Thu		Giá Trị	% Doanh Thu
Chi phí giá vốn hàng bán	2.945.556	72,75	3.713.763	68,71	4.703.549	68,51	26,65	833.905	70,18
Chi phí tài chính	966.861	23,88	1.137.924	21,05	1.204.830	17,55	5,88	306.423	25,79
Chi phí bán hàng	132.925	3,28	135.288	2,50	104.332	1,52	(22,88)	20.722	1,74
Chi phí quản lý doanh nghiệp	93.030	2,30	124.952	2,31	127.023	1,85	1,66	26.581	2,24
Chi phí khác	33.306	0,82	44.850	0,83	26.054	0,38	(41,91)	5.830	0,49
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.171.678</b>		<b>5.156.777</b>		<b>6.165.788</b>			<b>1.193.461</b>	

(Nguồn: BCTC hợp nhất được kiểm toán năm 2016, 2017 và 2018 của Tổ Chức Phát Hành; BCTC hợp nhất chưa kiểm toán quý 1/2019 của Tổ Chức Phát Hành)

Chi phí giá vốn hàng bán là chi phí chiếm tỷ lệ trọng yếu trong cơ cấu tổng chi phí trên doanh thu thuần của Tổ Chức Phát Hành. Chi phí giá vốn hàng bán chủ yếu bao gồm các chi phí nguyên liệu thô, công cụ dụng cụ, nhà thầu và khấu hao, ngoài ra còn bao gồm các chi phí nhân công, dịch vụ và các chi phí khác.

Nhóm công ty Masan Resources là nhà sản xuất vonfram, florit và bismut với chi phí thấp so với các đối thủ cạnh tranh của mình nhờ điều kiện địa chất thuận lợi trong vỉa khoáng sản của mỏ Núi Pháo. Mỏ Núi Pháo là mỏ lộ thiên nên dẫn đến chi phí khai thác thấp hơn và hệ số bóc đất đá tương đối thấp so với khai thác mỏ dưới lòng đất. Tổ Chức Phát Hành tin rằng chi phí sản xuất của mình thấp hơn các đối thủ cạnh tranh chính bên ngoài Trung Quốc, cụ thể là các nhà sản xuất tại Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha và Úc, do các dự án khai thác mỏ dưới lòng đất của nhà sản xuất này đòi hỏi chi phí sản xuất cao, chẳng hạn như quy trình khai thác phức tạp, chi phí cơ sở hạ tầng và chi phí nhân công cao hơn.

<sup>1</sup> Bao gồm cả doanh thu tài chính.

### 3.4. Trình Độ Công Nghệ

#### *Nhà máy chế biến khoáng sản*

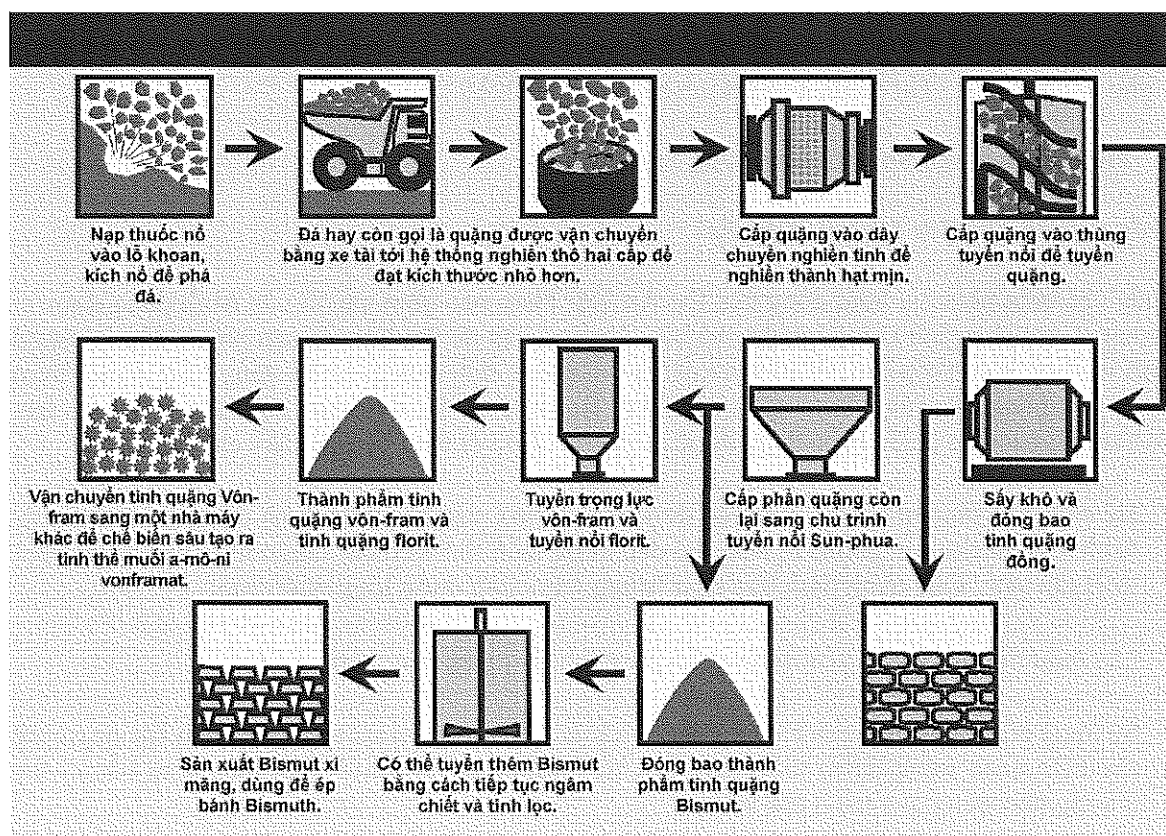
Nhà máy chế biến khoáng sản được thiết kế để chế biến 3,5 triệu tấn quặng nguyên khai một năm, được lắp đặt công nghệ tiên tiến nhất hiện có trong ngành công nghiệp chế biến khoáng sản từ các khâu nghiền thô, nghiền tinh, tuyển nổi sunfua (để sản xuất đồng) và tuyển nổi ôxít (để sản xuất florit cấp axit), tuyển trọng lực (để sản xuất tinh quặng vonfram), lọc và đông cứng clorua (để sản xuất bismut). Các quy trình sản xuất này được tích hợp và vận hành trong một chuỗi nối tiếp kéo dài 24 giờ mỗi ngày và 365 ngày mỗi năm. Chi tiết các giai đoạn vận hành như sau:

1. Chu trình nghiền thô hai giai đoạn: Chu trình nghiền thô biến quặng mỏ thành quặng nhỏ thông qua một quá trình nghiền hai giai đoạn.
2. Kho dự trữ và thu hồi quặng nhỏ: Quặng mịn từ chu trình nghiền thô được đưa vào một kho dự trữ hình nón mở. Quặng nhỏ được thu hồi từ kho dự trữ thông qua ba băng chuyền, đưa vào băng tải nghiền và chuyển quặng đến chu trình nghiền tinh.
3. Chu trình nghiền tinh bằng thanh nghiền hai giai đoạn: Chu trình nghiền tinh được thiết kế để xử lý 444 tấn/giờ từ quặng khô thành sản phẩm được nghiền mịn.
4. Chu trình tuyển nổi, khử nước cho tinh quặng và đóng gói đồng: Chu trình tuyển nổi đồng được thiết kế để tách đồng sunfua từ sản phẩm được nghiền mịn. Tinh quặng đồng cuối cùng sau khi tuyển nổi được bơm vào một bể lắng có tốc độ đồng tụ nhanh tại khu vực đầu ra của tinh quặng. Sau đó, tinh quặng cô đặc được tách nước bằng cách sử dụng một bộ đai lọc chân không. Sản phẩm sau khi lọc được đóng gói vào bao lớn tại trạm băng chuyền và đóng gói.
5. Chu trình tuyển nổi sunfua số lượng lớn: Quy trình tuyển nổi sunfua số lượng lớn (BSF) được thiết kế để tách khoáng chất sunfua, có chứa bismut và sắt, từ oxit vonfram và khoáng chất florit.
6. Chu trình tuyển trọng lực, làm giàu tinh quặng, sấy và đóng gói vonfram: quy trình tuyển trọng lực được thiết kế để thu hồi các khoáng chất vonfram, chủ yếu là khoáng Scheelite, từ dòng sản phẩm đầu ra của quy trình tuyển nổi sunfua. Sau quy trình làm giàu tinh quặng, tinh quặng vonfram đã tách nước được đưa vào máy sấy chạy bằng dầu diesel để loại bỏ hơi ẩm còn lại. Sau khi làm mát, thành phẩm tinh quặng vonfram được đóng gói vào bao lớn tại trạm đóng gói. Thành phẩm này là sản phẩm công nghiệp với tên giao dịch là ôxít vonfram thương phẩm.
7. Hóa chất vonfram: Tinh quặng vonfram từ chu trình tuyển trọng lực vonfram được tiếp tục chế biến sâu thành hóa chất vonfram có giá trị gia tăng tại nhà máy của MTC nằm ngay cạnh mỏ. Tinh quặng vonfram được sản xuất thành sản phẩm APT (muối Ammonium paratungstate) với hàm lượng cao qua quá trình chiết tách bằng hóa chất, tiếp đó là quá trình tinh chế vật lý và hóa học và cuối cùng là bước kết tinh. APT sau đó được đóng bao để xuất bán hoặc tiếp tục được xử lý tại lò nung để sản xuất ra BTO và YTO.
8. Chu trình tuyển nổi, lọc, luyện, và đóng gói bismut ximăng: quy trình tuyển nổi bismut được thiết kế để tách các khoáng chất giàu bismut từ tinh quặng BSF và đuôi quặng đồng được làm sạch. Tinh quặng bismut cuối cùng sau khi tuyển nổi được bơm vào một bể lắng có tốc độ đồng tụ nhanh tại khu vực xử lý tinh quặng. Tinh quặng cô đặc được tách nước bằng cách sử dụng một bộ đai lọc chân không. Bánh lọc sau đó được chuyển bằng băng chuyền xoắn ốc đa chiều đến giai đoạn lọc. Tinh quặng bismut tuyển nổi được lọc và làm sạch bằng phương pháp sử dụng muối (NaCl) và axit sulphuric ( $H_2SO_4$ ) trong quy trình lọc hai giai đoạn. Chất thải từ quy

trình luyện bismut ximăng có chứa  $H_2SO_4$  và  $NaCl$  còn lại được tái sử dụng để lọc bismut. Quy trình luyện bismut ximăng được tiến hành trên cơ sở hàng loạt trong một lò phản ứng dao động đơn. Sản phẩm bismut ximăng được lọc và rửa trong một bộ lọc áp lực nhỏ trước khi cân và đóng gói để giao hàng.

9. Quy trình xử lý chất thải từ chu trình lọc bismut: xử lý chất thải từ chu trình lọc bismut được yêu cầu để trung hòa axit và kết tủa kim loại nặng chứa trong chất thải trước khi thải ra ngoài.
10. Chu trình tuyển nổi florit, khử nước cho tinh quặng và lưu trữ: chu trình tuyển nổi florit được thiết kế để thu hồi calcium fluorite ( $CaF_2$ ) phẩm cấp cao cuối quy trình tuyển trọng lực vonfram. Sau khi chế biến, calcium fluorite cuối cùng được bơm vào một bể lắng tại khu vực đầu ra của dây chuyền chế biến. Thành phần florit cuối cùng được tách nước bằng quy trình lọc và lắng cặn tiêu chuẩn, sau đó được thu hồi từ kho dự trữ bằng máy xúc gàu ngược và được vận chuyển đến cảng bằng đường bộ và xà lan.
11. Quy trình trộn thuốc thử và lưu trữ: Các thuốc thử quan trọng được nhận và lưu trữ trong khu vực dự án. Các thiết bị trộn, lưu trữ và định lượng chuyên dụng được cung cấp cho mỗi thuốc thử.

Quá trình sản xuất các sản phẩm của Công Ty Núi Pháo được trình bày trong các biểu đồ dưới đây:



### 3.5. Tình Hình Nghiên Cứu Và Phát Triển Sản Phẩm Mới

Nhóm công ty Masan Resources vẫn đang tiếp tục tìm hiểu cách trích xuất các chất khoáng có giá trị kinh tế phụ trội từ quặng trong phạm vi được phép, cải tiến tỷ lệ thu hồi khoáng sản hiện có và giảm chi phí sản xuất. Nhóm công ty Masan Resources có kế hoạch tái đầu tư 1% doanh thu hàng năm cho hoạt động nghiên cứu phát triển, với chiến lược trở thành nhà sản xuất hóa chất công nghiệp

vonfram tích hợp lớn trên thế giới, chế biến các sản phẩm cacbua vonfram, bột kim loại vonfram, xi măng cacbua, sản phẩm máy phay và hóa chất công nghiệp.

Bên cạnh hoạt động nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới, Nhóm công ty Masan Resources cũng quan tâm nghiên cứu cải tiến quy trình sản xuất. Một số dự án quan trọng mà Nhóm công ty Masan Resources đã và đang tiến hành nhằm nâng cao hơn nữa hiệu suất nhà máy bao gồm:

- Dự án tăng tỷ lệ thu hồi vonfram đối với quặng đã nghiền mịn: sử dụng công nghệ ly tâm và thiết bị G-forces công suất cao để tăng tỷ lệ thu hồi vonfram dạng hạt mịn. Đây là công nghệ mới phát triển trong vài năm gần đây, đạt đến hiệu quả cao và áp dụng trong sản xuất với sản lượng lớn. Dự án đang được thực hiện với những kết quả bước đầu, dự kiến sẽ hoàn thành vào quý 2/2019;
- Dự án cải tiến công đoạn phân loại quặng đầu vào tăng năng suất và tỷ lệ thu hồi, hiện đang trong giai đoạn chạy thử, dự kiến hoàn thành vào quý 3/2019;
- Dự án tăng công suất trong công đoạn lắng và cô đặc đồng: đây là nút thắt trong dây chuyền đồng. Với việc tăng công suất của công đoạn lắng và cô đặc, sẽ làm tăng công suất của cả dây chuyền và tăng khối lượng sản phẩm đồng sản xuất được, dự án đã đạt được các kết quả bước đầu và dự kiến hoàn thành trong quý 2/2019; và
- Dự án nâng cấp dây chuyền Florit tăng khả năng đào thải sunfua, cải thiện tỷ lệ thu hồi; vận hành giai đoạn rửa bổ sung trong quy trình florit để giảm tạp chất bằng cách rửa và giảm các phụ gia hóa chất. Dự án đã hoàn thành trong quý 4/2018.

### **3.6. Tình Hình Kiểm Soát Chất Lượng Sản Phẩm**

#### ***Hệ Thống Quản Lý Chất Lượng Hiện Tại***

Nhà máy chế biến phục vụ hoạt động của Dự Án Núi Pháo bao gồm các tổ vận hành đang được sử dụng rộng rãi trong ngành công nghiệp chế biến khoáng sản để thu hồi các sản phẩm đồng, bismut, vonfram và florit phẩm cấp cao. Việc sản xuất ra sản phẩm chất lượng cao và đồng nhất là một trong những ưu tiên hàng đầu của Nhóm công ty Masan Resources. Để đảm bảo đạt được mục tiêu này, một số chương trình và chiến lược đang được thực hiện đối với toàn bộ nhà máy chế biến như:

- Để đảm bảo rằng nhà máy chế biến được tối ưu hóa, các quy trình hoạt động chi tiết từ vận hành thiết bị cho đến chuẩn bị mẫu thử đều được tuân thủ theo các chiến lược vận hành được thiết lập sẵn. Quy trình đảm bảo chất lượng này cũng được lồng ghép vào;
- Lấy mẫu thử thường xuyên trong suốt quy trình từ quặng đến thành phẩm;
- Sử dụng công nghệ phân tích quang phổ Mobile XRF để giám sát việc phân tích các quy trình chế biến quan trọng trong thời gian thực tế. Điều này cho phép phát hiện sớm bất kỳ bất thường nào trong quá trình chế biến;
- Thường xuyên tiến hành phân tích toàn diện quy trình chế biến đối với toàn bộ nhà máy chế biến trên cơ sở mỗi 4 giờ trong đó việc phân tích được hoàn thành tại các phòng thí nghiệm độc lập được công nhận được vận hành bởi Công Ty TNHH SGS Việt Nam (“SGS”) mà các phòng thí nghiệm này được đặt trong khu vực của Dự Án Núi Pháo;
- Từ năm 2013 đến nay, hơn 36.000 mẫu nước đã được lấy để phân tích và giám sát chất lượng môi trường;



- Phòng kiểm soát quy trình – luôn có người điều khiển, tất cả các quy trình đều được giám sát và mọi hoạt động được ghi lại trong Hệ Thống Điều Khiển Phân Tán ABB;
- Toàn bộ nhà máy chế biến được kiểm soát và giám sát từ một phòng điều khiển trung tâm sử dụng một Hệ Thống Điều Khiển Phân Tán ABB 800XA tích hợp. Phòng điều khiển luôn có người điều khiển tại mọi thời điểm để đảm bảo rằng thiết bị đang hoạt động phù hợp với các chiến lược vận hành được thiết lập sẵn;
- Các thông số thời gian thực và thay đổi quy trình được thực hiện bằng cách sử dụng Hệ Thống Điều Khiển Phân Tán được lưu trữ và dễ dàng được cung cấp để phân tích bằng cách sử dụng phần mềm thu thập dữ liệu Quản Lý Tri Thức ABB;
- Nhân sự vận hành có kinh nghiệm chuyên môn được bố trí khắp nhà máy để tăng cường giám sát quy trình và liên lạc bằng vô tuyến với phòng điều khiển trung tâm. Các nhân sự này cũng hoàn thành việc kiểm tra định kỳ và lập sổ ghi chép đối với tất cả các thiết bị và các thông số quan trọng của quá trình;
- Quản lý/giám sát có mặt trong nhà máy 24/7; và
- Sử dụng các chuyên gia của bên thứ ba để kiểm tra thường xuyên quá trình và quy trình được sử dụng bởi Công Ty Núi Pháo.

### ***Bộ Phận Kiểm Soát Chất Lượng***

Việc phân tích các mẫu thử được thực hiện bằng cách sử dụng phòng thí nghiệm tại chỗ của SGS, là một công ty cung cấp dịch vụ phân tích và chứng nhận độc lập. SGS được công nhận đạt tiêu chuẩn ISO17025 về hệ thống quản lý chất lượng áp dụng chuyên biệt cho phòng thử nghiệm do tổ chức quốc tế về tiêu chuẩn hóa ISO ban hành và do đó có chương trình giám sát và kiểm soát chất lượng nghiêm ngặt riêng của họ tại chỗ. Hơn nữa, SGS được công nhận đạt tiêu chuẩn phòng thí nghiệm VILAS bởi Văn Phòng Công Nhận Chất Lượng của Bộ Khoa Học và Công Nghệ Việt Nam và được chứng nhận kiểm soát chất lượng đối với tất cả các sản phẩm mà Công Ty Núi Pháo bán. Ngoài ra, SGS cung cấp trên cơ sở hàng quý các chứng nhận đối với sản phẩm được Tổ Chức Phát Hành sản xuất.

Nhà máy chế biến của Công Ty Núi Pháo và MTC được vận hành bởi một đội ngũ quản lý quốc tế là các chuyên gia công nghiệp với nhiều năm kinh nghiệm chế biến khoáng sản. Yếu tố này kết hợp với thiết kế nhà máy tinh vi và trình độ giám sát trực tuyến và tự động hóa quy trình chế biến cao cũng như chương trình đào tạo quan trọng cho nhân viên vận hành đảm bảo nhà máy chế biến luôn được vận hành phù hợp với quy trình đã được thống nhất để luôn sản xuất các sản phẩm chất lượng cao và đồng nhất như khách hàng của Nhóm công ty Masan Resources yêu cầu.

Nếu có bất kỳ xáo trộn quy trình nào xảy ra, nguyên nhân gốc rễ được xác định và giải quyết nhanh chóng trong khi bất kỳ thành phẩm nào mà có thể bị ảnh hưởng sẽ được cách ly để lấy mẫu thử bổ sung. Nếu có bất kỳ nghi ngờ nào về chất lượng của thành phẩm, thành phẩm đó sẽ được lưu trữ riêng biệt và xử lý phù hợp có tham vấn với bộ phận bán hàng.

Bộ phận bán hàng và tiếp thị làm việc chặt chẽ với đội ngũ quản lý chuỗi cung ứng để giao thành phẩm cho khách hàng của Nhóm công ty Masan Resources theo các loại hợp đồng với điều kiện giao hàng là FOB (miễn trách nhiệm trên boong tàu nơi đi) và CIF (giá sản phẩm bao gồm giá thành, bảo hiểm và cước phí vận chuyển), và các phương thức bán hàng nội địa mà thông thường được bán theo điều kiện giao hàng EXW tại địa điểm của Dự Án Núi Pháo. Như là một phần của chương trình bảo

đảm bảo chất lượng, các công ty giám định độc lập, ví dụ như AH Knight, được thuê thực hiện giám định lại các kết quả phân tích để giao nhận và vận chuyển hàng hóa. Tất cả dữ liệu về chất lượng sản phẩm và sản lượng đều được quản lý bằng phần mềm hoạch định nguồn lực doanh nghiệp của Nhóm công ty Masan Resources để đảm bảo tính toàn vẹn và minh bạch của dữ liệu.

### **3.7. Các Hoạt Động Tiếp Thị Và Bán Hàng**

Hiện nay, các sản phẩm đồng của Nhóm công ty Masan Resources được tiêu thụ trong Việt Nam. Vonfram, florit và bismut được xuất khẩu cho các khách hàng ở Châu Á, Bắc Mỹ, Châu Âu và Trung Đông. Bộ phận bán hàng và tiếp thị của Nhóm công ty Masan Resources được đặt tại Hà Nội. Nhóm công ty Masan Resources đã tạo dựng và duy trì mối quan hệ với mạng lưới các khách hàng quan trọng tại Việt Nam và trên toàn cầu. Nhu cầu đối với các sản phẩm của Dự Án Núi Pháo bắt nguồn từ chính chất lượng sản phẩm. Vonfram, florit, đồng và bismut là các nguyên liệu thiết yếu được sử dụng cho nhiều sản phẩm tiêu dùng hiện đại.

Sản phẩm của Nhóm công ty Masan Resources được bán cho các khách hàng thuộc nhiều phân khúc công nghiệp khác nhau như công nghiệp chế tạo máy, hóa chất, chế tạo hợp kim v.v... và thường là các khách hàng truyền thống theo các hợp đồng cung cấp dài hạn đã ký. Trong mọi trường hợp giá quốc tế được coi như là mức định giá cơ sở trong các công thức tính giá của hợp đồng bao gồm các khoản phí bảo đảm chất lượng sản phẩm cũng như các điều khoản thanh toán và giao hàng.

Chiến lược quản lý quan hệ khách hàng của Nhóm công ty Masan Resources là tiếp cận đối tác dài hạn, theo đó Nhóm công ty Masan Resources nỗ lực làm việc với nhân sự chủ chốt tại tất cả các cấp trong cơ cấu tổ chức của từng khách hàng, từ đó cho phép Nhóm công ty Masan Resources đưa ra giải pháp tốt nhất cho tất cả các bên. Như một phần trong chiến lược của Nhóm công ty Masan Resources, chúng tôi khuyến khích việc trao đổi phi độc quyền với các khách hàng để chia sẻ thông tin về phát triển sản phẩm, công nghệ chế biến và các yêu cầu chi tiết của khách hàng.

Bộ phận bán hàng và tiếp thị của Nhóm công ty Masan Resources làm việc chặt chẽ với bộ phận tài chính để thường xuyên xem xét hạn mức tín dụng cho tất cả các bên đối tác. Trong một số trường hợp, Nhóm công ty Masan Resources yêu cầu phải thanh toán trước hoặc có thư tín dụng; tuy nhiên các điều khoản thanh toán thường không quá 45 ngày kể từ ngày lập hóa đơn, để đảm bảo dòng tiền kịp thời.

Chiến lược quản lý quan hệ khách hàng của Nhóm công ty Masan Resources là mở rộng quan hệ với khách hàng trọng yếu để phát triển thêm nữa mạng lưới khách hàng tin cậy và đa dạng hoá khách hàng. Nhóm công ty Masan Resources khuyến khích trao đổi kỹ thuật với khách hàng nhằm chia sẻ thông tin quan trọng, bao gồm các kỹ thuật phân tích và phát triển sản phẩm. Hơn nữa, các lãnh đạo cấp cao trong Nhóm công ty Masan Resources đóng một vai trò tích cực trong việc phát triển mối quan hệ cấp cao với các khách hàng lớn, đặc biệt trong các ngành công nghiệp fluorit, bismut và vonfram.

### **3.8. Nhãn Hiệu Thương Mại, Đăng Ký Phát Minh Sáng Chế Và Bản Quyền**

Tính đến ngày lập Bản Công Bố Thông Tin này, Công Ty Núi Pháo và Công Ty đã đăng ký bảo hộ cho các nhãn hiệu sau:



Nhãn hiệu “NuiPhao Mining” của Công Ty Núi Pháo và hình ảnh theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Nhãn Hiệu số 170797 do Cục Sở Hữu Trí Tuệ Việt Nam cấp ngày 31 tháng 8 năm 2011; và



Nhãn hiệu “Masan Resources” của Công Ty theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Nhãn Hiệu số 198943 do Cục Sở Hữu Trí Tuệ Việt Nam cấp ngày 18 tháng 1 năm 2013.

Hiện tại, MSR và Công Ty Núi Pháo không có sáng chế hoặc bản quyền nào được đăng ký. Các sáng chế và bản quyền (nếu có) trong tương lai sẽ được đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền ngay sau khi hoàn thiện để đảm bảo và bảo vệ quyền lợi của Nhóm công ty Masan Resources.

### 3.9. Các Hợp Đồng Lớn Quan Trọng Đang Được Thực Hiện Hoặc Đã Được Ký Kết

TT	Khách hàng	Sản phẩm	Sản lượng	Thời gian	Giá trị hợp đồng	Thực hiện
1.	CMC Cometals (“CMC”), đã chuyển quyền lợi và nghĩa vụ cho Traxys Cometals Europe S.à.r.l.	Florit	Tối thiểu 200.000 tấn khô / năm	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thời hạn đầu là 6 năm tính từ ngày đạt công suất đầy đủ 12.000 mt/tháng trong 3 tháng liên tiếp (Từ ngày 1 tháng 3 năm 2015)</li> <li>Tự động gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2027</li> </ul>	Theo thỏa thuận 2 bên	Từ năm 2012
2.	5N Plus. Inc (“5NP”).	Bismut	Tối thiểu 2.500 tấn bismut / năm	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thời hạn đầu là 5 năm</li> <li>Tự động gia hạn thêm các 5 (năm) năm tiếp theo</li> </ul>	Theo thỏa thuận 2 bên	Từ năm 2013
3.	Công Ty TNHH Vonfram Masan	Vonfram	~100% sản lượng vonfram hàng năm	<ul style="list-style-type: none"> <li>Công Ty Núi Pháo và H.C. Starck đã thành lập liên doanh để cùng khai thác và bao tiêu 100% sản phẩm, hiện nay liên doanh đã trở thành công ty con do Công Ty Núi Pháo nắm giữ 99,99992% vốn điều lệ.</li> </ul>	Theo thỏa thuận 2 bên	Từ năm 2013
4.	Các đối tác Việt Nam	Đồng	~100% sản lượng đồng hàng năm	Theo thỏa thuận	Theo thỏa thuận	Từ năm 2013

Ghi chú:

- Đối với các hợp đồng bao tiêu Florit, Bismut, Vonfram: các hợp đồng được ký kết là các hợp đồng khung mang tính nguyên tắc. Tùy từng thời kỳ khi giá khoáng sản trên thế giới thay đổi, đơn giá các loại khoáng sản này sẽ được các bên thống nhất và sẽ áp dụng với từng lô hàng được bàn giao tại từng thời điểm.

2. Đối với sản phẩm đồng theo công suất thiết kế của nhà máy, lượng đồng khai thác được trong năm sẽ được Công Ty chủ động bán cho các đối tác trong nước theo giá cả tại từng thời điểm do hai bên thống nhất.

#### 4. Tình Hình Tài Chính Của Tổ Chức Phát Hành

##### 4.1. Tóm Tắt Một Số Chỉ Tiêu Hoạt Động Kinh Doanh Và Sản Xuất

Đơn vị: triệu VND

Mục	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Quý 1/2019
Tổng giá trị tài sản	26.535.498	27.144.211	27.949.126	28.216.819
Vốn chủ sở hữu	11.710.480	12.011.606	12.125.954	12.122.522
Doanh thu thuần	4.048.817	5.404.645	6.865.011	1.188.213
Doanh thu từ hoạt động tài chính	221.047	42.000	126.791	11.839
Lợi nhuận từ các hoạt động kinh doanh	131.492	334.718	852.068	12.421
Lợi nhuận/(Lỗ) khác	(30.927)	(42.595)	(23.956)	(4.862)
Lợi nhuận trước thuế	100.565	292.122	828.113	7.559
Lợi nhuận sau thuế	115.346	301.126	810.002	1.469
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế /Vốn chủ sở hữu bình quân <sup>2</sup>	-	1,77%	5,59%	-

(Nguồn: BCTC hợp nhất được kiểm toán năm 2016, 2017 và 2018 của Tổ Chức Phát Hành; BCTC hợp nhất chưa kiểm toán quý 1/2019 của Tổ Chức Phát Hành)

BCTC được kiểm toán năm 2016, 2017 và 2018 của Tổ Chức Phát Hành thể hiện ý kiến kiểm toán chấp thuận toàn bộ, BCTC đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành năm 2017 và năm 2018 đã có những chuyển biến tích cực. Cụ thể:

Mặc dù trên báo cáo riêng lẻ không thể hiện số doanh thu và lợi nhuận sau thuế khá nhỏ do Công Ty có vai trò tư vấn quản lý, các chỉ tiêu doanh thu thuần, lợi nhuận gộp, lợi nhuận sau thuế trên cơ sở hợp nhất của Công Ty như được thể hiện ở bảng số liệu trên đều cho thấy quy mô lớn và sự tăng trưởng vượt bậc. Doanh thu thuần hợp nhất trong năm 2017 và năm 2018 đạt được lần lượt là 5.405 tỷ VND và 6.865 tỷ VND, doanh thu thuần hợp nhất năm 2018 tăng 27% so với năm 2017. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất trong năm 2017 và 2018 là 301 tỷ VND và 810 tỷ VND, lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2018 tăng 169% so với năm 2017.

##### 4.2. Tình Hình Thanh Toán Các Khoản Nợ Đến Hạn

Các khoản nợ vay của Tổ Chức Phát Hành (bao gồm các khoản nợ trái phiếu đến hạn trong 3 năm gần nhất trước đợt phát hành Trái Phiếu) đều được thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong những năm qua. Các nghĩa vụ nợ khác như phải trả người bán, phải trả công nhân viên, phải trả phải nộp khác cũng được Công Ty chi trả đúng hạn và đầy đủ.

<sup>2</sup> Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế /Vốn chủ sở hữu bình quân được xác định trên cơ sở BCTC hợp nhất, trong đó lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu được xác định sau khi đã loại trừ lợi ích của cổ đông không kiểm soát.

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Đơn vị: triệu VND

Chỉ tiêu	Số dư tại 31/12/2016	Số dư tại 31/12/2017	Số dư tại 31/12/2018	Số dư tại 31/03/2019
<b>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</b>	<b>2.227.003</b>	<b>3.404.794</b>	<b>2.467.361</b>	<b>3.147.474</b>
Khoản vay ngân hàng (i)	1.637.111	1.793.193	2.467.361	3.147.474
Khoản vay từ một nhà đầu tư của một công ty con (ii)	570.681	603.938	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	19.210	1.007.663	-	-
<b>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>	<b>8.922.889</b>	<b>7.967.927</b>	<b>9.491.008</b>	<b>9.506.256</b>
Phát hành trái phiếu dài hạn (iii)	8.916.802	8.966.564	9.491.008	9.506.256
Nợ thuê tài chính dài hạn	25.298	9.026	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	(19.210)	(1.007.663)	-	-

(Nguồn: BCTC hợp nhất được kiểm toán năm 2016, 2017 và 2018 của Tổ Chức Phát Hành; BCTC hợp nhất chưa kiểm toán quý 1/2019 của Tổ Chức Phát Hành)

- (i) Bảng dưới đây liệt kê chi tiết các khoản vay ngân hàng của Tổ Chức Phát Hành và các công ty con đến thời điểm ngày 31 tháng 3 năm 2019:

STT	Mô tả công nợ	Loại tiền	Dư nợ tại 31/03/2019 (triệu VND)	Lãi suất (%/năm)	Tài sản bảo đảm
1	Khoản vay ngân hàng được đảm bảo	USD	1.055.832	3,88% đến 4,93%	+ Một phần phải thu ngắn hạn của NPM + 11,12% số cổ phiếu của Công ty do Công ty TNHH Tầm nhìn Masan nắm giữ
2	Khoản vay ngân hàng được đảm bảo	USD	234.673	4,5% đến 5,5%	Hàng tồn kho và một phần phải thu ngắn hạn của Công Ty Núi Pháo
3	Khoản vay ngân hàng được đảm bảo	VND	867.144	6,8% đến 7,3%	Hàng tồn kho và một phần phải thu ngắn hạn của Công Ty Núi Pháo
4	Khoản vay ngân hàng được đảm bảo	USD	881.122	5,0% đến 5,5%	11,12% số cổ phiếu của Công ty do Công ty TNHH Tầm nhìn Masan nắm giữ
5	Khoản vay ngân hàng được đảm bảo	USD	108.703	3,8% đến 3,9%	Một phần khoản phải thu ngắn hạn và các tài khoản của MTC
<b>Tổng cộng</b>			<b>3.147.474</b>		

- (ii) Bảng dưới đây liệt kê chi tiết các khoản trái phiếu của Tổ Chức Phát Hành và các công ty con đến thời điểm ngày 31 tháng 3 năm 2019:

**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

<b>TT</b>	<b>Mô tả công nợ</b>	<b>Bên vay</b>	<b>Bên cho vay</b>	<b>Khoản tiền nợ gốc (VND)</b>	<b>Năm đáo hạn</b>	<b>Lãi suất (Năm đầu, Biên độ các năm sau<sup>3</sup>)</b>	<b>Khoản nợ còn lại tại thời điểm 31/03/2019 (VND)</b>
1	Trái phiếu tiền đồng có bảo đảm	NPM	Trái chủ	1.000.000	2020	Cố định 9,5%	995.333
2	Trái phiếu tiền đồng có bảo đảm	NPM	Trái chủ	8.100.000	2020	8%; +3%	5.531.833
3	Trái phiếu tiền đồng có bảo đảm	NPM	Trái chủ	500.000	2023	10%; +3,25%	496.533
4	Trái phiếu tiền đồng có bảo đảm	MSR	Trái chủ	1.000.000	2021	9,8%; +3,2%	993.556
5	Trái phiếu tiền đồng có bảo đảm	MSR	Trái chủ	1.500.000	2023	10%; +3,25%	1.489.000

**4.3. Tình Hình Nộp Ngân Sách Nhà Nước**

Các loại thuế, phí, bảo hiểm phải nộp theo luật định đã được Tổ Chức Phát Hành thực hiện kê khai theo đúng các quy định hiện hành và được thanh toán cho cơ quan thuế đúng hạn. Chi tiết số dư các khoản thuế và các khoản phải nộp nhà nước như sau:

<b>Chi tiêu</b>	<b>31/12/2016</b>	<b>31/12/2017</b>	<b>31/12/2018</b>	<b>31/03/2019</b>
Thuế giá trị gia tăng	-	-	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.961	36.324	34.981	4.082
Thuế thu nhập cá nhân	25.566	34.813	29.783	38.763
Phí bảo vệ môi trường	-	-	-	-
Thuế tài nguyên	-	-	-	-
Các loại thuế khác	3.944	3.421	2.006	1.308
<b>Tổng</b>	<b>43.471</b>	<b>74.558</b>	<b>66.770</b>	<b>44.152</b>

**4.4. Trích Lập Các Quỹ Theo Quy Định**

Việc trích lập các quỹ được Công Ty thực hiện đầy đủ theo các quy định hiện hành.

<sup>3</sup> Lãi suất cho các năm tiếp theo được tính bằng bình quân lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của bốn ngân hàng thương mại có tên tuổi ở Việt Nam và cộng biên độ theo thỏa thuận.

**4.5. Tình Hình Công Nợ Hiện Nay**

**Các khoản phải thu:**

*Đơn vị: triệu VND*

Khoản mục	31/12/2016	31/12/2017	31/12/2018	31/03/2019
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>583.834</b>	<b>860.461</b>	<b>1.612.853</b>	<b>1.067.901</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	271.198	368.596	960.322	491.572
Trả trước cho người bán ngắn hạn	42.094	78.568	175.750	131.863
Phải thu ngắn hạn khác	277.397	420.152	476.781	444.465
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	(6.856)	(6.856)	-	-
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>1.379.458</b>	<b>1.346.794</b>	<b>1.335.308</b>	<b>1.335.392</b>
Phải thu dài hạn khác	1.379.458	1.346.794	1.335.308	1.335.392

**Các khoản phải trả:**

*Đơn vị: triệu VND*

Khoản mục	31/12/2016	31/12/2017	31/12/2018	31/03/2019
<b>Các khoản phải trả ngắn hạn</b>	<b>3.518.588</b>	<b>4.871.844</b>	<b>4.101.945</b>	<b>4.420.687</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	385.675	434.067	526.343	517.630
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	37.027	166.299	238.767	257.056
Thuế phải nộp Nhà nước	43.471	74.558	66.770	44.152
Phải trả người lao động	14	-	-	64
Chi phí phải trả ngắn hạn	794.223	788.206	734.808	451.344
Phải trả ngắn hạn khác	31.175	3.919	67.895	2.966

*(Nguồn: BCTC hợp nhất được kiểm toán năm 2017 và 2018 của Tổ Chức Phát Hành; BCTC hợp nhất chưa kiểm toán quý 1/2019 của Tổ Chức Phát Hành)*

**4.6. Các Chỉ Tiêu Tài Chính Chủ Yếu**

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Quý 1/2019
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (lần)</b>				
Hệ số thanh toán ngắn hạn:				
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	0,71	0,71	1,06	1,06
Hệ số thanh toán nhanh:				
(Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	0,39	0,42	0,66	0,45
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (lần)</b>				
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,56	0,56	0,57	0,57
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu <sup>4</sup>	0,95	0,95	0,99	1,04
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động (vòng)</b>				
Vòng luân chuyển hàng hoá:	2,68	2,64	3,08	-

<sup>4</sup> Giá trị nợ được sử dụng để tính toán hệ số nợ/vốn chủ sở hữu bao gồm số dư nợ vay ngắn hạn, nợ vay dài hạn và trái phiếu của Tổ Chức Phát Hành vào thời điểm kết thúc năm tài chính có liên quan

Giá vốn hàng bán/ Hàng tồn kho bình quân				
Vòng quay tài sản:				
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	0,15	0,20	0,25	-
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (%)</b>				
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	2,85%	3,81%	11,80%	0,12%
Lợi nhuận sau thuế /Vốn chủ sở hữu bình quân <sup>5</sup>	0,99%	1,77%	5,59%	-
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	0,43%	0,76%	2,41%	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	3,25%	6,19%	12,41%	1,05%

(Nguồn: BCTC hợp nhất được kiểm toán năm 2016, 2017 và 2018 của Tổ Chức Phát Hành; BCTC hợp nhất chưa kiểm toán quý 1/2019 của Tổ Chức Phát Hành)

➤ **Về khả năng thanh toán:**

Khả năng thanh toán các nghĩa vụ đến hạn của Tổ Chức Phát Hành cuối năm 2017 được duy trì so với năm 2016. Hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh của Tổ Chức Phát Hành năm 2017 ở mức khá thấp đạt 0,7 lần và 0,4 lần do việc đến hạn khoản phải trả cho hợp đồng hợp tác kinh doanh với TNTI. Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, bằng việc cân đối lại nguồn vốn ngắn hạn và dài hạn, Công Ty đã cải thiện các chỉ số này, lần lượt ở mức 1,06 lần và 0,66 lần.

➤ **Về cơ cấu vốn:**

Các chỉ tiêu về nợ như tỷ lệ Nợ/Tổng tài sản và Nợ/Vốn chủ sở hữu của Tổ Chức Phát Hành cuối năm 2017 được duy trì so với năm 2016. Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018 các chỉ số này tăng từ 0,56 và 0,95 vào năm 2017 lên 0,57 và 0,99 vào năm 2018, nguyên nhân chủ yếu là do tăng dư nợ trái phiếu.

➤ **Về năng lực hoạt động:**

Chỉ tiêu vòng quay hàng tồn kho của Tổ Chức Phát Hành giảm nhẹ từ 2,68 vòng vào năm 2016 xuống 2,64 vòng vào năm 2017. Tổ Chức Phát Hành đang thực hiện các chính sách kiểm soát và quản lý hàng tồn kho để đảm bảo chỉ số này duy trì ở mức an toàn. Hệ số vòng quay tổng tài sản của Tổ Chức Phát Hành được cải thiện trong năm 2017 từ 0,15 lần lên 0,20 lần. Tại năm 2018, vòng quay hàng tồn kho và vòng quay tổng tài sản tiếp tục được cải thiện ở mức lần lượt là 3,08 lần và 0,25 lần.

➤ **Về khả năng sinh lời:**

Do các ảnh hưởng tích cực từ giá bán và sản lượng bán các sản phẩm của Tổ Chức Phát Hành, các chỉ tiêu về khả năng sinh lời cũng được cải thiện trong năm 2017 như lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu bình quân đạt 1,77%, cao hơn mức 0,99% năm 2016, và năm 2018 các chỉ tiêu này đã tăng lên đáng kể đạt mức 5,59%. Biên lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh cải thiện từ mức 3,25% vào năm 2016 lên đến 12,41% vào năm 2018, và chỉ số lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản cải thiện đáng kể từ mức 0,43% năm 2016 lên 2,41% vào năm 2018. Việc mua lại 49% phần vốn góp của H.C.Starck GmbH tại MTC

<sup>5</sup> Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân được xác định trên cơ sở BCTC hợp nhất, trong đó lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu được xác định sau khi đã loại trừ lợi ích của cổ đông không kiểm soát.



để sở hữu toàn bộ công nghệ chế biến tiên tiến là bước đi chiến lược của Công Ty Núi Pháo trong việc gia tăng lợi ích và cải thiện vị thế tài chính của Công Ty.

#### 4.7. Hội Đồng Quản Trị, Ban Giám Đốc, Ban Kiểm Soát, Kế Toán Trưởng

##### 4.7.1 Hội Đồng Quản Trị

Bảng dưới đây thể hiện thông tin về HĐQT của Tổ Chức Phát Hành:

Tên	Năm sinh	CMND/Số Hộ Chiếu	Chức vụ
Ông Danny Le	1984	565709439	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Thiệu Nam	1970	025222887	Phó Chủ tịch thứ nhất HĐQT
Ông Nguyễn Đăng Quang	1963	022948090	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Văn Thắng	1957	090470619	Thành viên HĐQT
Ông Craig Richard Bradshaw	1971	PE0407775	Thành viên HĐQT

##### Ông Danny Le – Chủ tịch HĐQT

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 13/7/1984
- Số Hộ chiếu : 565709439
- Quốc tịch : Mỹ
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân, Đại học Bowdoin
- Quá trình công tác : 2006 – 2010: Morgan Stanley - Chuyên viên phân tích, Bộ phận Ngân hàng Đầu tư  
2010 – nay: Masan Group - Giám đốc Chiến Lược và Phát Triển
- Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ Chức Phát Hành : Chủ tịch HĐQT
- Chức vụ tại tổ chức khác : Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science;  
Thành viên Hội đồng Quản trị - Công ty Cổ phần Việt - Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc;  
Thành viên Hội đồng Quản trị - Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế;  
Thành viên Hội đồng Quản trị - Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan;  
Thành viên Hội đồng Thành viên - Công ty TNHH MasanConsumerHoldings;  
Thành viên Hội đồng Thành viên - Công ty TNHH Masan Brewery; và  
Thành viên Hội đồng Thành viên – NPM.
- Lợi ích liên quan đến Tổ Chức Phát Hành : Không

## BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

---

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Tổ Chức Phát Hành : Không
- Các khoản nợ đối với Tổ Chức Phát Hành : Không
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần MSR của bản thân (tính trên số lượng cổ phiếu đang lưu hành) : 0%
- Thù lao và các khoản lợi ích khác : Không

### Ông Nguyễn Thiều Nam – Phó Chủ tịch thứ nhất HĐQT

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 11/12/1970
- Số Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu : 025222887
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ chuyên môn : Cử Nhân Kinh Tế, Đại Học Thương Mại Việt Nam
- Quá trình công tác : 2/2018 – nay: Thành viên HĐQT Công ty TNHH MasanConsumerHoldings;  
3/2015 – 8/2015: Chủ Tịch Công ty TNHH MTV Masan Brewery PY;  
2/2015 – nay: Chủ tịch Công ty TNHH MTV Masan Brewery Distribution;  
2/2015 – 8/2015: Chủ Tịch Công ty TNHH MTV Masan Brewery HG;  
9/2014 – 8/2015: Chủ Tịch Công ty TNHH Lamka Master Brewer;  
2013 – nay: Thành viên và Phó Chủ tịch thứ nhất HĐQT tại Tổ Chức Phát Hành;  
2011 – nay: Chủ Tịch Công ty TNHH MTV Xây Dựng Hoa Hướng Dương;  
2010 – nay: Thành viên và Chủ tịch HĐQT – Công Ty Núi Pháo;  
2009 – nay: Thành viên HĐQT và phó TGD – MSN;  
2009 – 2017: Chủ tịch Công ty TNHH MasanConsumerHoldings;  
2009 – nay: Chủ tịch Công ty TNHH Masan Brewery;  
11/2008 – nay: Phó TGD – Công ty CP Masan;  
2007 – nay: Thành viên HĐQT – Công ty CP XD số 3 Hải Phòng;  
2005 – nay: Thành viên HĐQT – Công ty CP Masan  
2003 – 2005: Phó Tổng Giám Đốc – Công Ty Đầu Tư Masan;  
2002 – 2009: Thành viên HĐQT của Công ty CP Hàng Tiêu Dùng Masan;  
1997 – 2002: Tổng Giám Đốc Công ty CP Việt Tiến; và  
1993 – 1997: Giám đốc Công ty CP Dạ Mỹ.
- Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ Chức Phát Hành : Phó Chủ tịch thứ nhất HĐQT

## BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

- Chức vụ tại tổ chức khác : - Thành viên HĐQT và phó TGD – Công ty CP Tập đoàn Masan;  
- Thành viên HĐQT Công ty TNHH MasanConsumerHoldings;  
- Chủ tịch Công ty TNHH Masan Brewery;  
- Chủ tịch HĐQT – Công Ty Núi Pháo; và  
- Chủ tịch công ty của Công ty TNHH MTV Xây dựng Hoa Hướng Dương, Masan Brewery Distribution, Masan Brewery PY, Masan Brewery HG và Masan Master Brewer.
- Lợi ích liên quan đến Tổ Chức Phát Hành : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Tổ Chức Phát Hành : Không
- Các khoản nợ đối với Tổ Chức Phát Hành : Không
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần MSR của bản thân (tính trên số lượng cổ phiếu đang lưu hành) : 0,10%
- Thù lao và các khoản lợi ích khác : Không

### TS. Nguyễn Đăng Quang – Thành viên HĐQT

- Họ và tên : Nguyễn Đăng Quang
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 23/08/1963
- Số Chứng minh nhân dân : 022948090
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ chuyên môn : Tiến sĩ Khoa học Kỹ thuật của Đại học Vật lý Ứng dụng thuộc Viện Hàn Lâm Khoa Học Belarus và bằng Thạc sĩ Quản lý và Quản trị Kinh doanh của Đại học Kinh tế Nga Plekhanov.
- Quá trình công tác : 2016 – nay: Thành viên HĐQT tại Tổ Chức Phát Hành;  
7/2013 – nay: Tổng giám đốc – MSN;  
2010 – 2019: Chủ Tịch HĐQT tại Công Ty Núi Pháo;  
2008 – nay: Phó Chủ Tịch thứ nhất HĐQT – Ngân Hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank);  
2004 – nay: Chủ Tịch HĐQT – MSN;  
2000 – nay: Chủ Tịch HĐQT – Công ty Cổ phần Masan;  
2000 – nay: Chủ Tịch HĐQT – Công ty Cổ phần Hàng Tiêu Dùng Masan;  
1999 – 2000: Phó chủ tịch HĐQT – Techcombank;  
1995 – 1998: Phó TGD – Techcombank;  
1991 – 1994: Cán bộ - Viện khoa học Việt Nam.
- Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ Chức Phát Hành : Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác : - Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc của MSN;  
- Thành viên Hội đồng Quản trị của Công Ty Cổ Phần Hàng Tiêu Dùng Masan;

- Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Masan; và
- Phó Chủ tịch thứ nhất Hội đồng Quản trị của Techcombank.
- Lợi ích liên quan đến Tổ Chức Phát Hành : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Tổ Chức Phát Hành : Không
- Các khoản nợ đối với Tổ Chức Phát Hành : Không
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần MSR của bản thân (tính trên số lượng cổ phiếu đang lưu hành) : 0%
- Thù lao và các khoản lợi ích khác : Không

**Ông Nguyễn Văn Thắng – Thành viên HĐQT**

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 14/9/1957
- Số Chứng minh nhân dân : 090470619
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế - Đại Học Tài Chính Kế Toán, Việt Nam
- Quá trình công tác : Tháng 4/2016 – nay: Thành viên Hội đồng Quản trị - Tổ Chức Phát Hành;  
2014 – nay: Chủ tịch Hội đồng Thành viên – Công ty TNHH Vonfram Masan;  
2010 – nay: Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị - Công ty Cổ phần Khoáng sản An Khánh;  
2010 – nay: Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị - Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghiệp An Khánh;  
2010 – nay: Phó Chủ tịch Hội đồng Thành viên – Công ty Núi Pháo;  
2007 – nay: Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị - Công ty Cổ phần Nhiệt điện An Khánh;  
2007 – nay: Phó Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị - Công ty Cổ phần Tập đoàn Baltic Titan;  
2006 – nay: Phó Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên - Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Đầu tư Thái Nguyên (INTRACORP);  
2005 – 2010: Phó Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên - Công ty Liên doanh Khai thác và Chế biến Khoáng sản Núi Pháo (Nuiphaovica);  
1993 – 2004: Giám đốc Chi nhánh Thái Nguyên và Chi nhánh Tuyên Quang - Công ty Xuất nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội (Geleximco).
- Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ Chức Phát Hành : Thành viên HĐQT
- Chức vụ tại tổ chức khác : - Phó Chủ tịch Hội đồng Thành viên – Công Ty Núi Pháo;

## BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

- Chủ tịch Hội đồng Thành viên – Công ty TNHH Vonfram Masan;
  - Phó Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên - Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Đầu tư Thái Nguyên (INTRACORP);
  - Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị - Công ty Cổ phần Nhiệt điện An Khánh;
  - Phó Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị - Công ty Cổ phần Tập đoàn Baltic Titan;
  - Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị - Công ty Cổ phần Khoáng sản An Khánh;
  - Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị - Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghiệp An Khánh.
- Lợi ích liên quan đến Tổ Chức Phát Hành : Không
  - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Tổ Chức Phát Hành : Không
  - Các khoản nợ đối với Tổ Chức Phát Hành : Không
  - Tỷ lệ sở hữu cổ phần MSR của bản thân (tính trên số lượng cổ phiếu đang lưu hành) : 0%
  - Thù lao và các khoản lợi ích khác : Không

### Ông Craig Richard Bradshaw – Thành viên HĐQT

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 28/9/1971
- Số Hộ chiếu : PE0407775
- Quốc tịch : Australia
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh doanh, Đại học Southern Queensland, Úc
- Quá trình công tác : Từ 8/2017 – nay : Tổng Giám Đốc – Tổ Chức Phát Hành;  
Tháng 5/2015 – nay: Tổng Giám Đốc - Công Ty Núi Pháo;  
2011 – 2015: Giám Đốc Vận Hành - Công Ty Núi Pháo;  
Trước 2011: Tổng Giám đốc Toàn quốc - Toll tại Thái Lan; Giám Đốc Thương Mại Cao Cấp - Lane Xang Minerals Ltd.
- Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ Chức Phát Hành : Tổng Giám Đốc
- Chức vụ tại tổ chức khác : Tổng Giám Đốc Công Ty Núi Pháo
- Lợi ích liên quan đến Tổ Chức Phát Hành : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Tổ Chức Phát Hành : Không
- Các khoản nợ đối với Tổ Chức Phát Hành : Không

## BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

- Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu MSR của bản thân (tính trên số lượng cổ phần đang lưu hành) : 0,42%
- Thù lao và các khoản lợi ích khác : Không

### 4.7.2 Ban Kiểm Soát

Bảng dưới đây thể hiện thông tin về Ban Kiểm Soát của Tổ Chức Phát Hành:

Tên	Năm sinh	CMND/Số Hộ Chiếu	Chức vụ
Bà Đoàn Thị Mỹ Duyên	1985	215000512	Trưởng Ban Kiểm Soát
Ông Nguyễn Quỳnh Lâm	1965	050319982	Thành Viên
Bà Phạm Quỳnh Nga	1991	024743944	Thành Viên

#### Bà Đoàn Thị Mỹ Duyên – Trưởng Ban Kiểm Soát

- Họ và tên : Đoàn Thị Mỹ Duyên
- Giới tính : Nữ
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ từ Đại học Kinh tế Thành Phố Hồ Chí Minh, thành viên của Hiệp hội Kế toán Công chứng Vương quốc Anh
- Quá trình công tác : 5/2016 – nay: Thành viên Ban Kiểm soát - Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc Sản (Vissan);  
4/2016 – nay: Trưởng Ban Kiểm soát - Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science;  
4/2016 – nay: Trưởng Ban Kiểm soát - Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan;  
4/2013 – nay: Thành viên Ban Kiểm soát - Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan;  
4/2012 – nay: Thành viên Ban Kiểm soát - Công ty CP Việt Pháp Sản Xuất Thức Ăn Gia Súc;  
2012 – nay: Kế toán trưởng - Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan;  
2011 – 2012: Trưởng Phòng Tài chính - Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan;  
2007 – 2011: Phó Phòng Kiểm toán - KPMG Việt Nam.
- Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ Chức Phát Hành : Trưởng Ban Kiểm Soát
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác :
  - Kế Toán Trưởng của MSN;
  - Thành viên Ban Kiểm Soát của Proconco, Masan Consumer, Vissan;
  - Trưởng Ban Kiểm Soát của Masan Nutri-Science, ANCO.
- Lợi ích liên quan đến Tổ Chức Phát Hành : Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Tổ Chức Phát Hành : Không có

## BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

- Các khoản nợ đối với Tổ Chức Phát Hành : Không có
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần MSR của bản thân (tính trên số lượng cổ phần đang lưu hành) : 0%
- Thù lao và các khoản lợi ích khác : Không có

### Ông Nguyễn Quỳnh Lâm – Thành viên Ban Kiểm Soát

- Giới tính : Nam
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ chuyên môn : Cử Nhân Kinh Tế của trường Đại Học Mỏ Địa Chất
- Quá trình công tác : 2016 – nay: Thành viên Ban Kiểm soát – Tổ Chức Phát Hành;  
2009 – nay: Trưởng Ban Kiểm soát – Công ty Cổ phần hàng tiêu dùng Masan (Masan Consumer);  
2013 – nay: Trưởng Ban Kiểm soát - Masan Consumer;  
2009 – 2013: Thành viên Ban Kiểm soát – Masan Consumer;  
2001 – nay: Chuyên viên Tài chính Cấp cao – Masan Corporation;  
2001 – nay: Kế toán trưởng - Công ty Cổ phần Bất động sản Masan;  
1998 – 2001: Kế toán trưởng - Công ty Cổ phần Thương mại La Giang;  
1994 – 1997: Kế toán trưởng - Công ty Cổ phần Đa My.
- Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ Chức Phát Hành : Thành viên ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác : Trưởng Ban Kiểm soát của Masan Consumer; Kế Toán Trưởng của Công Ty Cổ Phần Bất Động Sản Masan
- Lợi ích liên quan đến Tổ Chức Phát Hành : Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Tổ Chức Phát Hành : Không có
- Các khoản nợ đối với Tổ Chức Phát Hành : Không có
- Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu MSR của bản thân (tính trên số lượng cổ phần đang lưu hành) : 0,01%
- Thù lao và các khoản lợi ích khác : Không có

### Bà Phạm Quỳnh Nga – Thành Viên Ban Kiểm Soát

- Họ và tên : Phạm Quỳnh Nga
- Giới tính : Nữ
- Quốc tịch : Việt Nam

## BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

- Trình độ chuyên môn : Kế toán/Kiểm toán (chứng chỉ CPA Australia)
- Quá trình công tác : 2017 – nay: Thành viên Ban Kiểm Soát, Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science;  
2015 – nay: Nhân viên Kế toán Cấp cao, Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan;  
2014-2015: Trưởng nhóm Kiểm toán, KPMG Việt Nam;  
2012-2014: Trợ lý Kiểm toán, KPMG Việt Nam.
- Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ Chức Phát Hành : Thành viên Ban Kiểm Soát
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác : Thành viên Ban Kiểm Soát, Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science và Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế;  
Nhân viên Kế toán Cấp cao, Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan;
- Lợi ích liên quan đến Tổ Chức Phát Hành : Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Tổ Chức Phát Hành : Không có
- Các khoản nợ đối với Tổ Chức Phát Hành : Không có
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần MSR của bản thân và những người có liên quan (tính trên số lượng cổ phần đang lưu hành) : 0%
- Thù lao và các khoản lợi ích khác : Không có

### 4.7.3 Ban Giám Đốc

Dưới đây là các thành viên Ban Giám Đốc của Tổ Chức Phát Hành tại ngày phát hành Bản Công Bố Thông Tin này:

Tên	Năm sinh	CMND/Số Hộ Chiếu	Chức vụ
Ông Craig Richard Bradshaw	1971	PE0407775	Tổng Giám Đốc

Vui lòng xem thông tin chi tiết của ông Craig Richard Bradshaw tại Mục II.4.7.1 bên trên.

### 4.7.4 Kế Toán Trưởng

Bà Nguyễn Thị Thanh Mai nắm giữ chức vụ kế toán trưởng của Tổ Chức Phát Hành tại ngày ban hành Bản Công Bố Thông Tin này.

#### Bà Nguyễn Thị Thanh Mai – Kế toán trưởng

- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 21/01/1974
- Số Chứng minh nhân dân : 011670372
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế toán – ĐH Kinh tế Quốc Dân  
Chứng chỉ Kiểm toán viên – Bộ Tài chính



## BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

---

- Quá trình công tác : 6/2018 – nay: Kế Toán Trưởng – Công ty Núi Pháo;  
6/2018 – nay: Kế Toán Trưởng – MSR;  
6/2018 – nay: Kế Toán Trưởng – MRTN;  
11/2005 – 4/2018: Kế Toán Trưởng – Công ty TNHH Mỏ Nikel Bản Phúc;  
9/1995 – 10/2005: Kiểm toán viên, Trưởng nhóm, Giám sát kiểm toán, Phó Giám đốc Kiểm toán – Công ty TNHH Arthur Andersen Việt Nam và Công ty TNHH KPMG Việt Nam.
- Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ Chức Phát Hành : Kế Toán Trưởng
- Chức vụ tại tổ chức khác : Kế Toán Trưởng tại Công Ty Núi Pháo, MTC và MRTN
  
- Lợi ích liên quan đến Tổ Chức Phát Hành : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Tổ Chức Phát Hành : Không
- Các khoản nợ đối với Tổ Chức Phát Hành : Không
- Tỷ lệ sở hữu phần vốn góp tại Tổ Chức Phát Hành của bản thân : Không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác : Không

### III. THÔNG TIN VỀ ĐỢT PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU

Mục III này chỉ trình bày tóm tắt các điều khoản và điều kiện cơ bản của các Trái Phiếu (mà không phải toàn bộ các điều khoản và điều kiện của các Trái Phiếu) cho mục đích công bố thông tin về kế hoạch phát hành dự kiến theo quy định tại Nghị Định 163. Các điều khoản và điều kiện chi tiết của các Trái Phiếu (sau đây gọi là “**Các Điều Kiện Trái Phiếu**”) được quy định tại Phụ Lục I của Hợp đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu số 01/2019/BHA/MSR-TCBS được ký kết giữa Tổ Chức Phát Hành và Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu vào hoặc vào khoảng ngày phát hành (“**Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu**”).

1. **Căn cứ pháp lý của đợt phát hành:** Nghị Định 163.
2. **Việc đáp ứng các điều kiện phát hành trái phiếu của doanh nghiệp:** Theo quy định tại Khoản 1 Điều 10 của Nghị Định 163:
  - **Thời gian hoạt động của Tổ Chức Phát Hành:** Tổ Chức Phát Hành chính thức thành lập và hoạt động từ tháng 4 năm 2010 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0309966889 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27 tháng 4 năm 2010, được sửa đổi bổ sung tùy từng thời điểm.
  - **Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm trước liền kề năm phát hành (căn cứ theo BCTC năm 2018 được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG):** vui lòng xem thông tin chi tiết tại Mục II.4, Phần 2 “*Tình Hình Tài Chính Của Tổ Chức Phát Hành*”.
  - **Số lượng nhà đầu tư đăng ký mua trái phiếu của đợt phát hành:** dưới 100 (một trăm) nhà đầu tư, không kể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp.
  - **Phương án phát hành Trái Phiếu đã được phê duyệt tại:** Nghị quyết số 94/2019/NQ- HĐQT ngày 10 tháng 5 năm 2019 của HĐQT Tổ Chức Phát Hành.
  - **Tình hình thanh toán các khoản nợ trái phiếu đến hạn trong 03 (ba) năm liền kề trước đợt phát hành trái phiếu:** Tổ Chức Phát Hành đã thanh toán đầy đủ gốc và lãi của các trái phiếu đã phát hành trong 03 (ba) năm liền kề trước đợt phát hành Trái Phiếu.
  - **Việc đáp ứng các tỷ lệ an toàn hoạt động theo quy định pháp luật:** không áp dụng.
  - **Hợp đồng bảo lãnh phát hành số 01/2019/BLPH/TCBS-MSR ký ngày 10 tháng 5 năm 2019 giữa Tổ Chức Phát Hành và Tổ Chức Bảo Lãnh Phát Hành theo hình thức cố gắng tối đa.**
3. **Mục đích của đợt phát hành Trái Phiếu:**

Toàn bộ số tiền thu được từ các đợt phát hành Trái Phiếu sẽ được sử dụng vào mục đích sau:

  - tăng quy mô vốn hoạt động của Tổ Chức Phát Hành; và/hoặc
  - thực hiện các chương trình, dự án đầu tư của Tổ Chức Phát Hành.
4. **Tổng giá trị trái phiếu dự kiến phát hành:** tối đa 500.000.000.000 VND (năm trăm tỷ đồng).

5. **Các điều kiện, điều khoản chính của Trái Phiếu** (theo quy định tại Điều 6 của Nghị Định 163):

- Kỳ hạn Trái Phiếu: 60 (sáu mươi) tháng kể từ ngày phát hành.
- Mệnh giá: 100.000 VND (Một trăm nghìn Đồng)/Trái Phiếu.
- Loại hình trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, được bảo đảm và không phải là nợ thứ cấp của Tổ Chức Phát Hành.
- Hình thức trái phiếu: các Trái Phiếu được phát hành dưới hình thức bút toán ghi sổ.
- Lãi suất danh nghĩa dự kiến (“**Lãi Suất**”):
  - đối với 2 (hai) Kỳ Tính Lãi đầu tiên, Lãi Suất bằng 10,2% (mười phẩy hai phần trăm) một năm; và
  - đối với mỗi Kỳ Tính Lãi sau 2 (hai) Kỳ Tính Lãi đầu tiên, Lãi Suất bằng Lãi Suất Tham Chiếu của Kỳ Tính Lãi đó cộng với 3,3% (ba phẩy ba phần trăm) một năm.

“**Lãi Suất Tham Chiếu**” có nghĩa, đối với mỗi Kỳ Tính Lãi sau 2 (hai) Kỳ Tính Lãi đầu tiên, là trung bình cộng của lãi suất tiền gửi áp dụng đối với các khoản tiền gửi tiết kiệm cá nhân với lãi trả sau bằng tiền Đồng kỳ hạn 12 (mười hai) tháng (hoặc tương đương) do Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Sở Giao Dịch, Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi Nhánh Thành Phố Hà Nội, Ngân Hàng Nông Nghiệp Và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam – Sở Giao Dịch, và Ngân Hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam – Chi Nhánh Sở Giao Dịch 1 công bố vào Ngày Làm Việc thứ 7 (bảy) trước ngày đầu tiên của Kỳ Tính Lãi đó. Để làm rõ, (i) lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân để tính Lãi Suất Tham Chiếu nêu trên là lãi suất áp dụng chung (mà không chỉ áp dụng cho một hoặc một số đối tượng cụ thể) và (ii) trong trường hợp đặc biệt khi Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu không xác định được hoặc không có cơ sở để xác định một hay nhiều mức lãi suất tiền gửi nêu trên, Lãi Suất Tham Chiếu sẽ được xác định theo quy định có liên quan của Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu. Lãi Suất Tham Chiếu sẽ được làm tròn đến ba chữ số ở phần thập phân (nếu không phải là số nguyên), và được Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thông báo cho Tổ Chức Phát Hành và các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu; và

“**Kỳ Tính Lãi**” có nghĩa là mỗi giai đoạn kéo dài 6 (sáu) tháng liên tục từ ngày phát hành cho đến Ngày Đáo Hạn. Để tránh nhầm lẫn, Kỳ Tính Lãi đầu tiên sẽ bắt đầu vào ngày phát hành và mỗi Kỳ Tính Lãi tiếp theo sẽ bắt đầu vào ngày liền sau ngày kết thúc Kỳ Tính Lãi liền trước đó.

Nếu Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật áp dụng đối với loại chứng khoán tương tự Trái Phiếu có quy định mức tối đa đối với Lãi Suất mà mức tối đa đó thấp hơn Lãi Suất quy định tại câu liền trước thì mức lãi suất tối đa đó sẽ được áp dụng.

6. **Ngày phát hành dự kiến:** Không muộn hơn ngày 30 tháng 6 năm 2019.
7. **Phương thức phát hành:** bảo lãnh phát hành trái phiếu theo hình thức cố gắng tối đa.
8. **Các tổ chức tham gia đợt phát hành:**

Tổ chức bảo lãnh phát hành:	Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương (“TCBS”).
Đại lý lưu ký Trái Phiếu ban đầu:	TCBS (sau đây được gọi là “ <b>Đại Lý Trái Phiếu</b> ”).
Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ban đầu:	TCBS (sau đây được gọi là “ <b>Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu</b> ”).
Tổ chức tư vấn luật:	Công Ty Luật TNHH YKVN, Chi Nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh.

**9. Quyền của nhà đầu tư sở hữu Trái Phiếu:**

Chủ sở hữu Trái Phiếu (“**Chủ Sở Hữu Trái Phiếu**”) có các quyền sau:

- Được Tổ Chức Phát Hành thanh toán đầy đủ, đúng hạn gốc, lãi Trái Phiếu khi đến hạn và đảm bảo việc thực hiện các quyền kèm theo (nếu có) theo Các Điều Kiện Trái Phiếu;
- Trừ trường hợp bị hạn chế giao dịch theo quy định về phát hành trái phiếu riêng lẻ, được dùng Trái Phiếu để chuyển nhượng, cho, tặng, để lại, thừa kế, chiết khấu và sử dụng Trái Phiếu làm tài sản bảo đảm trong các quan hệ dân sự và quan hệ thương mại theo quy định pháp luật;
- Các quyền khác theo quy định của Các Điều Kiện Trái Phiếu.

**10. Cam kết về bảo đảm:**

Để bảo đảm cho các nghĩa vụ thanh toán của Tổ Chức Phát Hành liên quan đến Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành và/hoặc các tổ chức/cá nhân khác sẽ xác lập các biện pháp bảo đảm tại các hợp đồng bảo đảm, bao gồm nhưng không giới hạn bởi các biện pháp bảo đảm được liệt kê dưới đây:

- Masan Horizon sẽ thế chấp cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (hành động nhân danh và thay mặt cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu) 50.525.465 cổ phần của MSR (“**Cổ Phần Thế Chấp Ban Đầu**”) có tổng giá trị 1.000.000.003.280 VND. Giá trị của mỗi cổ phần được Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu xác định bằng cách lấy giá bình quân gia quyền của tất cả giao dịch cổ phần theo phương thức khớp lệnh liên tục trong 30 ngày giao dịch liền trước ngày 10 tháng 5 năm 2019;
- NPM cam kết bảo lãnh thanh toán cho việc thực hiện các nghĩa vụ được bảo đảm vì lợi ích của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (hành động thông qua Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu); và
- (các) biện pháp bảo đảm khác (nếu có) giữa Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và Tổ Chức Phát Hành và/hoặc bất kỳ tổ chức/cá nhân nào khác vào từng thời điểm để bổ sung hoặc thay thế cho biện pháp bảo đảm nêu tại các mục (i) trên đây để bảo đảm cho nghĩa vụ được bảo đảm.

**11. Mua lại Trái Phiếu trước hạn**

**11.1. Mua lại theo quyền chọn của Tổ Chức Phát Hành**

Tại bất kỳ thời điểm nào sau 12 (mười hai) tháng kể từ ngày phát hành và khi Trái Phiếu đang được đăng ký và lưu ký tại Đại Lý Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành được thực hiện quyền chào mua, trong một hoặc nhiều lần, đối với một phần hoặc toàn bộ số Trái Phiếu đang lưu hành bằng việc gửi một thông báo chào mua Trái Phiếu cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thông qua Đại Lý Trái Phiếu trước 15 (mười lăm) ngày làm việc nêu rõ số lượng Trái Phiếu được chào mua, phương thức chào mua, giá chào mua, thời hạn để Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đăng ký bán lại Trái Phiếu và ngày mua lại dự kiến.

### **11.2. Mua lại Trái Phiếu sau khi niêm yết**

Khi Trái Phiếu đã được niêm yết trên SGDCK, Tổ Chức Phát Hành có thể mua lại Trái Phiếu trên SGDCK tại bất kỳ thời điểm nào sau 12 (mười hai) tháng từ ngày phát hành theo phương thức phù hợp với các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan, các quy chế và hướng dẫn của Trung Tâm Lưu Ký và SGDCK.

### **11.3. Mua lại theo yêu cầu của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu khi không bổ sung tài sản bảo đảm**

Trong trường hợp Tổng Giá Trị Bảo Đảm thấp hơn Giá Trị Bảo Đảm Tối Thiểu, Tổ Chức Phát Hành lựa chọn (i) bổ sung Tài Sản Bảo Đảm theo quy định của Các Hợp Đồng Bảo Đảm có liên quan để đảm bảo sau khi bổ sung, Tổng Giá Trị Bảo Đảm không thấp hơn Giá Trị Bảo Đảm Duy Trì hoặc (ii) mua lại Trái Phiếu trước hạn. Nếu Tổ Chức Phát Hành lựa chọn mua lại Trái Phiếu thì việc mua lại như vậy sẽ được thực hiện theo các quy định tại Các Điều Khoản Trái Phiếu.

Các thuật ngữ “Tổng Giá Trị Bảo Đảm”, “Giá Trị Bảo Đảm Tối Thiểu” và “Giá Trị Bảo Đảm Duy Trì” được định nghĩa tại Các Điều Khoản Trái Phiếu và các hợp đồng bảo đảm có liên quan.

## **12. Cam kết của Tổ Chức Phát Hành**

- Sử dụng vốn từ các đợt phát hành Trái Phiếu đúng mục đích theo quy định tại Bản Công Bố Thông Tin này và phương án phát hành trái phiếu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
- Thanh toán đầy đủ, đúng hạn gốc, lãi Trái Phiếu khi đến hạn và đảm bảo việc thực hiện các quyền kèm theo (nếu có) cho Chủ Sở Hữu Trái Phiếu;
- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin đã công bố; và
- Các cam kết khác theo quy định của Các Điều Khoản Trái Phiếu.

## **13. Trách nhiệm của nhà đầu tư:** Nhà đầu tư mua trái phiếu tự đánh giá mức độ rủi ro trong việc đầu tư Trái Phiếu, hạn chế về giao dịch Trái Phiếu được đầu tư và tự chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình.

## **14. Các điều khoản và điều kiện khác:** quy định chi tiết tại Các Điều Khoản Trái Phiếu đính kèm Phụ Lục I của Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.

**IV. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH VÀ KẾ HOẠCH THANH TOÁN GỐC LÃI CHO NHÀ ĐẦU TƯ**

**1. Kế hoạch sử dụng tiền từ đợt phát hành**

Vốn huy động từ đợt phát hành Trái Phiếu sẽ được sử dụng vào các mục đích sau của Tổ Chức Phát Hành:

- Tăng quy mô vốn hoạt động của Tổ Chức Phát Hành; và/hoặc
- Thực hiện chương trình, dự án đầu tư của Tổ Chức Phát Hành.

Tổ Chức Phát Hành dự kiến sẽ sử dụng vốn huy động từ đợt phát hành Trái Phiếu trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành.

**2. Phương thức thanh toán gốc lãi cho nhà đầu tư**

Tổ Chức Phát Hành dự kiến sử dụng nguồn thu hợp nhất hợp pháp từ hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành, nguồn thu từ hoạt động tài chính và các nguồn thu khác để thanh toán tiền lãi và tiền gốc Trái Phiếu khi đến hạn.

*Các vấn đề liên quan đến việc sử dụng tiền thu được từ phát hành Trái Phiếu, cách thức thực hiện và việc bố trí nguồn trả nợ gốc và lãi Trái Phiếu đã được HĐQT của Tổ Chức Phát Hành ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT hoặc Tổng Giám Đốc hoặc Giám Đốc Tài Chính của Tổ Chức Phát Hành quyết định.*

## V. CÁC LOẠI THUẾ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁI PHIẾU

### 1. Thuế Thu Nhập Cá Nhân

Văn bản pháp luật hướng dẫn về thuế thu nhập cá nhân bao gồm:

- Luật Thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 21 tháng 11 năm 2007, như được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 26/2012/QH13 ngày 22 tháng 11 năm 2012 và Luật số 71/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 (sau đây gọi chung là “**Luật Thuế Thu Nhập Cá Nhân**”);
- Nghị Định số 65/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính Phủ hướng dẫn Luật Thuế Thu Nhập Cá Nhân, như được sửa đổi bổ sung bởi Nghị Định số 91/2014/NĐ-CP ngày 1 tháng 10 năm 2014 và Nghị Định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015; và
- Thông Tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thực hiện Luật Thuế Thu Nhập Cá Nhân, Luật Sửa Đổi, Bổ Sung Một Số Điều Của Luật Thuế Thu Nhập Cá Nhân và Nghị Định số 65/2013/NĐ-CP của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế Thu Nhập Cá Nhân và Luật Sửa Đổi, Bổ Sung Một Số Điều Của Luật Thuế Thu Nhập Cá Nhân, như được sửa đổi, bổ sung bởi Thông Tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 8 năm 2014, Thông Tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2014, Thông Tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 và Thông Tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018.

Theo Luật Thuế Thu Nhập Cá Nhân và các văn bản hướng dẫn thi hành:

- (i) thu nhập từ đầu tư vốn bao gồm, ngoài các khoản khác, khoản thu nhập cá nhân nhận được từ lãi trái phiếu, tín phiếu và các giấy tờ có giá khác do các tổ chức trong nước phát hành, trừ thu nhập từ lãi tiền gửi tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và thu nhập từ lãi trái phiếu Chính Phủ. Đối với cá nhân cư trú và không cư trú, thuế suất đối với thu nhập từ đầu tư vốn áp dụng theo biểu thuế toàn phần là 5%; và
- (ii) thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán bao gồm, ngoài các khoản khác, khoản thu nhập cá nhân nhận được từ chuyển nhượng cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu, tín phiếu, chứng chỉ quỹ và các loại chứng khoán khác theo quy định của Luật Chứng khoán; thu nhập từ chuyển nhượng cổ phần của các cá nhân trong công ty cổ phần theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Đối với cá nhân cư trú và không cư trú, thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán là 0,1% trên giá bán chứng khoán từng lần.

### 2. Thuế Thu Nhập Doanh Nghiệp

Văn bản pháp luật hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm:

- Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 3 tháng 6 năm 2008, như được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 32/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013 và Luật số 71/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

- Nghị Định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, như được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị Định số 91/2014/NĐ-CP ngày 1 tháng 10 năm 2014, Nghị Định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015, Nghị Định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 và Nghị Định số 146/2017/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2017 (sau đây gọi chung là “**Nghị Định số 218/2013/NĐ-CP**”);
- Thông Tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thi hành Nghị Định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính Phủ, như được sửa đổi, bổ sung bởi Thông Tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 8 năm 2014, Thông Tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2014 và Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27 tháng 2 năm 2015, Thông Tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015, Thông Tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2016 và Thông Tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018 (sau đây gọi chung là “**Thông Tư số 78/2014/TT-BTC**”); và
- Thông Tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam.

***Đối với nhà đầu tư là tổ chức trong nước***

Theo quy định tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC, doanh nghiệp có thu nhập từ lãi vay thì khoản thu nhập này được xác định là khoản thu nhập khác và kê khai vào thu nhập chịu thuế khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Thuế suất đối với thu nhập này là 22%. Từ ngày 1/1/2016, thuế suất áp dụng là 20%.

Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán của doanh nghiệp là thu nhập có được từ việc chuyển nhượng cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ và các loại chứng khoán khác theo quy định. Doanh nghiệp có thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán thì khoản thu nhập này được xác định là khoản thu nhập khác và kê khai vào thu nhập chịu thuế khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Thuế suất đối với thu nhập này là 22%. Từ ngày 1/1/2016, thuế suất áp dụng là 20%.

***Đối với nhà đầu tư là tổ chức/cá nhân nước ngoài***

Theo quy định pháp luật, đối tượng chịu thuế nhà thầu bao gồm, ngoài các tổ chức, cá nhân khác, tổ chức nước ngoài kinh doanh có cơ sở thường trú tại Việt Nam hoặc không có cơ sở thường trú tại Việt Nam, cá nhân nước ngoài kinh doanh là đối tượng cư trú tại Việt Nam hoặc không là đối tượng cư trú tại Việt Nam (sau đây gọi chung là “**Nhà Thầu Nước Ngoài**”, “**Nhà Thầu Phụ Nước Ngoài**”) kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam trên cơ sở hợp đồng, thoả thuận, hoặc cam kết giữa Nhà Thầu Nước Ngoài với tổ chức, cá nhân Việt Nam hoặc giữa Nhà Thầu Nước Ngoài với Nhà Thầu Phụ Nước Ngoài để thực hiện một phần công việc của hợp đồng, thoả thuận hoặc cam kết giữa Nhà Thầu Nước Ngoài và bên Việt Nam.

Thu nhập chịu thuế nhà thầu bao gồm, ngoài các khoản thu nhập khác, thu nhập từ lãi trái phiếu và thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán. Do vậy, thu nhập từ lãi trái phiếu do tổ chức/cá nhân nước ngoài nắm giữ sẽ chịu thuế thu nhập doanh nghiệp là 5% và thu nhập từ chuyển nhượng trái phiếu sẽ chịu thuế thu nhập doanh nghiệp là 0,1%.



Trong trường hợp Hiệp định Tránh đánh thuế hai lần có quy định khác đi và có lợi hơn, các doanh nghiệp này có thể áp dụng các điều khoản của Hiệp định và thông báo cho bên Việt Nam về việc miễn, giảm thuế theo Hiệp định tại Việt Nam.

Tổ Chức Phát Hành sẽ tiến hành khấu trừ thuế thay cho nhà thầu nước ngoài. Tuy nhiên Tổ Chức Phát Hành có quyền, vào bất kỳ thời điểm nào và không phụ thuộc vào phương pháp khấu trừ thuế, khấu trừ thuế với mức cao hơn để nộp cho Ngân sách Nhà nước nếu Tổ Chức Phát Hành tin rằng việc khấu trừ thuế như vậy là phù hợp với quy định của pháp luật. Tổ Chức Phát Hành không chịu trách nhiệm về bất kỳ nghĩa vụ thuế nào của các nhà đầu tư tiềm năng liên quan đến Trái Phiếu và bất kỳ khiếu nại nào về việc áp dụng phương thức khấu trừ thuế.

### 3. Thuế Giá Trị Gia Tăng

Văn bản pháp luật hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng bao gồm:

- Luật Thuế Giá Trị Gia Tăng số 13/2008/QH12 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 3 tháng 6 năm 2008, như được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 31/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013, Luật số 71/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 và Luật số 106/2016/QH13 ngày 6 tháng 4 năm 2016;
- Nghị Định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2013 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế Giá Trị Gia Tăng, như được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị Định số 91/2014/NĐ-CP ngày 1 tháng 10 năm 2014, Nghị Định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015, Nghị Định số 100/2016/NĐ-CP ngày 1 tháng 7 năm 2016 và Nghị Định số 146/2017/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2017; và
- Thông Tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 hướng dẫn thi hành Luật Thuế Giá Trị Gia Tăng và Nghị Định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2013, như được sửa đổi, bổ sung bởi Thông Tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 8 năm 2014, Thông Tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2014, Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27 tháng 2 năm 2015, Thông Tư số 193/2015/TT-BTC ngày 24 tháng 11 năm 2015, Thông Tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2016, Thông Tư số 173/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 10 năm 2016 và Thông Tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018.

Theo quy định trên, thu nhập từ lãi trái phiếu và thu nhập từ chuyển nhượng trái phiếu sẽ không chịu thuế giá trị gia tăng.

## VI. CÁC YẾU TỐ RỦI RO

Ngoài những thông tin có tại các phần khác của Bản Công Bố Thông Tin này, nhà đầu tư dự kiến mua Trái Phiếu nên xem xét kỹ lưỡng các yếu tố rủi ro dưới đây trước khi mua Trái Phiếu. Việc xảy ra một hoặc nhiều sự kiện được trình bày dưới đây có thể gây ảnh hưởng bất lợi đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính hoặc kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành và có thể ảnh hưởng đến khả năng Tổ Chức Phát Hành thanh toán tiền gốc và tiền lãi của Trái Phiếu. Ngoài ra, có thể có những vấn đề cần quan tâm và những rủi ro khác có thể gây ảnh hưởng bất lợi đến khoản đầu tư vào Trái Phiếu nhưng Tổ Chức Phát Hành hiện nay chưa biết đến hoặc được cho là không trọng yếu.

### 1. *Rủi Ro Kinh Tế*

***Thay đổi về điều kiện kinh tế, chính trị, pháp lý và chính sách ở Việt Nam có thể ảnh hưởng đáng kể và bất lợi đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng của Tổ Chức Phát Hành***

Phần lớn doanh thu của Tổ Chức Phát Hành đều phát sinh từ Việt Nam, và phần lớn hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành nằm trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành phụ thuộc vào các điều kiện kinh tế, chính trị, pháp lý và chính sách ở Việt Nam mà các điều kiện đó khác biệt so với điều kiện ở các nước có nền kinh tế phát triển hơn xét trên các khía cạnh quan trọng, bao gồm cả mức độ can thiệp của Chính Phủ, trình độ phát triển, tốc độ tăng trưởng, quản lý ngoại hối, kiểm soát lương và giá cả, và hạn chế đối với hàng hóa nhập khẩu. Mặc dù kể từ cuối những năm 1980, Chính Phủ đã thực hiện nhiều biện pháp chú trọng đến việc sử dụng tác động thị trường để cải cách kinh tế, việc giảm tỷ lệ sở hữu nhà nước đối với tư liệu sản xuất và việc thiết lập bộ máy quản lý cải tiến trong các doanh nghiệp, nhưng một phần đáng kể tư liệu sản xuất ở Việt Nam vẫn thuộc sở hữu của Chính Phủ. Công việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng của Tổ Chức Phát Hành có thể bị ảnh hưởng bất lợi bởi những thay đổi chính sách và biện pháp đó.

Mặc dù nền kinh tế Việt Nam đã tăng trưởng đáng kể trong những thập kỷ qua, tỷ lệ tăng trưởng vẫn không đồng đều, cả về mặt địa lý lẫn giữa các ngành khác nhau của nền kinh tế. Chính Phủ đã thực hiện nhiều biện pháp khác nhau để khuyến khích tăng trưởng kinh tế và hướng dẫn phân bổ các nguồn lực. Một số trong các biện pháp này có thể mang lại lợi ích cho tổng thể nền kinh tế Việt Nam, nhưng có khả năng tác động tiêu cực đến Tổ Chức Phát Hành. Ví dụ, việc tăng lãi suất để kiểm soát tốc độ tăng trưởng kinh tế có thể ảnh hưởng bất lợi đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành.

Nhà nước có thể can thiệp vào nền kinh tế Việt Nam và đôi lúc tạo ra những thay đổi quan trọng về chính sách, bao gồm cả thay đổi cơ chế kiểm soát lương và giá cả, quản lý vốn và ngoại hối và hạn chế đối với hàng hóa xuất khẩu và/hoặc nhập khẩu. Các thay đổi chính sách đó có thể ảnh hưởng bất lợi đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng của Tổ Chức Phát Hành.

Tình hình kinh tế Việt Nam cũng ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành. Các yếu tố đã và có khả năng tiếp tục ảnh hưởng bất lợi đến nền kinh tế Việt Nam bao gồm những đợt bùng phát virus Dịch Cúm A (H1N1), Zika hoặc các bệnh dịch truyền nhiễm khác xảy ra gần đây và có khả năng xảy ra trong tương lai; biến động tỷ giá; tỷ lệ lạm phát cao và việc Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam tăng lãi suất; thay đổi về thuế; các thiên tai, bao gồm cả sóng thần, hỏa hoạn, lũ lụt và các thảm họa tương tự khác; việc tăng giá dầu; sự phát triển về chính sách, chính trị hoặc kinh tế khác ở Việt Nam hoặc ảnh hưởng đến Việt Nam, và các xu hướng kinh tế toàn cầu mang tính tiêu cực bao gồm khủng hoảng kinh tế toàn cầu dẫn đến những đợt điều chỉnh trên thị trường bất động

sản và chứng khoán, thiếu nguồn cung vốn, suy giảm mang tính hệ quả đối với hoạt động đầu tư nước ngoài và đình trệ tăng trưởng kinh tế.

Tổ Chức Phát Hành không thể đưa ra bất kỳ bảo đảm nào liên quan đến sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam trong tương lai. Một đợt suy thoái của nền kinh tế Việt Nam có thể ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng của Tổ Chức Phát Hành. Tuy nhiên, Tổ Chức Phát Hành sẽ nỗ lực tối đa trong việc kiểm soát và nhận diện sớm các rủi ro có thể xảy ra và xây dựng các biện pháp khắc phục phù hợp nhất.

### ***Mức độ lạm phát cao và lãi suất cao ở Việt Nam có thể ảnh hưởng bất lợi đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành***

Từ năm 2011 trở về trước, tỷ lệ lạm phát của Việt Nam luôn ở mức cao hai con số. Tuy nhiên, trong giai đoạn 2011-2016, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã điều hành chủ động, linh hoạt các công cụ chính sách tiền tệ, phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa góp phần quan trọng trong kiểm soát và đưa lạm phát ở mức cao 23% vào tháng 8/2011 xuống còn 6,81% năm 2012, 6,04% năm 2013, 1,84% năm 2014, 0,6% năm 2015, 4,74% năm 2016, 3,53% cho năm 2017 và 3,44% cho năm 2018. Mức lạm phát của năm 2018 thấp hơn năm 2017 và nằm trong giới hạn mục tiêu 5% mà Quốc hội đã đề ra. Mặc dù gần đây một số ngân hàng thương mại đã có động thái tăng lãi suất huy động để cân đối nguồn vốn, đáp ứng nhu cầu thanh toán và dự phòng chi trả trong mùa vụ kinh doanh cao điểm nhất của năm nhưng với mức độ tăng nhỏ và không thể hiện xu hướng tăng của thị trường. Hiện mặt bằng lãi suất huy động đồng Việt Nam phổ biến ở mức 4,3%-5,5%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn dưới 6 tháng; mức 5,3%-6,5%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng; kỳ hạn trên 12 tháng ở mức 6,5%-7,3%/năm. Lãi suất cho vay đồng Việt Nam phổ biến khoảng 6%-9%/năm đối với ngắn hạn và 9%-11%/năm đối với trung và dài hạn. Nhìn chung, cơ cấu tín dụng tiếp tục theo hướng tập trung vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh được ưu tiên, các dự án lớn trọng tâm, trọng điểm theo chủ trương của Chính Phủ nhằm hỗ trợ có hiệu quả cho tăng trưởng kinh tế.

Mặc dù tỷ lệ lạm phát được duy trì ở mức ổn định trong một vài năm trở lại đây, Tổ Chức Phát Hành không thể bảo đảm rằng nền kinh tế Việt Nam sẽ không lặp lại các giai đoạn lạm phát cao trong tương lai, đặc biệt trong thời gian tới khi giá dầu có xu hướng tăng dần trở lại và nền kinh tế được dự báo tiếp tục tăng trưởng nhanh. Nếu lạm phát của Việt Nam tăng cao đáng kể thì chi phí của Công Ty, bao gồm cả chi phí nguyên liệu thô, chi phí trả lương người lao động, chi phí nhiên liệu, chi phí vận chuyển, chi phí xây dựng, chi phí bảo trì, chi phí tài chính và chi phí quản lý khác dự kiến sẽ tăng. Nếu Công Ty không thể chuyển các chi phí và phí tổn gia tăng này vào giá sản phẩm bán cho khách hàng, thì các chi phí đó sẽ có thể ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công Ty. Hơn nữa, tỷ lệ lạm phát và mức lãi suất cho vay cao có thể ảnh hưởng bất lợi đến nền kinh tế Việt Nam, môi trường kinh doanh và niềm tin của người tiêu dùng nói chung, và do đó ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính, và kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành.

Ngoài ra, Tổ Chức Phát Hành không bảo đảm rằng Chính Phủ sẽ không tiếp tục thực hiện các chính sách chống lạm phát, bao gồm cả việc cấm tăng hoặc hạn chế tăng giá cả một số mặt hàng và sản phẩm do Chính Phủ kiểm soát.

### ***Nền kinh tế Việt Nam vẫn còn phải chịu các rủi ro gắn liền với một nền kinh tế mới nổi***

Nền kinh tế Việt Nam vẫn phải chịu các rủi ro gắn liền với nền kinh tế mới nổi. Các nhà đầu tư tại các thị trường mới nổi, như Việt Nam, nên lưu ý rằng các thị trường mới nổi này có thể tiềm ẩn nhiều rủi ro hơn các nền kinh tế đã phát triển, trong một số trường hợp bao gồm rủi ro đáng kể về kinh tế và pháp lý. Hơn thế nữa, những thay đổi chính sách quản lý của Chính Phủ cũng như việc giải thích các quy định pháp luật hiện hành có thể gây ra các hệ quả không lường trước mà có thể ảnh hưởng

bất lợi đến hoạt động kinh doanh trong nước. Các nhà đầu tư cũng nên lưu ý rằng các nền kinh tế mới nổi như nền kinh tế Việt Nam thường biến đổi một cách nhanh chóng. Do đó, các nhà đầu tư nên thận trọng trong việc đánh giá các rủi ro có liên quan và từ đó đưa ra các quyết định đầu tư phù hợp có tính đến các rủi ro đó. Nhìn chung, hoạt động đầu tư ở các thị trường mới nổi chỉ phù hợp cho những nhà đầu tư có tổ chức và chuyên nghiệp và có khả năng đánh giá một cách toàn diện tầm quan trọng của các rủi ro có liên quan.

***Xếp hạng tín dụng của Việt Nam và các công ty Việt Nam giảm có thể ảnh hưởng đáng kể và bất lợi đến Tổ Chức Phát Hành và khả năng huy động vốn của Tổ Chức Phát Hành***

Công ty xếp hạng tín dụng Standard & Poor's Financial Services và các cơ quan xếp hạng tín dụng khác có thể sẽ thay đổi xếp hạng tín dụng của Việt Nam hoặc của các công ty Việt Nam. Việc thay đổi xếp hạng như vậy có thể ảnh hưởng bất lợi đến tính thanh khoản trong các thị trường tài chính của Việt Nam, đến khả năng của Chính Phủ và các doanh nghiệp Việt Nam, bao gồm cả Tổ Chức Phát Hành, trong việc huy động vốn bổ sung, và có thể tác động đến lãi suất và những điều khoản thương mại khác mà việc huy động vốn bổ sung được thực hiện trên cơ sở lãi suất và những điều khoản thương mại khác đó. Tất cả các yếu tố đó có thể tác động bất lợi đáng kể đến Tổ Chức Phát Hành.

**2. Các Rủi Ro Pháp Lý**

***Những thay đổi cơ bản đối với các quy định pháp luật của Việt Nam có thể tác động không tích cực đến hoạt động của chúng tôi***

Các hoạt động kinh doanh chủ chốt của Nhóm công ty Masan Resources là hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản thuộc lĩnh vực chịu sự quản lý chặt chẽ của Nhà Nước.

Hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản chịu sự điều chỉnh của luật và các quy định bảo vệ môi trường của Việt Nam. Các luật và quy định này nhằm hạn chế ảnh hưởng bất lợi đến môi trường, kiểm soát tình trạng môi trường xuống cấp, ô nhiễm môi trường và khuyến khích sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm luật và quy định đó sẽ bị phạt tiền và/hoặc các hình thức khác theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, đối với hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản, hoạt động của Nhóm công ty Masan Resources liên quan đến việc sử dụng nước, bốc dỡ đất đá, xây dựng khu chứa đuôi quặng, lưu trữ lớp đất phủ bề mặt và xả thải từ các nhà máy nghiền và lọc quặng là những hoạt động có thể ảnh hưởng bất lợi đến môi trường, sức khỏe người lao động và người dân các vùng xung quanh, nên bên cạnh các luật và quy định về bảo vệ môi trường, các công ty con của MSR còn phải chịu sự điều chỉnh của các luật và quy định về y tế, an toàn, lao động, bảo vệ rừng và các quy định khác có liên quan đến hoạt động khai khoáng. Thêm vào đó, các quy định về thuế và thương mại liên quan đến hoạt động khai thác và xuất khẩu khoáng sản cũng ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Nhóm công ty Masan Resources.

Chúng tôi không bảo đảm rằng các luật, quy định và quy chế điều chỉnh hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản sẽ không thay đổi trong tương lai, hoặc các luật, quy định và quy chế nghiêm ngặt hơn điều chỉnh các lĩnh vực đó sẽ được ban hành. Những thay đổi đó có thể yêu cầu các công ty con và công ty liên kết của chúng tôi phải sửa đổi cơ chế hoạt động hoặc dẫn đến việc gia tăng chi phí để tuân thủ các thay đổi đó, và do vậy ảnh hưởng bất lợi đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng của các công ty con, công ty liên kết đó và có thể dẫn đến ảnh hưởng đáng kể và bất lợi đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng của chúng tôi.

***Hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành phụ thuộc vào khả năng xin, duy trì và cấp mới hoặc gia hạn các giấy phép và chấp thuận do Chính Phủ cấp***

Hoạt động kinh doanh của Nhóm công ty Masan Resources yêu cầu các giấy phép và chấp thuận khác nhau từ các cơ quan chính phủ có liên quan, chẳng hạn như giấy phép khai thác khoáng sản và các chấp thuận về môi trường khác do BTNMT cấp, chấp thuận của BCT về thiết kế nhà máy, cũng như các giấy phép khác cần thiết cho hoạt động khai thác và sản xuất khoáng sản. Các giấy phép này cần được nộp hồ sơ xin cấp, sửa đổi, cấp mới hoặc gia hạn tùy từng trường hợp. Tổ Chức Phát Hành không thể bảo đảm với các nhà đầu tư tiềm năng rằng cơ quan nhà nước có liên quan sẽ cấp các giấy phép mới, giấy phép sửa đổi, cấp mới hoặc gia hạn đối với các giấy phép còn hiệu lực cũng như sẽ cấp các giấy phép nói trên trong thời hạn mà Tổ Chức Phát Hành dự đoán. Việc không thể sửa đổi, xin cấp mới hoặc gia hạn bất kỳ giấy phép hoặc chấp thuận quan trọng nào cần phải có để thực hiện hoạt động kinh doanh của Nhóm công ty Masan Resources đều có thể ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng của Tổ Chức Phát Hành.

Giấy phép quan trọng nhất phải có đối với hoạt động khai thác mỏ của Công Ty Núi Pháo là giấy phép khai thác khoáng sản do BTNMT cấp, và các quyền để khai thác và phát triển Dự Án Núi Pháo phụ thuộc vào khả năng của Công Ty Núi Pháo trong việc đáp ứng các điều khoản của giấy phép đó, bao gồm việc trả cho Chính Phủ các khoản phí và thuế như quy định trong giấy phép, cũng như việc đáp ứng các điều kiện cấp phép khác liên quan đến yêu cầu về môi trường, y tế, an toàn và lao động. Nếu Tổ Chức Phát Hành không có khả năng đáp ứng các điều kiện cấp phép, quyền khai thác khoáng sản đối với Dự Án Núi Pháo có thể bị hạn chế hoặc thay đổi và kết quả là hạn chế hoặc thay đổi này có thể ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng của Tổ Chức Phát Hành.

***Pháp luật thuế Việt Nam thay đổi***

Tất cả các luật và quy định về các khoản thuế chính ở Việt Nam (bao gồm thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, thuế tài nguyên và thuế xuất khẩu) đã thay đổi đáng kể kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009 và vẫn đang tiếp tục được bổ sung và làm rõ để đáp ứng yêu cầu thực tiễn khi có các vấn đề phát sinh trong quá trình thu và nộp thuế. Các thay đổi về tình trạng thuế của Tổ Chức Phát Hành hoặc luật thuế hoặc các cách diễn giải khác nhau về pháp luật và chính sách thuế ở Việt Nam nhìn chung có thể ảnh hưởng bất lợi đến tình hình hoạt động và kết quả kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành và làm tăng nghĩa vụ thuế mà Tổ Chức Phát Hành phải chịu.

Đối với các rủi ro về mặt pháp lý, Tổ Chức Phát Hành luôn đảm bảo việc theo dõi, cập nhật tình trạng của các giấy phép và quy định pháp luật có liên quan đồng thời có phương án xử lý kịp thời để tránh rủi ro nêu trên.

***3. Các Rủi Ro Liên Quan Đến Hoạt Động Của Tổ Chức Phát Hành***

***Tổ Chức Phát Hành có một quá trình hoạt động còn giới hạn***

Tổ Chức Phát Hành được thành lập năm 2010 khi Tập Đoàn Masan tiếp quản Dự Án Núi Pháo. Quá trình hoạt động của Tổ Chức Phát Hành và Dự Án Núi Pháo còn tương đối ngắn để có thể đánh giá được khả năng của Tổ Chức Phát Hành và Dự Án Núi Pháo trong tương lai. Mặc dù đội ngũ quản lý và người lao động thuộc Nhóm công ty Masan Resources có kinh nghiệm và chuyên môn trong lĩnh vực hoạt động khai thác mỏ và tài nguyên, chúng tôi vẫn không thể bảo đảm chắc chắn sự tăng trưởng thành công và hoạt động trong tương lai của mình. Tổ Chức Phát Hành không đảm bảo chắc chắn có thể tạo ra doanh thu lớn hơn chi phí trong tương lai để có lợi nhuận từ hoạt động khai thác khoáng

sản, và do đó có thể ảnh hưởng bất lợi đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành.

***Tổ Chức Phát Hành là một công ty nắm giữ phần vốn góp (trực tiếp hoặc gián tiếp) trong các công ty khác thuộc Nhóm công ty Masan Resources***

Tổ Chức Phát Hành là công ty mẹ có phần lớn tài sản là phần vốn góp và lợi ích kinh tế trong những công ty mà Tổ Chức Phát Hành trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ phần vốn góp tại các công ty con trong Nhóm công ty Masan Resources. Cụ thể, Tổ Chức Phát Hành sở hữu trực tiếp toàn bộ phần vốn góp tại MRTN, và MRTN cũng là một công ty nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) phần vốn góp và lợi ích kinh tế trong các công ty con khác bao gồm TNTI, Công Ty Núi Pháo và MTC. Do vậy, những rủi ro ảnh hưởng đến tình hình kinh doanh của các công ty con cũng ảnh hưởng đến tình hình kinh doanh, tài chính, kết quả hoạt động và triển vọng của Tổ Chức Phát Hành.

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động của Tổ Chức Phát Hành phụ thuộc vào cổ tức, lợi nhuận được phân chia từ các công ty con. Khả năng các công ty con thanh toán cổ tức/phân chia lợi nhuận hoặc thanh toán các khoản tiền khác hoặc chuyển giao vốn sẽ phụ thuộc vào kết quả hoạt động của các công ty này và có thể bị hạn chế bởi, các điều khoản của các hợp đồng và thỏa thuận mà các công ty này giao kết, các hạn chế pháp lý khác như được quy định trong điều lệ của các công ty và pháp luật áp dụng.

***Phần lớn dòng tiền và lợi nhuận kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành đều phát sinh từ Dự Án Núi Pháo và phần lớn tài sản và hoạt động khai thác mỏ của Tổ Chức Phát Hành đều tập trung tại Dự Án Núi Pháo***

Tổ Chức Phát Hành vận hành Dự Án Núi Pháo thông qua Công Ty Núi Pháo. Doanh thu của Tổ Chức Phát Hành đã và sẽ tiếp tục phát sinh chủ yếu từ Dự Án Núi Pháo. Bất kỳ khó khăn đáng kể nào trong hoạt động vận hành hoặc khó khăn khác trong quá trình khai thác mỏ, chế biến, vận chuyển sản phẩm, hoặc thiệt hại đối với nhà máy, công trình, máy móc, thiết bị, nguyên liệu thô hoặc các tài sản và của cải khác của Dự Án Núi Pháo đều có thể ảnh hưởng bất lợi đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng của Tổ Chức Phát Hành.

***Rủi ro từ chương trình đền bù và tái định cư có thể làm gián đoạn hoạt động sản xuất***

Diện tích đất cần thiết phục vụ cho hoạt động xây dựng và vận hành mỏ của Dự Án Núi Pháo trước đây bị các hộ gia đình và doanh nghiệp chiếm dụng. Cho dù Công Ty Núi Pháo đã thu hồi toàn bộ diện tích đất cần ngay cho hoạt động xây dựng và vận hành mỏ và nhà máy, vẫn còn một số thửa đất xung quanh dự án nằm trong kế hoạch đền bù và tái định cư cần phải được thu hồi. Những người sống trên các thửa đất này cũng có thể bị ảnh hưởng bởi các hoạt động của Dự Án Núi Pháo. Do vậy, Công Ty Núi Pháo cần phải thực hiện công tác tái định cư cho các hộ gia đình và doanh nghiệp còn lại này đến một khu vực không dùng cho Dự Án Núi Pháo, và thực hiện đền bù cho họ. Việc không thu hồi diện tích đất cần thiết theo kế hoạch đền bù và tái định cư một cách kịp thời và trong phạm vi ngân sách dự kiến sẽ ảnh hưởng bất lợi đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng của Tổ Chức Phát Hành.

***Các số liệu trữ lượng của Dự Án Núi Pháo chỉ là số liệu ước tính trữ lượng tài nguyên khoáng sản thực tế và dựa trên nhiều giả định mâu chốt khác nhau mà có thể thay đổi trong tương lai***

Trữ lượng khoáng sản tiềm năng đã được chứng minh trên cơ sở những phán đoán dựa trên kiến thức, kinh nghiệm và thực tiễn trong nghề và bất kỳ thay đổi nào đối với trữ lượng khoáng sản tiềm năng đã được chứng minh ước tính đều có thể ảnh hưởng bất lợi đến các kế hoạch phát triển và hoạt động khai thác mỏ của Nhóm công ty Masan Resources, từ đó ảnh hưởng đến giá trị khoản đầu tư của Tổ

Chức Phát Hành. Trữ lượng khoáng sản của Dự Án Núi Pháo được nêu trong Bản Công Bố Thông Tin này chỉ là số liệu ước tính về quy mô các vỉa khoáng sản nằm trong khu vực khai thác của Dự Án Núi Pháo. Tính chất của thân quặng, sự phân bố và phẩm cấp quặng cũng như tính chất của quặng trong quá trình khai thác và chế biến khoáng sản là những yếu tố không bao giờ có thể dự đoán đầy đủ, và các số liệu ước tính về trữ lượng không thể được lập mà không có biến động, vì cần thiết phải dựa vào nhiều giả định khác nhau chẳng hạn như các giả định liên quan đến điều kiện địa chất, lịch sử sản xuất của các mỏ tại vùng lân cận khu vực khai thác, ảnh hưởng của các yêu cầu luật định và chi phí hoạt động. Những giả định này có thể cần thay đổi, chẳng hạn, dựa trên kinh nghiệm sản xuất thực tế, khi có thông tin mới làm thay đổi những giả định cơ bản hoặc thay đổi trong cách phân loại trữ lượng thành loại “đã chứng minh” hoặc “tiềm năng”. Bên cạnh đó, chất lượng và đặc tính của khoáng sản thực tế khai thác được từ Dự Án Núi Pháo có thể thay đổi đáng kể so với ước tính của Tổ Chức Phát Hành hoặc có thể không đạt yêu cầu của khách hàng.

Do những số liệu ước tính về khối lượng, phẩm cấp và hàm lượng kim loại tổng thể của một vỉa khoáng sản không phải lúc nào cũng được tính toán chính xác, trữ lượng khoáng sản tiềm năng đã được chứng minh có thể cần được điều chỉnh và bất kỳ điều chỉnh nào như vậy đều có thể ảnh hưởng đến kế hoạch phát triển và khai thác mỏ và bất kỳ suy giảm đáng kể nào đối với khối lượng và phẩm cấp của trữ lượng thuộc Dự Án Núi Pháo có thể gây ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng kinh doanh Tổ Chức Phát Hành. Tuy nhiên mỏ Núi Pháo có quá trình hoạt động thăm dò và khai thác khoáng sản lâu dài. “Báo cáo các kết quả thăm dò chi tiết mỏ vonfram-đa kim Núi Pháo” được phê duyệt bởi Hội Đồng Đánh Giá Trữ Lượng Khoáng Sản Quốc Gia xác nhận tổng trữ lượng quặng của mỏ Núi Pháo có thể được coi là đáng tin cậy.

***Chi phí hoạt động tại Dự Án Núi Pháo tăng đáng kể có thể ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến khả năng sinh lời và lợi ích kinh tế dự tính nhận được từ hoạt động khai thác mỏ***

Chi phí hoạt động của Nhóm công ty Masan Resources có thể thay đổi phụ thuộc vào một số yếu tố, chẳng hạn như những điều chỉnh trong kế hoạch khai thác mỏ của Dự Án Núi Pháo dựa trên những thông tin địa kỹ thuật thu được khi mỏ phát triển và thông tin về giá của hàng hóa đầu vào như nhiên liệu, điện, hoá chất, chất nổ, và sắt thép. Chi phí hàng hóa có thể chịu sự biến động giá thất thường, bao gồm cả việc tăng giá dẫn đến hoạt động kinh doanh ít sinh lời hơn, và phụ thuộc vào những thay đổi của pháp luật, quy chế và quy định ảnh hưởng đến giá cả, quá trình sử dụng và vận chuyển hàng hóa. Chi phí vốn cũng có thể tăng do những yếu tố nằm ngoài tầm kiểm soát của Tổ Chức Phát Hành, bao gồm giá nguyên liệu, nhiên liệu, sắt thép, các hàng hoá khác và chi phí nhân công. Nếu chi phí hoạt động của Dự Án Núi Pháo tăng lên đáng kể có thể gây ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến lợi nhuận và lợi ích kinh tế từ hoạt động khoáng sản của Tổ Chức Phát Hành. Để giảm thiểu rủi ro này, Tổ Chức Phát Hành luôn nỗ lực tối đa để theo dõi các biến động có thể ảnh hưởng đến chi phí hoạt động của Dự Án Núi Pháo để chủ động có biện pháp kiểm soát.

***Rủi ro về mặt địa chất đối với Dự Án Núi Pháo***

Nhà máy Núi Pháo đi vào hoạt động và thực hiện sản xuất thương mại đối với sản phẩm đầu tiên vào ngày 1 tháng 3 năm 2014. Bất ổn địa kỹ thuật có thể khó dự đoán và thường bị ảnh hưởng bởi những rủi ro và nguy hiểm ngoài tầm kiểm soát của Tổ Chức Phát Hành, chẳng hạn như thời tiết khắc nghiệt và mưa lớn, có thể dẫn đến lũ lụt, sạt bùn, lở đất và vách móng không ổn định. Mỗi một hậu quả tiềm năng này đều có thể ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng của Tổ Chức Phát Hành. Tuy nhiên, ngoài việc mua bảo hiểm đầy đủ, ban điều hành Dự Án Núi Pháo sẽ luôn đảm bảo vận hành dự án theo đúng các quy chuẩn kỹ thuật để giảm thiểu tối đa ảnh hưởng bất lợi (nếu có).

***Rủi ro mất đi nhân sự chủ chốt hoặc thiếu hụt lao động có tay nghề cao***

Hoạt động khoáng sản là ngành sử dụng lao động tập trung. Tổ Chức Phát Hành sẽ dựa vào một số nhân sự chủ chốt để quản lý hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành, bao gồm các nhà quản lý, lao động có tay nghề cao, các nhà thầu và các nhân viên khác. Tổ Chức Phát Hành không thể bảo đảm việc tuyển dụng và duy trì các nhân sự chủ chốt đó hoặc bảo đảm rằng Tổ Chức Phát Hành có khả năng thu hút và giữ chân nhân sự có tay nghề và trình độ cao trong tương lai. Ngoài ra, một số thành viên điều hành của Tổ Chức Phát Hành là người nước ngoài và họ có thể sẽ chọn nơi sinh sống khác trong tương lai. Nếu Tổ Chức Phát Hành mất đi những nhân sự quản lý chủ chốt có thâm niên này hoặc phần lớn các lao động có tay nghề cao, Tổ Chức Phát Hành không thể bảo đảm rằng Tổ Chức Phát Hành có thể tuyển dụng được nhân sự thay thế phù hợp để vận hành Dự Án Núi Pháo. Bất kỳ khó khăn nào trong tương lai liên quan đến khả năng thu hút, tuyển dụng và giữ chân nhân sự có tay nghề và trình độ cao của Tổ Chức Phát Hành có thể ảnh hưởng bất lợi đáng kể và bất lợi đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng của Tổ Chức Phát Hành. Ngoài ra, bất kỳ thiếu hụt lao động có tay nghề cao nào cũng có thể dẫn đến sự gia tăng chi phí sản xuất, điều đó có thể làm giảm đáng kể doanh thu thuần và khả năng sinh lời của Dự Án Núi Pháo. Hiện nay, Tổ Chức Phát Hành vẫn đang thực hiện duy trì chương trình thu hút và giữ chân nhân lực cho công ty, bao gồm chương trình lương thưởng, phúc lợi và chế độ đãi ngộ tốt, các chương trình đào tạo và sử dụng nhân sự trên địa bàn khu vực tỉnh Thái Nguyên hoặc lân cận, do đó chúng tôi có cơ sở tin tưởng sẽ giữ chân và phát triển được những nhân sự chủ chốt và nhân lực có tay nghề cao.

***Rủi ro trong quá trình khai thác và vận chuyển khoáng sản do trở ngại ngoài dự kiến như thời tiết xấu ngoài dự kiến, thiên tai, tai nạn và hồng hóc***

Hoạt động khai thác khoáng sản có thể phụ thuộc vào các sự kiện và điều kiện vận hành mà các sự kiện và điều kiện vận hành như thiên tai, tai nạn và hồng hóc đó có thể phá vỡ kế hoạch khai thác, sản xuất, bốc dỡ và vận chuyển vonfram, florit, đồng và bismut của Nhóm công ty Masan Resources trong một thời gian dài. Những tổn thất này có thể bao gồm những thiệt hại hoặc phá hủy nghiêm trọng đối với tài sản và thiết bị, ô nhiễm, hủy hoại tài nguyên thiên nhiên hoặc thiệt hại khác về môi trường, trách nhiệm cải tạo, phục hồi môi trường, công tác điều tra và chế tài, đình chỉ hoạt động, thương tích nghiêm trọng hoặc thiệt hại tính mạng, gia tăng chi phí giám sát, chi phí khắc phục hậu quả hoặc thậm chí có thể dẫn đến đóng cửa các hoạt động khai mỏ của Nhóm công ty Masan Resources.

Đối với những rủi ro nêu trên, Nhóm công ty Masan Resources luôn cam kết đảm bảo vận hành dự án đúng quy trình, đảm bảo an toàn lao động, kiểm soát vận hành, chấp hành nghiêm chỉnh các quy định pháp luật để hạn chế tối đa những sự kiện bất lợi nói trên. Cho tới thời điểm hiện tại, Dự Án Núi Pháo đang vận hành một cách ổn định và an toàn, chấp hành đúng quy định của pháp luật

***Rủi ro thu xếp chi phí khắc phục tổn thất***

Tổ Chức Phát Hành và các công ty con của Tổ Chức Phát Hành duy trì bảo hiểm đối với tất cả những rủi ro bao gồm tổn thất hoặc thiệt hại vật chất đối với mỏ, công trình, nhà máy, máy móc và cơ sở hạ tầng hỗ trợ của Dự Án Núi Pháo. Ngoài ra, chúng tôi cũng luôn duy trì bảo hiểm trách nhiệm cho bên thứ ba của các nhà thầu đối với những tổn thương hoặc thiệt hại. Tổ Chức Phát Hành không thể bảo đảm rằng phạm vi bảo hiểm này sẽ đủ để chi trả tất cả các tổn thất và trách nhiệm có thể phát sinh. Một số trách nhiệm và rủi ro về mặt kinh doanh, hoạt động và tài sản của Tổ Chức Phát Hành và các công ty con của Tổ Chức Phát Hành có thể không được bảo hiểm chi trả hoặc chi trả không đầy đủ vì nhiều nguyên nhân như thiệt hại do lỗi thiết kế, vật liệu hoặc tay nghề, khiếm khuyết của hàng hóa, sự giảm dần giá trị, gián đoạn nguồn nước, hệ thống khí đốt, điện hoặc nhiên liệu, hồng hóc hệ thống xử lý chất thải ra và vào cơ sở, hiện tượng bốc cháy tự phát, xói mòn, sụp lún bờ biển



hoặc bờ sông, chuyển dịch ngang nền đất và lở đất, dịch chuyển của trái đất, bắt cóc, nguy cơ đánh bom, nguy cơ dịch bệnh, lừa đảo, tổng tiền nhưng không loại trừ những tổn thất hệ quả, chiến tranh, xâm lược, hành động hoặc kẻ thù ngoại quốc, tình trạng chiến tranh hoặc các hành động hiếu chiến, nội chiến, bạo loạn, bạo động, leo thang quân sự, nổi dậy, nổi loạn, cách mạng, sức mạnh quân sự hoặc chiếm đoạt quyền lực, hành động khủng bố, hủy hoại tài sản theo lệnh của bất kỳ cơ quan nhà nước nào, vũ khí hạt nhân và bức xạ ion hoá hoặc nhiễm phóng xạ từ bất kỳ nhiên liệu hạt nhân hoặc từ bất kỳ chất thải hạt nhân nào. Những trường hợp phát sinh không được bảo hiểm, hoặc ngoài phạm vi được bảo hiểm, có thể ảnh hưởng đáng kể và bất lợi đến tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng của Tổ Chức Phát Hành.

***Rủi ro từ việc gia tăng chi phí bảo vệ môi trường từ hoạt động khai thác mỏ***

Hoạt động của Dự Án Núi Pháo, cụ thể là nhà máy chế biến, phát sinh ra những chất thải nguy hại mà có thể ảnh hưởng bất lợi đến môi trường nếu chất thải đó không được kiểm soát và quản lý một cách phù hợp. Hoạt động thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản đều phải tuân thủ pháp luật và quy định về môi trường, y tế và an toàn của Việt Nam. Những quy định này điều chỉnh nhiều phương diện khác nhau của hoạt động khai thác mỏ của Nhóm công ty Masan Resources, chẳng hạn như việc xả thải vào không khí và nguồn nước, việc thu gom, quản lý, lưu trữ, xử lý chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại, vệ sinh công trường, chất lượng nước ngầm, cải tạo và phục hồi khu đất mỏ sau khi khai thác. Chi phí cho việc tuân thủ pháp luật và quy định này được dự kiến là sẽ ảnh hưởng đến chi phí hoạt động và vị thế cạnh tranh của Tổ Chức Phát Hành. Ngoài ra, bất kỳ vi phạm nào đối với, bất kỳ trách nhiệm nào theo, hoặc bất kỳ thay đổi nào của pháp luật về môi trường, y tế và an toàn có thể làm phát sinh các chi phí và chế tài đáng kể. Giấy phép và các chấp thuận phải có liên quan đến hoạt động khai thác khoáng sản cũng có thể bị đình chỉ hoặc thu hồi trong trường hợp không đáp ứng các tiêu chuẩn mà pháp luật yêu cầu. Tổ Chức Phát Hành không bảo đảm rằng Nhóm công ty Masan Resources sẽ có khả năng tuân thủ các yêu cầu về môi trường trong hiện tại hoặc tương lai. Bên cạnh đó, các quy định trong tương lai có thể đặt ra nhiều yêu cầu nghiêm ngặt hơn về việc tuân thủ và phục hồi môi trường, từ đó có thể dẫn đến chi phí tuân thủ cao hơn và có thể ảnh hưởng bất lợi đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng của Tổ Chức Phát Hành. Tuy nhiên, đây là những chi phí bắt buộc và Nhóm công ty Masan Resources sẽ luôn tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam về việc sản xuất kinh doanh đi đôi với phát triển bền vững và bảo vệ môi trường.

***Rủi ro từ khả năng mất hoặc giảm đáng kể đơn hàng từ các khách hàng lớn***

Sản lượng florit và bismut của Nhóm công ty Masan Resources chủ yếu được bán cho Traxys Comerals, 5N Plus và H.C. Starck theo các hợp đồng bao tiêu giữa Nhóm công ty Masan Resources với các khách hàng này. Đối với vonfram, Công Ty Núi Pháo đã ký hợp đồng với H.C. Starck để thành lập liên doanh sản xuất các sản phẩm APT và BTO/YTO từ ôxít vonfram thương phẩm do Công Ty Núi Pháo sản xuất. Phần lớn các sản phẩm của liên doanh sẽ được H.C. Starck bao tiêu. Trong tháng 8 năm 2018, Công Ty Núi Pháo đã mua lại phần vốn góp của H.C. Starck trong liên doanh, liên doanh được đổi tên thành Công ty TNHH Vonfram Masan (gọi tắt là MTC). Hợp đồng bao tiêu với H.C. Starck vẫn tiếp tục có hiệu lực như trước.

Nếu Nhóm công ty Masan Resources mất đi bất kỳ khách hàng nào trong số các khách hàng này mà không có các khách hàng khác thay thế hoặc nếu bất kỳ khách hàng nào trong số các khách hàng này không thể thực hiện đầy đủ các cam kết bao tiêu của họ với Nhóm công ty Masan Resources, thì tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng của Tổ Chức Phát Hành có thể bị ảnh hưởng bất lợi đáng kể. Tuy nhiên đây là các nhà sản xuất lớn trên thế giới đã hoạt động lâu đời và có uy tín trong ngành, và các sản phẩm khoáng sản khai thác từ Dự Án Núi Pháo là những sản phẩm có tính hữu dụng cao nên Tổ Chức Phát Hành có cơ sở tin tưởng về tính chắc chắn trong bao tiêu cũng như tiêu thụ các sản phẩm của Nhóm công ty Masan Resources.

### ***Rủi ro biến động giá khoáng sản toàn cầu***

Giá khoáng sản toàn cầu mang tính chu kỳ và có thể biến động mạnh, do đó nếu giá khoáng sản sụt giảm thì sẽ ảnh hưởng bất lợi đến kết quả hoạt động kinh doanh của Nhóm công ty Masan Resources.

Thị trường vonfram, florit, đồng và bismut toàn cầu khá nhạy cảm với những thay đổi trong công suất và sản lượng khai thác khoáng sản. Do nhu cầu về vonfram, florit, đồng và bismut đến từ hầu hết các ứng dụng công nghiệp, giá của các khoáng sản này thường có mối liên hệ với sự tăng trưởng kinh tế toàn cầu.

Theo các hợp đồng bao tiêu tương ứng của Dự Án Núi Pháo đối với vonfram, florit, đồng và bismut, giá hợp đồng của các khoáng sản này nói chung sẽ được đàm phán và điều chỉnh định kỳ có tham chiếu giá thị trường hiện hành. Do vậy, sự sụt giảm và biến động đáng kể của giá các khoáng sản đã chế biến này trên thế giới, hoặc giá các thành phẩm đã qua chế biến đều có thể ảnh hưởng và tác động bất lợi đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành. Đây là một rủi ro mang tính hệ thống và khó dự báo.

### ***Giá tăng chi phí vận chuyển và việc gián đoạn vận chuyển có thể ảnh hưởng bất lợi đến chi phí sản xuất và khả năng thực hiện hợp đồng đang có hiệu lực của Tổ Chức Phát Hành và các công ty con***

Chi phí vận chuyển chiếm một phần đáng kể chi phí sản xuất của Nhóm công ty Masan Resources và là một yếu tố quan trọng cần xem xét khi Nhóm công ty Masan Resources thương lượng giá mua với khách hàng. Việc gia tăng chi phí vận chuyển có thể khiến sản phẩm của Nhóm công ty Masan Resources đắt hơn và do đó hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành sẽ giảm tính cạnh tranh so với các nhà sản xuất khác. Hơn nữa, bất kỳ gián đoạn nào xảy ra trên hệ thống đường bộ hoặc đường sắt nổi tiếng Thái Nguyên, nơi mỏ Núi Pháo tọa lạc, với các cảng gần nhất nằm ở Hải Phòng và Quảng Ninh, nơi sản phẩm được chuyển đi cho khách hàng, chẳng hạn như vì các vấn đề thời tiết, tranh chấp lao động, bảo trì đường bộ và/hoặc đường sắt, đều có thể tạm thời hạn chế khả năng vận chuyển sản phẩm đến khách hàng đúng hạn. Bất kỳ yếu tố nào kể trên đều có thể ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng của Tổ Chức Phát Hành. Đây là những rủi ro khách quan nằm ngoài khả năng dự đoán của Tổ Chức Phát Hành, tuy nhiên Tổ Chức Phát Hành và Công Ty Núi Pháo luôn nỗ lực tối đa để tính toán và phân bổ hợp lý chi phí vận chuyển để tối ưu hóa kết quả kinh doanh.

### ***Tổ Chức Phát Hành và các công ty con dựa vào các nhà thầu thứ ba trong việc cung cấp dịch vụ khai thác mỏ***

Hiện tại, Nhóm công ty Masan Resources đang thuê các nhà thầu để thực hiện hoạt động khai thác mỏ và tất cả các hoạt động hỗ trợ khai thác mỏ như bảo trì và sửa chữa trang thiết bị và bảo trì đường bộ. Do đó, hoạt động của Dự Án Núi Pháo có thể bị ảnh hưởng bởi việc thực hiện dịch vụ của các nhà thầu thứ ba này. Mặc dù Nhóm công ty Masan Resources giám sát công việc của các nhà thầu này để bảo đảm công việc được thực hiện phù hợp với kế hoạch khai thác mỏ, ngân sách và các chỉ dẫn kỹ thuật của Nhóm công ty Masan Resources, Nhóm công ty Masan Resources không thể kiểm soát các tiêu chuẩn chất lượng, an toàn và môi trường đối với công việc do các nhà thầu thứ ba thực hiện với mức độ cần trọng như đối với công việc do nhân viên của chính Nhóm công ty Masan Resources thực hiện. Nếu bất kỳ nhà thầu thứ ba nào không đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng, an toàn và môi trường của Nhóm công ty Masan Resources, việc đó có thể ảnh hưởng đến việc Nhóm công ty Masan Resources tuân thủ các quy định có liên quan và cũng có thể dẫn đến trách nhiệm đối với các bên thứ ba, từ đó có thể ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến công việc kinh doanh, danh tiếng, tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành. Nhóm công ty Masan

Resources luôn nỗ lực tối đa sử dụng những nhà thầu thứ ba có uy tín, có kinh nghiệm để đảm bảo vận hành dự án đúng kỹ thuật, an toàn và hiệu quả.

#### ***Rủi ro hỏng hóc máy móc và thiết bị chính***

Hoạt động của Dự Án Núi Pháo phụ thuộc vào các bộ phận trọng yếu của nhà máy chế biến, thiết bị và máy móc, bao gồm nhà máy nghiền thô; kho dự trữ và thu hồi quặng nhỏ; quy trình nghiền tinh; quy trình tuyển nổi đồng, khử nước cho tinh quặng và đóng gói; quy trình tuyển nổi sunfua số lượng lớn; quy trình tuyển trọng lực, sấy và đóng gói vonfram; quy trình tuyển nổi bismut, lọc và luyện bismut, và đóng gói bismut; quy trình xử lý chất thải từ quy trình lọc bismut; quy trình tuyển nổi florit, khử nước cho tinh quặng và lưu trữ; và quy trình trộn thuốc thử và lưu trữ. Việc bảo trì những máy móc và thiết bị có liên quan hiện được thực hiện bởi các nhân viên của Nhóm công ty Masan Resources hoặc, nếu cần thiết, bởi các nhà thầu thứ ba dưới sự giám sát của Nhóm công ty Masan Resources. Bất kỳ thiệt hại đáng kể nào hoặc hỏng hóc đối với thiết bị, máy móc hoặc nhà máy đó đều có ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng của Tổ Chức Phát Hành. Nhóm công ty Masan Resources luôn nỗ lực tối đa trong việc vận hành, bảo dưỡng và kiểm tra máy móc thiết bị theo đúng quy định của nhà sản xuất để đảm bảo cho các máy móc thiết bị được hoạt động tốt nhất.

#### ***4. Các Rủi Ro Liên Quan Đến Trái Phiếu***

***Các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không được yêu cầu thanh toán trực tiếp đối với tài sản của công ty con của Tổ Chức Phát Hành***

Tổ Chức Phát Hành nắm giữ tài sản trong, và thực hiện một số hoạt động kinh doanh quan trọng thông qua các công ty con của Tổ Chức Phát Hành, bao gồm MRTN, TNTI, Công Ty Núi Pháo và MTC. Tổ Chức Phát Hành sẽ sử dụng mọi nguồn thu hợp pháp của mình để đáp ứng các nghĩa vụ theo Trái Phiếu, trong đó có thu nhập từ các khoản phân chia lợi nhuận và các khoản thu khác từ các công ty con đó. Thu nhập từ các khoản phân chia lợi nhuận phụ thuộc vào lợi nhuận sau thuế, tỷ lệ phân chia lợi nhuận của công ty con và tỷ lệ sở hữu của Tổ Chức Phát Hành tại công ty đó. Mặc dù nắm tỷ lệ sở hữu chi phối tại phần lớn các công ty con, tỷ lệ chi trả cổ tức hoặc phân chia lợi nhuận của các công ty con có thể bị ảnh hưởng bởi các cam kết hạn chế tỷ lệ chia trả cổ tức hoặc phân chia lợi nhuận mà các công ty con đó đã ký kết với các đối tác (ví dụ: các chủ nợ, các nhà đầu tư,...) và phụ thuộc vào luật áp dụng cũng như điều lệ của các công ty con đó. Ngoài ra, các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu cũng không được yêu cầu thanh toán trực tiếp đối với tài sản của công ty con của Tổ Chức Phát Hành, trừ trường hợp yêu cầu thi hành biện pháp bảo đảm phù hợp với Các Điều Kiện Trái Phiếu và các hợp đồng bảo đảm có liên quan mà công ty con của Tổ Chức Phát Hành là một bên bảo đảm trong hợp đồng bảo đảm đó.

#### ***Giá Trái Phiếu không ổn định và có thể biến động mạnh***

Hiện tại không có thị trường giao dịch xác định cho Trái Phiếu và Tổ Chức Phát Hành không đảm bảo rằng sẽ có một thị trường giao dịch sôi động cho các Trái Phiếu và cũng không có gì bảo đảm được tính thanh khoản của các Trái Phiếu trên thị trường thứ cấp. Giả thiết có thị trường giao dịch cho Trái Phiếu thì Trái Phiếu có thể được giao dịch với giá cao hơn hoặc thấp hơn giá phát hành ban đầu tùy thuộc vào nhiều yếu tố như lãi suất trên thị trường tại thời điểm giao dịch, tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành và thị trường giao dịch của các chứng khoán tương tự. Tuy nhiên, như đã phân tích ở trên, Công Ty Núi Pháo đã đi vào vận hành thương mại từ năm 2014, mặc dù giá khoáng sản trên thế giới có thể có những biến động tại từng thời kỳ, nhưng trong thời gian tới dự kiến sẽ được cải thiện. Qua đó, doanh thu của Tổ Chức Phát Hành cũng có thể được cải thiện một cách tương ứng và góp phần đảm bảo nguồn tài chính ổn định cho việc thanh toán lãi Trái Phiếu định kỳ.

***Tiền lãi Trái Phiếu có thể bị khấu trừ thuế nếu pháp luật Việt Nam có quy định***

Các nhà đầu tư cần biết rằng tiền lãi Trái Phiếu và lợi nhuận thu được từ việc chuyển nhượng Trái Phiếu có thể là đối tượng chịu thuế theo quy định của pháp luật Việt Nam. Tổ Chức Phát Hành và Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ, theo quy định của pháp luật khấu trừ thuế (nếu có) đối với các khoản thanh toán liên quan đến Trái Phiếu.

***Quyền đối với Trái Phiếu của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có thể bị hạn chế***

Theo quy định tại Các Điều Khoản Trái Phiếu, Trái Phiếu chỉ được giao dịch trong phạm vi dưới 100 nhà đầu tư, không kể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp, kể từ ngày phát hành cho đến khi kết thúc 1 (một) năm kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành (trừ trường hợp theo quyết định của Tòa án hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật). Vì vậy, trong thời hạn nói trên, Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ bị hạn chế giao dịch Trái Phiếu nếu giao dịch đó dẫn đến việc tổng số người sở hữu Trái Phiếu đạt đến hoặc vượt 100 nhà đầu tư (không kể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp).

Ngoài ra, khi xảy ra một sự kiện vi phạm, Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải thực hiện quyền của mình đối với Trái Phiếu thông qua Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu chứ không được tự mình chủ động thực hiện quyền. Việc Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện các quyền này cũng phụ thuộc vào các điều kiện khác, chẳng hạn như Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu chỉ được tuyên bố xảy ra sự kiện vi phạm và yêu cầu Tổ Chức Phát Hành mua lại Trái Phiếu nếu có nghị quyết chấp thuận của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc chỉ được tiến hành các thủ tục tố tụng đối với Tổ Chức Phát Hành sau khi Tổ Chức Phát Hành không đảm bảo thực hiện đầy đủ nghĩa vụ mua lại của mình.

Đây là những quy định chặt chẽ, có thể ảnh hưởng đến quyền tự quyết của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu. Vì thế, Tổ Chức Phát Hành khuyến nghị nhà đầu tư nên tham khảo ý kiến tư vấn đầy đủ trước khi đầu tư vào Trái Phiếu.

**5. *Rủi Ro Liên Quan Đến Biện Pháp Bảo Đảm Và Tài Sản Bảo Đảm***

***Tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm và/hoặc yêu cầu thực hiện bảo lãnh thanh toán khi xảy ra sự kiện vi phạm có thể không đủ để thanh toán các nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành đối với Trái Phiếu***

Khả năng của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, nhân danh Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, thu giữ tài sản bảo đảm khi xảy ra sự kiện vi phạm hoặc các sự kiện khác, phụ thuộc vào tình trạng đăng ký giao dịch bảo đảm và thứ tự ưu tiên trong một số trường hợp nhất định theo quy định của pháp luật Việt Nam tùy từng trường hợp. Mặc dù các thủ tục sẽ được tiến hành để đảm bảo tính hiệu lực và khả năng thi hành các biện pháp bảo đảm, không có gì bảo đảm rằng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ thực hiện được các quyền đối với tài sản bảo đảm.

Trong trường hợp xử lý tài sản bảo đảm, giá trị của tài sản bảo đảm sẽ phụ thuộc vào các điều kiện thị trường và các yếu tố khác. Hơn nữa, giá trị tài sản bảo đảm có thể giảm trong tương lai. Vì thế, Tổ Chức Phát Hành không thể cam kết với Chủ Sở Hữu Trái Phiếu rằng khoản tiền thu được từ bất kỳ việc xử lý các tài sản bảo đảm sau khi xảy ra sự kiện vi phạm theo Các Điều Khoản Trái Phiếu và hợp đồng bảo đảm có liên quan sẽ đủ để đáp ứng, hoặc sẽ không ít hơn một cách đáng kể so với, các khoản tiền đến hạn và phải thanh toán của Trái Phiếu. Nếu khoản tiền thu được từ bất kỳ việc xử lý các tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán tất cả các nghĩa vụ theo Trái Phiếu thì mỗi Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ chỉ nhận được khoản thanh toán theo tỷ lệ tương ứng giữa tổng mệnh giá trái phiếu mình đang nắm giữ với tổng giá trị khoản nợ theo các Trái Phiếu.

Bên cạnh đó, nghĩa vụ thanh toán theo Trái Phiếu của Tổ Chức Phát Hành được bảo lãnh thanh toán bởi Công Ty Núi Pháo. Các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không được yêu cầu thanh toán trực tiếp đối với tài sản của các công ty con của Tổ Chức Phát Hành nếu các tài sản này không được sử dụng để làm tài sản bảo đảm cho các nghĩa vụ theo Trái Phiếu, và nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành theo Trái Phiếu trên thực tế sẽ bị xếp thứ cấp so với các nghĩa vụ của công ty con của Tổ Chức Phát Hành cùng được bảo đảm bằng tài sản của các công ty con đó.

***Khó khăn có thể gặp phải khi xử lý tài sản bảo đảm***

Việc xử lý tài sản bảo đảm phụ thuộc vào quy định của pháp luật Việt Nam tại thời điểm xử lý. Nếu vào bất kỳ thời điểm nào trong tương lai, pháp luật Việt Nam hạn chế việc chuyển nhượng hoặc áp đặt các điều kiện chuyển nhượng đối với tài sản bảo đảm thì Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ gặp khó khăn khi xử lý tài sản bảo đảm. Đồng thời, việc xử lý tài sản bảo đảm có thể làm phát sinh các chi phí có liên quan.

Ngoài ra, tùy thuộc vào pháp luật quản lý ngoại hối của Việt Nam, tiền xử lý tài sản bảo đảm trước khi được chuyển cho Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ở nước ngoài để thanh toán cho các nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành theo Trái Phiếu phải tuân thủ các quy định về quản lý ngoại hối tại Việt Nam.

Theo quy định tại Hợp Đồng Bảo Đảm Bằng Cổ Phần của MSR, tài sản bảo đảm ban đầu là một số lượng cổ phần phổ thông của MSR thuộc sở hữu của Masan Horizon được định giá định kỳ hàng quý, nếu giá trị giảm xuống dưới cam kết về tỷ lệ bảo đảm, bên bảo đảm có liên quan sẽ phải bổ sung ngay tài sản bảo đảm. Đồng thời, giao dịch bảo đảm liên quan đến tài sản bảo đảm cũng sẽ được đăng ký với cơ quan có thẩm quyền phù hợp với các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật được áp dụng nên nhà đầu tư có thể tin tưởng vào hiệu lực đối kháng của các biện pháp bảo đảm của Trái Phiếu.

**6. Các Rủi Ro Khác**

Ngoài các rủi ro trình bày ở trên, hoạt động của Tổ Chức Phát Hành còn chịu ảnh hưởng của các rủi ro bất khả kháng như động đất, thiên tai, hỏa hoạn, bãi công, đảo chính, chiến tranh, v.v...là những sự kiện ít gặp trong thực tế, ngoài tầm kiểm soát, khả năng phòng ngừa và dự kiến của Tổ Chức Phát Hành. Mặc dù Tổ Chức Phát Hành và các công ty con đã mua bảo hiểm rủi ro tài sản cho Dự Án Núi Pháo và các công trình, giao dịch quan trọng, các rủi ro này, nếu xảy ra, sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người cũng như các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công Ty Núi Pháo và qua đó ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành.

**DANH MỤC CÁC YẾU TỐ RỦI RO NÊU TRÊN KHÔNG PHẢI LÀ BẢNG LIỆT KÊ HAY GIẢI THÍCH ĐẦY ĐỦ VỀ TẤT CẢ CÁC RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC ĐẦU TƯ VÀO TRÁI PHIẾU.**

**CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU**

**TỔ CHỨC BẢO LÃNH PHÁT HÀNH: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KỸ THƯƠNG**

Địa chỉ : Tầng 10 + Tầng 21, Tòa nhà Techcombank 191 Bà triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  
Số fax : +84 24 3944 6583  
Số điện thoại : +84 24 3944 6368  
Website : <http://tcbs.com.vn>

**ĐẠI LÝ LƯU KÝ: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KỸ THƯƠNG**

Địa chỉ : Tầng 10 + Tầng 21, Tòa nhà Techcombank 191 Bà triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  
Số fax : +84 24 3944 6583  
Số điện thoại : +84 24 3944 6368  
Website : <http://tcbs.com.vn>

**ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU TRÁI PHIẾU : CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KỸ THƯƠNG**

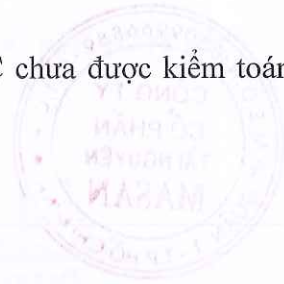
Địa chỉ : Tầng 10 + Tầng 21, tòa nhà Techcombank, 191 Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội  
Số fax : +84 24 3944 6583  
Điện thoại : +84 24 3944 6368  
Website : [www.techcombank.com.vn](http://www.techcombank.com.vn)

**TỔ CHỨC TƯ VẤN LUẬT: CÔNG TY LUẬT TNHH YKVN, CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Địa chỉ : Phòng 1102, Tòa nhà Metropolitan, 235 Đồng Khởi, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Số fax : (84-28) 3822 3155  
Số điện thoại : (84-28) 3823 6902  
Webside : [www.ykvn-law.com](http://www.ykvn-law.com)

**PHỤ LỤC**

1. **Phụ lục I:** Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp
2. **Phụ lục II:** Điều Lệ
3. **Phụ lục III:** BCTC được kiểm toán năm 2017 và 2018, BCTC chưa được kiểm toán quý 1/2019.

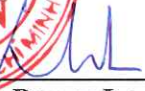


**TỔ CHỨC PHÁT HÀNH**


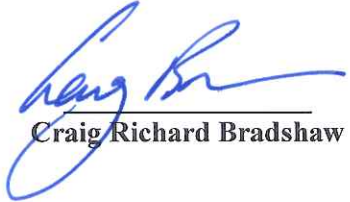
**CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



  
\_\_\_\_\_  
**Danny Le**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

  
  
\_\_\_\_\_  
**Craig Richard Bradshaw**

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

  
\_\_\_\_\_  
**Nguyễn Thị Thanh Mai**

**TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**

  
\_\_\_\_\_  
**Đoàn Thị Mỹ Duyên**



**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP  
CÔNG TY CỔ PHẦN**

**Mã số doanh nghiệp: 0309966889**

*Đăng ký lần đầu: ngày 27 tháng 04 năm 2010*

*Đăng ký thay đổi lần thứ: 15, ngày 03 tháng 10 năm 2018*

*(Tên cũ: CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MA SAN)*

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MASAN RESOURCES CORPORATION

Tên công ty viết tắt: MASAN RESOURCES

**2. Địa chỉ trụ sở chính**

*Phòng 802, tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, Số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

Điện thoại: 02862563862

Fax: 02838274115

Email:

Website:

**3. Vốn điều lệ**

Vốn điều lệ: 8.993.091.220.000 đồng

*Bằng chữ: Tám nghìn chín trăm chín mươi ba tỷ không trăm chín mươi một triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng*

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 899.309.122

**4. Người đại diện theo pháp luật của công ty**

\* Họ và tên: CHETAN PRAKASH BAXI

Giới tính: *Nam*

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: 31/10/1971

Dân tộc:

Quốc tịch:

*Anh*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Hộ chiếu nước ngoài*

Số giấy chứng thực cá nhân: 529471745

Ngày cấp: 09/03/2016

Nơi cấp: *Cơ quan Hộ Chiếu Hoàng Gia Anh*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *16-01 Arthur Mansions, 125 Arthur Road, Singapore*

Chỗ ở hiện tại: *16-01 Arthur Mansions, 125 Arthur Road, Singapore*

\* Họ và tên: CRAIG RICHARD BRADSHAW

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: *29/09/1971*

Dân tộc:

Quốc tịch:

*Australia*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Hộ chiếu nước ngoài*

Số giấy chứng thực cá nhân: *PE0407775*

Ngày cấp: *12/12/2016*

Nơi cấp: *Chính phủ Australia*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Redcliffe, Queensland, Australia*

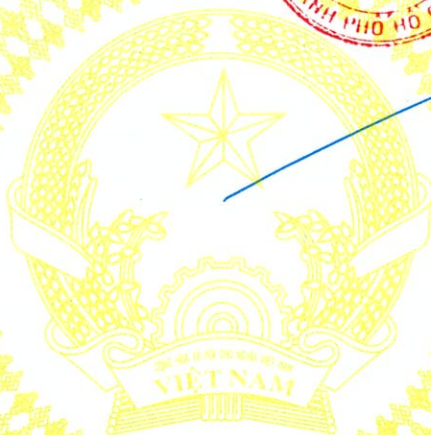
Chỗ ở hiện tại: *Phòng 7, 23 Tây Hồ, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*



**TRƯỞNG PHÒNG**

*Phó Trưởng Phòng*

*Võ Thành Thơ*





# **ĐIỀU LỆ HỢP NHẤT CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN**

Tháng 9 năm 2018

# MỤC LỤC

<b>PHẦN MỞ ĐẦU</b> .....	<b>1</b>
<b>CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ</b> .....	<b>1</b>
Điều 1. Định nghĩa.....	1
<b>CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</b> .....	<b>2</b>
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, đại diện theo pháp luật, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công Ty.....	2
<b>CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</b> .....	<b>3</b>
Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công Ty .....	3
Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động .....	3
<b>CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP</b> .....	<b>4</b>
Điều 5. Vốn Điều Lệ, cổ phần, các loại chứng khoán khác .....	4
Điều 6. Chứng chỉ cổ phiếu .....	5
Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác .....	5
Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần.....	5
Điều 9. Thu hồi cổ phần.....	6
<b>CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT</b> .....	<b>6</b>
Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý.....	6
<b>CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b> .....	<b>7</b>
Điều 11. Quyền của Cổ Đông .....	7
Điều 12. Nghĩa vụ của Cổ Đông.....	8
Điều 13. Đại Hội Đồng Cổ Đông.....	9
Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại Hội Đồng Cổ Đông.....	10
Điều 15. Đại Diện Theo Ủy Quyền, Người Được Ủy Quyền Dự Họp.....	12
Điều 16. Thay đổi các quyền .....	13
Điều 17. Triệu tập Đại Hội Đồng Cổ Đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.....	14
Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.....	15
Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông ..	15
Điều 20. Thông qua quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông.....	17
Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông.....	19
Điều 22. Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông .....	20
Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông.....	21
<b>CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b> .....	<b>21</b>
Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội Đồng Quản Trị .....	21
Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội Đồng Quản Trị.....	22
Điều 26. Chủ Tịch, Phó Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị .....	25

Điều 27. Ủy quyền dự họp Hội Đồng Quản Trị.....	25
Điều 28. Các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị.....	26
<b>CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY .....</b>	<b>30</b>
Điều 29. Tổ chức bộ máy quản lý.....	30
Điều 30. Người Quản Lý .....	30
Điều 31. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám Đốc .....	30
Điều 32. Thư Ký Công Ty .....	31
<b>CHƯƠNG IX. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ.....</b>	<b>32</b>
Điều 33. Trách nhiệm cẩn trọng.....	32
Điều 34. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	32
Điều 35. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường .....	34
<b>CHƯƠNG X. BAN KIỂM SOÁT.....</b>	<b>34</b>
Điều 36. Thành viên Ban Kiểm Soát .....	34
Điều 37. Ban Kiểm Soát .....	36
<b>CHƯƠNG XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....</b>	<b>37</b>
Điều 38. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	37
<b>CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....</b>	<b>37</b>
Điều 39. Công nhân viên và công đoàn .....	37
<b>CHƯƠNG XIII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN .....</b>	<b>38</b>
Điều 40. Cổ tức .....	38
Điều 41. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận.....	38
<b>CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN .....</b>	<b>38</b>
Điều 42. Tài khoản ngân hàng .....	38
Điều 43. Năm tài khóa .....	38
Điều 44. Hệ thống kế toán .....	39
<b>CHƯƠNG XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG.....</b>	<b>39</b>
Điều 45. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý và báo cáo thường niên.....	39
Điều 46. Công bố thông tin.....	39
<b>CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY.....</b>	<b>39</b>
Điều 47. Kiểm toán .....	40
<b>CHƯƠNG XVII. CON DẤU .....</b>	<b>40</b>
Điều 48. Con dấu .....	40
<b>CHƯƠNG XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ.....</b>	<b>40</b>
Điều 49. Chấm dứt hoạt động .....	40
Điều 50. Thanh lý .....	40
<b>CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....</b>	<b>41</b>

Điều 51. Giải quyết tranh chấp nội bộ .....	41
<b>CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ .....</b>	<b>42</b>
Điều 52. Bổ sung và sửa đổi Điều Lệ .....	42
<b>CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC .....</b>	<b>42</b>
Điều 53. Ngày hiệu lực .....	42

## PHẦN MỞ ĐẦU

Điều Lệ Hợp Nhất (“**Điều Lệ**”) này của Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan (dưới đây gọi là “**Công Ty**”) hợp nhất nội dung Điều Lệ được Đại Hội Đồng Cổ Đông của Công Ty thông qua ngày 26 tháng 5 năm 2015, và các sửa đổi bổ sung lần thứ nhất ngày 01/7/2015, lần thứ hai ngày 22/4/2016, và lần thứ ba ngày 20/4/2018. Điều Lệ này thay thế các bản điều lệ và các phụ lục sửa đổi điều lệ trước đây.

## CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

### Điều 1. Định nghĩa

1. Trong Điều Lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:

- a. “Vốn Điều Lệ” là vốn do tất cả các Cổ Đông đóng góp và quy định tại Điều 5 của Điều Lệ này.
- b. “*Luật Doanh Nghiệp*” có nghĩa là có nghĩa là Luật Doanh Nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014, và các văn bản hướng dẫn thi hành và các sửa đổi, bổ sung (nếu có).<sup>1</sup>
- c. “Luật Chứng Khoán” có nghĩa là Luật Chứng Khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2006, và các văn bản hướng dẫn thi hành và các sửa đổi, bổ sung (nếu có).
- d. “Ngày Thành Lập” là ngày Công Ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu – ngày 27 tháng 4 năm 2010.
- e. “Người Quản Lý” là thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc, Giám Đốc Tài Chính, Kế Toán Trưởng, và các vị trí quản lý khác trong Công Ty được Hội Đồng Quản Trị bổ nhiệm.
- f. “Người Có Liên Quan” là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại Điều 4.17 của Luật Doanh Nghiệp và Điều 6.34 của Luật Chứng Khoán.
- g. “Thời Hạn Hoạt Động” là thời hạn hoạt động của Công Ty được quy định tại Điều 2 của Điều Lệ này.
- h. “Việt Nam” là nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
- i. “*Pháp Luật*” có nghĩa là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Luật Ban Hành Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật số 80/2015/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 22 tháng 6 năm 2015, và các sửa đổi, bổ sung (nếu có).<sup>2</sup>
- j. “*Cổ Đông*” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công Ty.<sup>3</sup>

<sup>1</sup> Sửa đổi lần thứ hai ngày 22/4/2016

<sup>2</sup> Sửa đổi lần thứ hai ngày 22/4/2016

<sup>3</sup> Sửa đổi lần thứ hai ngày 22/4/2016

- k. “Đại Diện Theo Ủy Quyền” là người được Cổ Đông là tổ chức ủy quyền để thực hiện các quyền Cổ Đông của mình theo quy định của Pháp Luật.
- l. “Người Được Ủy Quyền Dự Họp” là người được Cổ Đông (tổ chức hoặc cá nhân), hoặc Đại Diện Theo Ủy Quyền của Cổ Đông là tổ chức, ủy quyền để tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.
- m. Thành viên Hội Đồng Quản Trị độc lập là thành viên Hội Đồng Quản Trị đáp ứng các điều kiện do Pháp Luật quy định.
2. Trong Điều Lệ này, các tham chiếu tới một quy định hoặc văn bản sẽ bao gồm cả các sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế quy định hoặc văn bản đó.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều Lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc theo dõi và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều Lệ này.

## **CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

### **Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, đại diện theo pháp luật, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công Ty**

1. Tên Công Ty<sup>4</sup>

- Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN**
- Tên tiếng Anh: **MASAN RESOURCES CORPORATION**
- Tên viết tắt: **MASAN RESOURCES**

2. Công Ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với Pháp Luật của Việt Nam. Các Cổ Đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công Ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công Ty.

3. Trụ sở đăng ký của Công Ty là:

- Địa chỉ: Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại: (+84 28) 6256 3862
- Fax: (+84 28) 3827 4115

4. Người đại diện theo pháp luật của Công Ty:<sup>5</sup>

- a. *Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị và Tổng Giám Đốc là người đại diện theo pháp luật của Công Ty.*
- b. *Mỗi người đại diện theo pháp luật đại diện cho Công Ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ các giao dịch của Công Ty, đại diện cho Công Ty với tư cách nguyên*

<sup>4</sup> Sửa đổi lần thứ hai ngày 22/4/2016

<sup>5</sup> Sửa đổi lần thứ hai ngày 22/4/2016



*đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này.*

- c. Trường hợp Công Ty thay đổi bất kỳ người đại diện theo pháp luật, Hội Đồng Quản Trị chịu trách nhiệm thực hiện các thủ tục cần thiết để thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công Ty theo quy định của Pháp Luật, bao gồm xin chấp thuận của Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có).
5. Công Ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện trong nước hoặc tại nước ngoài để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công Ty phù hợp với nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị và trong phạm vi Pháp Luật không cấm.
6. Trừ khi chấm dứt hoạt động theo Điều 49 của Điều Lệ này, thời hạn hoạt động của Công Ty là vô thời hạn kể từ Ngày Thành Lập.

### **CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

#### **Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công Ty**

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công Ty:

<b>STT</b>	<b>Tên ngành</b>	<b>Mã ngành</b>
1.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận - Chi tiết: nghiên cứu thị trường (CPC 864, trừ CPC86402)	7320
2.	Hoạt động tư vấn quản lý - Chi tiết: Dịch vụ tư vấn quản lý (CPC 865)	7020

Ngoài các lĩnh vực kinh doanh nêu trên, Công Ty có thể tiến hành các hoạt động kinh doanh khác mà Pháp Luật không cấm.

2. Mục tiêu hoạt động của Công Ty: Công Ty được thành lập để thực hiện các lĩnh vực kinh doanh quy định tại khoản 1 Điều này.

#### **Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động**

1. Công Ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công Ty và Điều Lệ này, phù hợp với quy định của Pháp Luật và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công Ty.
2. Công Ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác mà Pháp Luật không cấm và Hội Đồng Quản Trị xét thấy có lợi nhất cho Công Ty và được Đại Hội Đồng Cổ Đông phê chuẩn.

## CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

### Điều 5. Vốn Điều Lệ, cổ phần, các loại chứng khoán khác

1. Vốn Điều Lệ của Công Ty là 8.993.091.220.000 đồng (Bằng chữ: *Tám nghìn chín trăm chín mươi ba tỷ, không trăm chín mươi một triệu, hai trăm hai mươi nghìn đồng*). Vốn Điều Lệ của Công Ty được chia thành 899.309.122 cổ phần phổ thông với mệnh giá là 10.000 đồng (*mười nghìn đồng*)/cổ phần.<sup>6</sup>
2. Công Ty có thể tăng Vốn Điều Lệ khi được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua và phù hợp với các quy định của Pháp Luật.
3. Các cổ phần của Công Ty vào ngày thông qua Điều Lệ này gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi cổ tức. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 11 Điều Lệ này.
4. Công Ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi sau khi có sự chấp thuận của Đại Hội Đồng Cổ Đông và phù hợp với các quy định của Pháp Luật.
5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các Cổ Đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của mỗi Cổ Đông trong Công Ty, trừ trường hợp Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định khác.
6. *Việc phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán số cổ phần đó cho tất cả các Cổ Đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của mỗi Cổ Đông sẽ được thực hiện theo các quy định của Luật Chứng Khoán và các quy định của Pháp Luật có liên quan.*<sup>7</sup>
7. Hội Đồng Quản Trị quyết định giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách kế toán của Công Ty tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:
  - a. Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là Cổ Đông sáng lập;
  - b. Cổ phần chào bán cho tất cả Cổ Đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của mỗi Cổ Đông trong Công Ty;
  - c. *Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của số Cổ Đông đại diện cho ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, trừ khi Pháp Luật có quy định khác hoặc cơ quan có thẩm quyền có chấp thuận khác;*<sup>8</sup>
  - d. Cổ phần chào bán để (i) thực hiện chuyển đổi khoản vay chuyển đổi, trái phiếu chuyển đổi hay các chứng khoán do Công Ty phát hành có chức năng chuyển đổi thành cổ phần của Công Ty, (ii) thực hiện các quyền chọn mua, quyền chọn bán hay chứng quyền mà Công Ty đã cam kết hoặc (iii) thực hiện các cam kết khác của Công Ty;

<sup>6</sup> Sửa đổi lần thứ tư ngày 12/9/2018

<sup>7</sup> Sửa đổi lần thứ hai ngày 22/4/2016

<sup>8</sup> Sửa đổi lần thứ hai ngày 22/4/2016

- e. Các trường hợp khác do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định hoặc Pháp Luật quy định hoặc được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.
8. Công Ty có thể mua cổ phần do chính Công Ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều Lệ này và các quy định Pháp Luật. Tất cả các cổ phần do Công Ty mua lại là cổ phiếu quỹ của Công Ty và Hội Đồng Quản Trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều Lệ này, Luật Chứng Khoán và các văn bản Pháp Luật liên quan.
  9. Công Ty có thể phát hành trái phiếu có bảo đảm và không có bảo đảm. Khi được Đại Hội Đồng Cổ Đông phê chuẩn, Công Ty có thể phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền. Khi được Hội Đồng Quản Trị phê chuẩn, Công Ty có thể phát hành các loại trái phiếu khác.
  10. Công Ty cũng có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông.

#### **Điều 6. Chứng chỉ cổ phiếu**

1. Cổ Đông của Công Ty được cấp chứng chỉ cổ phiếu hoặc giấy chứng nhận sở hữu cổ phần (sau đây gọi chung là “chứng chỉ cổ phiếu”) tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Chứng chỉ cổ phiếu phải có dấu của Công Ty và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công Ty theo các quy định tại Luật Doanh Nghiệp. Chứng chỉ cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phần mà Cổ Đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh Nghiệp.
3. Khi Công Ty phát hành cổ phần mới, trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo quy định của các điều khoản về việc phát hành cổ phần) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phần của Công Ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng chỉ cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công Ty chi phí in chứng chỉ cổ phiếu.
4. Trường hợp chứng chỉ cổ phiếu bị mất, bị rách, bị tiêu hủy hoặc không còn sử dụng được dưới hình thức khác, thì Cổ Đông có thể được Công Ty cấp lại chứng chỉ cổ phiếu theo đề nghị của Cổ Đông đó theo quy định tại Luật Doanh Nghiệp.

#### **Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác**

Chứng chỉ trái phiếu/giấy chứng nhận sở hữu trái phiếu hoặc các chứng chỉ/giấy chứng nhận sở hữu chứng khoán khác của Công Ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công Ty.

#### **Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần**

1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều Lệ này và Pháp Luật có quy định khác. Cổ phần niêm yết trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của Pháp Luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và các quy định của Sở Giao Dịch Chứng Khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ sẽ không được chuyển nhượng và sẽ không được hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phần phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phần mới chào bán.

## **Điều 9. Thu hồi cổ phần**

1. Trường hợp Cổ Đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền mua cổ phần phải trả, Hội Đồng Quản Trị sẽ gửi thông báo cho Cổ Đông đó để yêu cầu Cổ Đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với tiền lãi do chậm thanh toán tính trên số tiền còn lại với mức lãi suất cao nhất được phép áp dụng tại thời điểm đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công Ty. Tiền lãi sẽ được tính từ ngày gửi thông báo cho đến ngày toàn bộ số tiền theo thông báo được thanh toán trên thực tế.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm và phương thức thanh toán. Thông báo phải ghi rõ là trong trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi và các quyền cổ đông liên quan sẽ không phát sinh cho đến khi cổ phần được thanh toán đầy đủ.
3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện đầy đủ và đúng hạn, Hội Đồng Quản Trị có quyền thu hồi số cổ phần có liên quan.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội Đồng Quản Trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội Đồng Quản Trị thấy là phù hợp.
5. Cổ Đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách Cổ Đông đối với những cổ phần đó (nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi được tính theo mức lãi suất cao nhất được phép áp dụng tại thời điểm đó) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội Đồng Quản Trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội Đồng Quản Trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phần vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.
6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

## **CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT**

### **Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý**

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công Ty bao gồm:

1. Đại Hội Đồng Cổ Đông;
2. Hội Đồng Quản Trị;
3. Tổng Giám Đốc; và

#### 4. Ban Kiểm Soát.

### CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

#### Điều 11. Quyền của Cổ Đông

1. Cổ Đông là chủ sở hữu Công Ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ Đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công Ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công Ty.
2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:
  - a. Tham gia các cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua Người Được Ủy Quyền Dự Họp, hoặc thực hiện biểu quyết khi Công Ty thực hiện lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản;
  - b. Nhận cổ tức;
  - c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều Lệ này và các quy định Pháp Luật;
  - d. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu, trừ trường hợp Đại Hội Đồng Cổ Đông có quyết định khác;
  - e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến Cổ Đông đó trong danh sách Cổ Đông đủ tư cách tham gia cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của Cổ Đông đó;
  - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều Lệ Công Ty, biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông và các nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông;
  - g. Trong trường hợp Công Ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần đã góp vào Công Ty sau khi Công Ty đã thanh toán cho chủ nợ và các Cổ Đông nắm giữ loại cổ phần khác theo quy định của Pháp Luật;
  - h. *Yêu cầu Công Ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định của Luật Doanh Nghiệp; và*<sup>9</sup>
  - i. Các quyền khác theo quy định của Điều Lệ này và Pháp Luật.
3. Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông nắm giữ trên 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu tháng trở lên có các quyền sau:
  - a. Đề cử các ứng viên Hội Đồng Quản Trị hoặc Ban Kiểm Soát theo quy định tương ứng tại các Điều 24.2 và Điều 36.2 của Điều Lệ này;
  - b. Yêu cầu triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong các trường hợp sau:

<sup>9</sup> Sửa đổi lần thứ hai ngày 22/4/2016

- Hội Đồng Quản Trị vi phạm nghiêm trọng quyền của Cổ Đông, nghĩa vụ của Người Quản Lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao; hoặc
- Nhiệm kỳ của Hội Đồng Quản Trị đã vượt quá sáu tháng mà Hội Đồng Quản Trị mới chưa được bầu thay thế.

Yêu cầu triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với Cổ Đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với Cổ Đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm sở hữu cổ phần của từng Cổ Đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ Đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công Ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội Đồng Quản Trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

- c. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban Kiểm Soát;
- d. Yêu cầu Ban Kiểm Soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công Ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với Cổ Đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với Cổ Đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm sở hữu cổ phần của từng Cổ Đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ Đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công Ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra; và
- e. Các quyền khác được quy định tại Điều Lệ này.

## **Điều 12. Nghĩa vụ của Cổ Đông**

Cổ Đông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều Lệ Công Ty và các quy chế của Công Ty; chấp hành quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông và Hội Đồng Quản Trị;
2. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định;
3. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;
4. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp Luật;
5. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công Ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
  - a. Vi phạm Pháp Luật;

- b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; và
  - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công Ty.
6. Tham gia các cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua Người Được Ủy Quyền Dự Họp, hoặc thực hiện biểu quyết khi Công Ty tổ chức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản. Cổ Đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội Đồng Quản Trị làm đại diện cho mình tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.

### **Điều 13. Đại Hội Đồng Cổ Đông**

1. Đại Hội Đồng Cổ Đông gồm tất cả Cổ Đông có quyền biểu quyết và là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công Ty. Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Địa điểm họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Đại Hội Đồng Cổ Đông phải họp thường niên trong thời hạn 4 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, hoặc có thể được gia hạn nhưng không quá 6 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính nếu được cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp chấp thuận theo đề nghị của Hội Đồng Quản Trị.
2. Hội Đồng Quản Trị tổ chức triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ Công Ty. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.
3. Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập Đại Hội Đồng Cổ Đông bất thường trong một trong các trường hợp sau:
  - a. Hội Đồng Quản Trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty;
  - b. *Số thành viên Hội Đồng Quản Trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều Lệ này;*<sup>10</sup>
  - c. *Số thành viên của Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát ít hơn số thành viên mà Pháp Luật quy định;*<sup>11</sup>
  - d. Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại Điều 11.3 của Điều Lệ này có thể yêu cầu triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các Cổ Đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các Cổ Đông có liên quan);
  - e. *Theo yêu cầu của Ban Kiểm Soát; và*<sup>12</sup>
  - f. Các trường hợp khác theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này.

<sup>10</sup> Sửa đổi lần thứ ba ngày 20/4/2018

<sup>11</sup> Sửa đổi lần thứ ba ngày 20/4/2018

<sup>12</sup> Sửa đổi lần thứ hai ngày 22/4/2016

#### 4. Triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông bất thường

- a. *Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong thời hạn sáu mươi ngày kể từ ngày số thành viên Hội Đồng Quản Trị bị giảm quá một phần ba so với số thành viên quy định tại Điều Lệ này.<sup>13</sup>*
- b. *Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày số thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát còn lại như quy định tại Điều 13.3.c) của Điều Lệ này, hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điều 13.3.d) hoặc Điều 13.3.e) của Điều Lệ này.<sup>14</sup>*
- c. *Trường hợp Hội Đồng Quản Trị không triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định tại Điều 13.4(a), Điều 13.4(b) nêu trên thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban Kiểm Soát phải thay thế Hội Đồng Quản Trị triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định của Luật Doanh Nghiệp.<sup>15</sup>*
- d. *Trường hợp Ban Kiểm Soát không triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định tại Điều 13.4(c) nêu trên thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Cổ Đông, nhóm Cổ Đông có yêu cầu quy định tại Điều 11.3 của Điều Lệ này có quyền thay thế Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định của Luật Doanh Nghiệp.<sup>16</sup>*

Trong trường hợp này, Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông nếu xét thấy cần thiết.

- e. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại Hội Đồng Cổ Đông sẽ được Công Ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do Cổ Đông chi tiêu khi tham dự Đại Hội Đồng Cổ Đông như chi phí ăn ở và đi lại.
- f. Người triệu tập phải lập danh sách Cổ Đông có quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách Cổ Đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng Cổ Đông có quyền dự họp.

#### **Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại Hội Đồng Cổ Đông**

##### 1. Đại Hội Đồng Cổ Đông có các quyền và nhiệm vụ sau:

- a. Thông qua các báo cáo tài chính năm được kiểm toán của Công Ty;
- b. Quyết định mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh Nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội Đồng Quản Trị đề nghị một cách trung thực và sau khi đã tham khảo ý kiến các Cổ Đông tại Đại Hội Đồng Cổ Đông;

<sup>13</sup> Sửa đổi lần thứ ba ngày 20/4/2018

<sup>14</sup> Sửa đổi lần thứ ba ngày 20/4/2018

<sup>15</sup> Sửa đổi lần thứ ba ngày 20/4/2018

<sup>16</sup> Sửa đổi lần thứ ba ngày 20/4/2018



- c. Quyết định số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát;
  - d. Lựa chọn công ty kiểm toán;
  - e. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm và thay thế thành viên Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát;
  - f. Quyết định tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát;
  - g. Quyết định bổ sung và sửa đổi Điều Lệ Công Ty;
  - h. Quyết định loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần, và việc chuyển nhượng cổ phần của Cổ Đông sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ Ngày Thành Lập;
  - i. Quyết định chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công Ty;
  - j. Quyết định tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công Ty và chỉ định người thanh lý;
  - k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội Đồng Quản Trị hoặc Ban Kiểm Soát gây thiệt hại cho Công Ty và các Cổ Đông của Công Ty;
  - l. *Quyết định đầu tư hoặc giao dịch bán tài sản của Công Ty hoặc giao dịch mua do Công Ty thực hiện, có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công Ty được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất;*<sup>17</sup>
  - m. Quyết định việc Công Ty mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
  - n. *Nếu Pháp Luật cho phép, quyết định việc Tổng Giám Đốc đồng thời làm Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị;*<sup>18</sup>
  - o. *Quyết định việc Công Ty ký kết hợp đồng với những đối tượng được quy định tại Điều 34.4 của Điều Lệ này với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công Ty được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất;*<sup>19</sup>
  - p. Quyết định việc Công Ty phát hành trái phiếu chuyển đổi hoặc trái phiếu kèm chứng quyền;
  - q. Quyết định các vấn đề khác theo quy định của Pháp Luật, của Điều Lệ này và các quy chế khác của Công Ty.
2. Cổ Đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- a. Các hợp đồng quy định tại Điều 14.1 Điều Lệ này khi Cổ Đông đó hoặc Người Có Liên Quan của Cổ Đông đó là một bên của hợp đồng; và

<sup>17</sup> Sửa đổi lần thứ nhất ngày 01/7/2015

<sup>18</sup> Sửa đổi lần thứ ba ngày 20/4/2018

<sup>19</sup> Sửa đổi lần thứ ba ngày 20/4/2018

- b. Việc mua lại cổ phần của Cổ Đông đó hoặc của Người Có Liên Quan của Cổ Đông đó, trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các Cổ Đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán.
3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.

### **Điều 15. Đại Diện Theo Ủy Quyền, Người Được Ủy Quyền Dự Họp**

1. Cổ Đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số Đại Diện Theo Ủy Quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này; trường hợp có nhiều hơn một Đại Diện Theo Ủy Quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi Đại Diện Theo Ủy Quyền. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi Đại Diện Theo Ủy Quyền phải được thông báo bằng văn bản đến Công Ty trong thời hạn sớm nhất. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a. Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số và ngày quyết định thành lập hoặc đăng ký kinh doanh của Cổ Đông;
  - b. Số lượng cổ phần, loại cổ phần và ngày đăng ký Cổ Đông tại Công Ty;
  - c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Đại Diện Theo Ủy Quyền;
  - d. Số cổ phần được ủy quyền đại diện;
  - e. Thời hạn thực hiện đại diện; và
  - f. Họ, tên, chữ ký của Đại Diện Theo Ủy Quyền và người đại diện theo pháp luật của Cổ Đông.
2. Các Cổ Đông có quyền tham dự cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho Người Được Ủy Quyền Dự Họp tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một Người Được Ủy Quyền Dự Họp được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi Người Được Ủy Quyền Dự Họp. Người Được Ủy Quyền Dự Họp không nhất thiết phải là Cổ Đông của Công Ty.
3. Việc ủy quyền cho Người Được Ủy Quyền Dự Họp tham dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công Ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
  - a. Trường hợp Cổ Đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của Cổ Đông đó và Người Được Ủy Quyền Dự Họp;
  - b. Trường hợp Đại Diện Theo Ủy Quyền của Cổ Đông là tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của Đại Diện Theo Ủy Quyền, người đại diện theo pháp luật của Cổ Đông và Người Được Ủy Quyền Dự Họp; và
  - c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Cổ Đông và Người Được Ủy Quyền Dự Họp.

Khi tham dự cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, Người Được Ủy Quyền Dự Họp phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.

4. Phiếu biểu quyết của Người Được Ủy Quyền Dự Họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
  - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
  - b. Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền; hoặc
  - c. Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của Người Được Ủy Quyền Dự Họp.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công Ty nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các sự kiện trên chậm nhất hai mươi bốn (24) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

#### **Điều 16. Thay đổi các quyền**

1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được Cổ Đông nắm giữ ít nhất 65% tổng số cổ phần phổ thông của Công Ty tham dự họp thông qua, đồng thời được Cổ Đông nắm giữ ít nhất 75% số cổ phần ưu đãi đã phát hành loại đó biểu quyết thông qua.
2. Việc tổ chức một cuộc họp của các Cổ Đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai Cổ Đông (hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành tham dự. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng ba mươi ngày sau đó và Cổ Đông nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua Người Được Ủy Quyền Dự Họp đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của các Cổ Đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua Người Được Ủy Quyền Dự Họp đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18 và Điều 20 của Điều Lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công Ty sẽ không bị thay đổi khi Công Ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

## **Điều 17. Triệu tập Đại Hội Đồng Cổ Đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại Hội Đồng Cổ Đông**

1. *Hội Đồng Quản Trị sẽ triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông. Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông cũng có thể được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 13.4.c) hoặc Điều 13.4.d) của Điều Lệ này.*<sup>20</sup>
2. Người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
  - a. Chuẩn bị danh sách các Cổ Đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong vòng ba mươi ngày trước ngày bắt đầu tiến hành họp Đại Hội Đồng Cổ Đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với Pháp Luật và các quy định của Công Ty;
  - b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức họp Đại Hội Đồng Cổ Đông; và
  - c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại Hội Đồng Cổ Đông cho tất cả các Cổ Đông có quyền dự họp.
3. *Thông báo họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được gửi cho tất cả các Cổ Đông, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước, Sở Giao Dịch Chứng Khoán và trên website của Công Ty. Thông báo họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được gửi ít nhất mười ngày, hoặc một thời hạn dài hơn theo quy định của Pháp Luật, trước ngày họp Đại Hội Đồng Cổ Đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được đăng trên trang thông tin điện tử của Công Ty. Thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử của Công Ty để các Cổ Đông có thể tiếp cận các tài liệu họp đó.*<sup>21</sup>
4. Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông theo quy định tại Điều 11.3 của Điều Lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại Hội Đồng Cổ Đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công Ty ít nhất năm ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên Cổ Đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông có quyền từ chối những đề xuất được đưa ra theo Điều 17.4 của Điều Lệ này trong một trong các trường hợp sau:
  - a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
  - b. Vào thời điểm đề xuất, Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông không sở hữu ít nhất trên 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng trở lên; hoặc
  - c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông bàn bạc và thông qua.

<sup>20</sup> Sửa đổi lần thứ ba ngày 20/4/2018

<sup>21</sup> Sửa đổi lần thứ hai ngày 22/4/2016

6. Hội Đồng Quản Trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.
7. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông với số Cổ Đông trực tiếp tham dự hoặc thông qua Người Được Ủy Quyền Dự Hợp đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công Ty là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.

#### **Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại Hội Đồng Cổ Đông**

1. *Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được coi là hợp lệ khi có số Cổ Đông và Người Được Ủy Quyền Dự Hợp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công Ty tham dự.*<sup>22</sup>
2. *Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết theo quy định tại Điều 18.1 nêu trên trong vòng sáu mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp, người triệu tập họp phải hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại Hội Đồng Cổ Đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được triệu tập lại chỉ được coi là hợp lệ khi có thành viên tham dự là các Cổ Đông và những Người Được Ủy Quyền Dự Hợp đại diện cho ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công Ty.*<sup>23</sup>
3. Trường hợp cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết theo quy định tại Điều 18.2 nêu trên trong vòng sáu mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp, cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi ngày kể từ ngày dự định tiến hành họp Đại Hội Đồng Cổ Đông lần thứ hai, và trong trường hợp này cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng Cổ Đông hay Người Được Ủy Quyền Dự Hợp tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông lần thứ nhất.
4. Theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp, Đại Hội Đồng Cổ Đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 17.3 của Điều Lệ này.

#### **Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông**

1. Vào ngày tổ chức họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, Công Ty phải thực hiện thủ tục đăng ký Cổ Đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các Cổ Đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
2. Khi tiến hành đăng ký Cổ Đông, Công Ty sẽ cấp cho từng Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Hợp có quyền biểu quyết một hoặc nhiều phiếu biểu quyết, trên đó có ghi số cổ phần có quyền biểu quyết của Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Hợp đó. Khi tiến hành biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Hợp sẽ đánh dấu việc tán thành, không tán thành hoặc không có ý kiến đối với từng vấn đề biểu quyết, hoặc ghi số lượng cổ phần bầu cho từng ứng viên Hội Đồng Quản

<sup>22</sup> Sửa đổi lần thứ nhất ngày 01/7/2015

<sup>23</sup> Sửa đổi lần thứ nhất ngày 01/7/2015

Trị hoặc Ban Kiểm Soát vào phiếu biểu quyết. Kết quả kiểm phiếu sẽ được ban kiểm phiếu công bố ngay tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông sau khi việc kiểm phiếu hoàn tất. Đại Hội Đồng Cổ Đông sẽ bầu ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định nhưng không quá ba người.

3. Cổ Đông đến dự cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông để cho Cổ Đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi Cổ Đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.
4. Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị làm chủ tọa cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên và các cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông khác do Hội Đồng Quản Trị triệu tập. Trường hợp Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội Đồng Quản Trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp. Trường hợp không có người trong Hội Đồng Quản Trị có thể làm chủ tọa thì thành viên Hội Đồng Quản Trị có chức vụ cao nhất điều khiển cuộc họp để Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu Chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông điều khiển cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử là Chủ tọa cuộc họp. Trong các trường hợp bầu Chủ tọa nêu trên, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố. Chủ tọa sẽ đề cử một thư ký để lập biên bản cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.
5. Chủ tọa có quyền quyết định về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.
6. Chủ tọa cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông có thể hoãn họp Đại Hội Đồng Cổ Đông ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do Chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của Đại Hội Đồng Cổ Đông nếu Chủ tọa nhận thấy rằng (a) các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện tại địa điểm tổ chức họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, hoặc (b) hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp. Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày kể từ ngày dự định khai mạc cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.
7. Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trái với quy định tại Điều 19.6 của Điều Lệ này, Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế Chủ tọa tiếp tục điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết trước đó tại cuộc họp sẽ không bị ảnh hưởng.
8. Chủ tọa của cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc Thư ký cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.
9. Hội Đồng Quản Trị có thể yêu cầu các Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp tham dự cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội Đồng Quản Trị cho là thích hợp. Trường hợp có Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội Đồng Quản Trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc

trực xuất Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp nói trên ra khỏi cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.

10. Hội Đồng Quản Trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội Đồng Quản Trị cho là thích hợp để:
  - a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm chính họp Đại Hội Đồng Cổ Đông;
  - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp; và
  - c. Tạo điều kiện cho Cổ Đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.

Hội Đồng Quản Trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội Đồng Quản Trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

11. Trong trường hợp tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội Đồng Quản Trị khi xác định địa điểm họp có thể:
  - a. Thông báo rằng cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông sẽ có mặt tại đó (“Địa điểm chính của cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông”);
  - b. Bố trí, tổ chức để những Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp không dự họp được hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông có thể đồng thời tham dự cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông;

Thông báo về việc tổ chức họp Đại Hội Đồng Cổ Đông không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo điều khoản này.

12. Trong Điều Lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi Cổ Đông sẽ được coi là tham gia cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông ở Địa điểm chính của cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.
13. Hàng năm Công Ty phải tổ chức họp Đại Hội Đồng Cổ Đông ít nhất một lần. Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản.

#### **Điều 20. Thông qua quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông**

1. Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc dưới hình thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản.
2. Các quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông:
  - a. Thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán;

- b. Thông qua kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công Ty; và
- c. *Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm, thay thế thành viên Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát.*<sup>24</sup>

Ngoại trừ ba vấn đề nêu trên, Đại Hội Đồng Cổ Đông có thể thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản đối với tất cả các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông.

- 3. *Quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông được thông qua tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông khi thuộc một trong các trường hợp sau:*
  - a. *Được số Cổ Đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả các Cổ Đông dự họp chấp thuận, ngoại trừ các trường hợp nêu tại điểm b và điểm c dưới đây.*
  - b. *Các quyết định về các vấn đề sau đây được thông qua khi được số Cổ Đông đại diện ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả các Cổ Đông dự họp chấp thuận:*
    - (i) *Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;*
    - (ii) *Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;*
    - (iii) *Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công Ty;*
    - (iv) *Dự án đầu tư, giao dịch bán tài sản hoặc giao dịch mua do Công Ty thực hiện, có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công Ty được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất; và*
    - (v) *Tổ chức lại, giải thể Công Ty.*
  - c. *Việc biểu quyết bầu thành viên Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát phải được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ Đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội Đồng Quản Trị hoặc Ban Kiểm Soát, và Cổ Đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội Đồng Quản Trị hoặc thành viên Ban Kiểm Soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cần bầu cuối cùng, Đại Hội Đồng Cổ Đông sẽ tiến hành bầu tiếp trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc quyết định lựa chọn theo tiêu chí quy định tại Quy chế Bầu cử.*<sup>25</sup>
- 4. *Quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông dưới hình thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản được thông qua khi đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 20.2 và Điều 21.8 của Điều Lệ này.*<sup>26</sup>

<sup>24</sup> Sửa đổi lần thứ ba ngày 20/4/2018

<sup>25</sup> Sửa đổi lần thứ nhất ngày 01/7/2015

<sup>26</sup> Sửa đổi lần thứ nhất ngày 01/7/2015



**Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông**

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội Đồng Quản Trị có quyền lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty.
2. *Hội Đồng Quản Trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng Cổ Đông. Hội Đồng Quản Trị phải đảm bảo gửi và công bố tài liệu cho các Cổ Đông trong một thời gian hợp lý để các Cổ Đông xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến hoặc một thời hạn khác dài hơn theo quy định của Pháp Luật.<sup>27</sup>*
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công Ty;
  - b. Mục đích lấy ý kiến;
  - c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ Đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của Cổ Đông hoặc Đại Diện Theo Ủy Quyền của Cổ Đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của Cổ Đông;
  - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
  - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
  - f. Thời hạn phải gửi về Công Ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời; và
  - g. Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công Ty.
4. *Cổ Đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công Ty theo một trong các hình thức sau đây:*
  - a. *Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ Đông là cá nhân, của người Đại Diện Theo Ủy Quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ Đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;*

---

<sup>27</sup> Sửa đổi lần thứ hai ngày 22/4/2016

- b. *Gửi fax. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua fax phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.*
  - c. *Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.<sup>28</sup>*
5. Hội Đồng Quản Trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm Soát hoặc của Cổ Đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công Ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
  - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
  - c. Số Cổ Đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ;
  - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
  - e. Các quyết định đã được thông qua; và
  - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị hoặc người đại diện theo pháp luật của Công Ty và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội Đồng Quản Trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

- 6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công Ty trong thời hạn hai mươi tư giờ, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
- 7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.
- 8. *Các quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông dưới hình thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản được thông qua khi các Cổ Đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công Ty chấp thuận. Quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.<sup>29</sup>*

## **Điều 22. Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông**

Chủ tọa cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông. Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được công bố trên

<sup>28</sup> Sửa đổi lần thứ hai ngày 22/4/2016

<sup>29</sup> Sửa đổi lần thứ nhất ngày 01/7/2015

website của Công Ty trong thời hạn hai mươi bốn giờ kể từ ngày cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông kết thúc. Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông. Biên bản họp phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông và Thư ký cuộc họp, và được lập theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ này. Các bản ghi chép, biên bản họp, sổ chữ ký của các Cổ Đông dự họp và văn bản uỷ quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.

### **Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông**

*Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản hoặc kể từ ngày Công Ty công bố thông tin các tài liệu này, Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại Điều 11.3 của Điều Lệ này, thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc, thành viên Ban Kiểm Soát có quyền yêu cầu Toà Án hoặc Trọng Tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông trong các trường hợp sau đây:<sup>30</sup>*

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ này; và
2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm Pháp Luật hoặc Điều Lệ này.

Trường hợp quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông bị hủy bỏ theo quyết định của Toà án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc người tổ chức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc tổ chức lại việc lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ này trong vòng 30 ngày kể từ ngày quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài có hiệu lực.

## **CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội Đồng Quản Trị**

1. *Hội Đồng Quản Trị có từ 03 đến 11 thành viên. Số lượng cụ thể thành viên Hội Đồng Quản Trị của Công Ty cho từng nhiệm kỳ sẽ được Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định. Nhiệm kỳ của Hội Đồng Quản Trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội Đồng Quản Trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội Đồng Quản Trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Hội Đồng Quản Trị có thể có thành viên Hội Đồng Quản Trị độc lập theo quy định của Pháp Luật. Thành viên Hội Đồng Quản Trị có thể không mang quốc tịch Việt Nam và/hoặc không cư trú tại Việt Nam.<sup>31</sup>*
2. Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông nắm giữ trên 5% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công Ty trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền đề cử các ứng viên Hội Đồng Quản Trị theo quy định tại Điều này. Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông nắm giữ từ trên 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối

<sup>30</sup> Sửa đổi lần thứ ba ngày 20/4/2018

<sup>31</sup> Sửa đổi lần thứ ba ngày 20/4/2018

đa ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ ứng viên.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội Đồng Quản Trị thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Hội Đồng Quản Trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên.
4. Thành viên Hội Đồng Quản Trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau:
  - a. *Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh Nghiệp;*<sup>32</sup>
  - b. Là Cổ Đông là cá nhân sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông; hoặc nếu là Cổ Đông sở hữu ít hơn 5% tổng số cổ phần phổ thông hoặc là người không phải là Cổ Đông thì phải có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chính của Công Ty.
5. Thành viên Hội Đồng Quản Trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội Đồng Quản Trị trong các trường hợp sau:
  - a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội Đồng Quản Trị theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Điều Lệ này hoặc bị Pháp Luật cấm làm thành viên Hội Đồng Quản Trị;
  - b. Thành viên đó có thư xin từ nhiệm bằng văn bản gửi đến Công Ty;
  - c. Thành viên đó bị mất năng lực hành vi dân sự;
  - d. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị liên tục trong vòng sáu tháng mà không có sự chấp thuận của Hội Đồng Quản Trị và Hội Đồng Quản Trị quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống; và
  - e. Thành viên đó bị bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông.
6. *[hủy bỏ]*<sup>33</sup>
7. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội Đồng Quản Trị phải được công bố thông tin theo các quy định của Pháp Luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
8. Thành viên Hội Đồng Quản Trị không nhất thiết phải là Cổ Đông.

#### **Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội Đồng Quản Trị**

1. Hội Đồng Quản Trị giám sát và chỉ đạo hoạt động kinh doanh và các công việc của Công Ty. Hội Đồng Quản Trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công Ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông.
2. Hội Đồng Quản Trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám Đốc và các Người Quản Lý khác.

<sup>32</sup> Sửa đổi lần thứ hai ngày 22/4/2016

<sup>33</sup> Sửa đổi lần thứ ba ngày 20/4/2018

3. Quyền và nghĩa vụ của Hội Đồng Quản Trị do Pháp Luật, Điều Lệ này, các quy chế nội bộ của Công Ty và quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông quy định. Cụ thể, Hội Đồng Quản Trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:
  - a. Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
  - b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua;
  - c. Bổ nhiệm, miễn nhiệm và bãi nhiệm Tổng Giám Đốc Công Ty; bổ nhiệm, miễn nhiệm và bãi nhiệm những Người Quản Lý khác theo đề nghị của Tổng Giám Đốc; quyết định mức lương và lợi ích khác của Tổng Giám Đốc Công Ty và những Người Quản Lý khác;
  - d. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công Ty;
  - e. Giải quyết các khiếu nại của Công Ty đối với Người Quản Lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công Ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại Người Quản Lý đó;
  - f. Đề xuất việc phát hành cổ phần mới, các loại cổ phần có thể phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;
  - g. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi hoặc trái phiếu kèm chứng quyền trình Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định;
  - h. Quyết định việc phát hành các loại trái phiếu khác hoặc các hình thức khác để huy động thêm vốn.
  - i. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán khác;
  - j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức tạm ứng cổ tức; tổ chức việc chi trả cổ tức;
  - k. Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công Ty;
  - l. Cử, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp của Công Ty tại các công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó; đề cử người ứng cử các chức danh quản lý trong các công ty đó; bổ nhiệm, miễn nhiệm và bãi nhiệm các chức danh quản lý trong các công ty do Công Ty nắm giữ 100% vốn điều lệ;
  - m. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này.
4. Những vấn đề sau đây phải được Hội Đồng Quản Trị phê chuẩn:
  - a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công Ty;
  - b. Thành lập các công ty con của Công Ty;

- c. *Quyết định các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất của Công Ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại Điều 14.1.l), Điều 14.1.o) và Điều 34.4.b) của Điều Lệ này;*<sup>34</sup>
  - d. *Việc Công Ty phát hành trái phiếu hoặc các công cụ nợ khác; việc thực hiện các khoản cầm cố, thế chấp, bảo lãnh hoặc các biện pháp bảo đảm khác của Công Ty; việc thực hiện các khoản bồi thường của Công Ty;*<sup>35</sup>
  - e. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 1% tổng giá trị tài sản của Công Ty được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
  - f. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
  - g. Việc định giá các tài sản góp vào Công Ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công Ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
  - h. Việc Công Ty mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi mười hai tháng; quyết định giá mua lại cổ phần của Công Ty;
  - i. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội Đồng Quản Trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;
  - j. Ban hành Quy chế quản trị nội bộ của Công Ty.
5. Hội Đồng Quản Trị phải báo cáo Đại Hội Đồng Cổ Đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội Đồng Quản Trị đối với Tổng Giám Đốc và những Người Quản Lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội Đồng Quản Trị không trình báo cáo cho Đại Hội Đồng Cổ Đông, báo cáo tài chính năm của Công Ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội Đồng Quản Trị thông qua.
  6. Trừ khi Pháp Luật và Điều Lệ này quy định khác, Hội Đồng Quản Trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các Người Quản Lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công Ty.
  7. Thành viên Hội Đồng Quản Trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội Đồng Quản Trị. Tổng mức thù lao cho Hội Đồng Quản Trị sẽ do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội Đồng Quản Trị theo thoả thuận trong Hội Đồng Quản Trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.
  8. Tổng số tiền thù lao cho các thành viên Hội Đồng Quản Trị, bao gồm thù lao và các lợi ích khác được hưởng từ Công Ty, phải được công bố theo quy định của Pháp Luật.

<sup>34</sup> Sửa đổi lần thứ hai ngày 22/4/2016

<sup>35</sup> Sửa đổi lần thứ hai ngày 22/4/2016

9. Thành viên Hội Đồng Quản Trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ Tịch hoặc Phó Chủ Tịch), hoặc thành viên Hội Đồng Quản Trị làm việc tại các tiểu ban của Hội Đồng Quản Trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội Đồng Quản Trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội Đồng Quản Trị, có thể được trả thêm tiền thù lao hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội Đồng Quản Trị.
10. Thành viên Hội Đồng Quản Trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tham dự các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị, các cuộc họp của các tiểu ban của Hội Đồng Quản Trị hoặc các cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.

#### **Điều 26. Chủ Tịch, Phó Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị**

1. *Hội Đồng Quản Trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội Đồng Quản Trị để bầu ra Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị. Nếu xét thấy cần thiết, theo đề xuất của Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị, Hội Đồng Quản Trị có thể bầu một hoặc một số Phó Chủ Tịch từ các thành viên Hội Đồng Quản Trị. Trừ khi Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định khác, Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị sẽ không kiêm chức Tổng Giám Đốc của Công Ty.*<sup>36</sup>
2. Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị có trách nhiệm triệu tập và chủ tọa cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông và các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều Lệ này và Luật Doanh Nghiệp. Phó Chủ Tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ Tịch trong trường hợp được Chủ Tịch uỷ quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ Tịch đã thông báo cho Hội Đồng Quản Trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp nêu trên, nếu Chủ Tịch không chỉ định Phó Chủ Tịch hành động như vậy, các thành viên còn lại của Hội Đồng Quản Trị sẽ chỉ định Phó Chủ Tịch. Trường hợp cả Chủ Tịch và Phó Chủ Tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, Hội Đồng Quản Trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ Tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.
3. Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội Đồng Quản Trị gửi báo cáo tài chính năm được kiểm toán và báo cáo hoạt động của Công Ty cho các Cổ Đông tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên.
4. Trường hợp cả Chủ Tịch và Phó Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm, Hội Đồng Quản Trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười ngày.

#### **Điều 27. Ủy quyền dự họp Hội Đồng Quản Trị**

1. Thành viên Hội Đồng Quản Trị có thể ủy quyền cho một thành viên Hội Đồng Quản Trị khác, hoặc một người khác được Hội Đồng Quản Trị phê chuẩn, thay mặt mình dự họp Hội Đồng Quản Trị và phải chịu trách nhiệm về việc ủy quyền đó.

---

<sup>36</sup> Sửa đổi lần thứ ba ngày 20/4/2018

2. Người được ủy quyền có quyền tham gia và biểu quyết tại các cuộc họp khi thành viên Hội Đồng Quản Trị ủy quyền vắng mặt, nhưng không có quyền nhận bất kỳ khoản thù lao nào từ phía Công Ty cho công việc được ủy quyền.
3. Việc ủy quyền sẽ đương nhiên mất hiệu lực trong trường hợp người ủy quyền không còn tư cách thành viên Hội Đồng Quản Trị.
4. Việc ủy quyền hoặc hủy bỏ việc ủy quyền (ngoại trừ việc ủy quyền đương nhiên mất hiệu lực theo Điều 27.3 nêu trên) phải được thành viên Hội Đồng Quản Trị thông báo bằng văn bản cho Hội Đồng Quản Trị.

## **Điều 28. Các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị**

1. **Họp bầu Chủ Tịch:** Trường hợp Hội Đồng Quản Trị bầu Chủ Tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội Đồng Quản Trị để bầu Chủ Tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội Đồng Quản Trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị theo nguyên tắc đa số.
2. **Các cuộc họp thường kỳ:** Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm ngày làm việc trước ngày họp dự kiến. Chủ Tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.
3. **Các cuộc họp bất thường:** Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty. Ngoài ra, Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây có đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:
  - a. Tổng Giám Đốc hoặc ít nhất năm (5) Người Quản Lý;
  - b. Ít nhất hai (2) thành viên Hội Đồng Quản Trị; hoặc
  - c. Ban Kiểm Soát.
4. *Các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị nêu tại Điều 28.3 trên đây phải được tiến hành trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị. Trường hợp Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ Tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công Ty; và trong trường hợp đó, những người đề nghị tổ chức cuộc họp theo quy định tại Điều 28.3 trên đây có thể tự mình triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị.<sup>37</sup>*
5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công Ty.

---

<sup>37</sup> Sửa đổi lần thứ hai ngày 22/4/2016



6. Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công Ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị.
7. Thông báo và chương trình họp: Thông báo họp Hội Đồng Quản Trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội Đồng Quản Trị ít nhất 3 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo họp Hội Đồng Quản Trị phải được làm bằng văn bản và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội Đồng Quản Trị.
  - a. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội Đồng Quản Trị được đăng ký tại Công Ty.
  - b. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm Soát Viên như đối với các thành viên Hội Đồng Quản Trị. Kiểm Soát Viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.<sup>38</sup>
8. Số thành viên tham dự tối thiểu: Các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị được coi là hợp lệ và được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội Đồng Quản Trị dự họp. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định tại Điều này, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được coi là hợp lệ nếu có hơn một nửa (1/2) tổng số thành viên Hội Đồng Quản Trị dự họp.
  - a. Thành viên Hội Đồng Quản Trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong các trường hợp sau đây:
  - b. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
  - c. Ủy quyền cho người khác dự họp theo quy định tại Điều Lệ này.
  - d. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;
  - e. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

*Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.<sup>39</sup>*

9. Biểu quyết:
  - a. Trừ quy định tại Điều 28.9(b) của Điều Lệ này, mỗi thành viên Hội Đồng Quản Trị hoặc người được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Hội Đồng Quản Trị sẽ có một phiếu biểu quyết;

<sup>38</sup> Sửa đổi lần thứ hai ngày 22/4/2016

<sup>39</sup> Sửa đổi lần thứ hai ngày 22/4/2016

- b. Thành viên Hội Đồng Quản Trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc Người Có Liên Quan của thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công Ty. Một thành viên Hội Đồng Quản Trị sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội Đồng Quản Trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
  - c. Theo quy định tại Điều 28.9(d) của Điều Lệ này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội Đồng Quản Trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết của một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội Đồng Quản Trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội Đồng Quản Trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;
  - d. Thành viên Hội Đồng Quản Trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều 34.4.a) và Điều 34.4.b) của Điều Lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.
10. Công khai lợi ích: Thành viên Hội Đồng Quản Trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công Ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội Đồng Quản Trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội Đồng Quản Trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công Ty, thành viên Hội Đồng Quản Trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội Đồng Quản Trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.
11. *Biểu quyết đa số: Các nghị quyết hoặc quyết định của Hội Đồng Quản Trị sẽ được thông qua khi có ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội Đồng Quản Trị dự họp (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ Tịch sẽ là lá phiếu quyết định.*<sup>40</sup>
12. Hợp trên điện thoại hoặc các hình thức khác: Cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội Đồng Quản Trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
- a. Nghe từng thành viên Hội Đồng Quản Trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp; và
  - b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện thông tin liên lạc khác hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này.

<sup>40</sup> Sửa đổi lần thứ hai ngày 22/4/2016

Theo Điều Lệ này, thành viên Hội Đồng Quản Trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội Đồng Quản Trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ toạ cuộc họp hiện diện.

13. Nghị quyết bằng văn bản: Hội Đồng Quản Trị có thể thông qua nghị quyết bằng việc lấy ý kiến các thành viên Hội Đồng Quản Trị bằng văn bản.

Việc lấy ý kiến bằng văn bản sẽ được thực hiện như sau:

- a. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị có quyền lấy ý kiến các thành viên Hội Đồng Quản Trị bằng văn bản để thông qua các nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị bất kỳ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty.
  - b. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị phải chuẩn bị thư lấy ý kiến các thành viên Hội Đồng Quản Trị. Thư lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau: (i) các vấn đề cần lấy ý kiến, (ii) phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến, (iii) thời hạn phải gửi về Công Ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời và (iv) họ tên, chữ ký của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị và họ tên, chữ ký của thành viên Hội Đồng Quản Trị được lấy ý kiến.
  - c. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của đại diện Ban Kiểm Soát. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau: (i) các vấn đề cần lấy ý kiến, (ii) tổng số thành viên Hội Đồng Quản Trị đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ, (iii) tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề, (iv) các nghị quyết đã được thông qua và (v) họ tên, chữ ký của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị và đại diện Ban Kiểm Soát.
  - d. Khi lấy ý kiến các thành viên Hội Đồng Quản Trị bằng văn bản, nghị quyết sẽ được thông qua khi có ý kiến tán thành của đa số các thành viên Hội Đồng Quản Trị (trên 50%) trên tổng số thành viên Hội Đồng Quản Trị có quyền biểu quyết đối với vấn đề được lấy ý kiến. Trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì ý kiến của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị sẽ là ý kiến quyết định.
  - e. Nghị quyết bằng văn bản có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội Đồng Quản Trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức hợp lệ.
14. Biên bản họp Hội Đồng Quản Trị: Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội Đồng Quản Trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội Đồng Quản Trị được lập bằng tiếng Việt và có chữ ký của tất cả các thành viên Hội Đồng Quản Trị tham dự cuộc họp hoặc biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi bản có chữ ký của ít nhất một thành viên Hội Đồng Quản Trị tham dự cuộc họp.
15. Những người được mời họp dự thính: Tổng Giám Đốc, những Người Quản Lý khác và các chuyên gia của một bên thứ ba có thể dự họp Hội Đồng Quản Trị theo lời mời của Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị nhưng không được biểu quyết, trừ khi bản thân họ là thành viên Hội Đồng Quản Trị hoặc là người được thành viên Hội Đồng Quản Trị ủy quyền.

16. Các tiểu ban của Hội Đồng Quản Trị: Hội Đồng Quản Trị có thể thành lập và uỷ quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội Đồng Quản Trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội Đồng Quản Trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội Đồng Quản Trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội Đồng Quản Trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số (trên 50%) thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội Đồng Quản Trị.

## **CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY**

### **Điều 29. Tổ chức bộ máy quản lý**

Công Ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội Đồng Quản Trị. Công Ty có một Tổng Giám Đốc, một hoặc một số Phó Tổng Giám Đốc và một Kế Toán Trưởng do Hội Đồng Quản Trị bổ nhiệm. Tổng Giám Đốc và các Phó Tổng Giám Đốc có thể đồng thời là thành viên Hội Đồng Quản Trị, và được Hội Đồng Quản Trị bổ nhiệm, bãi nhiệm hoặc bãi nhiệm.

### **Điều 30. Người Quản Lý**

1. Theo đề nghị của Tổng Giám Đốc và được sự chấp thuận của Hội Đồng Quản Trị, Công Ty được sử dụng số lượng và loại Người Quản Lý cần thiết hoặc phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý Công Ty do Hội Đồng Quản Trị đề xuất tùy từng thời điểm. Người Quản Lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công Ty đạt được các mục tiêu đề ra.
2. Mức lương, tiền thù lao và các lợi ích khác của Tổng Giám Đốc sẽ do Hội Đồng Quản Trị quyết định.
3. Mức lương, tiền thù lao và các lợi ích khác của những Người Quản Lý khác sẽ do Hội Đồng Quản Trị quyết định theo đề xuất của Tổng Giám Đốc.

### **Điều 31. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám Đốc**

1. **Bổ nhiệm:** Hội Đồng Quản Trị sẽ bổ nhiệm một thành viên Hội Đồng Quản Trị hoặc một người khác làm Tổng Giám Đốc.
2. **Nhiệm kỳ:** *Nhiệm kỳ của Tổng Giám Đốc là năm năm trừ khi Hội Đồng Quản Trị có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám Đốc không được phép là những người bị Pháp Luật cấm giữ chức vụ này.*<sup>41</sup>

---

<sup>41</sup> Sửa đổi lần thứ ba ngày 20/4/2018

3. Quyền hạn và nhiệm vụ: Tổng Giám Đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:
- a. Thực hiện các nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị và Đại Hội Đồng Cổ Đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công Ty đã được Hội Đồng Quản Trị và Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua;
  - b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị, bao gồm việc thay mặt Công Ty ký kết các hợp đồng mà Công Ty là một bên tham gia, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công Ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
  - c. Kiến nghị số lượng và các loại Người Quản Lý mà Công Ty cần thuê để Hội Đồng Quản Trị bổ nhiệm, bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm; đề xuất để Hội Đồng Quản Trị quyết định mức lương, thù lao và các lợi ích khác của những Người Quản Lý đó;
  - d. Tham khảo ý kiến của Hội Đồng Quản Trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
  - e. Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm hoặc một thời hạn khác do Hội Đồng Quản Trị quyết định, Tổng Giám Đốc phải trình Hội Đồng Quản Trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm năm;
  - f. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công Ty; và
  - g. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều Lệ này và các quy chế của Công Ty, các nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị và quy định của Pháp Luật.
4. Báo cáo lên Hội Đồng Quản Trị và các Cổ Đông: Tổng Giám Đốc chịu trách nhiệm trước Hội Đồng Quản Trị và Đại Hội Đồng Cổ Đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.
5. Bãi nhiệm: Hội Đồng Quản Trị có thể bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm Tổng Giám Đốc khi có đa số thành viên Hội Đồng Quản Trị có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng Giám Đốc mới thay thế.

### **Điều 32. Thư Ký Công Ty**

Hội Đồng Quản Trị sẽ chỉ định một (hoặc nhiều) người làm Thư Ký Công Ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội Đồng Quản Trị. Thư Ký Công Ty phải là người có hiểu biết về pháp luật. Thư Ký Công Ty không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công Ty. Hội Đồng Quản Trị có thể bãi nhiệm Thư Ký Công Ty khi cần thiết. Hội Đồng Quản Trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều trợ lý Thư Ký Công Ty. Vai trò và nhiệm vụ của Thư Ký Công Ty bao gồm:

- a. Chuẩn bị các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát và Đại Hội Đồng Cổ Đông theo yêu cầu của Hội Đồng Quản Trị hoặc Ban Kiểm Soát;
- b. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

- c. Tham dự các cuộc họp;
- d. Đảm bảo các nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị phù hợp với Pháp Luật; và
- e. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội Đồng Quản Trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát.

Thư ký Công Ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này.

## **CHƯƠNG IX. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ**

### **Điều 33. Trách nhiệm cẩn trọng**

Thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc và Người Quản Lý khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội Đồng Quản Trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công Ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

### **Điều 34. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi**

1. Thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc và Người Quản Lý khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công Ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
2. Thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc và Người Quản Lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội Đồng Quản Trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công Ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội Đồng Quản Trị không có lợi ích liên quan biểu quyết tán thành. Nội dung các thông tin cần thông báo bao gồm:
  - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà họ sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó.
  - b. *Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà Người Có Liên Quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên 10% vốn điều lệ.*<sup>42</sup>

---

<sup>42</sup> Sửa đổi lần thứ hai ngày 22/4/2016

Việc kê khai theo quy định tại điều khoản này phải được thực hiện trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được khai báo tới Công Ty trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ khi có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

Việc kê khai theo quy định tại điều khoản này phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty. Cổ Đông, Đại Diện Theo Ủy Quyền của Cổ Đông, thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc có quyền xem xét nội dung kê khai bất cứ lúc nào nếu thấy cần thiết.

Thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công Ty đều phải giải trình bản chất, nội dung công việc đó trước Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội Đồng Quản Trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội Đồng Quản Trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công Ty.

3. Công Ty không được phép cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc, Người Quản Lý, và Người Có Liên Quan của họ hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại Hội Đồng Cổ Đông có quyết định khác.
4. *Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công Ty và các đối tượng sau đây:*
  - *Cổ Đông, đại diện ủy quyền của Cổ Đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công Ty và Người Có Liên Quan của họ;*
  - *Thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc và Người Có Liên Quan của họ;*
  - *Doanh nghiệp mà thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc và Người Quản Lý khác có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần;*
  - *Doanh nghiệp mà Người Có Liên Quan của thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc và Người Quản Lý khác cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên 10% vốn điều lệ;*

*sẽ không bị vô hiệu, nếu:*<sup>43</sup>

- a. *đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công Ty được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của Người Quản Lý hoặc thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát đã được báo cáo cho Hội Đồng Quản Trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội Đồng Quản Trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội Đồng Quản Trị không có lợi ích liên quan;*<sup>44</sup>

<sup>43</sup> Sửa đổi lần thứ hai ngày 22/4/2016

<sup>44</sup> Sửa đổi lần thứ ba ngày 20/4/2018

- b. *đối với những hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công Ty được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của Người Quản Lý hoặc thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát đã được công bố cho các Cổ Đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó. Những hợp đồng này được chấp thuận khi có 65% số Cổ Đông không có lợi ích liên quan biểu quyết tán thành; hoặc<sup>45</sup>*
- c. *hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các Cổ Đông của Công Ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội Đồng Quản Trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội Đồng Quản Trị hay các Cổ Đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.*

Thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc, Người Quản Lý hay Người Có Liên Quan của họ không được sử dụng, hoặc tiết lộ cho người khác, các thông tin chưa được phép công bố của Công Ty để thực hiện các giao dịch có liên quan.

### **Điều 35. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường**

1. Trách nhiệm về thiệt hại: Thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc và Người Quản Lý vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Bồi thường: Công Ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính, và không phải là các vụ kiện do Công Ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội Đồng Quản Trị, Người Quản Lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công Ty uỷ quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công Ty với tư cách thành viên Hội Đồng Quản Trị, Người Quản Lý, nhân viên hoặc đại diện được uỷ quyền của Công Ty, với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công Ty, trên cơ sở tuân thủ Pháp Luật và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), các khoản tiền phạt hoặc các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ Pháp Luật cho phép. Công Ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

## **CHƯƠNG X. BAN KIỂM SOÁT**

### **Điều 36. Thành viên Ban Kiểm Soát**

1. *Ban Kiểm Soát phải có từ ba (03) đến năm (05) thành viên. Các thành viên Ban Kiểm Soát bầu một thành viên làm Trưởng Ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban Kiểm Soát có các quyền và trách nhiệm sau:*

---

<sup>45</sup> Sửa đổi lần thứ ba ngày 20/4/2018



- a. *Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm Soát;*
  - b. *Yêu cầu Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và Người Quản Lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban Kiểm Soát; và*
  - c. *Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm Soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội Đồng Quản Trị để trình lên Đại Hội Đồng Cổ Đông.<sup>46</sup>*
2. *Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông nắm giữ trên 5% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công Ty trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền đề cử các ứng viên vào Ban Kiểm Soát theo quy định tại Điều này. Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông nắm giữ từ trên 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.*

*Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Kiểm Soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm Soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên.*

3. *Các thành viên của Ban Kiểm Soát do Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu, nhiệm kỳ của Ban Kiểm Soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban Kiểm Soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Thành viên Ban kiểm soát có thể không mang quốc tịch Việt Nam. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.*

*Thành viên Ban Kiểm Soát phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau:*

- a. *Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh Nghiệp;*
- b. *Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và Người Quản Lý khác;*
- c. *Không được giữ các chức vụ quản lý Công Ty; không nhất thiết phải là Cổ Đông hoặc người lao động của Công Ty;*
- d. *Không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công Ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công Ty trong 3 năm liền trước đó;<sup>47</sup>*
- e. *Phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên;*
- f. *Trưởng Ban Kiểm Soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công Ty; và*
- g. *Các tiêu chuẩn và điều kiện bắt buộc khác theo quy định của Pháp Luật.<sup>48</sup>*

<sup>46</sup> Sửa đổi lần thứ hai ngày 22/4/2016

<sup>47</sup> Sửa đổi lần thứ ba ngày 20/4/2018

<sup>48</sup> Sửa đổi lần thứ hai ngày 22/4/2016

4. Thành viên Ban Kiểm Soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:
  - a. Thành viên đó bị Pháp Luật cấm làm thành viên Ban Kiểm Soát;
  - b. Thành viên đó có thư từ nhiệm bằng văn bản gửi đến Công Ty;
  - c. Thành viên đó bị mất năng lực hành vi dân sự;
  - d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban Kiểm Soát liên tục trong vòng sáu tháng liên tục mà không được sự chấp thuận của Ban Kiểm Soát và Ban Kiểm Soát ra quyết định rằng chức vụ của người này bị bỏ trống; và
  - e. Thành viên đó bị miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông.

### **Điều 37. Ban Kiểm Soát**

1. *Ban Kiểm Soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, các quy định của Pháp Luật liên quan và Điều Lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:*<sup>49</sup>
  - a. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan;
  - b. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
  - c. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Công Ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Công Ty nếu thấy cần thiết;
  - d. Kiểm tra các báo cáo tài chính năm, sáu tháng và hàng quý của Công Ty;
  - e. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
  - f. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý Công Ty;
  - g. Xem xét báo cáo của Công Ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội Đồng Quản Trị chấp thuận; và
  - h. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.
2. Thành viên của Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và Người Quản Lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công Ty theo yêu cầu của Ban Kiểm Soát. Thư ký Công Ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội Đồng Quản Trị và bản sao các

---

<sup>49</sup> Sửa đổi lần thứ hai ngày 22/4/2016

biên bản họp Hội Đồng Quản Trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban Kiểm Soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội Đồng Quản Trị.

3. *Ban Kiểm Soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban Kiểm Soát và cách thức hoạt động của Ban Kiểm Soát. Ban Kiểm Soát phải họp tối thiểu hai lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban Kiểm Soát.*<sup>50</sup>
4. Tổng mức thù lao cho các thành viên Ban Kiểm Soát sẽ do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định. Thành viên của Ban Kiểm Soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban Kiểm Soát hoặc liên quan đến hoạt động khác của Ban Kiểm Soát.

## **CHƯƠNG XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY**

### **Điều 38. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ**

1. Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại Điều 11.3 của Điều Lệ này có quyền trực tiếp hoặc người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Công Ty danh sách Cổ Đông, các biên bản của Đại Hội Đồng Cổ Đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được uỷ quyền của Cổ Đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của Cổ Đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao chứng thực của giấy uỷ quyền này kèm theo các tài liệu chứng minh quyền sở hữu cổ phần của Công Ty của Cổ Đông đó.
2. Thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc và Người Quản Lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký Cổ Đông của Công Ty, danh sách Cổ Đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công Ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Công Ty sẽ phải lưu Điều Lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều Lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp và nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông và Hội Đồng Quản Trị, các báo cáo của Ban Kiểm Soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của Pháp Luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các Cổ Đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
4. Điều Lệ Công Ty phải được công bố trên website của Công Ty.

## **CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN**

### **Điều 39. Công nhân viên và công đoàn**

1. Tổng Giám Đốc phải lập kế hoạch để Hội Đồng Quản Trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với Người Quản Lý và người lao động.

---

<sup>50</sup> Sửa đổi lần thứ hai ngày 22/4/2016

2. Tổng Giám Đốc phải lập kế hoạch để Hội Đồng Quản Trị thông qua các vấn đề liên quan đến mối quan hệ của Công Ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều Lệ này, các quy chế của Công Ty và quy định Pháp Luật hiện hành.

### **CHƯƠNG XIII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN**

#### **Điều 40. Cổ tức**

1. Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công Ty. Cổ tức có thể được trả bằng tiền, bằng cổ phiếu của Công Ty hoặc bằng các tài sản khác theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông. Công Ty chỉ được trả cổ tức cho Cổ Đông khi Công Ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp Luật; trích lập các quỹ và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này. Ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công Ty vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.
2. Theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Hội Đồng Quản Trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công Ty.
3. Trường hợp cổ tức được chi trả bằng tiền mặt, Công Ty sẽ chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua việc chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng do Cổ Đông cung cấp. Trường hợp Công Ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do Cổ Đông cung cấp mà Cổ Đông đó không nhận được tiền, Công Ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công Ty chuyển cho Cổ Đông. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam.

#### **Điều 41. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận**

Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của Pháp Luật.

### **CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN**

#### **Điều 42. Tài khoản ngân hàng**

1. Công Ty sẽ mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Trong trường hợp cần thiết, Công Ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của Pháp Luật.
3. Công Ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công Ty mở tài khoản.

#### **Điều 43. Năm tài khóa**

Năm tài khóa của Công Ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm dương lịch và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.

#### **Điều 44. Hệ thống kế toán**

1. Hệ thống kế toán Công Ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công Ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công Ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công Ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công Ty.
3. Công Ty sử dụng đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

### **CHƯƠNG XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG**

#### **Điều 45. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý và báo cáo thường niên**

1. Công Ty phải lập báo cáo tài chính năm theo quy định của Pháp Luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo tài chính phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 47 của Điều Lệ này. Công Ty sẽ công bố thông tin báo cáo tài chính năm theo quy định của Pháp Luật.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công Ty trong năm tài chính, bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công Ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.
3. Công Ty phải lập các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao Dịch Chứng Khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định của Pháp Luật.
4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng và quý của Công Ty phải được công bố trên website của Công Ty.
5. Công Ty phải lập và công bố báo cáo thường niên theo các quy định của Pháp Luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

#### **Điều 46. Công bố thông tin**

Các báo cáo tài chính năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

### **CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY**

## **Điều 47. Kiểm toán**

1. Tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên, Công Ty sẽ chỉ định một công ty kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty niêm yết, hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội Đồng Quản Trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này, tiến hành các hoạt động kiểm toán Công Ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội Đồng Quản Trị.
2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công Ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội Đồng Quản Trị trong vòng 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
3. Theo quyết định của Hội Đồng Quản Trị, kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công Ty được phép tham dự các cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại Hội Đồng Cổ Đông mà các Cổ Đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

## **CHƯƠNG XVII. CON DẤU**

### **Điều 48. Con dấu**

1. *Hội Đồng Quản Trị có quyền quyết định Công Ty có thể có nhiều hơn một con dấu theo quy định của Pháp Luật.<sup>51</sup>*
2. Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của Pháp Luật.

## **CHƯƠNG XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ**

### **Điều 49. Chấm dứt hoạt động**

1. Công Ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong một trong những trường hợp sau:
  - a. Toà án tuyên bố Công Ty phá sản theo quy định của Pháp Luật;
  - b. Giải thể theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông;
  - c. Các trường hợp khác do Pháp Luật quy định.
2. Việc giải thể Công Ty sẽ do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định và Hội Đồng Quản Trị thực hiện. Quyết định giải thể này có thể phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Pháp Luật.

### **Điều 50. Thanh lý**

---

<sup>51</sup> Sửa đổi lần thứ hai ngày 22/4/2016

1. Sau khi có quyết định giải thể Công Ty, Hội Đồng Quản Trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba thành viên, trong đó hai thành viên do Đại Hội Đồng Cổ Đông chỉ định và một thành viên do Hội Đồng Quản Trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công Ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công Ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ của Công Ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động của Ban thanh lý. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công Ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công Ty trước Toà án và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
  - a. Các chi phí thanh lý;
  - b. Tiền lương, trợ cấp thôi việc và chi phí bảo hiểm cho người lao động của Công Ty;
  - c. Thuế và các khoản nộp cho Nhà nước;
  - d. Các khoản nợ của Công Ty;
  - e. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây sẽ được phân chia cho các Cổ Đông. Các Cổ Đông sở hữu cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

## **CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

### **Điều 51. Giải quyết tranh chấp nội bộ**

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công Ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các Cổ Đông theo quy định tại Điều Lệ này, Luật Doanh Nghiệp hoặc các quy định Pháp Luật khác, giữa:
  - a. Cổ Đông với Công Ty; hoặc
  - b. Cổ Đông với Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc hay Người Quản Lý.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội Đồng Quản Trị hay Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị, Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các vấn đề liên quan đến tranh chấp trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội Đồng Quản Trị hay Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trường Ban Kiểm Soát chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 60 ngày kể từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận,

bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án nhân dân có thẩm quyền để giải quyết.

3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí liên quan đến việc giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc Trọng tài sẽ được thanh toán theo phán quyết của Tòa án hoặc Trọng tài.

## **CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ**

### **Điều 52. Bổ sung và sửa đổi Điều Lệ**

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều Lệ này phải được Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của Pháp Luật có liên quan đến hoạt động của Công Ty chưa được đề cập trong bản Điều Lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp Luật khác với những điều khoản trong Điều Lệ này thì những quy định của Pháp Luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công Ty.

## **CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC**

### **Điều 53. Ngày hiệu lực**

1. Bản Điều Lệ này gồm 21 Chương, 53 Điều, được hợp nhất và có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 4 năm 2018.
2. Điều Lệ có thể lập thành nhiều bản, có giá trị như nhau, trong đó ít nhất một bản lưu trữ tại trụ sở chính của Công Ty.
3. Điều Lệ này là duy nhất và chính thức của Công Ty và thay thế bản Điều Lệ và các phụ lục sửa đổi Điều Lệ trước đây.



Trang ký



---

**CHE TAN PRAKASH BAXI**  
Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị  
Người Đại Diện Theo Pháp Luật của Công Ty





**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan  
và các công ty con**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận**

**Đăng ký Doanh nghiệp số** 0309966889

ngày 12 tháng 8 năm 2017

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là vào ngày 12 tháng 8 năm 2017. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đầu tiên số 0309966889 được cấp ngày 27 tháng 4 năm 2010.

**Giấy Chứng nhận Đầu tư số** 41122000131

ngày 2 tháng 8 năm 2013

Giấy Chứng nhận Đầu tư do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Công ty để thực hiện việc đầu tư dự án “Công ty Cổ phần Tài nguyên Ma San” có thời gian hoạt động là 10 năm kể từ ngày được cấp Giấy Chứng nhận Đầu tư.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Chetan Prakash Baxi	Chủ tịch
Tiến sỹ Nguyễn Đăng Quang	Thành viên
Ông Nguyễn Thiệu Nam	Thành viên
Ông Jonathan David Fiorello	Thành viên ( <i>đến ngày 17/4/2017</i> )
Ông Dominic John Heaton	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thắng	Thành viên

**Ban Giám đốc**

Ông Craig Richard Bradshaw	Tổng Giám đốc ( <i>từ ngày 31/7/2017</i> )
Ông Dominic John Heaton	Tổng Giám đốc ( <i>đến ngày 31/7/2017</i> )
Ông Nikhil Kamran	Giám đốc tài chính

**Trụ sở đăng ký**

Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza  
Số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

## **Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan** **Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất và riêng đính kèm của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.


Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất và riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 53 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn và Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất và riêng đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc

  
Craig Richard Bradshaw  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, 08 -03- 2018



KPMG Limited  
46<sup>th</sup> Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất và riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan (“Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất và riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Lãnh đạo Công ty phê duyệt phát hành ngày 08-03-2018, được trình bày từ trang 5 đến trang 53.

### **Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo**

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất và riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm đối với hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất và riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất và riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất và riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất và riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tập đoàn và Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và riêng và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và riêng cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 17-02-231/KT



Trần Anh Quân

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0306-2018-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, **08 -03- 2018**

Phan Mỹ Linh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 3064-2014-007-1

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017**

**Mẫu B 01 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			31/12/2017 Nghìn VND	1/1/2017 Nghìn VND	31/12/2017 Nghìn VND	1/1/2017 Nghìn VND
<b>TÀI SẢN</b>						
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>3.456.003.440</b>	<b>2.496.130.991</b>	<b>2.782.039</b>	<b>951.931</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>780.414.201</b>	<b>603.345.037</b>	<b>483.619</b>	<b>896.931</b>
Tiền	111		82.470.201	536.715.037	83.619	896.931
Các khoản tương đương tiền	112		697.944.000	66.630.000	400.000	-
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>32.500.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		32.500.000	-	-	-
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>860.460.818</b>	<b>583.833.584</b>	<b>2.298.420</b>	<b>55.000</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		368.595.772	271.197.824	-	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		78.568.122	42.094.159	-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	<b>6</b>	420.152.488	277.397.165	2.298.420	55.000
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(6.855.564)	(6.855.564)	-	-
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>7</b>	<b>1.409.062.969</b>	<b>1.112.385.216</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Hàng tồn kho	141		1.409.062.969	1.112.385.216	-	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>373.565.452</b>	<b>196.567.154</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		47.822.640	61.782.483	-	-
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		325.742.812	134.784.671	-	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			31/12/2017 Nghìn VND	1/1/2017 Nghìn VND	31/12/2017 Nghìn VND	1/1/2017 Nghìn VND
<b>Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>23.688.207.422</b>	<b>24.039.367.458</b>	<b>9.995.844.635</b>	<b>10.024.094.084</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.346.793.937</b>	<b>1.379.457.775</b>	<b>4.855.509.062</b>	<b>4.883.758.511</b>
Phải thu về cho vay dài hạn	215	8	-	-	3.945.518.100	3.945.518.100
Phải thu dài hạn khác	216	6	1.346.793.937	1.379.457.775	909.990.962	938.240.411
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>18.898.064.279</b>	<b>18.629.319.036</b>	-	-
Tài sản cố định hữu hình	221	9	18.351.724.804	18.037.642.308	-	-
Nguyên giá	222		21.810.465.885	20.374.332.304	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.458.741.081)	(2.336.689.996)	-	-
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	10	4.486.667	17.946.667	-	-
Nguyên giá	225		67.300.000	67.300.000	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(62.813.333)	(49.353.333)	-	-
Tài sản cố định vô hình	227	11	541.852.808	573.730.061	-	-
Nguyên giá	228		688.278.032	677.940.788	137.950	137.950
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(146.425.224)	(104.210.727)	(137.950)	(137.950)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>987.802.403</b>	<b>1.681.618.571</b>	-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	987.802.403	1.681.618.571	-	-
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-	<b>5.140.335.573</b>	<b>5.140.335.573</b>
Đầu tư vào công ty con	251	13	-	-	5.140.335.573	5.140.335.573
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.455.546.803</b>	<b>2.348.972.076</b>	-	-
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	2.440.860.012	2.348.972.076	-	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	19(i)	14.686.791	-	-	-
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>27.144.210.862</b>	<b>26.535.498.449</b>	<b>9.998.626.674</b>	<b>10.025.046.015</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			31/12/2017 Nghìn VND	1/1/2017 Nghìn VND	31/12/2017 Nghìn VND	1/1/2017 Nghìn VND
<b>NGUỒN VỐN</b>						
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>15.132.604.815</b>	<b>14.825.018.166</b>	<b>554.834.167</b>	<b>581.264.773</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>4.871.844.056</b>	<b>3.518.587.636</b>	<b>13.759.992</b>	<b>40.190.598</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311		434.067.033	385.674.737	429.032	33
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		166.299.167	37.027.125	-	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	74.558.198	43.470.903	-	-
Phải trả người lao động	314		-	14.359	-	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	788.206.464	794.222.535	424.490	934.647
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	3.919.178	31.175.245	12.906.470	39.255.918
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18(a)	3.404.794.016	2.227.002.732	-	-
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>10.260.760.759</b>	<b>11.306.430.530</b>	<b>541.074.175</b>	<b>541.074.175</b>
Phải trả dài hạn khác	337	17	1.124.123.839	1.124.123.839	541.074.175	541.074.175
Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18(b)	7.967.927.242	8.922.889.456	-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	19(ii)	643.914.399	675.071.953	-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342	20	524.795.279	584.345.282	-	-
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>12.011.606.047</b>	<b>11.710.480.283</b>	<b>9.443.792.507</b>	<b>9.443.781.242</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>12.011.606.047</b>	<b>11.710.480.283</b>	<b>9.443.792.507</b>	<b>9.443.781.242</b>
Vốn cổ phần	411	22	7.194.473.280	7.194.473.280	7.194.473.280	7.194.473.280
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		7.035.448.980	7.035.448.980	7.035.448.980	7.035.448.980
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		159.024.300	159.024.300	159.024.300	159.024.300
Thặng dư vốn cổ phần	412	22	1.944.327.324	1.944.327.324	1.944.327.324	1.944.327.324
Vốn khác của chủ sở hữu	414		(295.683.347)	(295.683.347)	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.757.718.772	2.551.804.716	304.991.903	304.980.638
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		2.551.804.716	2.441.963.692	304.980.638	222.688.093
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		205.914.056	109.841.024	11.265	82.292.545
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		410.770.018	315.558.310	-	-
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>27.144.210.862</b>	<b>26.535.498.449</b>	<b>9.998.626.674</b>	<b>10.025.046.015</b>

08 -03- 2018

Người lập:



Nguyễn Thị Hải Yến  
Kế toán trưởng

Người kiểm tra:



Nikhil Kamran  
Giám đốc Tài chính

Người duyệt:




Craig Richard Bradshaw  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**

**Mẫu B 02 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
			2017 Nghìn VND	2016 Nghìn VND	2017 Nghìn VND	2016 Nghìn VND
<b>Doanh thu bán hàng</b>	<b>01</b>	<b>24</b>	<b>5.404.645.101</b>	<b>4.048.817.336</b>	-	-
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>		<b>3.713.762.618</b>	<b>2.945.556.012</b>	-	-
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>1.690.882.483</b>	<b>1.103.261.324</b>	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	41.999.592	221.046.558	14.265	85.002.516
Chi phí tài chính	22	26	1.137.924.018	966.860.622	-	-
Chi phí bán hàng	25		135.288.194	132.925.055	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		124.952.093	93.030.372	3.000	2.707.029
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26)</b>	<b>30</b>		<b>334.717.770</b>	<b>131.491.833</b>	<b>11.265</b>	<b>82.295.487</b>
Thu nhập khác	31		2.254.261	2.378.754	-	-
Chi phí khác	32		44.849.579	33.305.833	-	2.942
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(42.595.318)</b>	<b>(30.927.079)</b>	-	<b>(2.942)</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) (chuyển sang trang sau)</b>	<b>50</b>		<b>292.122.452</b>	<b>100.564.754</b>	<b>11.265</b>	<b>82.292.545</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 02 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			2017	2016	2017	2016
			Ngàn VND	Ngàn VND	Ngàn VND	Ngàn VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) (mang sang từ trang trước)	50		292.122.452	100.564.754	11.265	82.292.545
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	36.841.033	14.320.441	-	-
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	27	(45.844.345)	(29.101.561)	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 – 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>301.125.764</b>	<b>115.345.874</b>	<b>11.265</b>	<b>82.292.545</b>
			Ngàn VND	Ngàn VND		
<b>Lợi nhuận thuần phân bổ cho:</b>						
Cổ đông của Công ty	61		205.914.056	109.841.024		
Cổ đông không kiểm soát	62		95.211.708	5.504.850		
			VND	VND		
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>						
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	70	28	286	153		

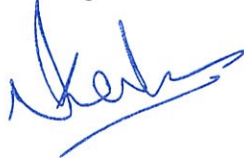
**08 -03- 2018**

Người lập:



Nguyễn Thị Hải Yến  
Kế toán trưởng

Người kiểm tra:



Nikhil Kamran  
Giám đốc Tài chính

Người duyệt:




Craig Richard Bradshaw  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
		2017 Nghìn VND	2016 Nghìn VND	2017 Nghìn VND	2016 Nghìn VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>					
Lợi nhuận trước thuế	01	292.122.452	100.564.754	11.265	82.292.545
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>					
Khấu hao và phân bổ	02	1.181.620.078	1.027.293.480	-	-
Các khoản dự phòng	03	43.347.293	50.080.962	-	-
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(5.824.568)	20.027.858	-	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(5.741.539)	(158.760.543)	(14.265)	(85.002.516)
Chi phí lãi vay và chi phí đi vay	06	1.012.994.177	844.510.670	-	-
<b>Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>2.518.517.893</b>	<b>1.883.717.181</b>	<b>(3.000)</b>	<b>(2.709.971)</b>
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09	(454.833.910)	(103.021.421)	(2.242.379)	-
Biến động hàng tồn kho	10	(296.677.753)	(27.986.824)	-	-
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	187.603.914	10.022.219	(181.160)	320.168
Biến động chi phí trả trước	12	(4.225.567)	31.329.469	-	-
		<b>1.950.384.577</b>	<b>1.794.060.624</b>	<b>(2.426.539)</b>	<b>(2.389.803)</b>
Tiền lãi vay và chi phí đi vay đã trả	14	(921.866.185)	(656.209.478)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(14.478.165)	(363.147)	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>1.014.040.227</b>	<b>1.137.487.999</b>	<b>(2.426.539)</b>	<b>(2.389.803)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>					
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(940.730.520)	(1.201.145.618)	-	-
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	1.056.182	2.922.727	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	23	(32.500.000)	-	-	-
Thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	24	-	2.100.000	-	-
Tiền thu lãi tiền gửi	27	9.502.550	2.314.464	28.262.675	55.002.516
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(962.671.788)</b>	<b>(1.193.808.427)</b>	<b>28.262.675</b>	<b>55.002.516</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
		2017 Nghìn VND	2016 Nghìn VND	2017 Nghìn VND	2016 Nghìn VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>					
Tiền thu từ đi vay	33	2.638.264.656	4.200.895.851	-	-
Tiền trả nợ gốc vay và chi phí liên quan đến phát hành trái phiếu	34	(2.467.586.590)	(3.848.163.366)	-	-
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(16.271.187)	(14.154.850)	-	-
Tiền trả cổ tức	36	(26.249.448)	(52.213.577)	(26.249.448)	(52.213.577)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>128.157.431</b>	<b>286.364.058</b>	<b>(26.249.448)</b>	<b>(52.213.577)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>179.525.870</b>	<b>230.043.630</b>	<b>(413.312)</b>	<b>399.136</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>603.345.037</b>	<b>372.014.377</b>	<b>896.931</b>	<b>497.795</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>	<b>(2.456.706)</b>	<b>1.287.030</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 5)</b>	<b>70</b>	<b>780.414.201</b>	<b>603.345.037</b>	<b>483.619</b>	<b>896.931</b>

08-03-2018

Người lập:



Nguyễn Thị Hải Yến  
Kế toán trưởng

Người kiểm tra:



Nikhil Kamran  
Giám đốc Tài chính

Người duyệt:



Craig Richard Bradshaw  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**Hình thức sở hữu vốn và cấu trúc Tập đoàn**

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan (“Công ty” hoặc “MSR”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là tư vấn quản lý.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Các hoạt động chính của các công ty con như sau:

Tên công ty	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích kinh tế	
		31/12/2017	1/1/2017
Công ty TNHH MTV Tài Nguyên Masan Thái Nguyên (“MRTN”)	Tư vấn quản lý	100%	100%
Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư Thái Nguyên (“TNTI”)	Tư vấn quản lý	100%	100%
Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo (“NPM”)	Khai thác và chế biến khoáng sản	100%	100%
Công ty TNHH Tinh luyện vonfram Núi Pháo - H.C. Starck (“NPHCS”)	Chế biến kim loại màu và kim loại quý hiếm (Vonfram)	51%	51%

Tỷ lệ lợi ích kinh tế phản ánh tỷ lệ thực tế của các lợi ích kinh tế trực tiếp và gián tiếp của Công ty tại các công ty con.

Tất cả các công ty con của Công ty được thành lập tại Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 2 nhân viên (1/1/2017: 2 nhân viên) và Tập đoàn có 1.363 nhân viên (1/1/2017: 1.343 nhân viên).

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính hợp nhất và riêng được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính hợp nhất và riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”). Báo cáo tài chính hợp nhất và riêng được lập và trình bày bằng VND làm tròn đến hàng nghìn (“Nghìn VND”).

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn và Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất và riêng này.

**(a) Cơ sở hợp nhất**

**(i) Hợp nhất kinh doanh**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, Tập đoàn phải xem xét quyền biểu quyết tiềm tàng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Theo phương pháp mua, tài sản và nợ phải trả của công ty được mua được hợp nhất theo giá trị hợp lý khi hợp nhất. Giá mua bao gồm tổng giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã tiếp nhận và các công cụ vốn chủ sở hữu phát hành bởi Tập đoàn tại ngày trao đổi. Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng của công ty được mua. Khoản chênh lệch âm được ghi nhận thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các chi phí giao dịch, ngoại trừ các chi phí liên quan đến việc phát hành công cụ nợ hoặc chứng khoán vốn của Tập đoàn liên quan đến việc hợp nhất kinh doanh, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh, như chi phí trả cho tư vấn tài chính, tư vấn pháp lý, thẩm định viên về giá và các nhà tư vấn liên quan đến hợp nhất kinh doanh. Các chi phí giao dịch này được tính vào giá phí hợp nhất kinh doanh. Các chi phí quản lý chung và các chi phí khác không liên quan trực tiếp đến giao dịch hợp nhất kinh doanh cụ thể đang được ghi nhận thì không được tính vào chi phí mua, mà được ghi nhận là chi phí phát sinh trong kỳ.

## **Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### **(ii) Công ty con**

Các công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại. Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt kiểm soát đối với các đơn vị này.

#### **(iii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ lợi ích kinh tế của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

#### **(iv) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Các số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

#### **(v) Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con và được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua để có được quyền kiểm soát đơn vị bị mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua. Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

#### **(b) Ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và riêng.

#### **(c) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.



**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(d) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Tập đoàn dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc.

**(ii) Đầu tư vào các công ty con**

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Ban Giám đốc của Tập đoàn khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(e) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(f) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí khai thác khoáng sản và sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

## Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con

### Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### (g) Tài sản cố định hữu hình

##### (i) Nguyên giá

Khi kết thúc giai đoạn xây dựng mỏ, các tài sản được kết chuyển vào “nhà cửa, vật kiến trúc”, “máy móc và thiết bị” hoặc “tài sản khai thác khoáng sản khác” thuộc khoản mục tài sản cố định hữu hình. Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua hoặc chi phí xây dựng, bao gồm thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Tài sản khai thác khoáng sản khác bao gồm chi phí phục hồi môi trường mỏ; và giá trị hợp lý của trữ lượng khai thác và trữ lượng địa chất khoáng sản từ hợp nhất kinh doanh.

##### (ii) Khấu hao

*Máy móc, thiết bị và giá trị hợp lý của trữ lượng khoáng sản từ hợp nhất kinh doanh liên quan trực tiếp đến hoạt động khai thác khoáng sản*

Máy móc, thiết bị và giá trị hợp lý của trữ lượng khoáng sản từ hợp nhất kinh doanh liên quan trực tiếp đến hoạt động khai thác khoáng sản được khấu hao dựa trên trữ lượng khoáng sản của mỏ theo phương pháp khối lượng sản phẩm. Trữ lượng khoáng sản của mỏ là sản lượng quặng ước tính có thể được khai thác hợp pháp và thu được lợi ích kinh tế từ tài sản khai thác khoáng sản của Tập đoàn.

*Máy móc và thiết bị của một công ty con liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất*

Tài sản cố định hữu hình của một công ty con liên quan trực tiếp đến hoạt động chế biến các sản phẩm tinh chế từ vonfram được tính khấu hao trong thời gian hữu dụng ước tính của tài sản theo đơn vị sản phẩm. Tổng đơn vị sản phẩm ước tính mà tài sản cố định khấu hao theo phương pháp khấu hao theo đơn vị sản phẩm là như sau:

	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 1/1/2017
Nhà máy ST	125.140 tấn vonfram	91.000 tấn vonfram
Nhà máy APT	120.265 tấn vonfram	86.215 tấn vonfram

Trong năm hiện hành, một công ty con của Tập đoàn đã tiến hành rà soát tài sản cố định hữu hình và đã thực hiện các cải tiến kỹ thuật nhằm tháo gỡ nút thắt trong sản xuất và gia tăng hiệu quả sản xuất. Nhờ vậy, sản lượng sản xuất của tài sản cố định hữu hình đã vượt trên công suất thiết kế ban đầu. Điều này dẫn đến thay đổi tổng sản lượng sản xuất dự kiến của các nhà máy ST và APT.

Sự thay đổi trên làm giảm chi phí khấu hao trong năm hiện hành với giá trị là 34.443 triệu VND.

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

*Các tài sản khác*

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- |   |            |
|---|------------|
| ▪ nhà cửa và vật kiến trúc              | 5 – 20 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị                   | 3 – 15 năm |
| ▪ dụng cụ văn phòng                     | 3 – 10 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển                | 3 – 6 năm  |
| ▪ các tài sản khai thác khoáng sản khác | 19 năm     |

**(h) Tài sản cố định thuê tài chính**

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tập đoàn đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính là năm (5) năm.

**(i) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ ba (3) đến tám (8) năm.

**(ii) Quyền khai thác khoáng sản**

Quyền khai thác khoáng sản được tính dựa trên trữ lượng khai thác còn lại nhân với giá khoáng sản do Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh công bố theo quy định tại Nghị định số 203/2013/NĐ/CP ngày 28 tháng 11 năm 2013 (“Nghị định 203/2013”) có hiệu lực từ ngày 20 tháng 1 năm 2014. Nguyên giá của quyền khai thác khoáng sản được trình bày theo giá trị hiện tại của tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và được vốn hóa và hạch toán như một tài sản cố định vô hình. Quyền khai thác khoáng sản được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên vòng đời kinh tế của trữ lượng khoáng sản của mỏ.

Theo Nghị định 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 (“Nghị định 158/2016”) có hiệu lực từ ngày 15 tháng 1 năm 2017, quyền khai thác khoáng sản được tính dựa trên trữ lượng khai thác còn lại và giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, trong đó giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được xác định trên cơ sở quy đổi từ giá tính thuế tài nguyên theo quy định của pháp luật về thuế tài nguyên tại thời điểm tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Theo Nghị định 158/2016, Bộ Tài nguyên và Môi trường (“MONRE”) sẽ hướng dẫn phương pháp quy đổi để tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Tuy nhiên đến nay, MONRE vẫn chưa đưa ra hướng dẫn cho phương pháp tính toán mới cũng như cơ sở xác định các ước tính sẽ được thực hiện.

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(j) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản khoáng sản đang trong quá trình phát triển và chi phí xây dựng và máy móc chưa hoàn thành, chưa lắp đặt xong và chưa nghiệm thu đưa vào hoạt động. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang cũng bao gồm giá trị của trữ lượng khai thác khoáng sản, trữ lượng địa chất khoáng sản và các chi phí liên quan đến việc phát triển mỏ đã phát sinh trong giao dịch hợp nhất kinh doanh và các chi phí phát triển mỏ phát sinh sau này. Các tài sản này đủ điều kiện để được vốn hóa khi trữ lượng khai thác khoáng sản liên quan đã được chứng minh là có tính khả thi về lợi ích kinh tế và kỹ thuật. Các tài sản này ban đầu được ghi nhận theo giá trị hợp lý như một phần của giao dịch hợp nhất kinh doanh và các chi phí phát triển mỏ phát sinh sau đó sẽ được vốn hóa sau khi cần trừ tiền thu về từ việc bán sản phẩm sản xuất thử trong giai đoạn phát triển mỏ. Khi hoàn thành giai đoạn xây dựng, được xác định là từ khi tài sản được đưa đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, toàn bộ tài sản được phân loại lại vào tài sản cố định hữu hình là “nhà cửa và vật kiến trúc”, “máy móc và thiết bị” hoặc “tài sản khai thác khoáng sản khác” hoặc vào chi phí trả trước dài hạn là “chi phí khai thác khoáng sản khác”.

Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình phát triển mỏ, xây dựng, lắp đặt và chạy thử để đưa tài sản vào sử dụng.

**(k) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí trước hoạt động**

Chi phí trước hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, ngoại trừ chi phí thành lập, chi phí đào tạo, quảng cáo, khuyến mại phát sinh từ ngày thành lập cho tới ngày bắt đầu hoạt động. Các chi phí này được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn, ban đầu được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong ba (3) năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh.

**(ii) Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng**

Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc bảo đảm mặt bằng cần thiết cho việc sử dụng đất thuê phục vụ hoạt động khai thác khoáng sản. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

**(iii) Chi phí khai thác khoáng sản khác**

Chi phí khai thác khoáng sản khác bao gồm:

- Chi phí thăm dò, đánh giá và phát triển mỏ (bao gồm chi phí bóc đất đá phát triển mỏ); và
- Chi phí bóc đất đá trong quá trình sản xuất (như được nêu dưới đây trong phần ‘Chi phí bóc đất đá chờ phân bổ’).

*Chi phí bóc đất đá chờ phân bổ*

Hoạt động khai thác mỏ lộ thiên đòi hỏi phải bóc lớp đất đá phủ bên trên và các loại phế liệu khác để tiếp cận thân quặng cần khai thác. Chi phí bóc đất đá phát sinh trong quá trình phát triển mỏ (chi phí bóc đất đá phát triển mỏ) được ghi nhận vào chi phí xây dựng mỏ. Toàn bộ chi phí bóc đất đá phát triển mỏ phát sinh trong giai đoạn xây dựng được kết chuyển vào chi phí khai thác khoáng sản khác.

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Chi phí loại bỏ đất đá trong giai đoạn sản xuất của mỏ (chi phí bóc đất đá trong quá trình sản xuất) được giữ lại chờ phân bổ khi chi phí này làm phát sinh lợi ích trong tương lai:

- a) Khi Tập đoàn chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai;
- b) Khi có thể xác định được thành phần của phần thân quặng mà khả năng tiếp cận đã được cải thiện; và
- c) Khi các chi phí phát sinh có thể được tính toán được một cách đáng tin cậy.

Chi phí bóc đất đá trong quá trình sản xuất được phân bổ giữa hàng tồn kho và chi phí trả trước dài hạn trong quá trình sản xuất dựa trên tỷ lệ bóc đất đá trong vòng đời của mỏ.

Tỷ lệ bóc đất đá trong vòng đời của mỏ là tỷ lệ giữa tổng lượng đất đá và phế liệu ước tính phải bóc trên tổng lượng quặng ước tính có thể thu hồi được lợi ích kinh tế trong suốt vòng đời của mỏ. Chi phí bóc đất đá trong quá trình sản xuất được ghi nhận thành chi phí trả trước dài hạn khi tỷ lệ bóc đất đá thực tế của kỳ hiện tại cao hơn tỷ lệ bóc đất đá trung bình trong vòng đời của mỏ.

Chi phí bóc đất đá trong quá trình phát triển mỏ và sản xuất được phân bổ một cách có hệ thống trong suốt giai đoạn khai thác trữ lượng của các thành phần khoáng sản liên quan đã được chứng minh chắc chắn.

**(iv) Chi phí trả trước khác**

Chi phí trả trước khác bao gồm phí dịch vụ được ghi nhận lần đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn hợp đồng.

**(l) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(m) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn hoặc Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(i) Quyền khai thác khoáng sản**

Theo quy định của Luật khoáng sản năm 2010, một công ty con của Tập đoàn có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước tiền cấp Quyền khai thác khoáng sản. Tiền cấp Quyền khai thác khoáng sản được tính dựa trên trữ lượng khai thác còn lại và giá tính tiền cấp Quyền khai thác khoáng sản theo Nghị định 203/2013 và Nghị định 158/2016 như đề cập tại Thuyết minh 3(i)(ii).

## Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con

### Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### (ii) Dự phòng phục hồi môi trường mỏ

Hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản của Tập đoàn làm phát sinh nghĩa vụ đóng cửa mỏ hoặc phục hồi môi trường mỏ. Hoạt động đóng cửa mỏ và phục hồi môi trường mỏ có thể bao gồm việc giải bản mỏ và tháo dỡ thiết bị; phục hồi mặt bằng đất và khu vực khai thác. Phạm vi công việc phải thực hiện và các chi phí liên quan tùy thuộc vào các quy định của MONRE và các chính sách môi trường của Tập đoàn theo Báo cáo Tác động Môi trường.

Dự phòng chi phí của mỗi chương trình đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ được ghi nhận tại thời điểm ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường xảy ra. Khi mức độ ảnh hưởng đến môi trường tăng lên theo thời gian hoạt động khai thác, dự phòng sẽ tăng theo tương ứng. Các chi phí được tính vào dự phòng bao gồm tất cả các chi phí liên quan đến hoạt động đóng cửa mỏ và phục hồi môi trường mỏ dự kiến sẽ được trích lập liên tục theo suốt thời gian khai thác, chế biến khoáng sản, tương ứng với mức độ ảnh hưởng đối với môi trường tại ngày báo cáo.

Trong trường hợp hoạt động phục hồi mỏ được thực hiện một cách có hệ thống trong suốt thời gian hoạt động khai thác mà không phải tại thời điểm đóng cửa mỏ, dự phòng được trích lập cho công việc phục hồi mỏ liên tục chưa thực hiện ước tính tại mỗi thời điểm báo cáo và chi phí được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Chi phí hoạt động thường ngày có thể tác động đến các hoạt động đóng cửa mỏ và phục hồi môi trường mỏ sau này như công việc xử lý vật liệu thải được thực hiện như một phần không tách rời của quá trình khai thác khoáng sản hoặc sản xuất, không được tính vào dự phòng. Chi phí phát sinh từ các tình huống không dự kiến trước được, như tình trạng ô nhiễm do chất thải ngoài dự kiến, được ghi nhận là chi phí và nợ phải trả khi sự cố làm phát sinh một nghĩa vụ có thể ước tính được một cách đáng tin cậy.

Thời gian đóng cửa mỏ thực tế và chi phí phục hồi môi trường mỏ phụ thuộc vào vòng đời của mỏ. Dự phòng đóng cửa và phục hồi mỏ được ghi nhận theo giá trị dự kiến của dòng tiền trong tương lai, được chiết khấu về giá trị hiện tại và được xác định theo xác suất ước tính của các dòng tiền phát sinh đối với mỗi hoạt động khai thác. Các xét đoán và ước tính trọng yếu được sử dụng để hình thành dự kiến về các hoạt động trong tương lai và giá trị và thời gian của dòng tiền liên quan. Những dự kiến này được hình thành dựa trên yêu cầu về môi trường và pháp lý hiện hành làm phát sinh một nghĩa vụ liên đới.

Khi dự phòng đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ được ghi nhận lần đầu, chi phí tương ứng được vốn hóa như một tài sản, thể hiện một phần chi phí để thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ hoạt động khai thác. Chi phí đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ đã vốn hóa được ghi nhận vào tài sản khai thác khoáng sản khác và được khấu hao sau đó. Chênh lệch về giá trị của khoản dự phòng tăng lên theo thời gian do ảnh hưởng của việc chiết khấu đến giá trị hiện tại, được ghi nhận là chi phí tài chính.

Dự phòng đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ sẽ được điều chỉnh theo các thay đổi về ước tính. Các điều chỉnh này sẽ được hạch toán như một thay đổi về chi phí được vốn hóa tương ứng, trừ trường hợp số giảm dự phòng cao hơn chi phí được vốn hóa chưa được trích khấu hao của các tài sản liên quan, khi đó chi phí được vốn hóa được giảm xuống bằng không và phần chênh lệch còn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các thay đổi về chi phí được vốn hóa dẫn đến một thay đổi về chi phí khấu hao trong tương lai. Các thay đổi về giá trị và thời gian ước tính của các dòng tiền trong tương lai đối với hoạt động đóng cửa và phục hồi mỏ là một sự kiện bình thường phù hợp với các xét đoán và ước tính quan trọng liên quan.

## **Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### **(n) Trái phiếu phát hành**

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

#### **(o) Vốn chủ sở hữu**

##### **(i) Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được trình bày là vốn chủ sở hữu. Phần chênh lệch tăng do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là khoản giảm thặng dư vốn cổ phần.

##### **(ii) Cổ phiếu ưu đãi**

Cổ phiếu ưu đãi bắt buộc phải chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu do cổ phiếu này hưởng cổ tức cố định, đồng thời vẫn có quyền nhận cổ tức công bố cho các cổ phiếu phổ thông và quyền bình đẳng đối với các tài sản còn lại của Công ty. Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu ưu đãi được ghi nhận như một khoản giảm thặng dư vốn.

##### **(iii) Vốn khác của chủ sở hữu**

Các biến động vốn chủ sở hữu do việc mua hoặc thanh lý cổ phần cho cổ đông không kiểm soát và các giao dịch liên quan đến công cụ vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào “Vốn khác của chủ sở hữu”.

#### **(p) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

## **Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### **(q) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

Đối với doanh thu bán khoáng sản, giá bán thường được xác định sơ bộ tại ngày ghi nhận doanh thu và điều chỉnh giá bán phát sinh sau đó dựa trên biến động giá niêm yết trên thị trường hoặc giá theo hợp đồng cho đến ngày định giá chính thức. Khoảng thời gian giữa thời điểm ghi nhận doanh thu sơ bộ và thời điểm định giá chính thức thường là từ 30 đến 60 ngày, tuy nhiên một số trường hợp có thể lên đến 90 ngày. Doanh thu ghi nhận sơ bộ được ghi nhận dựa trên giá trị hợp lý ước tính của tổng giá trị các khoản phải thu.

Trong trường hợp các điều kiện trong hợp đồng mua bán cho phép điều chỉnh giá bán dựa trên kết quả khảo nghiệm hàng hóa của khách hàng, kết quả phân tích được lập bởi một bên thứ ba sẽ được sử dụng, trừ khi kết quả khảo nghiệm của khách hàng nằm trong phạm vi sai số đã được quy định tại hợp đồng bán sản phẩm, khi đó doanh thu được ghi nhận dựa trên bản phân tích chất lượng sản phẩm gần nhất được các bên chấp thuận.

#### **(r) Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính**

##### **(i) Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm thu nhập lãi tiền gửi và cho vay và lãi chênh lệch tỷ giá. Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo cơ sở dồn tích.

##### **(ii) Chi phí hoạt động tài chính**

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay, phí thu xếp tín dụng, chi phí tài chính, chi phí giao dịch và lỗ do chênh lệch tỷ giá.

#### **(s) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

#### **(t) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm chi phí lãi vay, phí thu xếp tín dụng, chi phí tài chính, chi phí giao dịch và lệ phí vay. Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.



**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(u) Lãi trên cổ phiếu**

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm, nếu có, trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được xác định bằng kết quả kinh doanh trong năm phân bổ cho số lượng cổ phiếu phổ thông và các công cụ chứng khoán vốn. Phương thức phân bổ này dựa trên quyền được phân chia lợi nhuận của các loại cổ phiếu khác nếu toàn bộ lợi nhuận hoặc lỗ được phân chia.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng. Cổ phiếu phổ thông tiềm năng không bao gồm các loại công cụ tài chính đi kèm điều khoản bắt buộc chuyển đổi.

**(v) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

**(w) Các bên liên quan**

Các bên được xem là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay có ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan. Các bên liên quan cá nhân là các cán bộ quản lý chủ chốt có thẩm quyền và trách nhiệm trong việc lập kế hoạch, chỉ đạo và kiểm soát hoạt động của Công ty, bao gồm các giám đốc và cán bộ của Công ty. Các công ty liên quan bao gồm các nhà đầu tư và công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**4. Báo cáo bộ phận**

**(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh**

Tập đoàn gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

	<b>Đồng Nghìn VND</b>	<b>Fluorit Nghìn VND</b>	<b>Vonfram Nghìn VND</b>	<b>Các bộ phần khác Nghìn VND</b>	<b>Tổng cộng Nghìn VND</b>
<b>Từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017</b>					
Doanh thu bộ phận	734.678.468	1.086.632.503	3.220.111.419	363.222.711	5.404.645.101
Lợi nhuận gộp của bộ phận	452.041.373	658.824.479	468.982.641	111.033.990	1.690.882.483
Chi phí không phân bổ					260.240.287
Thu nhập từ hoạt động tài chính					41.999.592
Chi phí tài chính					1.137.924.018
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh					334.717.770
Thu nhập khác					2.254.261
Chi phí khác					44.849.579
Lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp					(9.003.312)
Lợi nhuận thuần sau thuế					301.125.764

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Đồng</b>	<b>Fluorit</b>	<b>Vonfram</b>	<b>Các bộ</b>	<b>Tổng cộng</b>
	<b>Ngàn VND</b>	<b>Ngàn VND</b>	<b>Ngàn VND</b>	<b>phần khác</b>	<b>Ngàn VND</b>
<b>Từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016</b>	<b>Ngàn VND</b>	<b>Ngàn VND</b>	<b>Ngàn VND</b>	<b>Ngàn VND</b>	<b>Ngàn VND</b>
Doanh thu bộ phận	619.613.601	833.247.290	2.391.679.574	204.276.871	4.048.817.336
Lợi nhuận gộp của bộ phận	371.604.434	476.834.387	229.262.354	25.560.149	1.103.261.324
Chi phí không phân bổ					225.955.427
Thu nhập từ hoạt động tài chính					221.046.558
Chi phí tài chính					966.860.622
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh					131.491.833
Thu nhập khác					2.378.754
Chi phí khác					33.305.833
Lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp					(14.781.120)
Lợi nhuận thuần sau thuế					115.345.874

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017**

	<b>Đồng Nghìn VND</b>	<b>Fluorit Nghìn VND</b>	<b>Vonfram Nghìn VND</b>	<b>Các bộ phận khác Nghìn VND</b>	<b>Tổng cộng Nghìn VND</b>
Tài sản của bộ phận Tài sản không phân bổ	200.633.583	1.044.504.878	2.116.034.761	1.367.325.434	4.728.498.656 22.415.712.206
<b>Tổng tài sản</b>					<b>27.144.210.862</b>
<b>Tổng nợ phải trả</b>					<b>15.132.604.815</b>

**Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017**

	<b>Đồng Nghìn VND</b>	<b>Fluorit Nghìn VND</b>	<b>Vonfram Nghìn VND</b>	<b>Các bộ phận khác Nghìn VND</b>	<b>Tổng cộng Nghìn VND</b>
Tài sản của bộ phận Tài sản không phân bổ	215.094.844	1.119.798.540	2.216.085.945	1.476.715.921	5.027.695.250 21.507.803.199
<b>Tổng tài sản</b>					<b>26.535.498.449</b>
<b>Tổng nợ phải trả</b>					<b>14.825.018.166</b>

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**Từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017**

Chi tiêu vốn của bộ phận  
 Chi tiêu vốn không phân bổ  
 Khấu hao tài sản cố định  
 Khấu hao tài sản cố định hữu hình không phân bổ  
 Khấu hao tài sản cố định vô hình và chi phí trả  
 trước kết chuyển vào hoạt động sản xuất kinh  
 doanh chung không phân bổ theo bộ phận

	Đồng VND Nghìn VND	Fluorit Nghìn VND	Vonfram Nghìn VND	Các bộ phận khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
	-	24.189.965	263.377.029	4.295.613	291.862.607
	14.461.260	75.293.663	144.252.892	98.633.905	648.867.913
					332.641.720
					806.763.861
					213.613.268

**Từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016**

Chi tiêu vốn của bộ phận  
 Chi tiêu vốn không phân bổ  
 Khấu hao tài sản cố định  
 Khấu hao tài sản cố định hữu hình không phân bổ  
 Khấu hao tài sản cố định vô hình và chi phí trả  
 trước kết chuyển vào hoạt động sản xuất kinh  
 doanh chung không phân bổ theo bộ phận

	Đồng VND Nghìn VND	Fluorit Nghìn VND	Vonfram Nghìn VND	Các bộ phận khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
	-	-	346.191.642	75.264.692	421.456.334
	13.508.048	70.325.266	138.706.396	59.220.901	779.689.284
					281.760.611
					709.096.803
					191.920.302

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý**

Tập đoàn gồm các bộ phận chia theo hoạt động vùng địa lý như sau:

	Việt Nam Nghìn VND	Bỉ Nghìn VND	Cộng hòa Séc Nghìn VND	Nhật Bản Nghìn VND	Mỹ Nghìn VND	Singapore Nghìn VND	Các nước khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
<b>Từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017</b>								
Doanh thu bán ra	773.289.698	633.523.148	634.725.734	584.399.940	808.668.959	1.029.182.050	940.855.572	5.404.645.101
Tài sản của bộ phận	27.144.210.862	-	-	-	-	-	-	27.144.210.862
Chi tiêu vốn	940.730.520	-	-	-	-	-	-	940.730.520

**Từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016**

	Việt Nam Nghìn VND	Bỉ Nghìn VND	Cộng hòa Séc Nghìn VND	Nhật Bản Nghìn VND	Mỹ Nghìn VND	Singapore Nghìn VND	Các nước khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Doanh thu bán ra	922.312.287	69.228.604	505.280.358	317.884.797	839.745.144	593.756.121	800.610.025	4.048.817.336
Tài sản của bộ phận	26.535.498.449	-	-	-	-	-	-	26.535.498.449
Chi tiêu vốn	1.201.145.618	-	-	-	-	-	-	1.201.145.618

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/12/2017	1/1/2017	31/12/2017	1/1/2017
	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND
Tiền mặt	154.080	180.691	-	-
Tiền gửi ngân hàng	77.774.081	536.534.346	83.619	896.931
Tiền đang chuyển	4.542.040	-	-	-
Các khoản tương đương tiền	697.944.000	66.630.000	400.000	-
	780.414.201	603.345.037	483.619	896.931

**6. Phải thu ngắn hạn và dài hạn khác**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/12/2017	1/1/2017	31/12/2017	1/1/2017
	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND
<b>Phải thu ngắn hạn</b>				
Phải thu từ việc bán các khoản phải thu tiền bồi thường (a)	10.000.000	10.000.000	-	-
Phải thu ngắn hạn khác (b)	410.152.488	267.397.165	2.298.420	55.000
	420.152.488	277.397.165	2.298.420	55.000
<b>Phải thu dài hạn</b>				
Chi phí đi vay - MRTN (c)	-	-	909.990.962	938.240.411
Phải thu tiền bồi thường giải phóng mặt bằng từ UBND Tỉnh Thái Nguyên (d)	1.319.793.389	1.356.982.821	-	-
Phải thu dài hạn khác	27.000.548	22.474.954	-	-
	1.346.793.937	1.379.457.775	909.990.962	938.240.411

- (a) Phải thu từ việc bán các khoản phải thu tiền bồi thường từ công ty mẹ cấp trung không được đảm bảo, thu theo thỏa thuận và không chịu lãi.
- (b) Một phần khoản phải thu ngắn hạn khác là khoản trả hộ một công ty mẹ cấp trung không có đảm bảo, thu theo thỏa thuận và không chịu lãi.
- (c) Khoản phải thu dài hạn từ một công ty con không có đảm bảo, thu được khi đến hạn và không chịu lãi.
- (d) Khoản phải thu dài hạn thể hiện khoản phải thu Ngân sách Nhà nước liên quan đến chi phí đền bù giải phóng mặt bằng của Dự án Khai thác chế biến khoáng sản Núi Pháo đã chi trả cho các hộ gia đình nằm trong vùng bị ảnh hưởng của dự án tại Xã Hà Thượng, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên. Khoản phải thu này có thể được bù trừ với tiền thuê đất hàng năm.

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**7. Hàng tồn kho**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<u>31/12/2017</u>	<u>1/1/2017</u>	<u>31/12/2017</u>	<u>1/1/2017</u>
	<u>Nghìn VND</u>	<u>Nghìn VND</u>	<u>Nghìn VND</u>	<u>Nghìn VND</u>
Hàng mua đang đi trên đường	23.743.788	16.836.476	-	-
Nguyên vật liệu	191.813.054	211.759.203	-	-
Công cụ và dụng cụ	571.169.311	508.128.264	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	76.753.984	85.477.090	-	-
Thành phẩm	420.995.855	244.848.741	-	-
Hàng gửi đi bán	124.586.977	45.335.442	-	-
	<b>1.409.062.969</b>	<b>1.112.385.216</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**8. Phải thu về cho vay dài hạn**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<u>31/12/2017</u>	<u>1/1/2017</u>	<u>31/12/2017</u>	<u>1/1/2017</u>
	<u>Nghìn VND</u>	<u>Nghìn VND</u>	<u>Nghìn VND</u>	<u>Nghìn VND</u>
Phải thu về cho vay dài hạn từ một công ty liên quan	-	-	3.945.518.100	3.945.518.100

Khoản phải thu về cho vay từ một công ty liên quan không được đảm bảo, đáo hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và chịu lãi suất trên cơ sở thỏa thuận của các bên.

Theo các điều khoản của hợp đồng chuyển đổi, Công ty có quyền chuyển đổi khoản cho vay thành vốn góp trước hoặc vào ngày đáo hạn của khoản vay.



**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**9. Tài sản cố định hữu hình**

**Tập đoàn:**

	Nhà cửa và vật kiến trúc Nghìn VND	Máy móc và thiết bị Nghìn VND	Dụng cụ văn phòng Nghìn VND	Phương tiện vận chuyển Nghìn VND	Tài sản khai thác khoáng sản khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	3.427.736.017	11.857.410.700	40.610.882	22.283.421	5.026.291.284	20.374.332.304
Tăng trong năm	-	3.756.660	731.976	-	-	4.488.636
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 12)	815.297.690	624.458.453	603.602	-	-	1.440.359.745
Thanh lý	-	-	-	(2.496.235)	-	(2.496.235)
Xóa sổ	-	(5.467.966)	(750.599)	-	-	(6.218.565)
Số dư cuối năm	4.243.033.707	12.480.157.847	41.195.861	19.787.186	5.026.291.284	21.810.465.885
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	350.570.521	1.432.742.415	30.110.570	14.844.371	508.422.119	2.336.689.996
Khấu hao trong năm	204.427.896	706.059.875	3.777.621	2.914.550	208.765.639	1.125.945.581
Thanh lý	-	-	-	(2.091.440)	-	(2.091.440)
Xóa sổ	-	(1.079.346)	(723.710)	-	-	(1.803.056)
Số dư cuối năm	554.998.417	2.137.722.944	33.164.481	15.667.481	717.187.758	3.458.741.081
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu năm	3.077.165.496	10.424.668.285	10.500.312	7.439.050	4.517.869.165	18.037.642.308
Số dư cuối năm	3.688.035.290	10.342.434.903	8.031.380	4.119.705	4.309.103.526	18.351.724.804

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn có các tài sản có nguyên giá là 36.480 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (1/1/2017: 28.494 triệu VND) nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 12.663 tỷ VND được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản trái phiếu dài hạn đã phát hành của NPM (1/1/2017: 12.088 tỷ VND) (Thuyết minh 18(b)(i)).



**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**10. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính**

**Tập đoàn:**

	<b>Máy móc và thiết bị Nghìn VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm và số dư cuối năm	67.300.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	49.353.333
Khấu hao trong năm	13.460.000
Số dư cuối năm	62.813.333
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu năm	17.946.667
Số dư cuối năm	4.486.667

Công ty con của Công ty - NPM thuê thiết bị thí nghiệm để phân tích hàm lượng kim loại trong sản phẩm. Thiết bị thí nghiệm này được coi là tài sản thuê tài chính căn cứ vào các điều kiện và điều khoản thuê. Thiết bị thuê này đảm bảo các nghĩa vụ thuê (Thuyết minh 18(b)(ii)).

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**11. Tài sản cố định vô hình**

**Tập đoàn:**

	<b>Phần mềm máy vi tính Nghìn VND</b>	<b>Quyền khai thác khoáng sản Nghìn VND</b>	<b>Tổng cộng Nghìn VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	89.569.970	588.370.818	677.940.788
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 12)	10.337.244	-	10.337.244
Số dư cuối năm	99.907.214	588.370.818	688.278.032
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	37.741.353	66.469.374	104.210.727
Khấu hao trong năm	11.664.170	30.550.327	42.214.497
Số dư cuối năm	49.405.523	97.019.701	146.425.224
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	51.828.617	521.901.444	573.730.061
Số dư cuối năm	50.501.691	491.351.117	541.852.808

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 10.127 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (1/1/2017: 10.127 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại là 540 tỷ VND được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các trái phiếu dài hạn đã phát hành của NPM (1/1/2017: 571 tỷ VND) (Thuyết minh 18(b)(i)).

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

<b><u>Tập đoàn:</u></b>	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>Nghìn VND</b>	<b>Nghìn VND</b>
Số dư đầu năm	1.681.618.571	3.994.917.610
Tăng trong năm	802.396.482	986.327.607
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 9)	(1.440.359.745)	(2.745.331.271)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 11)	(10.337.244)	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 14)	(45.515.661)	(554.295.375)
Số dư cuối năm	987.802.403	1.681.618.571

Trong năm, chi phí đi vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang trị giá 92 tỷ VND (2016: 169 tỷ VND). Tại ngày báo cáo, xây dựng cơ bản dở dang của NPM chủ yếu phản ánh chi phí phát triển mỏ và nhà máy và các chi phí khác được vốn hóa liên quan đến khu chứa đuôi quặng, được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các trái phiếu dài hạn đã phát hành của NPM.

**13. Đầu tư tài chính dài hạn**

	<b><u>Tập đoàn</u></b>		<b><u>Công ty</u></b>	
	<b>31/12/2017</b>	<b>1/1/2017</b>	<b>31/12/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>Nghìn VND</b>	<b>Nghìn VND</b>	<b>Nghìn VND</b>	<b>Nghìn VND</b>
<b>Đầu tư vào một công ty con</b>				
Đầu tư vào MRTN	-	-	5.140.335.573	5.140.335.573

Dưới đây là thông tin về các công ty con được hợp nhất (Thuyết minh 1) tại ngày 31 tháng 12 năm 2017:

<b>Tên công ty</b>	<b>Địa chỉ</b>
Công ty TNHH MTV Tài Nguyên Masan Thái Nguyên (“MRTN”)	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư Thái Nguyên (“TNTI”)	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo (“NPM”)	Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam
Công ty TNHH Tinh luyện Vonfram Núi Pháo - H.C. Starck (“NPHCS”)	Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

NPHCS là công ty con của NPM. TNTI và NPM là các công ty con của MRTN. MRTN là công ty con của Công ty.

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**14. Chi phí trả trước dài hạn**

**Tập đoàn:**

	Chi phí trước hoạt động Nghìn VND	Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng Nghìn VND	Tiền đóng góp cho Ủy ban		Chi phí khai thác Khoáng sản khác Nghìn VND	Chi phí trả trước khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
			Nhân dân Tỉnh Thái Nguyên Nghìn VND	Nhân dân Tỉnh Thái Nguyên Nghìn VND			
Số dư đầu năm	4.885.879	1.120.616.803	20.932.000	1.202.320.437	216.957	2.348.972.076	
Tăng trong năm	-	-	-	164.102.929	25.481.252	189.584.181	
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 12)	-	-	-	10.028.653	35.487.008	45.515.661	
Chuyển từ phải thu dài hạn	-	37.189.433	-	-	-	37.189.433	
Điều chỉnh chi phí xây dựng cơ bản	-	(9.002.568)	-	-	-	(9.002.568)	
Phân bổ trong năm	(2.791.931)	(67.497.089)	(18.932.000)	(72.555.739)	(9.622.012)	(171.398.771)	
Số dư cuối năm	2.093.948	1.081.306.579	2.000.000	1.303.896.280	51.563.205	2.440.860.012	

***Tiền đóng góp cho Ủy ban Nhân dân Tỉnh Thái Nguyên***

Ngày 20 tháng 7 năm 2010, NPM đã ký thỏa thuận với Ủy ban Nhân dân Tỉnh Thái Nguyên, theo đó bắt đầu từ năm 2015 NPM cam kết đóng góp 1 triệu USD mỗi năm cho Kho bạc nhà nước Tỉnh Thái Nguyên trong thời hạn của Dự án Khai thác và Chế biến Khoáng sản Núi Pháo. Số tiền đóng góp sẽ được xem xét và điều chỉnh 5 năm một lần nhưng không tăng quá 15%.

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

**Tập đoàn:**

	<b>1/1/2017</b>	<b>Số phải nộp</b>	<b>Số đã nộp/bù</b>	<b>31/12/2017</b>
	<b>Nghìn VND</b>	<b>trong năm</b>	<b>trừ trong năm</b>	<b>Nghìn VND</b>
		<b>Nghìn VND</b>	<b>Nghìn VND</b>	
Thuế giá trị gia tăng	-	476.644.496	(476.644.496)	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	162.182.426	(162.182.426)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.961.299	36.841.033	(14.478.165)	36.324.167
Thuế bảo vệ môi trường	-	5.357.048	(5.357.048)	-
Thuế thu nhập cá nhân	25.565.985	60.812.490	(51.565.364)	34.813.111
Thuế tài nguyên	-	562.204.005	(562.204.005)	-
Các loại thuế khác	3.943.619	40.854.483	(41.377.182)	3.420.920
	43.470.903	1.344.895.981	(1.313.808.686)	74.558.198

**16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b><u>Tập đoàn</u></b>		<b><u>Công ty</u></b>	
	<b>31/12/2017</b>	<b>1/1/2017</b>	<b>31/12/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>Nghìn VND</b>	<b>Nghìn VND</b>	<b>Nghìn VND</b>	<b>Nghìn VND</b>
Tiền thưởng	50.729.204	17.555.938	-	-
Tiền lãi vay phải trả	314.419.346	313.650.461	-	-
Chi phí tài chính khác	2.264.974	452.055	-	-
Thuế và phí tài nguyên	145.839.605	230.260.525	-	-
Chi phí xây dựng phải trả	57.969.060	102.639.226	-	-
Phí tư vấn	1.126.242	9.032.311	-	-
Chi phí hoạt động	214.477.204	119.251.190	-	-
Chi phí phải trả khác	1.380.829	1.380.829	424.490	934.647
	788.206.464	794.222.535	424.490	934.647

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**17. Phải trả ngắn hạn và dài hạn khác**

Phải trả ngắn hạn và dài hạn khác bao gồm các khoản sau:

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<u>31/12/2017</u>	<u>1/1/2017</u>	<u>31/12/2017</u>	<u>1/1/2017</u>
	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND
<b>Ngắn hạn:</b>				
<b>Phải trả cho Công ty Cổ phần Tâm nhìn Masan (“MH”) – công ty mẹ cấp cao</b>				
Phi thương mại – ngắn hạn (a)	2.511.785	2.511.785	2.511.785	2.511.785
<b>Phải trả cho NPM – công ty con</b>				
Phi thương mại – ngắn hạn (a)	-	-	10.294.685	10.294.685
<b>Phải trả khác cho các bên thứ ba</b>				
Phải trả khác – ngắn hạn	1.407.393	28.663.460	100.000	26.449.448
	<u>3.919.178</u>	<u>31.175.245</u>	<u>12.906.470</u>	<u>39.255.918</u>

**Dài hạn:**

**Phải trả Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (“MSN”) – công ty mẹ cấp cao nhất**

Chi phí tài chính – dài hạn (a)	1.124.123.839	1.124.123.839	541.074.175	541.074.175
---------------------------------	---------------	---------------	-------------	-------------

- (a) Các khoản phải trả các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và được thanh toán dựa trên thỏa thuận của các bên.

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**18. Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính**

**(a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

**Tập đoàn:**

	1/1/2017		31/12/2017			
	Giá trị ghi sổ Nghìn VND	Số có khả năng trả nợ Nghìn VND	Biến động trong năm Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện Nghìn VND	Phân loại lại từ vay dài hạn Nghìn VND	Giá trị ghi sổ Nghìn VND	Số có khả năng trả nợ Nghìn VND
Vay ngắn hạn	2.207.792.371	2.207.792.371	(2.464.859.317)	-	2.397.131.326	2.397.131.326
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh (b))	19.210.361	19.210.361	(16.271.187)	1.004.723.516	1.007.662.690	1.007.662.690
	2.227.002.732	2.227.002.732	(2.481.130.504)	1.004.723.516	3.404.794.016	3.404.794.016



**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn tại ngày báo cáo hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Tập đoàn		Công ty	
		31/12/2017 Nghìn VND	1/1/2017 Nghìn VND	31/12/2017 Nghìn VND	1/1/2017 Nghìn VND
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (i)	USD	903.910.500	702.018.134	-	-
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (ii)	USD	321.343.941	129.399.631	-	-
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (ii)	VND	567.938.909	805.693.327	-	-
Khoản vay từ một nhà đầu tư của một công ty con (iii)	USD	603.937.976	570.681.279	-	-
		2.397.131.326	2.207.792.371	-	-

- (i) Khoản vay bằng USD từ một bên liên quan chịu lãi suất từ 3,5% đến 4,67% một năm. Khoản vay được đảm bảo bằng một phần phải thu ngắn hạn của NPM. Tại ngày báo cáo, các khoản vay này được đảm bảo bằng 100 triệu cổ phiếu của Công ty do Công ty Cổ phần Tầm nhìn Masan nắm giữ.
- (ii) Khoản vay từ một ngân hàng trong nước được đảm bảo bằng hàng tồn kho và một phần phải thu ngắn hạn của NPM. Khoản vay bằng USD và VND chịu lãi suất tương ứng trong khoảng 4,5% đến 5,5% một năm và từ 6,8% đến 8% một năm.
- (iii) Khoản vay bằng USD là khoản vay từ một nhà đầu tư của một công ty con. Khoản vay này không được đảm bảo và chịu lãi suất 6% một năm.

**(b) Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính dài hạn**

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2017 Nghìn VND	1/1/2017 Nghìn VND	31/12/2017 Nghìn VND	1/1/2017 Nghìn VND
Phát hành trái phiếu dài hạn (i)	8.966.563.605	8.916.802.303	-	-
Nợ thuê tài chính dài hạn (ii)	9.026.327	25.297.514	-	-
	8.975.589.932	8.942.099.817	-	-
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh (a))	(1.007.662.690)	(19.210.361)	-	-
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	7.967.927.242	8.922.889.456	-	-

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(i) Trái phiếu dài hạn**

Điều khoản và điều kiện của trái phiếu dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	Tập đoàn	
				31/12/2017 Nghìn VND	1/1/2017 Nghìn VND
Phát hành trái phiếu có đảm bảo	VND	(*)	2018	998.636.363	1.000.000.000
Phát hành trái phiếu có đảm bảo	VND	(**)	2020	7.967.927.242	7.916.802.303
				8.966.563.605	8.916.802.303

(\*) Số trái phiếu không chuyển đổi bằng VND do TNTI phát hành có kỳ hạn 2 năm và chịu lãi suất 8% một năm trong 12 tháng đầu. Sau 12 tháng đầu tiên, lãi suất năm được điều chỉnh mỗi sáu tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 2,0%. Số tiền thu được từ trái phiếu đã được NPM sử dụng theo hợp đồng hợp tác kinh doanh với TNTI và được đảm bảo bằng 21,64% số cổ phiếu đã phát hành của Công ty nắm giữ bởi Công ty Cổ phần Tầm nhìn Masan. Trái phiếu có đảm bảo này được ghi nhận sau khi trừ đi phí thu xếp phát hành trái phiếu.

(\*\*) Số trái phiếu không chuyển đổi bằng VND do NPM phát hành có kỳ hạn 5 năm và chịu lãi suất 8% trong 12 tháng đầu. Sau 12 tháng đầu tiên, lãi suất được điều chỉnh mỗi ba tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3%. Số tiền thu được từ trái phiếu đã được NPM sử dụng và được đảm bảo bằng một số tài sản dài hạn của NPM. Số lượng phát hành trái phiếu có đảm bảo này được ghi nhận sau khi trừ đi phí thu xếp phát hành trái phiếu.

**(ii) Các khoản nợ thuê tài chính**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính không thể hủy ngang như sau:

	31/12/2017			1/1/2017		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính Nghìn VND	Tiền lãi thuê Nghìn VND	Nợ gốc Nghìn VND	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính Nghìn VND	Tiền lãi thuê Nghìn VND	Nợ gốc Nghìn VND
Trong vòng 1 năm	9.398.868	372.541	9.026.327	21.930.692	2.720.331	19.210.361
Trong vòng 2 đến 5 năm	-	-	-	6.265.918	178.765	6.087.153
	9.398.868	372.541	9.026.327	28.196.610	2.899.096	25.297.514

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**19. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại, thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận**

**(i) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/12/2017 Nghìn VND	1/1/2017 Nghìn VND	31/12/2017 Nghìn VND	1/1/2017 Nghìn VND
Chênh lệch tạm thời	14.686.791	-	-	-

**(ii) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã ghi nhận**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/12/2017 Nghìn VND	1/1/2017 Nghìn VND	31/12/2017 Nghìn VND	1/1/2017 Nghìn VND
Trữ lượng khai thác và trữ lượng địa chất	643.914.399	675.071.953	-	-

**(iii) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản lỗ tính thuế phát sinh các năm trước của một số đơn vị trong Tập đoàn, các khoản lỗ tính thuế này có thể được chuyển sang năm sau trong khoảng thời gian đến 5 năm:

	<u>Số lỗ được khấu trừ</u>	
	<u>Tập đoàn</u> Nghìn VND	<u>Công ty</u> Nghìn VND
Lỗ tính thuế lũy kế 5 năm	8.395.654	3.604.121
Trong đó:		
Đã quyết toán với cơ quan thuế	4.194.763	-
Chưa quyết toán – tùy thuộc kết quả kiểm tra của cơ quan thuế (*)	4.200.891	3.604.121
	8.395.654	3.604.121

(\*) Khoản lỗ tính thuế này có thể có thay đổi tùy thuộc kết quả kiểm tra và thanh tra của cơ quan thuế.

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**20. Dự phòng phải trả dài hạn**

Biến động dự phòng phải trả dài hạn trong năm như sau:

<b><u>Tập đoàn:</u></b>	<b>Khôi phục hiện trường Nghìn VND</b>	<b>Quyền khai thác khoáng sản Nghìn VND</b>	<b>Tổng cộng Nghìn VND</b>
Số dư đầu năm	22.603.191	561.742.091	584.345.282
Dự phòng lập trong năm	1.740.446	41.606.847	43.347.293
Dự phòng sử dụng trong năm	-	(102.897.296)	(102.897.296)
Số dư cuối năm	24.343.637	500.451.642	524.795.279

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**21. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

**Tập đoàn:**

	Vốn cổ phần Nghìn VND	Thặng dư vốn cổ phần Nghìn VND	Vốn khác của chủ sở hữu Nghìn VND	Lợi nhuận chưa phân phối Nghìn VND	Vốn chủ sở hữu thuộc về các chủ sở hữu của Công ty Nghìn VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	7.194.473.280	1.944.327.324	(295.683.347)	2.441.963.692	11.285.080.949	310.053.460	11.595.134.409
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	109.841.024	109.841.024	5.504.850	115.345.874
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	7.194.473.280	1.944.327.324	(295.683.347)	2.551.804.716	11.394.921.973	315.558.310	11.710.480.283
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	205.914.056	205.914.056	95.211.708	301.125.764
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	7.194.473.280	1.944.327.324	(295.683.347)	2.757.718.772	11.600.836.029	410.770.018	12.011.606.047

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**Công ty:**

	<b>Vốn cổ phần</b> Nghìn VND	<b>Thặng dư vốn</b> <b>cổ phần</b> Nghìn VND	<b>Lợi nhuận chưa</b> <b>phân phối</b> Nghìn VND	<b>Tổng cộng</b> Nghìn VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016</b>	7.194.473.280	1.944.327.324	222.688.093	9.361.488.697
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	82.292.545	82.292.545
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017</b>	7.194.473.280	1.944.327.324	304.980.638	9.443.781.242
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	11.265	11.265
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017</b>	7.194.473.280	1.944.327.324	304.991.903	9.443.792.507

**22. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	<b>1/1/2017 và 31/12/2017</b>	
	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>Nghìn VND</b>
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	719.447.328	7.194.473.280
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	703.544.898	7.035.448.980
Cổ phiếu ưu đãi	15.902.430	159.024.300
	719.447.328	7.194.473.280
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	703.544.898	7.035.448.980
Cổ phiếu ưu đãi	15.902.430	159.024.300
	719.447.328	7.194.473.280
<b>Thặng dư vốn cổ phần</b>	-	1.944.327.324

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Cổ phiếu ưu đãi có mệnh giá 10.000 VND và bắt buộc phải chuyển đổi thành một số lượng cố định cổ phiếu phổ thông khi kết thúc thời hạn của thỏa thuận cổ phiếu ưu đãi hoặc khi phát sinh các sự kiện nguyên nhân quy định trong thỏa thuận. Các cổ phiếu ưu đãi cũng cho phép bên nắm giữ được quyền nhận cổ tức công bố cho các cổ đông phổ thông tương ứng với tỷ lệ cổ phần nắm giữ ngoài khoản cổ tức cố định trả bằng tiền với mức 3% một năm tính trên vốn gốc trong năm đầu tiên và 10% một năm tính trên vốn gốc trong thời gian còn lại tính đến ngày 25 tháng 1 năm 2017.

Tại ngày phát hành báo cáo tài chính này, cổ phiếu ưu đãi chưa được phân loại lại và cổ đông nắm giữ cổ phiếu ưu đãi không có quyền biểu quyết.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá cổ phiếu.

## **23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

### **(a) Ngoại tệ các loại**

**Tập đoàn:**

	31/12/2017		1/1/2017	
	Nguyên tệ	Tương đương Nghìn VND	Nguyên tệ	Tương đương Nghìn VND
USD	2.767.589	62.713.581	22.288.147	506.386.696

### **(b) Nợ khó đòi đã xử lý**

**Tập đoàn:**

	31/12/2017 Nghìn VND	1/1/2017 Nghìn VND
Nợ khó đòi đã xử lý	9.577.438	9.577.438

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(c) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

<b>Tập đoàn:</b>	<b>31/12/2017</b> Nghìn VND	<b>1/1/2017</b> Nghìn VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	4.676.153	135.029.650
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	267.822.247	52.252.650
	<b>272.498.400</b>	<b>187.282.300</b>

**(d) Điều chỉnh giá bán chính thức**

Như đã trình bày tại Thuyết minh 3(q), Tập đoàn có các cam kết sau theo các hợp đồng mua bán nhằm điều chỉnh giá bán sản phẩm dựa trên giá thị trường niêm yết trong tương lai tại London Metal Bulletin (“LMB”) tại ngày định giá chính thức đã thỏa thuận. Doanh thu sơ bộ được ghi nhận dựa trên giá trị hợp lý ước tính của tổng giá trị các khoản phải thu tại ngày giao dịch. Doanh thu sẽ được điều chỉnh tại ngày định giá chính thức sau ngày kết thúc kỳ kế toán này. Các điều chỉnh này sẽ được hạch toán là thay đổi trong ước tính do thiếu cơ sở để xác định một cách đáng tin cậy giá thị trường niêm yết trong tương lai tại LMB tại ngày thực hiện giao dịch.

Tổng doanh thu tính theo giá thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã ghi nhận trên cơ sở ước tính sơ bộ là 65 tỷ VND (2016: 112 tỷ VND).

**24. Doanh thu bán hàng**

Tổng doanh thu của Tập đoàn thể hiện tổng giá trị hàng bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

**25. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Tập đoàn</b>		<b>Công ty</b>	
	<b>2017</b> Nghìn VND	<b>2016</b> Nghìn VND	<b>2017</b> Nghìn VND	<b>2016</b> Nghìn VND
Lãi từ hoạt động tài chính	9.505.661	2.314.252	14.265	2.516
Lãi chênh lệch tỷ giá	31.244.195	33.633.062	-	-
Nợ đã đối trừ với một công ty liên quan	-	185.000.000	-	85.000.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.249.736	99.244	-	-
	<b>41.999.592</b>	<b>221.046.558</b>	<b>14.265</b>	<b>85.002.516</b>



**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**26. Chi phí tài chính**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2017 Nghìn VND	2016 Nghìn VND	2017 Nghìn VND	2016 Nghìn VND
Chi phí lãi vay và chi phí đi vay	1.012.994.177	844.510.670	-	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá	29.937.581	45.920.881	-	-
Chi phí tài chính khác	94.992.260	76.429.071	-	-
	<b>1.137.924.018</b>	<b>966.860.622</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**27. Thuế thu nhập**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2017 Nghìn VND	2016 Nghìn VND	2017 Nghìn VND	2016 Nghìn VND
<b>Chi phí thuế hiện hành</b> Năm hiện hành	36.841.033	14.320.441	-	-
<b>Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại</b> Hoàn nhập chênh lệch tạm thời	(45.844.345)	(29.101.561)	-	-
<b>Lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>(9.003.312)</b>	<b>(14.781.120)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>



**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<b>2017</b> Nghìn VND	<b>2016</b> Nghìn VND	<b>2017</b> Nghìn VND	<b>2016</b> Nghìn VND
Lợi nhuận trước thuế	292.122.452	100.564.754	11.265	82.292.545
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	58.424.490	20.112.951	2.253	16.458.509
Chi phí không được khấu trừ thuế	9.351.549	6.123.679	-	588
Ưu đãi thuế	(48.822.813)	(18.800.157)	-	-
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với công ty con	(33.625.258)	(6.776.723)	-	-
Lỗ tính thuế được sử dụng	(9.151.359)	(26.788.428)	(2.253)	(16.459.097)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	37.589	54.755	-	-
Biến động chênh lệch tạm thời	14.782.490	11.292.803	-	-
	(9.003.312)	(14.781.120)	-	-

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Thuế suất áp dụng**

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế. Các công ty con của Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo quy định hiện hành. Một số công ty con của Công ty được hưởng các ưu đãi thuế đáng kể như sau:

- Ngày 25 tháng 3 năm 2015, một công ty con của Công ty được Bộ Khoa học và Công nghệ cấp Giấy chứng nhận dự án ứng dụng công nghệ cao. Do đó công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm đầu tính từ năm công ty con này được cấp Giấy chứng nhận dự án ứng dụng công nghệ cao (2015-2029). Các quy định hiện hành về thuế cho phép công ty con này được miễn thuế thu nhập trong 4 năm đầu tính từ năm công ty con này được cấp Giấy chứng nhận dự án ứng dụng công nghệ cao (2015-2018) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (2019-2027).
- Theo các điều khoản trong Giấy chứng nhận Đầu tư và các quy định thuế hiện hành, một công ty con khác có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 15% trên lợi nhuận tính thuế từ hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản đối với các sản phẩm khoáng sản không phải vàng trong 12 năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh (2014-2025) và 28% cho các năm sau. Các quy định hiện hành về thuế cho phép công ty con này được miễn thuế thu nhập trong 3 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (2014-2016) và giảm 50% thuế thu nhập trong 8 năm tiếp theo (2017-2024).

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

**(d) Các vấn đề thuế tiềm tàng**

Luật thuế và việc áp dụng luật thuế tại Việt Nam phụ thuộc vào việc diễn giải và có thể thay đổi theo thời gian. Số liệu quyết toán thuế có thể tùy thuộc vào kết quả kiểm tra và thanh tra của các cơ quan thuế khác nhau. Các cơ quan này có thẩm quyền phạt, đánh thuế và tính lãi chậm nộp. Thực tế này có thể khiến cho rủi ro về thuế tại Việt Nam lớn hơn so với các nước khác. Ban Giám đốc tin rằng, Công ty đã trích lập dự phòng đầy đủ cho các khoản thuế phải nộp dựa trên cách diễn giải về luật thuế Việt Nam, bao gồm các quy định về chống chuyển giá và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập hoãn lại phải trả. Tuy nhiên, các cơ quan thuế có thẩm quyền có thể có những cách diễn giải luật khác nhau.

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**28. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được dựa trên số lợi nhuận phân bổ cho cổ đông phổ thông là 201.363 triệu VND (2016: 107.413 triệu VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 703.544.898 cổ phiếu (2016: 703.544.898 cổ phiếu), chi tiết như sau:

**(a) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>Nghìn VND</b>	<b>Nghìn VND</b>
Lợi nhuận thuần thuộc về:		
Cổ đông ưu đãi	4.551.457	2.427.890
Cổ đông phổ thông	201.362.599	107.413.134
	<hr/>	<hr/>
	205.914.056	109.841.024
	<hr/>	<hr/>

**(b) Số lượng cổ phiếu bình quân gia quyền**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
Số lượng cổ phiếu đã phát hành đầu năm và cuối năm	719.447.328	719.447.328
Trong đó:		
Cổ phiếu ưu đãi	15.902.430	15.902.430
Cổ phiếu phổ thông	703.544.898	703.544.898
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**29. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư và giao dịch với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Tập đoàn và Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

**Tập đoàn:**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Bản chất của giao dịch</b>	<b>2017</b> <b>Nghìn VND</b>	<b>2016</b> <b>Nghìn VND</b>
<b>Công ty mẹ cấp cao nhất</b>			
Công ty Cổ phần	Nợ đã đối trừ với NPM	-	324.000.000
Tập đoàn Masan	Nợ đã đối trừ với MSR	-	85.000.000
	Chi phí lãi vay và chi phí đi vay đã trả	-	22.200.000
<b>Công ty mẹ cấp trung</b>			
Masan Horizon Corporation	Thu tiền bán khoản phải thu tiền bồi thường thông qua đối trừ nợ với NPM	-	224.000.000
	Thu tiền bán khoản phải thu tiền bồi thường của NPM	-	22.200.000
<b>Công ty liên kết của công ty mẹ cấp cao nhất</b>			
Ngân hàng TMCP Kỹ	Chi phí lãi vay và chi phí đi vay	93.871.473	127.732.924
Thương Việt Nam (*)	Khoản vay nhận được	1.194.606.629	1.602.550.679
	Khoản vay đã trả	977.695.578	3.027.719.261
	Nhận tiền thu từ trái phiếu	-	1.000.000.000
<b>Cán bộ quản lý chủ chốt</b>			
	Lương, thưởng và các phúc lợi khác (**)	23.444.644	18.727.458

(\*) Tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tập đoàn và Công ty có các khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam theo các điều khoản giao dịch thông thường.

(\*\*) Các thành viên trong Hội đồng Quản trị không được hưởng bất cứ khoản thù lao nào trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016.

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**Công ty:**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Bản chất của giao dịch</b>	<b>2017</b> <b>Ngàn VND</b>	<b>2016</b> <b>Ngàn VND</b>
<b>Công ty mẹ cấp cao nhất</b>			
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	Đối trừ công nợ	-	85.000.000
<b>Các công ty con</b>			
Công ty TNHH MTV Tài nguyên Masan Thái Nguyên	Doanh thu tài chính nhận được	-	36.711.320
Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo	Doanh thu tài chính nhận được	28.249.448	18.288.680

**30. Nghĩa vụ tiềm tàng**

Trong năm, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã hoàn tất cuộc thanh tra về việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường, khoáng sản, đất đai và tài nguyên nước đối với một công ty con của Tập đoàn và theo đó đã ban hành bản Kết luận Thanh tra. Bản Kết luận Thanh tra này đã chỉ ra một số điểm cần khắc phục liên quan đến những vấn đề thanh tra nêu trên và yêu cầu một số sửa đổi đối với các hoạt động bảo vệ môi trường của công ty con này. Ngoài khoản phạt vi phạm hành chính không trọng yếu, công ty con không có khoản phạt nào khác liên quan đến môi trường.

Cho đến ngày phát hành báo cáo tài chính này, công ty con của Tập đoàn đã có những trao đổi tích cực với Bộ Tài nguyên và Môi trường về các biện pháp khắc phục, phương án sửa đổi và tính khả thi của các sửa đổi này. Kết quả cuối cùng về các nội dung sửa đổi phụ thuộc vào quá trình làm việc cũng như sự phê duyệt của các cơ quan chức năng liên quan, vì vậy Tập đoàn chưa có ước tính đáng tin cậy về ảnh hưởng tài chính của những sửa đổi này. Do đó, không có khoản dự phòng nào được ghi nhận trong báo cáo tài chính.

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**31. Các giao dịch đầu tư và tài chính phi tiền tệ**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2017 Nghìn VND	2016 Nghìn VND	2017 Nghìn VND	2016 Nghìn VND
Chuyển lãi vay phải trả thành khoản vay	34.097.152	32.967.256	-	-
Chi phí khấu hao và phân bổ được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang	-	4.716.241	-	-

**32. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty và Tập đoàn tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

**08 -03- 2018**

Người lập:

Nguyễn Thị Hải Yến  
Kế toán trưởng

Người kiểm tra:

Nikhil Kamran  
Giám đốc Tài chính

Người duyệt:



Craig Richard Bradshaw  
Tổng Giám đốc



**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan  
và các công ty con**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2018





**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận**

**Đăng ký Doanh nghiệp số** 0309966889

ngày 3 tháng 10 năm 2018

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là vào ngày 3 tháng 10 năm 2018. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đầu tiên số 0309966889 được cấp ngày 27 tháng 4 năm 2010.

**Giấy Chứng nhận Đầu tư số** 41122000131

ngày 2 tháng 8 năm 2013

Giấy Chứng nhận Đầu tư do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Công ty để thực hiện việc đầu tư dự án “Công ty Cổ phần Tài nguyên Ma San” có thời gian hoạt động là 10 năm kể từ ngày được cấp Giấy Chứng nhận Đầu tư.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Chetan Prakash Baxi

Chủ tịch

Dr. Nguyễn Đăng Quang

Thành viên

Ông Nguyễn Thiệu Nam

Thành viên

Ông Dominic John Heaton

Thành viên

*(từ nhiệm ngày 26/7/2018)*

Ông Nguyễn Văn Thắng

Thành viên

**Ban Giám đốc**

Ông Craig Richard Bradshaw

Tổng Giám đốc

Ông Nikhil Kamran

Giám đốc tài chính

*(từ nhiệm ngày 23/8/2018)*

Bà Nguyễn Thị Thanh Mai

Kế toán trưởng

*(từ ngày 23/7/2018)*

**Trụ sở đăng ký**

Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza  
Số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất và riêng đính kèm của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất và riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 58 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn và Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất và riêng đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Ông Richard Bradshaw  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 7 tháng 3 năm 2019



KPMG Limited  
46<sup>th</sup> Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất và riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan (“Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất và riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 7 tháng 3 năm 2019, được trình bày từ trang 5 đến trang 58.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất và riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm đối với hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất và riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất và riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất và riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất và riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tập đoàn và Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và riêng và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và riêng cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 18-02-00177-19-2



  
Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0861-2018-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 7 tháng 3 năm 2019

Wang Toon Kim

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0557-2018-007-1

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018**

**Mẫu B 01 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			31/12/2018 Nghìn VND	1/1/2018 Nghìn VND	31/12/2018 Nghìn VND	1/1/2018 Nghìn VND
<b>TÀI SẢN</b>						
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>4.333.718.245</b>	<b>3.456.003.440</b>	<b>47.959.283</b>	<b>2.782.039</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>6</b>	<b>467.220.260</b>	<b>780.414.201</b>	<b>3.288.566</b>	<b>483.619</b>
Tiền	111		263.449.041	82.470.201	234.588	83.619
Các khoản tương đương tiền	112		203.771.219	697.944.000	3.053.978	400.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	<b>32.500.000</b>	-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	32.500.000	-	-
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.612.852.955</b>	<b>860.460.818</b>	<b>44.670.717</b>	<b>2.298.420</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		960.321.689	368.595.772	-	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		175.750.070	78.568.122	-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	<b>7</b>	476.781.196	420.152.488	44.670.717	2.298.420
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	(6.855.564)	-	-
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>1.646.014.138</b>	<b>1.409.062.969</b>	-	-
Hàng tồn kho	141		1.646.014.138	1.409.062.969	-	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>607.630.892</b>	<b>373.565.452</b>	-	-
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		45.996.377	47.822.640	-	-
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		561.634.515	325.742.812	-	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			31/12/2018 Nghìn VND	1/1/2018 Nghìn VND	31/12/2018 Nghìn VND	1/1/2018 Nghìn VND
<b>Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>23.615.407.322</b>	<b>23.688.207.422</b>	<b>12.495.844.635</b>	<b>9.995.844.635</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.335.307.630</b>	<b>1.346.793.937</b>	<b>7.355.509.062</b>	<b>4.855.509.062</b>
Phải thu về cho vay dài hạn	215	9	-	-	3.945.518.100	3.945.518.100
Phải thu dài hạn khác	216	7	1.335.307.630	1.346.793.937	3.409.990.962	909.990.962
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>18.267.296.514</b>	<b>18.898.064.279</b>	-	-
Tài sản cố định hữu hình	221	10	17.767.943.281	18.351.724.804	-	-
<i>Nguyên giá</i>	222		22.411.038.516	21.810.465.885	-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(4.643.095.235)	(3.458.741.081)	-	-
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	11	-	4.486.667	-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		67.300.000	67.300.000	-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(67.300.000)	(62.813.333)	-	-
Tài sản cố định vô hình	227	12	499.353.233	541.852.808	-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		688.278.032	688.278.032	137.950	137.950
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(188.924.799)	(146.425.224)	(137.950)	(137.950)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.429.178.901</b>	<b>987.802.403</b>	-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	1.429.178.901	987.802.403	-	-
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>5.900.000</b>	-	<b>5.140.335.573</b>	<b>5.140.335.573</b>
Đầu tư vào công ty con	251	14	-	-	5.140.335.573	5.140.335.573
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		5.900.000	-	-	-
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.577.724.277</b>	<b>2.455.546.803</b>	-	-
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	2.576.441.928	2.440.860.012	-	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	20(i)	1.282.349	14.686.791	-	-
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>27.949.125.567</b>	<b>27.144.210.862</b>	<b>12.543.803.918</b>	<b>9.998.626.674</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			31/12/2018 Nghìn VND	1/1/2018 Nghìn VND	31/12/2018 Nghìn VND	1/1/2018 Nghìn VND
<b>NGUỒN VỐN</b>						
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>15.823.171.322</b>	<b>15.132.604.815</b>	<b>3.098.253.712</b>	<b>554.834.167</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>4.101.944.806</b>	<b>4.871.844.056</b>	<b>57.179.537</b>	<b>13.759.992</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311		526.342.610	434.067.033	-	429.032
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		238.767.158	166.299.167	-	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	66.770.503	74.558.198	136.840	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	734.808.645	788.206.464	41.014.278	424.490
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	67.894.855	3.919.178	16.028.419	12.906.470
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19(a)	2.467.361.035	3.404.794.016	-	-
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>11.721.226.516</b>	<b>10.260.760.759</b>	<b>3.041.074.175</b>	<b>541.074.175</b>
Phải trả dài hạn khác	337	18	1.124.123.839	1.124.123.839	541.074.175	541.074.175
Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19(b)	9.491.007.736	7.967.927.242	2.500.000.000	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	20(ii)	613.430.657	643.914.399	-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342	21	492.664.284	524.795.279	-	-
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>12.125.954.245</b>	<b>12.011.606.047</b>	<b>9.445.550.206</b>	<b>9.443.792.507</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>22</b>	<b>12.125.954.245</b>	<b>12.011.606.047</b>	<b>9.445.550.206</b>	<b>9.443.792.507</b>
Vốn cổ phần	411	23	8.993.091.220	7.194.473.280	8.993.091.220	7.194.473.280
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		8.993.091.220	7.035.448.980	8.993.091.220	7.035.448.980
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	159.024.300	-	159.024.300
Thặng dư vốn cổ phần	412	23	145.709.384	1.944.327.324	145.709.384	1.944.327.324
Vốn khác của chủ sở hữu	414		(295.683.347)	(295.683.347)	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.282.836.988	2.757.718.772	306.749.602	304.991.903
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		2.757.718.772	2.551.804.716	304.991.903	304.980.638
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		525.118.216	205.914.056	1.757.699	11.265
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	410.770.018	-	-
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>27.949.125.567</b>	<b>27.144.210.862</b>	<b>12.543.803.918</b>	<b>9.998.626.674</b>

Ngày 7 tháng 3 năm 2019

Người lập:



Nguyễn Thị Thanh Mai  
Kế toán trưởng

Người kiểm tra:



Rajul Bagrodia  
Phó Giám đốc Tài chính

Người duyệt:



Craig Richard Bradshaw  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con****Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018****Mẫu B 02 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			2018 Nghìn VND	2017 Nghìn VND	2018 Nghìn VND	2017 Nghìn VND
<b>Doanh thu bán hàng</b>	<b>01</b>	<b>25</b>	<b>6.865.010.875</b>	<b>5.404.645.101</b>	-	-
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>		<b>4.703.549.284</b>	<b>3.713.762.618</b>	-	-
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>2.161.461.591</b>	<b>1.690.882.483</b>	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	126.790.749	41.999.592	44.669.471	14.265
Chi phí tài chính	22	27	1.204.829.996	1.137.924.018	40.756.034	-
Chi phí bán hàng	25		104.331.557	135.288.194	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		127.022.646	124.952.093	2.165.738	3.000
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26)</b>	<b>30</b>		<b>852.068.141</b>	<b>334.717.770</b>	<b>1.747.699</b>	<b>11.265</b>
Thu nhập khác	31		2.098.777	2.254.261	10.000	-
Chi phí khác	32		26.054.374	44.849.579	-	-
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(23.955.597)</b>	<b>(42.595.318)</b>	<b>10.000</b>	<b>-</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) (chuyển sang trang sau)</b>	<b>50</b>		<b>828.112.544</b>	<b>292.122.452</b>	<b>1.757.699</b>	<b>11.265</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*



**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			2018 Nghìn VND	2017 Nghìn VND	2018 Nghìn VND	2017 Nghìn VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) (mang sang từ trang trước)	50		828.112.544	292.122.452	1.757.699	11.265
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	35.190.165	36.841.033	-	-
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	28	(17.079.300)	(45.844.345)	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>810.001.679</b>	<b>301.125.764</b>	<b>1.757.699</b>	<b>11.265</b>
			<b>Nghìn VND</b>	<b>Nghìn VND</b>		
<b>Lợi nhuận thuần phân bổ cho:</b>						
Cổ đông của Công ty	61		663.756.323	205.914.056		
Cổ đông không kiểm soát	62		146.245.356	95.211.708		
			<b>VND</b>	<b>VND</b> (Điều chỉnh lại)		
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>						
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	738	229		

Ngày 7 tháng 3 năm 2019

Người lập:



Nguyễn Thị Thanh Mai  
Kế toán trưởng

Người kiểm tra:



Rajul Bagrodia  
Phó Giám đốc Tài chính

Người duyệt:



Craig Richard Bradshaw  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Tập đoàn		Công ty	
		2018 Nghìn VND	2017 Nghìn VND	2018 Nghìn VND	2017 Nghìn VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>					
Lợi nhuận trước thuế	01	828.112.544	292.122.452	1.757.699	11.265
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>					
Khấu hao và phân bổ	02	1.235.908.778	1.181.620.078	-	-
Các khoản dự phòng	03	41.014.656	43.347.293	-	-
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	6.989.532	(5.824.568)	-	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(27.848.288)	(5.741.539)	(44.669.471)	(14.265)
Chi phí lãi vay và chi phí đi vay	06	1.079.797.011	1.012.994.177	40.619.178	-
<b>Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>3.163.974.233</b>	<b>2.518.517.893</b>	<b>(2.292.594)</b>	<b>(3.000)</b>
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09	(982.999.214)	(454.833.910)	2.242.378	(2.242.379)
Biến động hàng tồn kho	10	(236.951.168)	(296.677.753)	-	-
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	131.197.383	187.603.914	2.800.367	(181.160)
Biến động chi phí trả trước	12	(93.222.743)	(4.225.567)	-	-
		<b>1.981.998.491</b>	<b>1.950.384.577</b>	<b>2.750.151</b>	<b>(2.426.539)</b>
Tiền lãi vay và chi phí đi vay đã trả	14	(1.048.441.244)	(921.866.185)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(36.533.036)	(14.478.165)	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>897.024.211</b>	<b>1.014.040.227</b>	<b>2.750.151</b>	<b>(2.426.539)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>					
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(1.076.471.346)	(940.730.520)	-	-
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	1.452.381	1.056.182	-	-
Gửi tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	23	(5.900.000)	(32.500.000)	-	-
Khoản đóng góp theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh (“HĐHTKD”)	23	-	-	(2.500.000.000)	-
Tiền thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	24	32.500.000	-	-	-
Tiền chi mua lại phần vốn góp của cổ đông không kiểm soát	25	(695.653.481)	-	-	-
Tiền thu lãi tiền gửi	27	25.871.532	9.502.550	54.796	28.262.675
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(1.718.200.914)</b>	<b>(962.671.788)</b>	<b>(2.499.945.204)</b>	<b>28.262.675</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
		2018 Nghìn VND	2017 Nghìn VND	2018 Nghìn VND	2017 Nghìn VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>					
Tiền thu từ đi vay	33	7.517.713.852	2.638.264.656	2.500.000.000	-
Tiền trả nợ gốc vay, trái phiếu và chi phí liên quan đến phát hành trái phiếu	34	(6.999.320.201)	(2.467.586.590)	-	-
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(9.026.327)	(16.271.187)	-	-
Tiền trả cổ tức	36	-	(26.249.448)	-	(26.249.448)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>509.367.324</b>	<b>128.157.431</b>	<b>2.500.000.000</b>	<b>(26.249.448)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>(311.809.379)</b>	<b>179.525.870</b>	<b>2.804.947</b>	<b>(413.312)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>780.414.201</b>	<b>603.345.037</b>	<b>483.619</b>	<b>896.931</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>61</b>	<b>(1.384.562)</b>	<b>(2.456.706)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 6)</b>	<b>70</b>	<b>467.220.260</b>	<b>780.414.201</b>	<b>3.288.566</b>	<b>483.619</b>

Ngày 7 tháng 3 năm 2019

Người lập:



Nguyễn Thị Thanh Mai  
Kế toán trưởng

Người kiểm tra:



Rajul Bagrodia  
Phó Giám đốc Tài chính

Người duyệt:



Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan  
Craig Richard Bradshaw  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

### **Hình thức sở hữu vốn và cấu trúc Tập đoàn**

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan (“Công ty” hoặc “MSR”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là tư vấn quản lý.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Các hoạt động chính của các công ty con như sau:

<b>Tên công ty</b>	<b>Hoạt động chính</b>	<b>Tỷ lệ lợi ích kinh tế tại</b>	
		<b>31/12/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
Công ty TNHH MTV Tài Nguyên Masan Thái Nguyên (“MRTN”)	Tư vấn quản lý	100%	100%
Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư Thái Nguyên (“TNTI”)	Tư vấn quản lý	100%	100%
Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo (“NPM”)	Khai thác và chế biến khoáng sản	100%	100%
Công ty TNHH Vonfram Masan (“MTC”) (trước đây là Công ty TNHH Tinh luyện Vonfram Núi Pháo - H.C. Starck – thay đổi từ ngày 11/9/2018) (Thuyết minh 5)	Chế biến kim loại màu và kim loại quý hiếm (Vonfram)	100%	51%

Tỷ lệ lợi ích kinh tế phản ánh tỷ lệ thực tế của các lợi ích kinh tế trực tiếp và gián tiếp của Công ty tại các công ty con.

Tất cả các công ty con của Công ty được thành lập tại Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có 2 nhân viên (1/1/2018: 2 nhân viên) và Tập đoàn có 1.403 nhân viên (1/1/2018: 1.363 nhân viên).

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## **Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

#### **(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

#### **(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”). Báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày bằng VND làm tròn đến hàng nghìn (“Nghìn VND”).

### **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn và Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng này.

#### **(a) Cơ sở hợp nhất**

##### **(i) Hợp nhất kinh doanh**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, Tập đoàn phải xem xét quyền biểu quyết tiềm tàng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Theo phương pháp mua, tài sản và nợ phải trả của công ty được mua được hợp nhất theo giá trị hợp lý khi hợp nhất. Giá mua bao gồm tổng giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã tiếp nhận và các công cụ vốn chủ sở hữu phát hành bởi Tập đoàn tại ngày trao đổi. Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng của công ty được mua. Khoản chênh lệch âm được ghi nhận thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các chi phí giao dịch, ngoại trừ các chi phí liên quan đến việc phát hành công cụ nợ hoặc chứng khoán vốn của Tập đoàn liên quan đến việc hợp nhất kinh doanh, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh, như chi phí trả cho tư vấn tài chính, tư vấn pháp lý, thẩm định viên về giá và các nhà tư vấn liên quan đến hợp nhất kinh doanh. Các chi phí giao dịch này được tính vào giá phí hợp nhất kinh doanh. Các chi phí quản lý chung và các chi phí khác không liên quan trực tiếp đến giao dịch hợp nhất kinh doanh cụ thể đang được ghi nhận thì không được tính vào chi phí mua, mà được ghi nhận là chi phí phát sinh trong năm.

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(ii) Công ty con**

Các công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại. Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt kiểm soát đối với các đơn vị này.

**(iii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ lợi ích kinh tế của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua. Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Theo Thông tư 202/2014/TT-BTC ban hành bởi Bộ Tài Chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo hợp nhất (“Thông tư 202”), được áp dụng phi hồi tố từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

**(iv) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Các số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

**(v) Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con và được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua để có được quyền kiểm soát đơn vị bị mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua. Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

**(b) Ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và riêng.

## **Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

#### **(c) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

#### **(d) Các khoản đầu tư**

##### **(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Tập đoàn dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc.

##### **(ii) Đầu tư vào các công ty con**

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đã nằm trong dự kiến của Ban Giám đốc của Tập đoàn khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

#### **(e) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

#### **(f) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí khai thác khoáng sản và sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(g) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Khi kết thúc giai đoạn xây dựng mỏ, các tài sản được kết chuyển vào “nhà cửa, vật kiến trúc”, “máy móc và thiết bị” hoặc “tài sản khai thác khoáng sản khác” thuộc khoản mục tài sản cố định hữu hình. Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua hoặc chi phí xây dựng, bao gồm thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Tài sản khai thác khoáng sản khác bao gồm chi phí phục hồi môi trường mỏ; và giá trị hợp lý của trữ lượng khai thác và trữ lượng địa chất khoáng sản từ hợp nhất kinh doanh.

**(ii) Khấu hao**

*Máy móc, thiết bị và giá trị hợp lý của trữ lượng khoáng sản từ hợp nhất kinh doanh liên quan trực tiếp đến hoạt động khai thác khoáng sản*

Máy móc, thiết bị và giá trị hợp lý của trữ lượng khoáng sản từ hợp nhất kinh doanh liên quan trực tiếp đến hoạt động khai thác khoáng sản được khấu hao dựa trên trữ lượng khoáng sản của mỏ theo phương pháp khối lượng sản phẩm. Trữ lượng khoáng sản của mỏ là sản lượng quặng ước tính có thể được khai thác hợp pháp và thu được lợi ích kinh tế từ tài sản khai thác khoáng sản của Tập đoàn.

*Máy móc và thiết bị của một công ty con liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất*

Tài sản cố định hữu hình của một công ty con liên quan trực tiếp đến hoạt động chế biến các sản phẩm tinh chế từ vonfram được tính khấu hao trong thời gian hữu dụng ước tính của tài sản theo đơn vị sản phẩm. Tổng đơn vị sản phẩm ước tính mà tài sản cố định khấu hao theo phương pháp khấu hao theo đơn vị sản phẩm là như sau:

**Tại ngày 31/12/2018 và 1/1/2018**

Nhà máy ST  
Nhà máy APT

125.140 tấn vonfram  
120.265 tấn vonfram



## **Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### *Các tài sản khác*

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- |   |            |
|---|------------|
| ▪ nhà cửa và vật kiến trúc              | 5 – 20 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị                   | 3 – 15 năm |
| ▪ dụng cụ văn phòng                     | 3 – 10 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển                | 3 – 6 năm  |
| ▪ các tài sản khai thác khoáng sản khác | 19 năm     |

#### **(h) Tài sản cố định thuê tài chính**

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tập đoàn đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính là năm (5) năm.

#### **(i) Tài sản cố định vô hình**

##### **(i) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ ba (3) đến tám (8) năm.

##### **(ii) Quyền khai thác khoáng sản**

Quyền khai thác khoáng sản được tính dựa trên trữ lượng khai thác còn lại nhân với giá khoáng sản do Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh công bố theo quy định tại Nghị định số 203/2013/NĐ/CP ngày 28 tháng 11 năm 2013 (“Nghị định 203/2013”) có hiệu lực từ ngày 20 tháng 1 năm 2014. Nguyên giá của quyền khai thác khoáng sản được trình bày theo giá trị hiện tại của tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và được vốn hóa và hạch toán như một tài sản cố định vô hình. Quyền khai thác khoáng sản được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên vòng đời kinh tế của trữ lượng khoáng sản của mỏ.

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(j) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản khoáng sản đang trong quá trình phát triển và chi phí xây dựng và máy móc chưa hoàn thành, chưa lắp đặt xong và chưa nghiệm thu đưa vào hoạt động. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang cũng bao gồm giá trị của trữ lượng khai thác khoáng sản, trữ lượng địa chất khoáng sản và các chi phí phát triển mỏ liên quan. Các tài sản này đủ điều kiện để được vốn hóa khi trữ lượng khai thác khoáng sản liên quan đã được chứng minh là có tính khả thi về lợi ích kinh tế và kỹ thuật. Các tài sản này được vốn hóa sau khi cản trừ tiền thu về từ việc bán sản phẩm sản xuất thử trong giai đoạn phát triển mỏ. Khi hoàn thành giai đoạn xây dựng, được xác định là từ khi tài sản được đưa đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, toàn bộ tài sản được phân loại lại vào tài sản cố định hữu hình là “nhà cửa và vật kiến trúc”, “máy móc và thiết bị” hoặc “tài sản khai thác khoáng sản khác” hoặc vào chi phí trả trước dài hạn là “chi phí khai thác khoáng sản khác”.

Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình phát triển mỏ, xây dựng, lắp đặt và chạy thử để đưa tài sản vào sử dụng.

**(k) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí trước hoạt động**

Chi phí trước hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, ngoại trừ chi phí thành lập, chi phí đào tạo, quảng cáo, khuyến mại phát sinh từ ngày thành lập cho tới ngày bắt đầu hoạt động. Các chi phí này được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn, ban đầu được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong ba (3) năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh.

**(ii) Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng**

Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng bao gồm tiền thuê đất trả trước, chi phí bồi thường, tái định cư và các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc bảo đảm mặt bằng cần thiết cho việc sử dụng đất thuê phục vụ hoạt động khai thác khoáng sản. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(iii) Chi phí khai thác khoáng sản khác**

Chi phí khai thác khoáng sản khác bao gồm:

- Chi phí thăm dò, đánh giá và phát triển mỏ (bao gồm chi phí bóc đất đá phát triển mỏ); và
- Chi phí bóc đất đá trong quá trình sản xuất (như được nêu dưới đây trong phần ‘Chi phí bóc đất đá chờ phân bổ’).

*Chi phí bóc đất đá chờ phân bổ*

Hoạt động khai thác mỏ lộ thiên đòi hỏi phải bóc lớp đất đá phủ bên trên và các loại phế liệu khác để tiếp cận thân quặng cần khai thác. Chi phí bóc đất đá phát sinh trong quá trình phát triển mỏ (chi phí bóc đất đá phát triển mỏ) được ghi nhận vào chi phí xây dựng mỏ. Toàn bộ chi phí bóc đất đá phát triển mỏ phát sinh trong giai đoạn xây dựng được kết chuyển vào chi phí khai thác khoáng sản khác.

Chi phí loại bỏ đất đá trong giai đoạn sản xuất của mỏ (chi phí bóc đất đá trong quá trình sản xuất) được giữ lại chờ phân bổ khi chi phí này làm phát sinh lợi ích trong tương lai:

- a) Khi Tập đoàn chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai;
- b) Khi có thể xác định được thành phần của phần thân quặng mà khả năng tiếp cận đã được cải thiện; và
- c) Khi các chi phí phát sinh có thể được tính toán được một cách đáng tin cậy.

Chi phí bóc đất đá trong quá trình sản xuất được phân bổ giữa hàng tồn kho và chi phí trả trước dài hạn trong quá trình sản xuất dựa trên tỷ lệ bóc đất đá trong vòng đời của mỏ.

Tỷ lệ bóc đất đá trong vòng đời của mỏ là tỷ lệ giữa tổng lượng đất đá và phế liệu ước tính phải bóc trên tổng lượng quặng ước tính có thể thu hồi được lợi ích kinh tế trong suốt vòng đời của mỏ. Chi phí bóc đất đá trong quá trình sản xuất được ghi nhận thành chi phí trả trước dài hạn khi tỷ lệ bóc đất đá thực tế của kỳ hiện tại cao hơn tỷ lệ bóc đất đá trung bình trong vòng đời của mỏ.

Chi phí bóc đất đá trong quá trình phát triển mỏ và sản xuất được phân bổ một cách có hệ thống trong suốt giai đoạn khai thác trữ lượng của các thành phần khoáng sản liên quan đã được chứng minh chắc chắn.

**(iv) Chi phí trả trước khác**

Chi phí trả trước khác bao gồm phí dịch vụ được ghi nhận lần đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn hợp đồng.

**(l) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(m) Hợp đồng hợp tác kinh doanh**

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (“HĐHTKD”) là hợp đồng mà trong đó các bên tham gia ký kết đồng ý thực hiện các hoạt động kinh doanh cụ thể mà qua đó không yêu cầu phải thành lập một pháp nhân. Công ty hạch toán mỗi HĐHTKD dựa theo bản chất của hợp đồng và các quyền và nghĩa vụ của Công ty trong hợp đồng. Trường hợp Công ty góp vốn dưới hình thức tài sản tài chính cho các bên khác và do đó tiếp nhận một quyền hợp đồng – được nhận tiền hoặc tài sản tài chính khác từ các bên khác theo HĐHTKD, Công ty sẽ ghi nhận tài sản tài chính. Trường hợp các khoản phân chia lợi nhuận từ các bên khác của HĐHTKD có bản chất là thu nhập tài chính, các khoản này sẽ được ghi nhận là thu nhập tài chính dựa trên tỷ lệ lợi nhuận theo thỏa thuận của các bên tham gia. Các khoản phân chia còn phụ thuộc vào kết quả kinh doanh cuối cùng của HĐHTKD và được ghi nhận là thu nhập khi kết quả kinh doanh cuối cùng của HĐHTKD có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

**(n) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn hoặc Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(i) Quyền khai thác khoáng sản**

Theo quy định của Luật khoáng sản năm 2010, một công ty con của Tập đoàn có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước tiền cấp Quyền khai thác khoáng sản. Tiền cấp Quyền khai thác khoáng sản được tính dựa trên trữ lượng khai thác còn lại và giá tính tiền cấp Quyền khai thác khoáng sản theo Nghị định 203/2013, Nghị định 158/2016/ND-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 (“Nghị định 158/2016”) và Thông tư 38/2017/TT-BTNMT ngày 16 tháng 10 năm 2017 (“Thông tư 38”).

Theo Nghị định 158/2016 có hiệu lực từ ngày 15 tháng 1 năm 2017, quyền khai thác khoáng sản được tính dựa trên trữ lượng khai thác còn lại và giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, trong đó giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được xác định trên cơ sở quy đổi từ giá tính thuế tài nguyên theo quy định của pháp luật về thuế tài nguyên tại thời điểm tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Theo Thông tư 38, Bộ Tài nguyên và Môi trường (“MONRE”) hướng dẫn phương pháp quy đổi dựa vào các thông số khác nhau để xác định hệ số quy đổi để tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo Nghị định 158/2016.

**(ii) Dự phòng phục hồi môi trường mỏ**

Hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản của Tập đoàn làm phát sinh nghĩa vụ đóng cửa mỏ hoặc phục hồi môi trường mỏ. Hoạt động đóng cửa mỏ và phục hồi môi trường mỏ có thể bao gồm việc giải bản mỏ và tháo dỡ thiết bị; phục hồi mặt bằng đất và khu vực khai thác. Phạm vi công việc phải thực hiện và các chi phí liên quan tùy thuộc vào các quy định của MONRE và các chính sách môi trường của Tập đoàn theo Báo cáo Tác động Môi trường.

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Dự phòng chi phí của mỗi chương trình đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ được ghi nhận tại thời điểm ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường xảy ra. Khi mức độ ảnh hưởng đến môi trường tăng lên theo thời gian hoạt động khai thác, dự phòng sẽ tăng theo tương ứng. Các chi phí được tính vào dự phòng bao gồm tất cả các chi phí liên quan đến hoạt động đóng cửa mỏ và phục hồi môi trường mỏ dự kiến sẽ được trích lập liên tục theo suốt thời gian khai thác, chế biến khoáng sản, tương ứng với mức độ ảnh hưởng đối với môi trường tại ngày báo cáo.

Trong trường hợp hoạt động phục hồi mỏ được thực hiện một cách có hệ thống trong suốt thời gian hoạt động khai thác mà không phải tại thời điểm đóng cửa mỏ, dự phòng được trích lập cho công việc phục hồi mỏ liên tục chưa thực hiện ước tính tại mỗi thời điểm báo cáo và chi phí được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Chi phí hoạt động thường ngày có thể tác động đến các hoạt động đóng cửa mỏ và phục hồi môi trường mỏ sau này như công việc xử lý vật liệu thải được thực hiện như một phần không tách rời của quá trình khai thác khoáng sản hoặc sản xuất, không được tính vào dự phòng. Chi phí phát sinh từ các tình huống không dự kiến trước được, như tình trạng ô nhiễm do chất thải ngoài dự kiến, được ghi nhận là chi phí và nợ phải trả khi sự cố làm phát sinh một nghĩa vụ có thể ước tính được một cách đáng tin cậy.

Thời gian đóng cửa mỏ thực tế và chi phí phục hồi môi trường mỏ phụ thuộc vào vòng đời của mỏ. Dự phòng đóng cửa và phục hồi mỏ được ghi nhận theo giá trị dự kiến của dòng tiền trong tương lai, được chiết khấu về giá trị hiện tại và được xác định theo xác suất ước tính của các dòng tiền phát sinh đối với mỗi hoạt động khai thác. Các xét đoán và ước tính trọng yếu được sử dụng để hình thành dự kiến về các hoạt động trong tương lai và giá trị và thời gian của dòng tiền liên quan. Những dự kiến này được hình thành dựa trên yêu cầu về môi trường và pháp lý hiện hành làm phát sinh một nghĩa vụ liên đới.

Khi dự phòng đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ được ghi nhận lần đầu, chi phí tương ứng được vốn hóa như một tài sản nếu nghĩa vụ về đóng cửa và phục hồi môi trường là không thể tránh khỏi đối với việc xây dựng tài sản. Chi phí đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ đã vốn hóa được ghi nhận vào tài sản khai thác khoáng sản khác và được khấu hao sau đó. Chênh lệch về giá trị của khoản dự phòng tăng lên theo thời gian do ảnh hưởng của việc chiết khấu đến giá trị hiện tại, được ghi nhận là chi phí tài chính.

Dự phòng đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ sẽ được điều chỉnh theo các thay đổi về ước tính. Các điều chỉnh này sẽ được hạch toán như một thay đổi về chi phí được vốn hóa tương ứng, trừ trường hợp số giảm dự phòng cao hơn chi phí được vốn hóa chưa được trích khấu hao của các tài sản liên quan, khi đó chi phí được vốn hóa được giảm xuống bằng không và phần chênh lệch còn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các thay đổi về chi phí được vốn hóa dẫn đến một thay đổi về chi phí khấu hao trong tương lai. Các thay đổi về giá trị và thời gian ước tính của các dòng tiền trong tương lai đối với hoạt động đóng cửa và phục hồi mỏ là một sự kiện bình thường phù hợp với các xét đoán và ước tính quan trọng liên quan.

**(o) Trái phiếu phát hành**

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(p) *Vốn chủ sở hữu***

**(i) *Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được trình bày là vốn chủ sở hữu. Phần chênh lệch tăng do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là khoản giảm thặng dư vốn cổ phần.

**(ii) *Cổ phiếu ưu đãi***

Cổ phiếu ưu đãi bắt buộc phải chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu này hưởng cổ tức cố định, đồng thời vẫn có quyền nhận cổ tức công bố cho các cổ phiếu phổ thông và quyền bình đẳng đối với các tài sản còn lại của Công ty. Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu ưu đãi được ghi nhận như một khoản giảm thặng dư vốn.

**(iii) *Vốn khác của chủ sở hữu***

Các biến động vốn chủ sở hữu do việc mua hoặc thanh lý cổ phần cho cổ đông không kiểm soát và các giao dịch liên quan đến công cụ vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào “Vốn khác của chủ sở hữu” trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, ngày áp dụng phi hồi tố của Thông tư 202 (Thuyết minh 3(a)(iii)).

**(q) *Thuế***

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

## **Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### **(r) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

Đối với doanh thu bán khoáng sản, giá bán thường được xác định sơ bộ tại ngày ghi nhận doanh thu và điều chỉnh giá bán phát sinh sau đó dựa trên biến động giá niêm yết trên thị trường hoặc giá theo hợp đồng cho đến ngày định giá chính thức. Khoảng thời gian giữa thời điểm ghi nhận doanh thu sơ bộ và thời điểm định giá chính thức thường là từ 30 đến 60 ngày, tuy nhiên một số trường hợp có thể lên đến 90 ngày. Doanh thu ghi nhận sơ bộ được ghi nhận dựa trên giá trị hợp lý ước tính của tổng giá trị các khoản phải thu.

Trong trường hợp các điều kiện trong hợp đồng mua bán cho phép điều chỉnh giá bán dựa trên kết quả khảo nghiệm hàng hóa của khách hàng, kết quả phân tích được lập bởi một bên thứ ba sẽ được sử dụng, trừ khi kết quả khảo nghiệm của khách hàng nằm trong phạm vi sai số đã được quy định tại hợp đồng bán sản phẩm, khi đó doanh thu được ghi nhận dựa trên bản phân tích chất lượng sản phẩm gần nhất được các bên chấp thuận.

#### **(s) Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính**

##### **(i) Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm thu nhập lãi tiền gửi và cho vay và lãi chênh lệch tỷ giá. Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo cơ sở dồn tích.

##### **(ii) Chi phí hoạt động tài chính**

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay, phí thu xếp tín dụng, chi phí tài chính, chi phí giao dịch và lỗ do chênh lệch tỷ giá.

#### **(t) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(u) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm chi phí lãi vay, phí thu xếp tín dụng, chi phí tài chính, chi phí giao dịch và lệ phí vay. Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(v) Lãi trên cổ phiếu**

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm, nếu có, trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được xác định bằng kết quả kinh doanh trong năm phân bổ cho số lượng cổ phiếu phổ thông và các công cụ chứng khoán vốn. Phương thức phân bổ này dựa trên quyền được phân chia lợi nhuận của các loại cổ phiếu khác nếu toàn bộ lợi nhuận hoặc lỗ được phân chia.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng. Cổ phiếu phổ thông tiềm năng không bao gồm các loại công cụ tài chính đi kèm điều khoản bắt buộc chuyển đổi.

**(w) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu và thứ yếu của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh và vùng địa lý theo thứ tự tương ứng.

**(x) Các bên liên quan**

Các bên được xem là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay có ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan. Các bên liên quan cá nhân là các cán bộ quản lý chủ chốt có thẩm quyền và trách nhiệm trong việc lập kế hoạch, chỉ đạo và kiểm soát hoạt động của Công ty, bao gồm các giám đốc và cán bộ của Công ty. Các công ty liên quan bao gồm các nhà đầu tư và công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.



**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**4. Báo cáo bộ phận**

**(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh**

Tập đoàn gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

**Từ ngày 1/1/2018 đến ngày 31/12/2018**

	Đồng VND Nghìn VND	Fluorit Nghìn VND	Vonfram Nghìn VND	Các bộ phận khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Doanh thu bộ phận	942.301.136	1.381.223.555	4.215.790.172	325.696.012	6.865.010.875
Lợi nhuận gộp của bộ phận	530.675.974	876.394.721	673.358.748	81.032.148	2.161.461.591
Chi phí không phân bổ					231.354.203
Thu nhập từ hoạt động tài chính					126.790.749
Chi phí tài chính					1.204.829.996
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh					852.068.141
Thu nhập khác					2.098.777
Chi phí khác					26.054.374
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					18.110.865
Lợi nhuận thuần sau thuế					810.001.679

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**Từ ngày 1/1/2017 đến ngày 31/12/2017**

	<b>Đồng Nghìn VND</b>	<b>Fluorit Nghìn VND</b>	<b>Vonfram Nghìn VND</b>	<b>Các bộ phận khác Nghìn VND</b>	<b>Tổng cộng Nghìn VND</b>
Doanh thu bộ phận	734.678.468	1.086.632.503	3.220.111.419	363.222.711	5.404.645.101
Lợi nhuận gộp của bộ phận	452.041.373	658.824.479	468.982.641	111.033.990	1.690.882.483
Chi phí không phân bổ					260.240.287
Thu nhập từ hoạt động tài chính					41.999.592
Chi phí tài chính					1.137.924.018
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh					334.717.770
Thu nhập khác					2.254.261
Chi phí khác					44.849.579
Lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp					(9.003.312)
Lợi nhuận thuần sau thuế					301.125.764

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018**

Tài sản của bộ phận  
 Tài sản không phân bổ

	<b>Đồng Nghìn VND</b>	<b>Fluorit Nghìn VND</b>	<b>Vonfram Nghìn VND</b>	<b>Các bộ phận khác Nghìn VND</b>	<b>Tổng cộng Nghìn VND</b>
	186.484.856	972.966.046	2.004.682.073	1.270.847.365	4.434.980.340
					23.514.145.227
<b>Tổng tài sản</b>					<b>27.949.125.567</b>

Tổng nợ phải trả

15.823.171.322

**Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018**

Tài sản của bộ phận  
 Tài sản không phân bổ

	<b>Đồng Nghìn VND</b>	<b>Fluorit Nghìn VND</b>	<b>Vonfram Nghìn VND</b>	<b>Các bộ phận khác Nghìn VND</b>	<b>Tổng cộng Nghìn VND</b>
	200.633.583	1.044.504.878	2.116.034.761	1.367.325.434	4.728.498.656
					22.415.712.206
<b>Tổng tài sản</b>					<b>27.144.210.862</b>

Tổng nợ phải trả

15.132.604.815

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**Từ ngày 1/1/2018 đến ngày 31/12/2018**

	<b>Đồng Nghìn VND</b>	<b>Fluorit Nghìn VND</b>	<b>Vonfram Nghìn VND</b>	<b>Các bộ phận khác Nghìn VND</b>	<b>Tổng cộng Nghìn VND</b>
Chi tiêu vốn của bộ phận	12.582.007	40.755.435	141.991.766	858.003	196.187.211
Chi tiêu vốn không phân bổ					880.284.135
Khấu hao tài sản cố định	14.148.728	73.665.368	145.814.184	96.478.087	330.106.367
Khấu hao tài sản cố định không phân bổ					863.302.836
Chi phí trả trước kết chuyển vào hoạt động sản xuất kinh doanh chung không phân bổ theo bộ phận					209.398.773

**Từ ngày 1/1/2017 đến ngày 31/12/2017**

	<b>Đồng Nghìn VND</b>	<b>Fluorit Nghìn VND</b>	<b>Vonfram Nghìn VND</b>	<b>Các bộ phận khác Nghìn VND</b>	<b>Tổng cộng Nghìn VND</b>
Chi tiêu vốn của bộ phận	-	24.189.965	263.377.029	4.295.613	291.862.607
Chi tiêu vốn không phân bổ					648.867.913
Khấu hao tài sản cố định	14.461.260	75.293.663	144.252.892	98.633.905	332.641.720
Khấu hao tài sản cố định không phân bổ					806.763.861
Chi phí trả trước kết chuyển vào hoạt động sản xuất kinh doanh chung không phân bổ theo bộ phận					213.613.268

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý**

Tập đoàn gồm các bộ phận chia theo vùng địa lý chính như sau:

	Cộng hòa					Tổng cộng Nghìn VND		
	Việt Nam Nghìn VND	Bỉ Nghìn VND	Séc Nghìn VND	Nhật Bản Nghìn VND	Mỹ Nghìn VND		Singapore Nghìn VND	Các nước khác Nghìn VND
<b>Từ ngày 1/1/2018 đến ngày 31/12/2018</b>								
Doanh thu	991.899.199	1.262.874.650	813.509.380	995.738.741	655.357.744	1.404.428.741	741.202.420	6.865.010.875
bán ra ngoài	27.949.125.567	-	-	-	-	-	-	27.949.125.567
Tài sản của bộ phận	1.076.471.346	-	-	-	-	-	-	1.076.471.346
Chi tiêu vốn								

**Từ ngày 1/1/2017 đến ngày 31/12/2017**

	Cộng hòa					Tổng cộng Nghìn VND		
	Việt Nam Nghìn VND	Bỉ Nghìn VND	Séc Nghìn VND	Nhật Bản Nghìn VND	Mỹ Nghìn VND		Singapore Nghìn VND	Các nước khác Nghìn VND
Doanh thu	773.289.698	633.523.148	634.725.734	584.399.940	808.668.959	1.029.182.050	940.855.572	5.404.645.101
bán ra ngoài	27.144.210.862	-	-	-	-	-	-	27.144.210.862
Tài sản của bộ phận	940.730.520	-	-	-	-	-	-	940.730.520
Chi tiêu vốn								

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***5. Mua lại lợi ích cổ đông không kiểm soát**

Ngày 13 tháng 8 năm 2018, Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo (“NPM”) mua 49% sở hữu còn lại của công ty H.C Starck GmbH (“HCS”) tại Công ty TNHH Vonfram Masan (“MTC”) (trước đây là Công ty TNHH Tinh luyện Vonfram Núi Pháo - H.C. Starck). Sau giao dịch mua lại này, MSR nắm giữ 100% sở hữu tại MTC tại ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Giao dịch mua lại này có những ảnh hưởng sau:

	<b>Ngàn VND</b>
Chi phí mua lại	695.653.481
Tài sản thuần thu được	(557.015.374)
	<hr/>
Chênh lệch ghi nhận trong lợi nhuận chưa phân phối	138.638.107
	<hr/>
	<b>Ngàn VND</b>
Chi phí mua lại bao gồm:	
Mua lại vốn	677.959.875
Chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua lại	17.693.606
	<hr/>
	695.653.481
	<hr/>

**6. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>Tập đoàn</b>		<b>Công ty</b>	
	31/12/2018	1/1/2018	31/12/2018	1/1/2018
	Ngàn VND	Ngàn VND	Ngàn VND	Ngàn VND
Tiền mặt	138.199	154.080	-	-
Tiền gửi ngân hàng	263.310.842	77.774.081	234.588	83.619
Tiền đang chuyển	-	4.542.040	-	-
Các khoản tương đương tiền	203.771.219	697.944.000	3.053.978	400.000
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	467.220.260	780.414.201	3.288.566	483.619
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**7. Phải thu ngắn hạn và dài hạn khác**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<u>31/12/2018</u>	<u>1/1/2018</u>	<u>31/12/2018</u>	<u>1/1/2018</u>
	<u>Nghìn VND</u>	<u>Nghìn VND</u>	<u>Nghìn VND</u>	<u>Nghìn VND</u>
<b>Phải thu ngắn hạn</b>				
Phải thu từ việc bán các khoản phải thu tiền bồi thường (a)	10.000.000	10.000.000	-	-
Phân phối lợi nhuận phải thu từ Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh (“HĐHTKD”) (b)	-	-	44.598.599	-
Phải thu ngắn hạn khác (c)	466.781.196	410.152.488	72.118	2.298.420
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	476.781.196	420.152.488	44.670.717	2.298.420
<b>Phải thu dài hạn</b>				
Chi phí đi vay – NPM (d)	-	-	909.990.962	909.990.962
Phải thu tiền bồi thường giải phóng mặt bằng từ UBND Tỉnh Thái Nguyên (e)	1.303.754.210	1.319.793.389	-	-
Phải thu theo HĐHTKD (f)	-	-	2.500.000.000	-
Phải thu dài hạn khác	31.553.420	27.000.548	-	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	1.335.307.630	1.346.793.937	3.409.990.962	909.990.962

- (a) Phải thu từ việc bán các khoản phải thu tiền bồi thường từ công ty mẹ cấp trung không được đảm bảo, thu theo thỏa thuận và không chịu lãi.
- (b) Phải thu ngắn hạn phản ánh khoản phân phối lợi nhuận phải thu từ HĐHTKD dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh hiện tại mà Công ty đã ký kết với các công ty con của Công ty là NPM và MTC (Thuyết minh 7(f)).
- (c) Một phần khoản phải thu ngắn hạn khác là khoản trả hộ một công ty mẹ cấp trung gian không có đảm bảo, thu theo thỏa thuận và không chịu lãi.
- (d) Khoản phải thu dài hạn từ một công ty con không có đảm bảo, thu được vào tháng 12 năm 2020 và không chịu lãi.
- (e) Khoản phải thu dài hạn thể hiện khoản phải thu Ngân sách Nhà nước liên quan đến chi phí đền bù giải phóng mặt bằng của Dự án Khai thác chế biến khoáng sản Núi Pháo đã chi trả cho các hộ gia đình nằm trong vùng bị ảnh hưởng của dự án tại Xã Hà Thượng, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên. Khoản phải thu này có thể được bù trừ với tiền thuê đất hàng năm.

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (f) Các khoản phải thu dài hạn khác phản ánh khoản đóng góp cho Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo (“NPM”) theo các Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh (“HĐHTKD”) ngày 21 tháng 9 năm 2018 và sau đó được sửa đổi 3 lần theo đó Công ty sử dụng khoản tiền thu được từ trái phiếu trị giá lần lượt 1.000 tỷ VND và 500 tỷ VND cho các hoạt động hợp tác kinh doanh với NPM. Các HĐHTKD này có thời gian hợp tác lần lượt là ba mươi sáu (36) tháng và sáu mươi (60) tháng kể từ khi NPM nhận được tiền từ HĐHTKD. Lợi nhuận được phân phối theo tỷ lệ đã thỏa thuận trong HĐHTKD.

Các khoản phải thu dài hạn khác phản ánh khoản đóng góp cho Công ty TNHH Vonfram Masan (“MTC”) theo HĐHTKD ngày 16 tháng 11 năm 2018 và sau đó được sửa đổi 2 lần, theo đó Công ty sử dụng khoản tiền thu được từ trái phiếu trị giá 1.000 tỷ VND cho các hoạt động hợp tác kinh doanh với MTC. HĐHTKD này có thời gian hợp tác là sáu mươi (60) tháng kể từ khi MTC nhận được tiền từ HĐHTKD. Lợi nhuận được phân phối theo tỷ lệ đã thỏa thuận trong HĐHTKD.

**8. Hàng tồn kho**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/12/2018	1/1/2018	31/12/2018	1/1/2018
	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND
Hàng mua đang đi trên đường	25.063.836	23.743.788	-	-
Nguyên vật liệu	166.017.804	191.813.054	-	-
Công cụ và dụng cụ	556.865.086	571.169.311	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	139.900.326	76.753.984	-	-
Thành phẩm	746.927.733	420.995.855	-	-
Hàng gửi đi bán	11.239.353	124.586.977	-	-
	<b>1.646.014.138</b>	<b>1.409.062.969</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**9. Phải thu về cho vay dài hạn**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/12/2018	1/1/2018	31/12/2018	1/1/2018
	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND
Phải thu về cho vay dài hạn từ một công ty liên quan	-	-	3.945.518.100	3.945.518.100

Khoản phải thu về cho vay từ một công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi suất và đáo hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2020. Theo các điều khoản của hợp đồng chuyển đổi, Công ty có quyền chuyển đổi khoản cho vay thành vốn góp trước hoặc vào ngày đáo hạn của khoản vay.



**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**10. Tài sản cố định hữu hình**

**Tập đoàn:**

	Nhà cửa và vật kiến trúc Nghìn VND	Máy móc và thiết bị Nghìn VND	Dụng cụ văn phòng Nghìn VND	Phương tiện vận chuyển Nghìn VND	Tài sản khai thác khoáng sản khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	4.243.033.707	12.480.157.847	41.195.861	19.787.186	5.026.291.284	21.810.465.885
Tăng trong năm	-	2.622.544	742.913	-	-	3.365.457
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 13)	455.150.296	141.885.779	-	4.786.840	-	601.822.915
Thanh lý	-	-	-	(4.615.741)	-	(4.615.741)
Số dư cuối năm	4.698.184.003	12.624.666.170	41.938.774	19.958.285	5.026.291.284	22.411.038.516
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	554.998.417	2.137.722.944	33.164.481	15.667.481	717.187.758	3.458.741.081
Khấu hao trong năm	251.305.392	728.039.111	3.454.242	1.850.236	204.273.555	1.188.922.536
Thanh lý	-	-	-	(4.568.382)	-	(4.568.382)
Số dư cuối năm	806.303.809	2.865.762.055	36.618.723	12.949.335	921.461.313	4.643.095.235
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu năm	3.688.035.290	10.342.434.903	8.031.380	4.119.705	4.309.103.526	18.351.724.804
Số dư cuối năm	3.891.880.194	9.758.904.115	5.320.051	7.008.950	4.104.829.971	17.767.943.281

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn có các tài sản có nguyên giá là 36.275 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (1/1/2018: 36.480 triệu VND) nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 12.361 tỷ VND được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản trái phiếu dài hạn đã phát hành của Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo (1/1/2018: 12.663 tỷ VND) (Thuyết minh 19(b)(i)).

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**11. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính**

**Tập đoàn:**

	<b>Máy móc và thiết bị Nghìn VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm và số dư cuối năm	67.300.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	62.813.333
Khấu hao trong năm	4.486.667
Số dư cuối năm	67.300.000
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu năm	4.486.667
Số dư cuối năm	-

Công ty con của Công ty - Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo thuê thiết bị thí nghiệm để phân tích hàm lượng kim loại trong sản phẩm. Thiết bị thí nghiệm này được coi là tài sản thuê tài chính căn cứ vào các điều kiện và điều khoản thuê. Thiết bị thuê này đảm bảo các nghĩa vụ thuê (Thuyết minh 19(b)(ii)).

Bao gồm trong chi phí cho thuê tài chính tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn có các tài sản cố nguyên giá là 67.300 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (1/1/2018: Không) nhưng vẫn đang được sử dụng.

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**12. Tài sản cố định vô hình**

**Tập đoàn:**

	<b>Phần mềm máy vi tính Nghìn VND</b>	<b>Quyền khai thác khoáng sản Nghìn VND</b>	<b>Tổng cộng Nghìn VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm và cuối năm	99.907.214	588.370.818	688.278.032
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	49.405.523	97.019.701	146.425.224
Khấu hao trong năm	11.949.246	30.550.329	42.499.575
Số dư cuối năm	61.354.769	127.570.030	188.924.799
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	50.501.691	491.351.117	541.852.808
Số dư cuối năm	38.552.445	460.800.788	499.353.233

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 12.145 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (1/1/2018: 10.127 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại là 498 tỷ VND được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các trái phiếu dài hạn đã phát hành của Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo (1/1/2018: 540 tỷ VND) (Thuyết minh 19(b)(i)).

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

<u>Tập đoàn:</u>	2018	2017
	Nghìn VND	Nghìn VND
Số dư đầu năm	987.802.403	1.681.618.571
Tăng trong năm	1.064.767.221	802.396.482
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 10)	(601.822.915)	(1.440.359.745)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(10.337.244)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 15)	(4.693.269)	(45.515.661)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(16.874.539)	-
Số dư cuối năm	1.429.178.901	987.802.403

Trong năm, chi phí đi vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang trị giá 41 tỷ VND (2017: 92 tỷ VND).

Tại ngày báo cáo, xây dựng cơ bản dở dang của NPM chủ yếu phản ánh chi phí phát triển mỏ và nhà máy và các chi phí khác được vốn hóa liên quan đến khu chứa đuôi quặng, được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các trái phiếu dài hạn đã phát hành của NPM.

**14. Đầu tư tài chính dài hạn**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/12/2018	1/1/2018	31/12/2018	1/1/2018
	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND
<b>Đầu tư vào một công ty con</b>				
Đầu tư vào MRTN	-	-	5.140.335.573	5.140.335.573

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Dưới đây là thông tin về các công ty con được hợp nhất (Thuyết minh 1) tại ngày 31 tháng 12 năm 2018:

<b>Tên công ty</b>	<b>Địa chỉ</b>
Công ty TNHH MTV Tài Nguyên Masan Thái Nguyên (“MRTN”)	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư Thái Nguyên (“TNTI”)	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo (“NPM”)	Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam
Công ty TNHH Vonfram Masan (“MTC”) (trước đây là Công ty TNHH Tinh luyện Vonfram Núi Pháo - H.C. Starck)	Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

MTC là công ty con của NPM. TNTI và NPM là các công ty con của MRTN. MRTN là công ty con của Công ty.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá gốc.

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**15. Chi phí trả trước dài hạn**

**Tập đoàn:**

	Chi phí trước hoạt động Nghìn VND	Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng Nghìn VND	Tiền đóng góp cho Ủy ban		Chi phí khai thác khoáng sản khác Nghìn VND	Chi phí trả trước khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
			Nhân dân Tỉnh Thái Nguyên Nghìn VND	Nhân dân Tỉnh Thái Nguyên Nghìn VND			
Số dư đầu năm	2.093.948	1.081.306.579	2.000.000	1.303.896.280	51.563.205	2.440.860.012	
Tăng trong năm	-	-	-	270.210.959	13.157.599	283.368.558	
Chuyển từ Chi phí xây dựng cơ bản dờ dang (Thuyết minh 13)	-	4.693.269	-	-	-	4.693.269	
Chuyển từ phải thu dài hạn	-	14.419.287	-	-	-	14.419.287	
Phân bổ trong năm	(2.093.948)	(68.796.442)	(2.000.000)	(84.300.275)	(9.708.533)	(166.899.198)	
Số dư cuối năm	-	1.031.622.693	-	1.489.806.964	55.012.271	2.576.441.928	

***Tiền đóng góp cho Ủy ban Nhân dân Tỉnh Thái Nguyên***

Ngày 20 tháng 7 năm 2010, NPM đã ký thỏa thuận với Ủy ban Nhân dân Tỉnh Thái Nguyên, theo đó bắt đầu từ năm 2015 NPM cam kết đóng góp 1 triệu USD mỗi năm cho Kho bạc nhà nước Tỉnh Thái Nguyên trong thời hạn của Dự án Khai thác và Chế biến Khoáng sản Núi Pháo. Số tiền đóng góp sẽ được xem xét và điều chỉnh 5 năm một lần nhưng không tăng quá 15%.

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

**Tập đoàn:**

	<b>1/1/2018</b>	<b>Số phải nộp</b>	<b>Số đã nộp/bù</b>	<b>31/12/2018</b>
	<b>Nghìn VND</b>	<b>trong năm</b>	<b>trừ trong năm</b>	<b>Nghìn VND</b>
		<b>Nghìn VND</b>	<b>Nghìn VND</b>	
Thuế giá trị gia tăng	-	611.025.866	(611.025.866)	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	186.761.323	(186.761.323)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	36.324.167	35.190.165	(36.533.036)	34.981.296
Thuế bảo vệ môi trường	-	6.549.018	(6.549.018)	-
Thuế thu nhập cá nhân	34.813.111	149.895.326	(154.925.476)	29.782.961
Thuế tài nguyên	-	555.686.881	(555.686.881)	-
Các loại thuế khác	3.420.920	23.308.636	(24.723.310)	2.006.246
	<b>74.558.198</b>	<b>1.568.417.215</b>	<b>(1.576.204.910)</b>	<b>66.770.503</b>

**17. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b><u>Tập đoàn</u></b>		<b><u>Công ty</u></b>	
	<b>31/12/2018</b>	<b>1/1/2018</b>	<b>31/12/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>Nghìn VND</b>	<b>Nghìn VND</b>	<b>Nghìn VND</b>	<b>Nghìn VND</b>
Tiền thưởng	83.288.151	50.729.204	-	-
Tiền lãi vay phải trả	280.911.923	314.419.346	40.619.178	-
Chi phí tài chính khác	6.486.066	2.264.974	-	-
Thuế và phí tài nguyên	10.034.090	145.839.605	-	-
Chi phí xây dựng phải trả	80.589.745	57.969.060	-	-
Phí tư vấn	2.238.200	1.126.242	-	-
Chi phí hoạt động	271.254.527	214.477.204	-	-
Chi phí phải trả khác	5.943	1.380.829	395.100	424.490
	<b>734.808.645</b>	<b>788.206.464</b>	<b>41.014.278</b>	<b>424.490</b>

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**18. Phải trả ngắn hạn và dài hạn khác**

Phải trả ngắn hạn và dài hạn khác bao gồm các khoản sau:

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/12/2018 Nghìn VND	1/1/2018 Nghìn VND	31/12/2018 Nghìn VND	1/1/2018 Nghìn VND
<b>Ngắn hạn:</b>				
<b>Phải trả cho Công ty Cổ phần Tầm nhìn Masan (“MH”) – công ty mẹ cấp trung gian</b>				
Phi thương mại – ngắn hạn (a)	2.511.785	2.511.785	2.511.785	2.511.785
<b>Phải trả cho Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo – công ty con</b>				
Phi thương mại – ngắn hạn (a)	-	-	10.294.685	10.294.685
<b>Phải trả khác cho các bên thứ ba</b>				
Phải trả khác – ngắn hạn	65.383.070	1.407.393	3.221.949	100.000
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	67.894.855	3.919.178	16.028.419	12.906.470

**Dài hạn:**

**Phải trả Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (“MSN”) – công ty mẹ cấp cao nhất**

Chi phí tài chính – dài hạn (b)	1.124.123.839	1.124.123.839	541.074.175	541.074.175
---------------------------------	---------------	---------------	-------------	-------------

- (a) Các khoản phải trả các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và được thanh toán dựa trên thỏa thuận của các bên.
- (b) Các khoản phải trả các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và sẽ được thanh toán trong tháng 12 năm 2020.



**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**19. Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính**

**(a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

**Tập đoàn:**

	1/1/2018		Biến động trong năm				31/12/2018	
	Giá trị ghi số Nghìn VND	Số có khả năng trả nợ Nghìn VND	Tăng Nghìn VND	Thanh toán Nghìn VND	Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện Nghìn VND	Phân loại lại từ vay dài hạn Nghìn VND	Giá trị ghi số Nghìn VND	Số có khả năng trả nợ Nghìn VND
Vay ngắn hạn	2.397.131.326	2.397.131.326	3.517.713.852	(3.456.320.201)	8.836.058	-	2.467.361.035	2.467.361.035
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh (b))	1.007.662.690	1.007.662.690	-	(1.009.026.327)	-	1.363.637	-	-
	3.404.794.016	3.404.794.016	3.517.713.852	(4.465.346.528)	8.836.058	1.363.637	2.467.361.035	2.467.361.035



**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn tại ngày báo cáo hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Tập đoàn		Công ty	
		31/12/2018 Nghìn VND	1/1/2018 Nghìn VND	31/12/2018 Nghìn VND	1/1/2018 Nghìn VND
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (i)	USD	1.160.156.910	903.910.500	-	-
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (ii)	VND	808.600.820	567.938.909	-	-
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (ii)	USD	201.929.965	321.343.941	-	-
Khoản vay từ một nhà đầu tư của một công ty con (iii)	USD	-	603.937.976	-	-
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (iv)	USD	296.673.340	-	-	-
		2.467.361.035	2.397.131.326	-	-

- (i) Khoản vay bằng USD từ một bên liên quan chịu lãi suất từ 4,01% đến 4,78% một năm. Khoản vay được đảm bảo bằng một phần phải thu ngắn hạn của Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo. Tại ngày báo cáo, các khoản vay này được đảm bảo bằng 11,12% cổ phiếu đã phát hành của Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan do Công ty TNHH Tầm nhìn Masan nắm giữ.
- (ii) Khoản vay từ một ngân hàng trong nước được đảm bảo bằng hàng tồn kho và một phần phải thu ngắn hạn của Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo. Khoản vay bằng USD và VND chịu lãi suất tương ứng trong khoảng 4,5% đến 5,5% một năm và từ 6,8% đến 10,3% một năm.
- (iii) Khoản vay bằng USD từ một nhà đầu tư trước đây của một trong các công ty con. Khoản vay không được đảm bảo và chịu lãi suất 6% một năm.
- (iv) Khoản vay bằng USD từ một ngân hàng trong nước được đảm bảo bằng 11,12% cổ phiếu đã phát hành của Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan do Công ty TNHH Tầm nhìn Masan nắm giữ. Các khoản vay cụ thể giải ngân bằng USD chịu lãi suất trong khoảng từ 5% đến 5,2% một năm.

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính dài hạn**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/12/2018 Nghìn VND	1/1/2018 Nghìn VND	31/12/2018 Nghìn VND	1/1/2018 Nghìn VND
Phát hành trái phiếu dài hạn (i)	9.491.007.736	8.966.563.605	2.500.000.000	-
Nợ thuê tài chính dài hạn (ii)	-	9.026.327	-	-
	9.491.007.736	8.975.589.932	2.500.000.000	-
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh (a))	-	(1.007.662.690)	-	-
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	9.491.007.736	7.967.927.242	2.500.000.000	-

**(i) Trái phiếu dài hạn**

Điều khoản và điều kiện của trái phiếu dài hạn bằng VND hiện còn số dư như sau:

	Năm đáo hạn	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
		31/12/2018 Nghìn VND	1/1/2018 Nghìn VND	31/12/2018 Nghìn VND	1/1/2018 Nghìn VND
Phát hành trái phiếu có đảm bảo (a)	2018	-	998.636.363	-	-
Phát hành trái phiếu có đảm bảo (b)	2020	5.519.052.180	7.967.927.242	-	-
Phát hành trái phiếu có đảm bảo (c)	2020	994.333.333	-	-	-
Phát hành trái phiếu có đảm bảo (d)	2023	496.333.333	-	-	-
Phát hành trái phiếu có đảm bảo (e)	2021	992.888.890	-	1.000.000.000	-
Phát hành trái phiếu có đảm bảo (f)	2023	1.488.400.000	-	1.500.000.000	-
		9.491.007.736	8.966.563.605	2.500.000.000	-

Giá trị phát hành trái phiếu có đảm bảo này ở cấp Tập đoàn được ghi nhận sau khi trừ đi phí thu xếp phát hành trái phiếu.

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (a) Số trái phiếu không chuyển đổi bằng VND do Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư Thái Nguyên (“TNTI”) phát hành có kỳ hạn 2 năm và chịu lãi suất 8% một năm trong 12 tháng đầu. Sau 12 tháng đầu tiên, lãi suất năm được điều chỉnh mỗi sáu tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 2,0%. Số tiền thu được từ trái phiếu đã được Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo (“NPM”) sử dụng theo hợp đồng hợp tác kinh doanh với TNTI và được đảm bảo bằng 21,64% số cổ phiếu đã phát hành của Công ty nắm giữ bởi Công ty Cổ phần Tầm nhìn Masan. Toàn bộ số trái phiếu này đã được hoàn trả trong tháng 6 năm 2018.
- (b) Số trái phiếu không chuyển đổi bằng VND do NPM phát hành có kỳ hạn 5 năm và chịu lãi suất 8% trong 12 tháng đầu. Sau 12 tháng đầu tiên, lãi suất được điều chỉnh mỗi ba tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3%. Số tiền thu được từ trái phiếu đã được NPM sử dụng và được đảm bảo bằng một số tài sản dài hạn của NPM.
- (c) Số trái phiếu không chuyển đổi bằng VND do NPM phát hành có kỳ hạn 2 năm và chịu lãi suất 9,5% một năm. Trái phiếu được đảm bảo bằng 10,44% cổ phiếu đã phát hành của Công ty nắm giữ bởi Công ty TNHH Tầm nhìn Masan. Đại diện của các trái chủ là Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương.
- (d) Số trái phiếu không chuyển đổi bằng VND do NPM phát hành có kỳ hạn 5 năm và chịu lãi suất 10% một năm trong 12 tháng đầu. Sau 12 tháng đầu tiên, lãi suất năm được điều chỉnh mỗi sáu tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3,25%. Trái phiếu được đảm bảo bằng 5,22% cổ phiếu đã phát hành của Công ty nắm giữ bởi Công ty TNHH Tầm nhìn Masan. Đại diện của các trái chủ là Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương.
- (e) Số trái phiếu không chuyển đổi bằng VND do NPM phát hành có kỳ hạn 3 năm và chịu lãi suất 9,8% một năm trong 12 tháng đầu. Sau 12 tháng đầu tiên, lãi suất năm được điều chỉnh mỗi sáu tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3,2%. Trái phiếu được đảm bảo bằng 10,58% cổ phiếu đã phát hành của Công ty nắm giữ bởi Công ty Cổ phần Tầm nhìn Masan. Đại diện của các trái chủ là Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương. Khoản tiền nhận được từ số trái phiếu trên được sử dụng cho HĐHTKD với NPM (Thuyết minh 7(f)).
- (f) Số trái phiếu không chuyển đổi bằng VND do NPM phát hành có kỳ hạn 5 năm và chịu lãi suất 10% một năm trong 12 tháng đầu. Sau 12 tháng đầu tiên, lãi suất năm được điều chỉnh mỗi sáu tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3,25%. Trái phiếu được đảm bảo bằng 15,65% cổ phiếu đã phát hành của Công ty nắm giữ bởi Công ty Cổ phần Tầm nhìn Masan. Đại diện của các trái chủ là Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương. Khoản tiền nhận được từ số trái phiếu trên được sử dụng cho HĐHTKD với Công ty TNHH Vonfram Masan (Thuyết minh 7(f)).

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(ii) Các khoản nợ thuê tài chính**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính không thể hủy ngang như sau:

	1/1/2018		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính Nghìn VND	Tiền lãi thuê Nghìn VND	Nợ gốc Nghìn VND
Trong vòng 1 năm	9.398.868	372.541	9.026.327

**20. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại, thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận**

**(i) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/12/2018 Nghìn VND	1/1/2018 Nghìn VND	31/12/2018 Nghìn VND	1/1/2018 Nghìn VND
Lợi nhuận chưa thực hiện	1.282.349	14.686.791	-	-

**(ii) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã ghi nhận**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/12/2018 Nghìn VND	1/1/2018 Nghìn VND	31/12/2018 Nghìn VND	1/1/2018 Nghìn VND
Trữ lượng khai thác và trữ lượng địa chất	613.430.657	643.914.399	-	-

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(iii) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản lỗ tính thuế phát sinh các năm trước của một số đơn vị trong Tập đoàn, các khoản lỗ tính thuế này có thể được chuyển sang năm sau trong khoảng thời gian đến 5 năm:

	Số lỗ được khấu trừ	
	Tập đoàn Nghìn VND	Công ty Nghìn VND
Lỗ tính thuế lũy kế 5 năm	6.501.066	1.846.420
Trong đó:		
Đã quyết toán với cơ quan thuế	4.194.764	-
Chưa quyết toán – tùy thuộc kết quả kiểm tra của cơ quan thuế (*)	2.306.302	1.846.420
	6.501.066	1.846.420

(\*) Khoản lỗ tính thuế này có thể có thay đổi tùy thuộc kết quả kiểm tra và thanh tra của cơ quan thuế.

**21. Dự phòng phải trả dài hạn**

Biến động của các khoản dự phòng trong năm như sau:

<b>Tập đoàn:</b>	Khôi phục hiện trường Nghìn VND	Quyên khai thác khoáng sản Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Số dư đầu năm	24.343.637	500.451.642	524.795.279
Dự phòng lập trong năm	1.874.460	39.140.197	41.014.657
Dự phòng sử dụng trong năm	-	(73.145.652)	(73.145.652)
Số dư cuối năm	26.218.097	466.446.187	492.664.284

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**22. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

**Tập đoàn:**

	Vốn cổ phần Nghìn VND	Thặng dư vốn cổ phần Nghìn VND	Vốn khác của chủ sở hữu Nghìn VND	Lợi nhuận chưa phân phối Nghìn VND	Vốn chủ sở hữu thuộc về các chủ sở hữu của Công ty Nghìn VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017</b>	7.194.473.280	1.944.327.324	(295.683.347)	2.551.804.716	11.394.921.973	315.558.310	11.710.480.283
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	205.914.056	205.914.056	95.211.708	301.125.764
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018</b>	7.194.473.280	1.944.327.324	(295.683.347)	2.757.718.772	11.600.836.029	410.770.018	12.011.606.047
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	663.756.323	663.756.323	146.245.356	810.001.679
Phát hành cổ phiếu thường	1.798.617.940	(1.798.617.940)	-	-	-	-	-
Mua phần vốn của cổ đông không kiểm soát	-	-	-	(138.638.107)	(138.638.107)	(557.015.374)	(695.653.481)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018</b>	8.993.091.220	145.709.384	(295.683.347)	3.282.836.988	12.125.954.245	-	12.125.954.245

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**Công ty:**

	<b>Vốn cổ phần</b> Nghìn VND	<b>Thặng dư vốn</b> <b>cổ phần</b> Nghìn VND	<b>Lợi nhuận chưa</b> <b>phân phối</b> Nghìn VND	<b>Tổng cộng</b> Nghìn VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017</b>	7.194.473.280	1.944.327.324	304.980.638	9.443.781.242
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	11.265	11.265
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018</b>	7.194.473.280	1.944.327.324	304.991.903	9.443.792.507
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	1.757.699	1.757.699
Phát hành cổ phiếu thưởng	1.798.617.940	(1.798.617.940)	-	-
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018</b>	<b>8.993.091.220</b>	<b>145.709.384</b>	<b>306.749.602</b>	<b>9.445.550.206</b>

**23. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	<b>31/12/2018</b>		<b>1/1/2018</b>	
	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>Nghìn VND</b>	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>Nghìn VND</b>
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	899.309.122	8.993.091.220	719.447.328	7.194.473.280
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	899.309.122	8.993.091.220	703.544.898	7.035.448.980
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	15.902.430	159.024.300
	899.309.122	8.993.091.220	719.447.328	7.194.473.280
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	899.309.122	8.993.091.220	703.544.898	7.035.448.980
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	15.902.430	159.024.300
	899.309.122	8.993.091.220	719.447.328	7.194.473.280
<b>Thặng dư vốn cổ phần</b>	-	145.709.384	-	1.944.327.324



**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Cổ phiếu ưu đãi có mệnh giá 10.000 VND và bắt buộc phải chuyển đổi thành một số lượng cố định cổ phiếu phổ thông khi kết thúc thời hạn của thỏa thuận cổ phiếu ưu đãi hoặc khi phát sinh các sự kiện nguyên nhân quy định trong thỏa thuận. Các cổ phiếu ưu đãi cũng cho phép bên nắm giữ được quyền nhận cổ tức công bố cho các cổ đông phổ thông tương ứng với tỷ lệ cổ phần nắm giữ ngoài khoản cổ tức cố định trả bằng tiền với mức 3% một năm tính trên vốn gốc trong năm đầu tiên và 10% một năm tính trên vốn gốc trong thời gian còn lại tính đến ngày 25 tháng 1 năm 2017. Ngày 16 tháng 5 năm 2018, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh đã phê duyệt việc chuyển đổi 15.902.430 cổ phiếu ưu đãi cổ tức do Công ty phát hành thành cổ phiếu phổ thông theo tỷ lệ chuyển đổi 1/1.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá cổ phiếu.

Biến động của Vốn cổ phần và Thặng dư vốn cổ phần trong năm như sau:

	<b>2018</b>	
	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>Nghìn VND</b>
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>		
Số dư đầu năm	719.447.328	7.194.473.280
Phát hành cổ phiếu thưởng	179.861.794	1.798.617.940
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	899.309.122	8.993.091.220
	<hr/>	<hr/>
<b>Thặng dư vốn cổ phần</b>		
Số dư đầu năm	-	1.944.327.324
Phát hành cổ phiếu thưởng	-	(1.798.617.940)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	-	145.709.384
	<hr/>	<hr/>

Ngày 1 tháng 8 năm 2018, Công ty công bố kế hoạch phát hành cổ phiếu thưởng thông qua việc tăng vốn cổ phần từ thặng dư vốn cổ phần như đã được phê duyệt bởi Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 138/2018/NQ-ĐHĐCĐ. Tại ngày danh sách cổ đông đã hưởng quyền, ngày 31 tháng 8 năm 2018, mỗi cổ đông nắm giữ 100 cổ phiếu phổ thông hiện tại nhận được thêm 25 cổ phiếu thưởng. Ngày 28 tháng 9 năm 2018, Hội đồng Quản trị của Công ty ra Nghị quyết phê duyệt phát hành cổ phiếu thưởng để tăng 1.798.617.940.000 VND vốn cổ phần từ vốn chủ sở hữu đối với 179.861.794 cổ phiếu. Ngày 8 tháng 10 năm 2018, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành Quyết định số 638/QĐ-SGDHN phê duyệt việc tăng vốn cổ phần từ vốn chủ sở hữu đối với 179.861.794 cổ phiếu.

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<u>Tập đoàn</u>	
	31/12/2018	1/1/2018
	Nghìn VND	Nghìn VND
Trong vòng một năm	2.460.000	2.806.500
Trong vòng hai đến năm năm	5.740.000	9.791.000
Sau năm năm	-	2.079.000
	8.200.000	14.676.500

**(b) Ngoại tệ các loại**

**Tập đoàn:**

	31/12/2018		1/1/2018	
	Nguyên tệ	Tương đương	Nguyên tệ	Tương đương
		Nghìn VND		Nghìn VND
USD	9.766.512	227.402.336	2.767.589	62.713.581
		227.402.336		62.713.581

**(c) Nợ khó đòi đã xử lý**

**Tập đoàn:**

	31/12/2018	1/1/2018
	Nghìn VND	Nghìn VND
Nợ khó đòi đã xử lý	16.433.002	9.577.438
	16.433.002	9.577.438

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(d) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

<b><u>Tập đoàn:</u></b>	<b>31/12/2018</b> <b>Nghìn VND</b>	<b>1/1/2018</b> <b>Nghìn VND</b>
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	24.397.849	4.676.153
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	57.111.513	267.822.247
	<b>81.509.362</b>	<b>272.498.400</b>

**(e) Điều chỉnh giá bán chính thức**

Như đã trình bày tại Thuyết minh 3(r), Tập đoàn có các cam kết theo các hợp đồng mua bán nhằm điều chỉnh giá bán sản phẩm dựa trên giá thị trường niêm yết trong tương lai tại London Metal Bulletin (“LMB”) tại ngày định giá chính thức đã thỏa thuận. Doanh thu sơ bộ được ghi nhận dựa trên giá trị hợp lý ước tính của tổng giá trị các khoản phải thu tại ngày giao dịch. Doanh thu sẽ được điều chỉnh tại ngày định giá chính thức sau ngày kết thúc kỳ kế toán này.

Tổng doanh thu tính theo giá thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã ghi nhận trên cơ sở ước tính sơ bộ là 384 tỷ VND (31/12/2017: 65 tỷ VND).

**25. Doanh thu bán hàng**

Tổng doanh thu của Tập đoàn thể hiện tổng giá trị hàng bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

**26. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b><u>Tập đoàn</u></b>		<b><u>Công ty</u></b>	
	<b>2018</b> <b>Nghìn VND</b>	<b>2017</b> <b>Nghìn VND</b>	<b>2018</b> <b>Nghìn VND</b>	<b>2017</b> <b>Nghìn VND</b>
Lãi từ hoạt động tài chính	26.443.265	9.505.661	70.872	14.265
Lãi chênh lệch tỷ giá	59.710.104	31.244.195	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	40.637.380	1.249.736	-	-
Phân chia lợi nhuận từ HĐHTKD	-	-	44.598.599	-
	<b>126.790.749</b>	<b>41.999.592</b>	<b>44.669.471</b>	<b>14.265</b>

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**27. Chi phí tài chính**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2018 Nghìn VND	2017 Nghìn VND	2018 Nghìn VND	2017 Nghìn VND
Chi phí lãi vay	997.110.422	924.623.381	40.619.178	-
Chi phí đi vay	82.686.589	88.370.796	-	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá	62.956.445	29.937.581	-	-
Chi phí tài chính khác	62.076.540	94.992.260	136.856	-
	<b>1.204.829.996</b>	<b>1.137.924.018</b>	<b>40.756.034</b>	<b>-</b>

**28. Thuế thu nhập**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2018 Nghìn VND	2017 Nghìn VND	2018 Nghìn VND	2017 Nghìn VND
<b>Chi phí thuế hiện hành</b> Năm hiện hành	35.190.165	36.841.033	-	-
<b>Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại</b> Hoàn nhập chênh lệch tạm thời	(17.079.300)	(45.844.345)	-	-
<b>Lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>18.110.865</b>	<b>(9.003.312)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2018 Nghìn VND	2017 Nghìn VND	2018 Nghìn VND	2017 Nghìn VND
Lợi nhuận trước thuế	828.112.544	292.122.452	1.757.699	11.265
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	165.622.509	58.424.490	351.540	2.253
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.924.546	9.351.549	-	-
Ưu đãi thuế	(81.283.126)	(48.822.813)	-	-
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với công ty con	(75.159.542)	(33.625.258)	-	-
Lỗi tính thuế được sử dụng	(351.540)	(9.151.359)	(351.540)	(2.253)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	-	37.589	-	-
Biến động chênh lệch tạm thời	7.358.018	14.782.490	-	-
	18.110.865	(9.003.312)	-	-



**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Thuế suất áp dụng**

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế. Các công ty con của Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo quy định hiện hành. Một số công ty con của Công ty được hưởng các ưu đãi thuế đáng kể như sau:

- Ngày 25 tháng 3 năm 2015, một công ty con của Công ty được Bộ Khoa học và Công nghệ cấp Giấy chứng nhận dự án ứng dụng công nghệ cao. Do đó công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm đầu tính từ năm công ty con này được cấp Giấy chứng nhận dự án ứng dụng công nghệ cao (2015-2029). Các quy định hiện hành về thuế cho phép công ty con này được miễn thuế thu nhập trong 4 năm đầu tính từ năm công ty con này được cấp Giấy chứng nhận dự án ứng dụng công nghệ cao (2015-2018) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (2019-2027).
- Theo các điều khoản trong Giấy chứng nhận Đầu tư và các quy định thuế hiện hành, một công ty con khác có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 15% trên lợi nhuận tính thuế từ hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản đối với các sản phẩm khoáng sản không phải vàng trong 12 năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh (2014-2025) và thuế suất thuế thu nhập thông thường theo Giấy chứng nhận Đầu tư và các quy định thuế hiện hành cho các năm sau. Các quy định hiện hành về thuế cho phép công ty con này được miễn thuế thu nhập trong 3 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (2014-2016) và giảm 50% thuế thu nhập trong 8 năm tiếp theo (2017-2024).

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

**(d) Các vấn đề thuế tiềm tàng**

Luật thuế và việc áp dụng luật thuế tại Việt Nam phụ thuộc vào việc diễn giải và có thể thay đổi theo thời gian. Số liệu quyết toán thuế có thể tùy thuộc vào kết quả kiểm tra và thanh tra của các cơ quan thuế khác nhau. Các cơ quan này có thẩm quyền phạt, đánh thuế và tính lãi chậm nộp. Thực tế này có thể khiến cho rủi ro về thuế tại Việt Nam lớn hơn so với các nước khác. Ban Giám đốc tin rằng, Công ty đã trích lập dự phòng đầy đủ cho các khoản thuế phải nộp dựa trên cách diễn giải về luật thuế Việt Nam, bao gồm các quy định về chống chuyển giá và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập hoãn lại phải trả. Tuy nhiên, các cơ quan thuế có thẩm quyền có thể có những cách diễn giải luật khác nhau.

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**29. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được dựa trên số lợi nhuận phân bổ cho cổ đông phổ thông là 658.330 triệu VND (2017: 201.363 triệu VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 891.956.971 cổ phiếu (điều chỉnh lại cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017: 879.431.085 cổ phiếu), chi tiết như sau:

**(a) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông**

	<b>2018</b>	<b>2017</b>
	<b>Ngàn VND</b>	<b>Ngàn VND</b>
Lợi nhuận thuần thuộc về:		
Cổ đông ưu đãi	5.426.428	4.551.457
Cổ đông phổ thông	658.329.895	201.362.599
	<hr/>	<hr/>
	663.756.323	205.914.056
	<hr/>	<hr/>

**(b) Số lượng cổ phiếu bình quân gia quyền**

	<b>2018</b>	<b>2017</b>
		<b>(Điều chỉnh lại)</b>
Số lượng cổ phiếu đã phát hành đầu năm	703.544.898	703.544.898
Chuyển đổi cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu phổ thông ngày 16/5/2018	10.020.709	-
Phát hành cổ phiếu thưởng ngày 31/08/2018	178.391.364	175.886.187
	<hr/>	<hr/>
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong năm	891.956.971	879.431.085
	<hr/>	<hr/>

Sau khi phát hành cổ phiếu thưởng trong năm 2018 (Thuyết minh 23), số cổ phiếu phổ thông được phát hành cho các cổ đông hiện hữu không phát sinh phụ trội, theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ hiện tại và tất cả các kỳ trình bày phải được điều chỉnh cho các sự kiện tạo ra sự thay đổi về số lượng cổ phiếu phổ thông mà không dẫn đến thay đổi về nguồn vốn. Theo đó, Ban Giám đốc của Công ty đã điều chỉnh số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong năm 2017.

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Số liệu trình bày cho các năm trước được điều chỉnh như sau:

	<b>2017</b>
Số cổ phiếu đã phát hành đầu năm và cuối năm – theo báo cáo tài chính các năm trước	703.544.898
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu thưởng ngày 31/08/2018	175.886.187
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 – đã điều chỉnh	<u>879.431.085</u>

**30. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư và giao dịch với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Tập đoàn và Công ty có các số dư và giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính và trong năm tài chính như sau.

**(a) Số dư với các bên liên quan**

Tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tập đoàn và Công ty có các khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (“TCB”) theo các điều khoản giao dịch thông thường.

Tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, các công ty liên kết của công ty mẹ cấp cao nhất và công ty mẹ cấp cao nhất nắm giữ số lượng trái phiếu đã phát hành của Tập đoàn tương đương với 829.388 triệu VND (1/1/2018: Không) và 1.499.990 triệu VND (1/1/2018: Không).

Tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, một công ty liên kết của công ty mẹ cấp cao nhất và công ty mẹ cấp cao nhất nắm giữ số lượng trái phiếu đã phát hành của Công ty tương đương với 282.090 triệu VND (1/1/2018: Không) và 1.499.990 triệu VND (1/1/2018: Không).



**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Giao dịch với các bên liên quan**

**Tập đoàn:**

Các bên liên quan	Bản chất của giao dịch	2018 Nghìn VND	2017 Nghìn VND
<b>Công ty mẹ cấp cao nhất</b>			
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	Lãi trái phiếu	17.260.159	-
<b>Bên liên quan của công ty mẹ cấp cao nhất</b>			
TCB và các công ty con	Chi phí lãi vay và chi phí đi vay	109.606.407	93.871.473
	Khoản vay nhận được	1.651.044.370	1.194.606.629
	Khoản vay đã trả	1.406.718.782	977.695.578
	Tiền thu được từ phát hành trái phiếu (*)	3.800.000.000	-
<b>Cán bộ quản lý chủ chốt</b>			
	Lương, thưởng và các phúc lợi khác (**)	29.448.024	23.444.644
<b>Hội đồng Quản trị</b>			
Thành viên thuộc Hội đồng Quản trị	Bán hàng cho một công ty liên quan của một thành viên	720.924.481	-

**Công ty:**

Các bên liên quan	Bản chất của giao dịch	2018 Nghìn VND	2017 Nghìn VND
<b>Công ty mẹ cấp cao nhất</b>			
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	Lãi trái phiếu	17.260.159	-
<b>Công ty liên kết của công ty mẹ cấp cao nhất</b>			
TCB và các công ty con	Tiền thu được từ phát hành trái phiếu (*)	2.500.000.000	-
<b>Các công ty con</b>			
Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo	Doanh thu tài chính nhận được	-	28.249.448
	Phân chia lợi nhuận từ HĐHTKD	32.922.901	-
	Góp vốn cho HĐHTKD	1.500.000.000	-
Công ty TNHH Vonfram Masan	Phân chia lợi nhuận từ HĐHTKD	11.675.698	-
	Góp vốn cho HĐHTKD	1.000.000.000	-

(\*) Trái phiếu đã được niêm yết và bán rộng rãi cho các nhà đầu tư theo một thỏa thuận thu xếp giao dịch.

(\*\*) Các thành viên trong Hội đồng Quản trị không được hưởng bất cứ khoản thù lao nào trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017.

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**31. Các giao dịch đầu tư và tài chính phi tiền tệ**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2018	2017	2018	2017
	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND
Chuyển lãi vay phải trả thành gốc vay	-	34.097.152	-	-

**32. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty và Tập đoàn tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ngày 7 tháng 3 năm 2019

Người lập:



Nguyễn Thị Thanh Mai  
Kế toán trưởng

Người kiểm tra:



Rajul Bagrodia  
Phó Giám đốc Tài chính

Người duyệt:



CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
TÀI NGUYÊN  
MASAN  
QUẬN 1 - T.P. HỒ CHÍ MINH

Craig Richard Bradshaw  
Tổng Giám đốc



**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan  
và các công ty con**

Báo cáo tài chính quý cho giai đoạn  
kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

## Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan

### Thông tin về Công ty

#### Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 0309966889

ngày 3 tháng 10 năm 2018

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là vào ngày 3 tháng 10 năm 2018. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đầu tiên số 0309966889 được cấp ngày 27 tháng 4 năm 2010.

Giấy Chứng nhận Đầu tư số 41122000131

ngày 2 tháng 8 năm 2013

Giấy Chứng nhận Đầu tư do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Công ty để thực hiện việc đầu tư dự án “Công ty Cổ phần Tài nguyên Ma San”. Dự án đầu tư có thời gian hoạt động là 10 năm kể từ ngày được cấp Giấy Chứng nhận Đầu tư.

#### Hội đồng Quản trị

Ông Chetan Prakash Baxi

Chủ tịch

*(từ nhiệm ngày 16/4/2019 và được Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt ngày 19/4/2019)*

Ông Danny Le

Chủ tịch

*(bổ nhiệm và được Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt ngày 19/4/2019)*

Tiến sỹ Nguyễn Đăng Quang

Thành viên

Ông Nguyễn Thiệu Nam

Phó Chủ tịch thứ nhất

*(bổ nhiệm và được Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt ngày 19/4/2019)*

Ông Dominic John Heaton

Thành viên

*(từ nhiệm ngày 26/7/2018 và được Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt ngày 19/4/2019)*

Ông Nguyễn Văn Thắng

Thành viên

#### Ban Giám đốc

Ông Craig Richard Bradshaw

Tổng Giám đốc

Ông Stuart James Wells

Giám đốc tài chính

*(Bổ nhiệm ngày 7/3/2019)*

Bà Nguyễn Thị Thanh Mai

Kế toán trưởng

#### Trụ sở đăng ký

Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza  
Số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 3 năm 2019**

**Mẫu B 01a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			31/3/2019 Nghìn VND	1/1/2019 Nghìn VND	31/3/2019 Nghìn VND	1/1/2019 Nghìn VND
<b>TÀI SẢN</b>						
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>4.700.418.693</b>	<b>4.333.718.245</b>	<b>61.124.044</b>	<b>47.959.283</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>121.183.060</b>	<b>467.220.260</b>	<b>3.725.431</b>	<b>3.288.566</b>
Tiền	111		90.090.566	263.449.041	1.025.431	234.588
Các khoản tương đương tiền	112		31.092.494	203.771.219	2.700.000	3.053.978
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.067.900.642</b>	<b>1.612.852.955</b>	<b>57.398.613</b>	<b>44.670.717</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		491.572.338	960.321.689	-	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		131.863.002	175.750.070	337.537	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	6	444.465.302	476.781.196	57.061.076	44.670.717
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>7</b>	<b>2.696.068.419</b>	<b>1.646.014.138</b>	-	-
Hàng tồn kho	141		2.696.068.419	1.646.014.138	-	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>815.266.572</b>	<b>607.630.892</b>	-	-
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		89.435.525	45.996.377	-	-
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		725.831.047	561.634.515	-	-

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			31/3/2019 Nghìn VND	1/1/2019 Nghìn VND	31/3/2019 Nghìn VND	1/1/2019 Nghìn VND
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>23.516.400.601</b>	<b>23.615.407.322</b>	<b>12.495.844.635</b>	<b>12.495.844.635</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.335.391.743</b>	<b>1.335.307.630</b>	<b>7.355.509.062</b>	<b>7.355.509.062</b>
Phải thu về cho vay dài hạn	215	8	-	-	3.945.518.100	3.945.518.100
Các khoản phải thu dài hạn khác	216	6	1.335.391.743	1.335.307.630	3.409.990.962	3.409.990.962
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>17.973.942.976</b>	<b>18.267.296.514</b>	-	-
Tài sản cố định hữu hình	221	9	17.485.132.340	17.767.943.281	-	-
<i>Nguyên giá</i>	222		22.409.307.465	22.411.038.516	-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(4.924.175.125)	(4.643.095.235)	-	-
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	10	-	-	-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		67.300.000	67.300.000	-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(67.300.000)	(67.300.000)	-	-
Tài sản cố định vô hình	227	11	488.810.636	499.353.233	-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		688.278.032	688.278.032	137.950	137.950
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(199.467.396)	(188.924.799)	(137.950)	(137.950)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.613.933.012</b>	<b>1.429.178.901</b>	-	-
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	1.613.933.012	1.429.178.901	-	-
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>5.900.000</b>	<b>5.900.000</b>	<b>5.140.335.573</b>	<b>5.140.335.573</b>
Đầu tư vào công ty con	251	13	-	-	5.140.335.573	5.140.335.573
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		5.900.000	5.900.000	-	-
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.587.232.870</b>	<b>2.577.724.277</b>	-	-
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	2.587.232.870	2.576.441.928	-	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	19	-	1.282.349	-	-
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>28.216.819.294</b>	<b>27.949.125.567</b>	<b>12.556.968.679</b>	<b>12.543.803.918</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*


	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			31/3/2019 Nghìn VND	1/1/2019 Nghìn VND	31/3/2019 Nghìn VND	1/1/2019 Nghìn VND
<b>NGUỒN VỐN</b>						
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>16.094.297.721</b>	<b>15.823.171.322</b>	<b>3.110.670.266</b>	<b>3.098.253.712</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>4.420.686.651</b>	<b>4.101.944.806</b>	<b>69.596.091</b>	<b>57.179.537</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311		517.629.850	526.342.610	-	-
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		257.056.169	238.767.158	-	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	44.152.292	66.770.503	-	136.840
Phải trả người lao động	314		63.784	-	-	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	451.344.214	734.808.645	56.789.621	41.014.278
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	17	2.966.482	67.894.855	12.806.470	16.028.419
Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	320	18(a)	3.147.473.860	2.467.361.035	-	-
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>11.673.611.070</b>	<b>11.721.226.516</b>	<b>3.041.074.175</b>	<b>3.041.074.175</b>
Phải trả dài hạn khác	337	17	1.124.123.839	1.124.123.839	541.074.175	541.074.175
Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuế tài chính dài hạn	338	18(b)	9.506.255.637	9.491.007.736	2.500.000.000	2.500.000.000
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	19	614.088.105	613.430.657	-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342	20	429.143.489	492.664.284	-	-
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>12.122.521.573</b>	<b>12.125.954.245</b>	<b>9.446.298.413</b>	<b>9.445.550.206</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>12.122.521.573</b>	<b>12.125.954.245</b>	<b>9.446.298.413</b>	<b>9.445.550.206</b>
Vốn cổ phần	411	22	8.993.091.220	8.993.091.220	8.993.091.220	8.993.091.220
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		8.993.091.220	8.993.091.220	8.993.091.220	8.993.091.220
Thặng dư vốn cổ phần	412	22	145.709.384	145.709.384	145.709.384	145.709.384
Vốn khác của chủ sở hữu	414		(295.683.347)	(295.683.347)	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.279.404.316	3.282.836.988	307.497.809	306.749.602
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		3.277.935.320	2.757.718.772	306.749.602	304.991.903
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		1.468.996	525.118.216	748.207	1.757.699
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-	-	-
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>28.216.819.294</b>	<b>27.949.125.567</b>	<b>12.556.968.679</b>	<b>12.543.803.918</b>

Ngày 23 tháng 04 năm 2019

Người lập:

  
 Nguyễn Thị Thanh Mai  
 Kế toán trưởng

Người kiểm tra:

  
 Stuart James Wells  
 Giám đốc Tài chính

Người duyệt:

  
 Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan  
 Craig Richard Bradshaw  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019**

**Mẫu B 02a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			Từ 1/1/2019 đến 31/3/2019 Nghìn VND	Từ 1/1/2018 đến 31/3/2018 Nghìn VND	Từ 1/1/2019 đến 31/3/2019 Nghìn VND	Từ 1/1/2018 đến 31/3/2018 Nghìn VND
Doanh thu bán hàng	01	28	1.188.212.681	1.487.044.395	-	-
Giá vốn hàng bán	11		833.904.835	974.394.718	-	-
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>354.307.846</b>	<b>512.649.677</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	11.838.844	16.241.222	62.091.230	12.710
Chi phí tài chính	22	26	306.422.573	284.118.570	61.197.069	-
Chi phí bán hàng	25		20.721.525	31.136.397	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		26.581.396	35.107.586	145.954	4.604
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26)</b>	<b>30</b>		<b>12.421.196</b>	<b>178.528.346</b>	<b>748.207</b>	<b>8.106</b>
Thu nhập khác	31		968.182	814.623	-	-
Chi phí khác	32		5.830.000	5.792.667	-	-
<b>Lỗ khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(4.861.818)</b>	<b>(4.978.044)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*



**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019**

(tiếp theo)

**Mẫu B 02a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty		
		Từ 1/1/2019 đến 31/3/2019 Nghìn VND	Từ 1/1/2018 đến 31/3/2018 Nghìn VND	Từ 1/1/2019 đến 31/3/2019 Nghìn VND	Từ 1/1/2018 đến 31/3/2018 Nghìn VND	
	Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	7.559.378	173.550.302	748.207	8.106
	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4.150.585	6.084.587	-	-
	(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	1.939.797	182.989	-	-
	Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 – 51 – 52)	60	1.468.996	167.282.726	748.207	8.106
<b>Lợi nhuận thuần phân bổ cho:</b>			VND'000	VND'000		
	Chủ sở hữu của Công ty	61	1.468.996	117.044.997		
	Cổ đông không kiểm soát	62	-	50.237.729		
			VND	VND		
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>						
	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	2	130	

Ngày 23 tháng 04 năm 2019

Người lập:

  
 Nguyễn Thị Thanh Mai  
 Kế toán trưởng

Người kiểm tra:

  
 Stuart James Wells  
 Giám đốc Tài chính

Người duyệt:

  
 Công ty Cổ phần Tài nguyên MASAN  
 Quận 1, TP. Hồ Chí Minh  
 Craig Richard Bradshaw  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Tập đoàn		Công ty	
		Từ 1/1/2019 đến 31/3/2019 Nghìn VND	Từ 1/1/2018 đến 31/3/2018 Nghìn VND	Từ 1/1/2019 đến 31/3/2019 Nghìn VND	Từ 1/1/2018 đến 31/3/2018 Nghìn VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>					
Lợi nhuận trước thuế	01	7.559.378	173.550.302	748.207	8.106
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>					
Khấu hao và phân bổ	02	295.601.501	299.180.945	-	-
Các khoản dự phòng	03	9.624.856	10.253.664	-	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	3.766.494	5.308.424	-	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(3.210.405)	(7.686.040)	(62.091.230)	(12.710)
Chi phí lãi vay và chi phí đi vay	06	280.671.284	265.253.213	61.197.069	-
<b>Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>594.013.108</b>	<b>745.860.508</b>	<b>(145.954)</b>	<b>(4.604)</b>
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09	397.804.587	8.737.600	112.351	2.235.780
Biến động hàng tồn kho	10	(1.050.054.280)	(113.676.778)	-	-
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(171.584.310)	(213.446.071)	(599.393)	(429.000)
Biến động chi phí trả trước	12	(55.679.312)	(36.079.977)	-	-
		<b>(285.500.207)</b>	<b>391.395.282</b>	<b>(632.996)</b>	<b>1.802.176</b>
Tiền lãi vay và chi phí đi vay đã trả	14	(384.893.887)	(448.815.723)	(48.643.644)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(35.050.000)	(36.344.168)	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(705.444.094)</b>	<b>(93.764.609)</b>	<b>(49.276.640)</b>	<b>1.802.176</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>					
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(314.921.020)	(333.351.349)	-	-
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	968.182	763.636	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	23	-	(5.900.000)	-	-
Thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	24	-	32.500.000	-	-
Tiền chi mua lại phần vốn góp của cổ đông không kiểm soát	25	(4.901.663)	-	-	-
Tiền thu lãi tiền gửi	27	2.335.791	6.916.381	49.713.505	5.971
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(316.518.710)</b>	<b>(299.071.332)</b>	<b>49.713.505</b>	<b>5.971</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019**  
**(Phương pháp gián tiếp) (tiếp theo)**

**Mẫu B 03a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Mã số	Tập đoàn		Công ty	
	Từ 1/1/2019 đến 31/3/2019 Nghìn VND	Từ 1/1/2018 đến 31/3/2018 Nghìn VND	Từ 1/1/2019 đến 31/3/2019 Nghìn VND	Từ 1/1/2018 đến 31/3/2018 Nghìn VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ đi vay	33	1.754.877.392	857.857.202	-
Tiền trả nợ gốc vay và chi phí liên quan đến phát hành trái phiếu	34	(1.078.662.400)	(780.309.419)	-
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	(2.939.180)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>676.214.992</b>	<b>74.608.603</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>(345.747.812)</b>	<b>(318.227.338)</b>	<b>436.865</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>467.220.260</b>	<b>780.414.201</b>	<b>3.288.566</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>61</b>	<b>(289.388)</b>	<b>(732.618)</b>	<b>-</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 5)</b>	<b>70</b>	<b>121.183.060</b>	<b>461.454.245</b>	<b>3.725.431</b>

Ngày 23 tháng 04 năm 2019

Người lập:



Nguyễn Thị Thanh Mai  
Kế toán trưởng

Người kiểm tra:



Stuart James Wells  
Giám đốc Tài chính

Người duyệt:



CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
TÀI NGUYÊN  
MASAN  
TỔNG GIÁM ĐỐC

Craig Richard Bradshaw  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

### **Hình thức sở hữu vốn và cấu trúc Tập đoàn**

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan (“Công ty” hoặc “MSR”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là tư vấn quản lý.

Báo cáo tài chính hợp nhất quý bao gồm Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Các hoạt động chính của các công ty con như sau:

<b>Tên công ty</b>	<b>Hoạt động chính</b>	<b>Tỷ lệ lợi ích kinh tế Tại ngày 31/3/2019 và 1/1/2019</b>
Công ty TNHH MTV Tài Nguyên Masan Thái Nguyên (“MRTN”)	Tư vấn quản lý	100%
Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư Thái Nguyên (“TNTI”)	Tư vấn quản lý	100%
Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo (“NPM”)	Khai thác và chế biến khoáng sản	100%
Công ty TNHH Vonfram Masan (“MTC”)	Chế biến kim loại màu và kim loại quý hiếm (Vonfram)	100%

Tỷ lệ lợi ích kinh tế phản ánh tỷ lệ thực tế của các lợi ích kinh tế trực tiếp và gián tiếp của Công ty tại các công ty con.

Tất cả các công ty con của Công ty được thành lập tại Việt Nam.

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”). Báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày bằng VND làm tròn đến hàng nghìn (“Nghìn VND”).

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn và Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng này.

**(a) Cơ sở hợp nhất**

**(i) Hợp nhất kinh doanh**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, Tập đoàn phải xem xét quyền biểu quyết tiềm tàng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Theo phương pháp mua, tài sản và nợ phải trả của công ty được mua được hợp nhất theo giá trị hợp lý khi hợp nhất. Giá mua bao gồm tổng giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã tiếp nhận và các công cụ vốn chủ sở hữu phát hành bởi Tập đoàn tại ngày trao đổi. Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng của công ty được mua. Khoản chênh lệch âm được ghi nhận thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các chi phí giao dịch, ngoại trừ các chi phí liên quan đến việc phát hành công cụ nợ hoặc chứng khoán vốn của Tập đoàn liên quan đến việc hợp nhất kinh doanh, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh, như chi phí trả cho tư vấn tài chính, tư vấn pháp lý, thẩm định viên về giá và các nhà tư vấn liên quan đến hợp nhất kinh doanh. Các chi phí giao dịch này được tính vào giá phí hợp nhất kinh doanh. Các chi phí quản lý chung và các chi phí khác không liên quan trực tiếp đến giao dịch hợp nhất kinh doanh cụ thể đang được ghi nhận thì không được tính vào chi phí mua, mà được ghi nhận là chi phí phát sinh trong kỳ.

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Công ty con**

Các công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại. Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt kiểm soát đối với các đơn vị này.

**(iii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ lợi ích kinh tế của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua. Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Theo Thông tư 202/2014/TT-BTC ban hành bởi Bộ Tài Chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo hợp nhất (“Thông tư 202”), được áp dụng phi hồi tố từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

**(iv) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Các số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

**(v) Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con và được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua để có được quyền kiểm soát đơn vị bị mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua. Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

**(b) Ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và riêng.

**(c) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(d) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Tập đoàn dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc.

**(ii) Đầu tư vào các công ty con**

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Ban Giám đốc của Tập đoàn khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(e) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(f) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí khai thác khoáng sản và sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(g) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Khi kết thúc giai đoạn xây dựng mỏ, các tài sản được kết chuyển vào “nhà cửa, vật kiến trúc”, “máy móc và thiết bị” hoặc “tài sản khai thác khoáng sản khác” thuộc khoản mục tài sản cố định hữu hình. Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua hoặc chi phí xây dựng, bao gồm thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Tài sản khai thác khoáng sản khác bao gồm chi phí phục hồi môi trường mỏ; và giá trị hợp lý của trữ lượng khai thác và trữ lượng địa chất khoáng sản từ hợp nhất kinh doanh.

**(ii) Khấu hao**

*Máy móc, thiết bị và giá trị hợp lý của trữ lượng khoáng sản từ hợp nhất kinh doanh liên quan trực tiếp đến hoạt động khai thác khoáng sản*

Máy móc, thiết bị và giá trị hợp lý của trữ lượng khoáng sản từ hợp nhất kinh doanh liên quan trực tiếp đến hoạt động khai thác khoáng sản được khấu hao dựa trên trữ lượng khoáng sản của mỏ theo phương pháp khối lượng sản phẩm. Trữ lượng khoáng sản của mỏ là sản lượng quặng ước tính có thể được khai thác hợp pháp và thu được lợi ích kinh tế từ tài sản khai thác khoáng sản của Tập đoàn.

*Máy móc và thiết bị của một công ty con liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất*

Tài sản cố định hữu hình của một công ty con liên quan trực tiếp đến hoạt động chế biến các sản phẩm tinh chế từ vonfram được tính khấu hao trong thời gian hữu dụng ước tính của tài sản theo đơn vị sản phẩm. Tổng đơn vị sản phẩm ước tính mà tài sản cố định khấu hao theo phương pháp khấu hao theo đơn vị sản phẩm là như sau:

	<b>Tại ngày 31/3/2019</b>	<b>Tại ngày 1/1/2019</b>
Nhà máy ST	153.175 tấn vonfram	125.140 tấn vonfram
Nhà máy APT	148.300 tấn vonfram	120.265 tấn vonfram

Trong kỳ, MTC - một công ty con của Tập đoàn đã tiến hành đánh giá lại từ tháng 1 năm 2019 thời gian hoạt động dự kiến của nhà máy ST và APT sau khi MSR đạt được 100% quyền sở hữu MTC (từ tháng 8 năm 2018), theo đó thời gian hoạt động dự kiến kéo dài hơn phù hợp với Giấy phép Đăng ký kinh doanh của NPMC và làm tăng ước tính tổng sản lượng sản xuất của nhà máy ST và APT.

Sự thay đổi trên làm giảm chi phí khấu hao trong kỳ với giá trị là 7.129 triệu VND.



**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

*Các tài sản khác*

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 20 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 15 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 6 năm
▪ các tài sản khai thác khoáng sản khác	19 năm

**(h) Tài sản cố định thuê tài chính**

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tập đoàn đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính là năm (5) năm.

**(i) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ ba (3) đến tám (8) năm.

**(ii) Quyền khai thác khoáng sản**

Quyền khai thác khoáng sản được tính dựa trên trữ lượng khai thác còn lại nhân với giá khoáng sản do Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh công bố theo quy định tại Nghị định số 203/2013/NĐ/CP ngày 28 tháng 11 năm 2013 (“Nghị định 203/2013”) có hiệu lực từ ngày 20 tháng 1 năm 2014. Nguyên giá của quyền khai thác khoáng sản được trình bày theo giá trị hiện tại của tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và được vốn hóa và hạch toán như một tài sản cố định vô hình. Quyền khai thác khoáng sản được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên vòng đời kinh tế của trữ lượng khoáng sản của mỏ.

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(j) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản khoáng sản đang trong quá trình phát triển và chi phí xây dựng và máy móc chưa hoàn thành, chưa lắp đặt xong và chưa nghiệm thu đưa vào hoạt động. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang cũng bao gồm giá trị của trữ lượng khai thác khoáng sản, trữ lượng địa chất khoáng sản và các chi phí liên quan đến việc phát triển mỏ đã phát sinh trong giao dịch hợp nhất kinh doanh và các chi phí phát triển mỏ phát sinh sau này. Các tài sản này đủ điều kiện để được vốn hóa khi trữ lượng khai thác khoáng sản liên quan đã được chứng minh là có tính khả thi về lợi ích kinh tế và kỹ thuật. Các tài sản này ban đầu được ghi nhận theo giá trị hợp lý như một phần của giao dịch hợp nhất kinh doanh và các chi phí phát triển mỏ phát sinh sau đó sẽ được vốn hóa sau khi cần trừ tiền thu về từ việc bán sản phẩm sản xuất từ trong giai đoạn phát triển mỏ. Khi hoàn thành giai đoạn xây dựng, được xác định là từ khi tài sản được đưa đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, toàn bộ tài sản được phân loại lại vào tài sản cố định hữu hình là “nhà cửa và vật kiến trúc”, “máy móc và thiết bị” hoặc “tài sản khai thác khoáng sản khác” hoặc vào chi phí trả trước dài hạn là “chi phí khai thác khoáng sản khác”.

Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình phát triển mỏ, xây dựng, lắp đặt và chạy thử để đưa tài sản vào sử dụng.

**(k) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí trước hoạt động**

Chi phí trước hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, ngoại trừ chi phí thành lập, chi phí đào tạo, quảng cáo, khuyến mại phát sinh từ ngày thành lập cho tới ngày bắt đầu hoạt động. Các chi phí này được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn, ban đầu được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong ba (3) năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh.

**(ii) Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng**

Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc bảo đảm mặt bằng cần thiết cho việc sử dụng đất thuê phục vụ hoạt động khai thác khoáng sản. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

**(iii) Chi phí khai thác khoáng sản khác**

Chi phí khai thác khoáng sản khác bao gồm:

- Chi phí thăm dò, đánh giá và phát triển mỏ (bao gồm chi phí bóc đất đá phát triển mỏ); và
- Chi phí bóc đất đá trong quá trình sản xuất (như được nêu dưới đây trong phần ‘Chi phí bóc đất đá chờ phân bổ’).

*Chi phí bóc đất đá chờ phân bổ*

Hoạt động khai thác mỏ lộ thiên đòi hỏi phải bóc lớp đất đá phủ bên trên và các loại phế liệu khác để tiếp cận thân quặng cần khai thác. Chi phí bóc đất đá phát sinh trong quá trình phát triển mỏ (chi phí bóc đất đá phát triển mỏ) được ghi nhận vào chi phí xây dựng mỏ. Toàn bộ chi phí bóc đất đá phát triển mỏ phát sinh trong giai đoạn xây dựng được kết chuyển vào chi phí khai thác khoáng sản khác.

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Chi phí loại bỏ đất đá trong giai đoạn sản xuất của mỏ (chi phí bóc đất đá trong quá trình sản xuất) được giữ lại chờ phân bổ khi chi phí này làm phát sinh lợi ích trong tương lai:

- a) Khi Tập đoàn chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai;
- b) Khi có thể xác định được thành phần của phần thân quặng mà khả năng tiếp cận đã được cải thiện; và
- c) Khi các chi phí phát sinh có thể được tính toán được một cách đáng tin cậy.

Chi phí bóc đất đá trong quá trình sản xuất được phân bổ giữa hàng tồn kho và chi phí trả trước dài hạn trong quá trình sản xuất dựa trên tỷ lệ bóc đất đá trong vòng đời của mỏ.

Tỷ lệ bóc đất đá trong vòng đời của mỏ là tỷ lệ giữa tổng lượng đất đá và phế liệu ước tính phải bóc trên tổng lượng quặng ước tính có thể thu hồi được lợi ích kinh tế trong suốt vòng đời của mỏ. Chi phí bóc đất đá trong quá trình sản xuất được ghi nhận thành chi phí trả trước dài hạn khi tỷ lệ bóc đất đá thực tế của kỳ hiện tại cao hơn tỷ lệ bóc đất đá trung bình trong vòng đời của mỏ.

Chi phí bóc đất đá trong quá trình phát triển mỏ và sản xuất được phân bổ một cách có hệ thống trong suốt giai đoạn khai thác trữ lượng của các thành phần khoáng sản liên quan đã được chứng minh chắc chắn.

**(iv) Chi phí trả trước khác**

Chi phí trả trước khác bao gồm phí dịch vụ được ghi nhận lần đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn hợp đồng đối với phí dịch vụ.

**(l) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(m) Hợp đồng hợp tác kinh doanh**

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (“HĐHTKD”) là hợp đồng mà trong đó các bên tham gia ký kết đồng ý thực hiện các hoạt động kinh doanh cụ thể mà qua đó không yêu cầu phải thành lập một pháp nhân. Công ty hạch toán mỗi HĐHTKD dựa theo bản chất của hợp đồng và các quyền và nghĩa vụ của Công ty trong hợp đồng. Trường hợp Công ty góp vốn dưới hình thức tài sản tài chính cho các bên khác và do đó tiếp nhận một quyền hợp đồng – được nhận tiền hoặc tài sản tài chính khác từ các bên khác theo HĐHTKD, Công ty sẽ ghi nhận tài sản tài chính. Trường hợp các khoản phân chia lợi nhuận từ các bên khác của HĐHTKD có bản chất là thu nhập tài chính, các khoản này sẽ được ghi nhận là thu nhập tài chính dựa trên tỷ lệ lợi nhuận theo thỏa thuận của các bên tham gia. Các khoản phân chia còn phụ thuộc vào kết quả kinh doanh cuối cùng của HĐHTKD và được ghi nhận là thu nhập khi kết quả kinh doanh cuối cùng của HĐHTKD có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

**(n) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn hoặc Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(i) Quyền khai thác khoáng sản**

Theo quy định của Luật khoáng sản năm 2010, một công ty con của Tập đoàn có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước tiền cấp Quyền khai thác khoáng sản. Tiền cấp Quyền khai thác khoáng sản được tính dựa trên trữ lượng khai thác còn lại và giá tính tiền cấp Quyền khai thác khoáng sản theo Nghị định 203/2013, Nghị định 158/2016/ND-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 (“Nghị định 158/2016”) và Thông tư 38/2017/TT-BTNMT ngày 16 tháng 10 năm 2017 (“Thông tư 38”).

Theo Nghị định 158/2016 có hiệu lực từ ngày 15 tháng 1 năm 2017, quyền khai thác khoáng sản được tính dựa trên trữ lượng khai thác còn lại và giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, trong đó giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được xác định trên cơ sở quy đổi từ giá tính thuế tài nguyên theo quy định của pháp luật về thuế tài nguyên tại thời điểm tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Theo Thông tư 38, Bộ Tài nguyên và Môi trường (“MONRE”) hướng dẫn phương pháp quy đổi dựa vào các thông số khác nhau để xác định hệ số quy đổi để tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo Nghị định 158/2016.

**(ii) Dự phòng phục hồi môi trường mỏ**

Hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản của Tập đoàn làm phát sinh nghĩa vụ đóng cửa mỏ hoặc phục hồi môi trường mỏ. Hoạt động đóng cửa mỏ và phục hồi môi trường mỏ có thể bao gồm việc giải bản mỏ và tháo dỡ thiết bị; phục hồi mặt bằng đất và khu vực khai thác. Phạm vi công việc phải thực hiện và các chi phí liên quan tùy thuộc vào các quy định của MONRE và các chính sách môi trường của Tập đoàn theo Báo cáo Tác động Môi trường.

Dự phòng chi phí của mỗi chương trình đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ được ghi nhận tại thời điểm ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường xảy ra. Khi mức độ ảnh hưởng đến môi trường tăng lên theo thời gian hoạt động khai thác, dự phòng sẽ tăng theo tương ứng. Các chi phí được tính vào dự phòng bao gồm tất cả các chi phí liên quan đến hoạt động đóng cửa mỏ và phục hồi môi trường mỏ dự kiến sẽ được trích lập liên tục theo suốt thời gian khai thác, chế biến khoáng sản, tương ứng với mức độ ảnh hưởng đối với môi trường tại ngày báo cáo.

Trong trường hợp hoạt động phục hồi mỏ được thực hiện một cách có hệ thống trong suốt thời gian hoạt động khai thác mà không phải tại thời điểm đóng cửa mỏ, dự phòng được trích lập cho công việc phục hồi mỏ liên tục chưa thực hiện ước tính tại mỗi thời điểm báo cáo và chi phí được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Chi phí hoạt động thường ngày có thể tác động đến các hoạt động đóng cửa mỏ và phục hồi môi trường mỏ sau này như công việc xử lý vật liệu thải được thực hiện như một phần không tách rời của quá trình khai thác khoáng sản hoặc sản xuất, không được tính vào dự phòng. Chi phí phát sinh từ các tình huống không dự kiến trước được, như tình trạng ô nhiễm do chất thải ngoài dự kiến, được ghi nhận là chi phí và nợ phải trả khi sự cố làm phát sinh một nghĩa vụ có thể ước tính được một cách đáng tin cậy.

Thời gian đóng cửa mỏ thực tế và chi phí phục hồi môi trường mỏ phụ thuộc vào vòng đời của mỏ. Dự phòng đóng cửa và phục hồi mỏ được ghi nhận theo giá trị dự kiến của dòng tiền trong tương lai, được chiết khấu về giá trị hiện tại và được xác định theo xác suất ước tính của các dòng tiền phát sinh đối với mỗi hoạt động khai thác. Các xét đoán và ước tính trọng yếu được sử dụng để hình thành dự kiến về các hoạt động trong tương lai và giá trị và thời gian của dòng tiền liên quan. Những dự kiến này được hình thành dựa trên yêu cầu về môi trường và pháp lý hiện hành làm phát sinh một nghĩa vụ liên đới.

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Khi dự phòng đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ được ghi nhận lần đầu, chi phí tương ứng được vốn hóa như một tài sản, thể hiện một phần chi phí để thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ hoạt động khai thác. Chi phí đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ đã vốn hóa được ghi nhận vào tài sản khai thác khoáng sản khác và được khấu hao sau đó. Chênh lệch về giá trị của khoản dự phòng tăng lên theo thời gian do ảnh hưởng của việc chiết khấu đến giá trị hiện tại, được ghi nhận là chi phí tài chính.

Dự phòng đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ sẽ được điều chỉnh theo các thay đổi về ước tính. Các điều chỉnh này sẽ được hạch toán như một thay đổi về chi phí được vốn hóa tương ứng, trừ trường hợp số giảm dự phòng cao hơn chi phí được vốn hóa chưa được trích khấu hao của các tài sản liên quan, khi đó chi phí được vốn hóa được giảm xuống bằng không và phần chênh lệch còn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các thay đổi về chi phí được vốn hóa dẫn đến một thay đổi về chi phí khấu hao trong tương lai. Các thay đổi về giá trị và thời gian ước tính của các dòng tiền trong tương lai đối với hoạt động đóng cửa và phục hồi mỏ là một sự kiện bình thường phù hợp với các xét đoán và ước tính quan trọng liên quan.

**(o) Trái phiếu phát hành**

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

**(p) Vốn chủ sở hữu**

**(i) Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được trình bày là vốn chủ sở hữu. Phần chênh lệch tăng do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là khoản giảm thặng dư vốn cổ phần.

**(ii) Cổ phiếu ưu đãi**

Cổ phiếu ưu đãi bắt buộc phải chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu do cổ phiếu này hưởng cổ tức cố định, đồng thời vẫn có quyền nhận cổ tức công bố cho các cổ phiếu phổ thông và quyền bình đẳng đối với các tài sản còn lại của Công ty. Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu ưu đãi được ghi nhận như một khoản giảm thặng dư vốn.

**(iii) Vốn khác của chủ sở hữu**

Các biến động vốn chủ sở hữu do việc mua hoặc thanh lý cổ phần cho cổ đông không kiểm soát và các giao dịch liên quan đến công cụ vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào “Vốn khác của chủ sở hữu”.

**(q) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(r) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

Đối với doanh thu bán khoáng sản, giá bán thường được xác định sơ bộ tại ngày ghi nhận doanh thu và điều chỉnh giá bán phát sinh sau đó dựa trên biến động giá niêm yết trên thị trường hoặc giá theo hợp đồng cho đến ngày định giá chính thức. Khoảng thời gian giữa thời điểm ghi nhận doanh thu sơ bộ và thời điểm định giá chính thức thường là từ 30 đến 60 ngày, tuy nhiên một số trường hợp có thể lên đến 90 ngày. Doanh thu ghi nhận sơ bộ được ghi nhận dựa trên giá trị hợp lý ước tính của tổng giá trị các khoản phải thu.

Trong trường hợp các điều kiện trong hợp đồng mua bán cho phép điều chỉnh giá bán dựa trên kết quả khảo nghiệm hàng hóa của khách hàng, kết quả phân tích được lập bởi một bên thứ ba sẽ được sử dụng, trừ khi kết quả khảo nghiệm của khách hàng nằm trong phạm vi sai số đã được quy định tại hợp đồng bán sản phẩm, khi đó doanh thu được ghi nhận dựa trên bản phân tích chất lượng sản phẩm gần nhất được các bên chấp thuận.

**(s) Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính**

**(i) Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm thu nhập lãi tiền gửi và cho vay và lãi chênh lệch tỷ giá. Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo cơ sở dồn tích.

**(ii) Chi phí hoạt động tài chính**

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay, phí thu xếp tín dụng, chi phí tài chính, chi phí giao dịch và lỗ do chênh lệch tỷ giá.

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(t) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(u) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm chi phí lãi vay, phí thu xếp tín dụng, chi phí tài chính, chi phí giao dịch và lệ phí vay. Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(v) Lãi trên cổ phiếu**

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm, nếu có, trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Lãi hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được xác định bằng kết quả kinh doanh trong kỳ phân bổ cho số lượng cổ phiếu phổ thông và các công cụ chứng khoán vốn. Phương thức phân bổ này dựa trên quyền được phân chia lợi nhuận của các loại cổ phiếu khác nếu toàn bộ lợi nhuận hoặc lỗ được phân chia.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng. Cổ phiếu phổ thông tiềm năng không bao gồm các loại công cụ tài chính đi kèm điều khoản bắt buộc chuyển đổi.

**(w) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể, mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

**(x) Các bên liên quan**

Các bên được xem là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay có ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan. Các bên liên quan cá nhân là các cán bộ quản lý chủ chốt có thẩm quyền và trách nhiệm trong việc lập kế hoạch, chỉ đạo và kiểm soát hoạt động của Công ty, bao gồm các giám đốc và cán bộ của Công ty. Các công ty liên quan bao gồm các nhà đầu tư và công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**4. Báo cáo bộ phận**

**Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh**

Tập đoàn gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

**Từ 1/1/2019 đến 31/3/2019**

	Đồng VND		Fluorit		Vonfram		Các bộ phận khác		Tổng cộng	
	Nghìn VND		Nghìn VND		Nghìn VND		Nghìn VND		Nghìn VND	
Doanh thu bộ phận	-	415.897.513	723.960.289	48.354.879	1.188.212.681					
Lợi nhuận gộp của bộ phận	-	299.949.834	18.173.794	36.184.218	354.307.846					
Chi phí không phân bổ										47.302.921
Thu nhập từ hoạt động tài chính										11.838.844
Chi phí tài chính										306.422.573
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh										12.421.196
Thu nhập khác										968.182
Chi phí khác										5.830.000
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp										6.090.382
Lợi nhuận thuần sau thuế										1.468.996



**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Từ 1/1/2018 đến 31/3/2018	Đồng		Fluorit		Vonfram		Các bộ phận		Tổng cộng	
	Nghìn VND		Nghìn VND		Nghìn VND		khác		Nghìn VND	
Doanh thu bộ phận	52.124.954	289.905.772	1.034.410.945	110.602.724	1.487.044.395					
Lợi nhuận gộp của bộ phận	32.711.183	168.309.727	256.459.947	55.168.820	512.649.677					
Chi phí không phân bổ										66.243.983
Thu nhập từ hoạt động tài chính										16.241.222
Chi phí tài chính										284.118.570
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh										178.528.346
Thu nhập khác										814.623
Chi phí khác										5.792.667
Lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp										6.267.576
Lợi nhuận thuần sau thuế										167.282.726

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

<b>Tại ngày 31 tháng 3 năm 2019</b>	<b>Đồng Nghìn VND</b>	<b>Fluorit Nghìn VND</b>	<b>Vonfram Nghìn VND</b>	<b>Các bộ phận khác Nghìn VND</b>	<b>Tổng cộng Nghìn VND</b>
Tài sản của bộ phận Tài sản không phân bổ	183.140.351	955.515.410	1.978.202.288	1.248.054.078	4.364.912.127 23.851.907.167
<b>Tổng tài sản</b>					<b>28.216.819.294</b>
<b>Tổng nợ phải trả</b>					<b>16.094.297.721</b>
<b>Tại ngày 1 tháng 1 năm 2019</b>	<b>Đồng Nghìn VND</b>	<b>Fluorit Nghìn VND</b>	<b>Vonfram Nghìn VND</b>	<b>Các bộ phận khác Nghìn VND</b>	<b>Tổng cộng Nghìn VND</b>
Tài sản của bộ phận Tài sản không phân bổ	186.484.856	972.966.046	2.004.682.073	1.270.847.365	4.434.980.340 23.514.145.227
<b>Tổng tài sản</b>					<b>27.949.125.567</b>
<b>Tổng nợ phải trả</b>					<b>15.823.171.322</b>

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**Từ 1/1/2019 đến 31/3/2019**

	<b>Đồng Nghìn VND</b>	<b>Fluorit Nghìn VND</b>	<b>Vonfram Nghìn VND</b>	<b>Các bộ phận khác Nghìn VND</b>	<b>Tổng cộng Nghìn VND</b>
Chi tiêu vốn của bộ phận	230.861	-	32.162.862	2.760.320	35.154.043
Chi tiêu vốn không phân bổ					279.766.977
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	3.344.505	17.450.635	28.443.446	22.793.287	72.031.873
Khấu hao tài sản cố định hữu hình không phân bổ					213.027.031
Khấu hao tài sản cố định vô hình và chi phí trả trước kết chuyển vào hoạt động sản xuất kinh doanh chung không phân bổ theo bộ phận					54.106.333

**Từ 1/1/2018 đến 31/3/2018**

	<b>Đồng Nghìn VND</b>	<b>Fluorit Nghìn VND</b>	<b>Vonfram Nghìn VND</b>	<b>Các bộ phận khác Nghìn VND</b>	<b>Tổng cộng Nghìn VND</b>
Chi tiêu vốn của bộ phận	11.867.003	32.686.644	31.105.740	-	75.659.387
Chi tiêu vốn không phân bổ					257.691.962
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	3.405.773	17.731.701	34.702.694	23.229.401	79.069.569
Khấu hao tài sản cố định hữu hình không phân bổ					209.457.399
Khấu hao tài sản cố định vô hình và chi phí trả trước kết chuyển vào hoạt động sản xuất kinh doanh chung không phân bổ theo bộ phận					51.741.978

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>Tập đoàn</b>		<b>Công ty</b>	
	<b>31/3/2019</b>	<b>1/1/2019</b>	<b>31/3/2019</b>	<b>1/1/2019</b>
	<b>Ngàn VND</b>	<b>Ngàn VND</b>	<b>Ngàn VND</b>	<b>Ngàn VND</b>
Tiền mặt	168.186	138.199	-	-
Tiền gửi ngân hàng	89.922.380	263.310.842	1.025.431	234.588
Các khoản tương đương tiền	31.092.494	203.771.219	2.700.000	3.053.978
	<b>121.183.060</b>	<b>467.220.260</b>	<b>3.725.431</b>	<b>3.288.566</b>

**6. Phải thu ngắn hạn và dài hạn khác**

	<b>Tập đoàn</b>		<b>Công ty</b>	
	<b>31/3/2019</b>	<b>1/1/2019</b>	<b>31/3/2019</b>	<b>1/1/2019</b>
	<b>Ngàn VND</b>	<b>Ngàn VND</b>	<b>Ngàn VND</b>	<b>Ngàn VND</b>
<b>Phải thu ngắn hạn</b>				
Phải thu từ việc bán các khoản phải thu tiền bồi thường (a)	10.000.000	10.000.000	-	-
Phân phối lợi nhuận phải thu từ Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh (“HĐHTKD”) (b)	-	-	57.052.507	44.598.599
Phải thu ngắn hạn khác (c)	434.465.302	466.781.196	8.569	72.118
	<b>444.465.302</b>	<b>476.781.196</b>	<b>57.061.076</b>	<b>44.670.717</b>
<b>Phải thu dài hạn</b>				
Chi phí đi vay - MRTN (d)	-	-	909.990.962	909.990.962
Phải thu tiền bồi thường giải phóng mặt bằng từ UBND Tỉnh Thái Nguyên (e)	1.299.060.941	1.303.754.210	-	-
Phải thu theo HĐHTKD (f)	-	-	2.500.000.000	2.500.000.000
Phải thu dài hạn khác	36.330.802	31.553.420	-	-
	<b>1.335.391.743</b>	<b>1.335.307.630</b>	<b>3.409.990.962</b>	<b>3.409.990.962</b>

- (a) Phải thu từ việc bán các khoản phải thu tiền bồi thường từ công ty mẹ cấp trung không được đảm bảo, thu theo thỏa thuận và không chịu lãi.
- (b) Phải thu ngắn hạn phản ánh khoản phân phối lợi nhuận phải thu từ HĐHTKD dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh hiện tại mà Công ty đã ký kết với các công ty con của Công ty là NPM và MTC (Thuyết minh 6(f)).

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (c) Một phần khoản phải thu ngắn hạn khác là khoản trả hộ một công ty mẹ cấp trung gian không có đảm bảo, thu theo thỏa thuận và không chịu lãi.
- (d) Khoản phải thu dài hạn từ một công ty con không có đảm bảo, thu được vào tháng 12 năm 2020 và không chịu lãi.
- (e) Khoản phải thu dài hạn thể hiện khoản phải thu Ngân sách Nhà nước liên quan đến chi phí đền bù giải phóng mặt bằng của Dự án Khai thác chế biến khoáng sản Núi Pháo đã chi trả cho các hộ gia đình nằm trong vùng bị ảnh hưởng của dự án tại Xã Hà Thượng, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên. Khoản phải thu này có thể được bù trừ với tiền thuê đất hàng năm.
- (f) Các khoản phải thu dài hạn khác phản ánh khoản đóng góp cho Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo (“NPM”) theo các Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh (“HĐHTKD”) ngày 21 tháng 9 năm 2018 và sau đó được sửa đổi 3 lần, theo đó Công ty sử dụng khoản tiền thu được từ trái phiếu trị giá lần lượt 1.000 tỷ VND và 500 tỷ VND cho các hoạt động hợp tác kinh doanh với NPM. Các HĐHTKD này có thời gian hợp tác lần lượt là ba mươi sáu (36) tháng và sáu mươi (60) tháng kể từ khi NPM nhận được tiền từ HĐHTKD. Lợi nhuận được phân phối theo tỷ lệ đã thỏa thuận trong HĐHTKD.

Các khoản phải thu dài hạn khác phản ánh khoản đóng góp cho Công ty TNHH Vonfram Masan (“MTC”) theo HĐHTKD ngày 16 tháng 11 năm 2018 và sau đó được sửa đổi 2 lần, theo đó Công ty sử dụng khoản tiền thu được từ trái phiếu trị giá 1.000 tỷ VND cho các hoạt động hợp tác kinh doanh với MTC. HĐHTKD này có thời gian hợp tác là sáu mươi (60) tháng kể từ khi MTC nhận được tiền từ HĐHTKD. Lợi nhuận được phân phối theo tỷ lệ đã thỏa thuận trong HĐHTKD.

## 7. Hàng tồn kho

	<b>Tập đoàn</b>		<b>Công ty</b>	
	<b>31/3/2019</b>	<b>1/1/2018</b>	<b>31/3/2019</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>Nghìn VND</b>	<b>Nghìn VND</b>	<b>Nghìn VND</b>	<b>Nghìn VND</b>
Hàng mua đang đi trên đường	39.905.214	25.063.836	-	-
Nguyên vật liệu	157.729.802	166.017.804	-	-
Công cụ và dụng cụ	541.389.111	556.865.086	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	166.734.130	139.900.326	-	-
Thành phẩm	954.058.647	746.927.733	-	-
Hàng hóa	725.041.696	-	-	-
Hàng gửi đi bán	111.209.819	11.239.353	-	-
	<b>2.696.068.419</b>	<b>1.646.014.138</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**8. Phải thu về cho vay dài hạn**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/3/2019	1/1/2018	31/3/2019	1/1/2018
	Ngàn VND	Ngàn VND	Ngàn VND	Ngàn VND
Phải thu về cho vay dài hạn từ một công ty liên quan	-	-	3.945.518.100	3.945.518.100

Khoản phải thu về cho vay từ một công ty liên quan không được đảm bảo, đáo hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và chịu lãi suất trên cơ sở thỏa thuận của các bên.

Theo các điều khoản của hợp đồng chuyển đổi, Công ty có quyền chuyển đổi khoản cho vay thành vốn góp trước hoặc vào ngày đáo hạn của khoản vay.

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**3. Tài sản cố định hữu hình**

**Tập đoàn:**

	Nhà cửa và vật kiến trúc Nghìn VND	Máy móc và thiết bị Nghìn VND	Dụng cụ văn phòng Nghìn VND	Phương tiện vận chuyển Nghìn VND	Tài sản khai thác khảo sản khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu kỳ	4.698.184.003	12.624.666.170	41.938.774	19.958.285	5.026.291.284	22.411.038.516
Tăng trong kỳ	-	1.555.000	-	-	-	1.555.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 12)	-	692.963	-	-	-	692.963
Thanh lý	-	-	(207.677)	(3.771.337)	-	(3.979.014)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>4.698.184.003</b>	<b>12.626.914.133</b>	<b>41.731.097</b>	<b>16.186.948</b>	<b>5.026.291.284</b>	<b>22.409.307.465</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu kỳ	806.303.809	2.865.762.055	36.618.723	12.949.335	921.461.313	4.643.095.235
Khấu hao trong kỳ	68.083.927	167.360.643	569.435	745.858	48.299.041	285.058.904
Thanh lý	-	-	(207.677)	(3.771.337)	-	(3.979.014)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>874.387.736</b>	<b>3.033.122.698</b>	<b>36.980.481</b>	<b>9.923.856</b>	<b>969.760.354</b>	<b>4.924.175.125</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu kỳ	3.891.880.194	9.758.904.115	5.320.051	7.008.950	4.104.829.971	17.767.943.281
Số dư cuối kỳ	3.823.796.267	9.593.791.435	4.750.616	6.263.092	4.056.530.930	17.485.132.340

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2019, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 12.140 tỷ VND được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản trái phiếu dài hạn đã phát hành của NPM (1/1/2019: 12.361 tỷ VND) (Thuyết minh 18(b)(i)).

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**10. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính**

**Tập đoàn:**

	<b>Máy móc và thiết bị Nghìn VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu kỳ và số dư cuối kỳ	67.300.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu kỳ và số dư cuối kỳ	67.300.000
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu kỳ và số dư cuối kỳ	-

Công ty con của Công ty - NPM thuê thiết bị thí nghiệm để phân tích hàm lượng kim loại trong sản phẩm. Thiết bị thí nghiệm này được coi là tài sản thuê tài chính vì nghĩa vụ thuê được đảm bảo.

Bao gồm trong chi phí cho thuê tài chính tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn có các tài sản có nguyên giá là 67,3 tỷ VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 3 năm 2019 (1/1/2019: 67,3 tỷ VND) nhưng vẫn đang được sử dụng.



**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**11. Tài sản cố định vô hình**

**Tập đoàn:**

	<b>Phần mềm máy vi tính Nghìn VND</b>	<b>Quyền khai thác khoáng sản Nghìn VND</b>	<b>Tổng cộng Nghìn VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	99.907.214	588.370.818	688.278.032
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	61.354.769	127.570.030	188.924.799
Khấu hao trong kỳ	2.905.015	7.637.582	10.542.597
Số dư cuối kỳ	64.259.784	135.207.612	199.467.396
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu kỳ	38.552.445	460.800.788	499.353.233
Số dư cuối kỳ	35.647.430	453.163.206	488.810.636

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2019, tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại là 495 tỷ VND được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các trái phiếu dài hạn đã phát hành của NPM (1/1/2019: 488 tỷ VND) (Thuyết minh 18(b)).

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

**Tập đoàn:**

**Từ 1/1/2019  
đến 31/3/2019  
Nghìn VND**

Số dư đầu kỳ	1.429.178.901
Tăng trong kỳ	185.573.469
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 9)	(692.963)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(126.395)
	1.613.933.012

Trong kỳ, chi phí đi vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang trị giá gần 10 tỷ VND (Từ 1/1/2018 đến 31/3/2018: 10 tỷ VND). Tại ngày báo cáo, xây dựng cơ bản dở dang của NPM chủ yếu phản ánh chi phí phát triển mỏ và nhà máy và các chi phí khác được vốn hóa liên quan đến khu chứa đuôi quặng, được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các trái phiếu dài hạn đã phát hành của NPM.

**13. Đầu tư tài chính dài hạn**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/3/2019	1/1/2019	31/3/2019	1/1/2019
	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND
<b>Đầu tư vào một công ty con</b>				
Đầu tư vào MRTN	-	-	5.140.335.573	5.140.335.573

Dưới đây là thông tin về các công ty con được hợp nhất (Thuyết minh 1) tại ngày 31 tháng 3 năm 2019:

Tên công ty	Địa chỉ
Công ty TNHH MTV Tài Nguyên Masan Thái Nguyên (“MRTN”)	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư Thái Nguyên (“TNTI”)	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo (“NPM”)	Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam
Công ty TNHH Vonfram Masan (“MTC”)	Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

MTC là công ty con của NPM. TNTI và NPM là các công ty con của MRTN. MRTN là công ty con của Công ty.

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**14. Chi phí trả trước dài hạn**

**Tập đoàn:**

	<b>Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng Nghìn VND</b>	<b>Chi phí khai thác khoáng sản khác Nghìn VND</b>	<b>Chi phí trả trước khác Nghìn VND</b>	<b>Tổng cộng Nghìn VND</b>
Số dư đầu kỳ	1.031.622.693	1.489.806.964	55.012.271	2.576.441.928
Tăng trong kỳ	-	53.953.386	401.292	54.354.678
Chuyển từ phải thu dài hạn	-	-	-	-
Phân bổ trong kỳ	(17.234.951)	(23.210.578)	(3.118.207)	(43.563.736)
Số dư cuối kỳ	1.014.387.742	1.520.549.772	52.295.356	2.587.232.870

**15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

**Tập đoàn:**

	<b>1/1/2019 Nghìn VND</b>	<b>Số phải nộp trong kỳ Nghìn VND</b>	<b>Số đã nộp/bù trừ trong kỳ Nghìn VND</b>	<b>31/3/2019 Nghìn VND</b>
Thuế giá trị gia tăng	-	134.384.559	(134.384.559)	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	50.285.163	(50.285.163)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	34.981.296	4.150.585	(35.050.000)	4.081.881
Thuế thu nhập cá nhân	29.782.961	54.908.695	(45.929.102)	38.762.554
Thuế bảo vệ môi trường	-	2.156.990	(2.156.990)	-
Thuế tài nguyên	-	96.912.271	(96.912.271)	-
Các loại thuế khác	2.006.246	4.402.083	(5.100.472)	1.307.857
	66.770.503	347.200.346	(369.818.557)	44.152.292

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/3/2019	1/1/2019	31/3/2019	1/1/2019
	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND
Tiền thưởng	-	83.288.151	-	-
Tiền lãi vay phải trả	168.552.004	280.911.923	56.394.521	40.619.178
Chi phí tài chính khác	1.550.261	6.486.066	-	-
Thuế và phí tài nguyên	193.152	10.034.090	-	-
Chi phí xây dựng phải trả	57.512.770	80.589.745	-	-
Phí tư vấn	872.777	2.238.200	-	-
Chi phí hoạt động	221.276.478	271.254.527	395.100	395.100
Chi phí phải trả khác	1.386.772	5.943	-	-
	<b>451.344.214</b>	<b>734.808.645</b>	<b>56.789.621</b>	<b>41.014.278</b>

**17. Phải trả ngắn hạn và dài hạn khác**

Phải trả ngắn hạn và dài hạn khác bao gồm các khoản sau:

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/3/2019	1/1/2019	31/3/2019	1/1/2019
	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND
<b>Ngắn hạn:</b>				
<b>Phải trả cho Công ty TNHH Tầm nhìn Masan (“MH”) - công ty mẹ cấp trung</b>				
Phi thương mại – ngắn hạn (a)	2.511.785	2.511.785	2.511.785	2.511.785
<b>Phải trả cho NPM – công ty con</b>				
Phi thương mại – ngắn hạn (a)	-	-	10.294.685	10.294.685
<b>Phải trả khác cho các bên thứ ba</b>				
Phải trả khác – ngắn hạn	454.697	65.383.070	-	3.221.949
	<b>2.966.482</b>	<b>67.894.855</b>	<b>12.806.470</b>	<b>16.028.419</b>

**Dài hạn:**

**Phải trả Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (“MSN”) – công ty mẹ cấp cao nhất**

Chi phí tài chính – dài hạn (b)	1.124.123.839	1.124.123.839	541.074.175	541.074.175
---------------------------------	---------------	---------------	-------------	-------------

- (a) Các khoản phải trả các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và được thanh toán dựa trên thỏa thuận của các bên.
- (b) Các khoản phải trả bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và được thanh toán vào tháng 12 năm 2020.

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con  
Thuyết minh báo cáo tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính

(a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Tập đoàn:

	1/1/2019		31/3/2019	
	Giá trị ghi số Nghìn VND	Số có khả năng trả nợ Nghìn VND	Thanh toán Nghìn VND	Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện Nghìn VND
Vay ngắn hạn	2.467.361.035	2.467.361.035	1.754.877.392	3.897.833
			(1.078.662.400)	
			3.147.473.860	3.147.473.860
				Số có khả năng trả nợ Nghìn VND

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn tại ngày báo cáo hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Tập đoàn		Công ty	
		31/3/2019 Nghìn VND	1/1/2019 Nghìn VND	31/3/2019 Nghìn VND	1/1/2019 Nghìn VND
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (i)	USD	1.055.832.355	1.160.156.910	-	-
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (ii)	USD	234.672.952	201.929.965	-	-
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (ii)	VND	867.143.691	808.600.820	-	-
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (iii)	USD	881.121.530	296.673.340	-	-
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (iv)	USD	108.703.332	-	-	-
		<b>3.147.473.860</b>	<b>2.467.361.035</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

- (i) Khoản vay từ một ngân hàng trong nước chịu lãi suất từ 3,88% đến 4,93% một năm. Tại ngày báo cáo, khoản vay được đảm bảo bằng một phần phải thu ngắn hạn của Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và 11,12% cổ phiếu đã phát hành của Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan do Công ty TNHH Tâm nhìn Masan nắm giữ.
- (ii) Khoản vay từ một ngân hàng trong nước được đảm bảo bằng hàng tồn kho và một phần phải thu ngắn hạn của Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo. Khoản vay bằng USD và VND chịu lãi suất tương ứng trong khoảng 4,5% đến 5,5% một năm và từ 6,8% đến 7,3% một năm.
- (iii) Khoản vay bằng USD từ một ngân hàng trong nước USD chịu lãi suất trong khoảng từ 5% đến 5,5% một năm. Tại ngày báo cáo, khoản vay được đảm bảo bằng 11,12% cổ phiếu đã phát hành của Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan do Công ty TNHH Tâm nhìn Masan nắm giữ.
- (iv) Khoản vay bằng USD từ một ngân hàng nước ngoài chịu lãi suất trong khoảng từ 3,8% đến 3,9% một năm. Tại ngày báo cáo, khoản vay được đảm bảo bằng một phần khoản phải thu ngắn hạn và các tài khoản của Công ty TNHH Tinh luyện Vonfram Masan được mở tại ngân hàng này.

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính dài hạn**

	<b>Tập đoàn</b>		<b>Công ty</b>	
	<b>31/3/2019</b>	<b>1/1/2019</b>	<b>31/3/2019</b>	<b>1/1/2019</b>
	<b>Nghìn VND</b>	<b>Nghìn VND</b>	<b>Nghìn VND</b>	<b>Nghìn VND</b>
Phát hành trái phiếu dài hạn (i)	9.506.255.637	9.491.007.736	2.500.000.000	-
	9.506.255.637	9.491.007.736	2.500.000.000	-
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	9.506.255.637	9.491.007.736	2.500.000.000	-

Điều khoản và điều kiện của trái phiếu dài hạn hiện còn số dư như sau:

	<b>Loại tiền</b>	<b>Lãi suất năm</b>	<b>Năm đáo hạn</b>	<b>Tập đoàn</b>	
				<b>31/3/2019</b>	<b>1/1/2019</b>
				<b>Nghìn VND</b>	<b>Nghìn VND</b>
Phát hành trái phiếu có đảm bảo	VND	(i)	2020	5.531.833.415	5.519.052.180
Phát hành trái phiếu có đảm bảo	VND	(ii)	2020	995.333.333	994.333.333
Phát hành trái phiếu có đảm bảo	VND	(iii)	2023	496.533.333	496.333.333
Phát hành trái phiếu có đảm bảo	VND	(iv)	2021	993.555.556	992.888.890
Phát hành trái phiếu có đảm bảo	VND	(v)	2023	1.489.000.000	1.488.400.000
				9.506.255.637	9.491.007.736

Giá trị phát hành trái phiếu có đảm bảo này ở cấp Tập đoàn được ghi nhận sau khi trừ đi phí thu xếp phát hành trái phiếu.

- (i) Số trái phiếu không chuyển đổi bằng VND do NPM phát hành có kỳ hạn 5 năm và chịu lãi suất 8% trong 12 tháng đầu. Sau 12 tháng đầu tiên, lãi suất được điều chỉnh mỗi ba tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3%. Số tiền thu được từ trái phiếu đã được NPM sử dụng và được đảm bảo bằng một số tài sản dài hạn của NPM.
- (ii) Số trái phiếu không chuyển đổi bằng VND do NPM phát hành có kỳ hạn 2 năm và chịu lãi suất 9,5% một năm. Trái phiếu được đảm bảo bằng 10,44% cổ phiếu đã phát hành của Công ty nắm giữ bởi Công ty TNHH Tầm nhìn Masan.
- (iii) Số trái phiếu không chuyển đổi bằng VND do NPM phát hành có kỳ hạn 5 năm và chịu lãi suất 10% một năm trong 12 tháng đầu. Sau 12 tháng đầu tiên, lãi suất năm được điều chỉnh mỗi sáu tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3,25%. Trái phiếu được đảm bảo bằng 5,22% cổ phiếu đã phát hành của Công ty nắm giữ bởi Công ty TNHH Tầm nhìn Masan.

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (iv) Số trái phiếu không chuyển đổi bằng VND do Công ty phát hành có kỳ hạn 3 năm và chịu lãi suất 9,8% một năm trong 12 tháng đầu. Sau 12 tháng đầu tiên, lãi suất năm được điều chỉnh mỗi sáu tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3,2%. Trái phiếu được đảm bảo bằng 10,58% cổ phiếu đã phát hành của Công ty nắm giữ bởi Công ty Cổ phần Tầm nhìn Masan.
- (v) Số trái phiếu không chuyển đổi bằng VND do Công ty phát hành có kỳ hạn 5 năm và chịu lãi suất 10% một năm trong 12 tháng đầu. Sau 12 tháng đầu tiên, lãi suất năm được điều chỉnh mỗi sáu tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3,25%. Trái phiếu được đảm bảo bằng 15,65% cổ phiếu đã phát hành của Công ty nắm giữ bởi Công ty Cổ phần Tầm nhìn Masan.

**19. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại, thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận**

**(i) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/3/2019	1/1/2019	31/3/2019	1/1/2019
	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ các chênh lệch tạm thời	-	1.282.349	-	-

**(ii) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã ghi nhận**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/3/2019	1/1/2019	31/3/2019	1/1/2019
	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND
Trữ lượng khai thác và trữ lượng địa chất	606.225.124	613.430.657	-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các chênh lệch tạm thời	7.862.981	-	-	-
	614.088.105	613.430.657	-	-



**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(iii) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản lỗ tính thuế phát sinh các năm trước của một số đơn vị trong Tập đoàn, các khoản lỗ tính thuế này có thể được chuyển sang năm sau trong khoảng thời gian đến 5 năm:

	Số lỗ được khấu trừ	
	Tập đoàn Nghìn VND	Công ty Nghìn VND
<b>Lỗ tính thuế lũy kế 5 năm</b>	2.113.918	1.098.212
Trong đó:		
Đã quyết toán với cơ quan thuế	-	-
Chưa quyết toán – tùy thuộc kết quả kiểm tra của cơ quan thuế (*)	2.113.918	1.098.212
	2.113.918	1.098.212

(\*) Khoản lỗ tính thuế này có thể có thay đổi tùy thuộc kết quả kiểm tra và thanh tra của cơ quan thuế.

**20. Dự phòng phải trả dài hạn**

Biến động dự phòng phải trả dài hạn trong năm như sau:

<b>Tập đoàn:</b>	<b>Khôi phục hiện trường Nghìn VND</b>	<b>Quyền khai thác mỏ Nghìn VND</b>	<b>Tổng cộng Nghìn VND</b>
Số dư đầu kỳ	26.218.097	466.446.187	492.664.284
Dự phòng lập trong kỳ	504.698	9.120.158	9.624.856
Dự phòng sử dụng trong kỳ	-	(73.145.651)	(73.145.651)
Số dư cuối kỳ	26.722.795	402.420.694	429.143.489

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**Mẫu B 09a – DN/HN**

**21. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

**Tập đoàn:**

	Vốn cổ phần Nghìn VND	Thặng dư vốn cổ phần Nghìn VND	Vốn khác của chủ sở hữu Nghìn VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối Nghìn VND	Vốn chủ sở hữu thuộc về các chủ sở hữu của Công ty Nghìn VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	7.194.473.280	1.944.327.324	(295.683.347)	2.757.718.772	11.600.836.029	410.770.018	12.011.606.047
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	117.044.997	117.044.997	50.237.729	167.282.726
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 3 năm 2018</b>	<b>7.194.473.280</b>	<b>1.944.327.324</b>	<b>(295.683.347)</b>	<b>2.874.763.769</b>	<b>11.717.881.026</b>	<b>461.007.747</b>	<b>12.178.888.773</b>
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	8.993.091.220	145.709.384	(295.683.347)	3.282.836.988	12.125.954.245	-	12.125.954.245
Lợi nhuận thuần trong kỳ Khác (*)	-	-	-	1.468.996 (4.901.668)	1.468.996 (4.901.668)	-	1.468.996 (4.901.668)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 3 năm 2019</b>	<b>8.993.091.220</b>	<b>145.709.384</b>	<b>(295.683.347)</b>	<b>3.279.404.316</b>	<b>12.122.521.573</b>	<b>-</b>	<b>12.122.521.573</b>

(\*) Điều chỉnh chi phí liên quan đến mua lại quyền sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong năm 2018

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**Công ty:**

	<b>Vốn cổ phần Nghìn VND</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần Nghìn VND</b>	<b>Lợi nhuận chưa phân phối Nghìn VND</b>	<b>Tổng cộng Nghìn VND</b>
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018</b>	7.194.473.280	1.944.327.324	304.991.903	9.443.792.507
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	8.106	8.106
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 3 năm 2018</b>	7.194.473.280	1.944.327.324	305.000.009	9.443.800.613
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019</b>	8.993.091.220	145.709.384	306.749.602	9.445.550.206
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	748.207	748.207
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 3 năm 2019</b>	8.993.091.220	145.709.384	307.497.809	9.446.298.413

**22. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	<b>1/1/2019 và 31/3/2019</b>	
	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>Nghìn VND</b>
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	899.309.122	8.993.091.220
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	899.309.122	8.993.091.220
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	899.309.122	8.993.091.220
<b>Thặng dư vốn cổ phần</b>	-	145.709.384

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá cổ phiếu.

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**(a) Ngoại tệ các loại**

**Tập đoàn:**

	31/3/2019		1/1/2019	
	Nguyên tệ	Tương đương Nghìn VND	Nguyên tệ	Tương đương Nghìn VND
USD	3.118.557	72.194.582	9.766.512	227.402.336

**(b) Nợ khó đòi đã xử lý**

**Tập đoàn:**

	31/3/2019 Nghìn VND	1/1/2019 Nghìn VND
Nợ khó đòi đã xử lý	16.433.002	16.433.002

**24. Doanh thu bán hàng**

Tổng doanh thu của Tập đoàn thể hiện tổng giá trị hàng bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

**25. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Từ 1/1/2019 đến 31/3/2019 Nghìn VND	Từ 1/1/2018 đến 31/3/2018 Nghìn VND	Từ 1/1/2019 đến 31/3/2019 Nghìn VND	Từ 1/1/2018 đến 31/3/2018 Nghìn VND
Lãi từ hoạt động tài chính	2.242.223	6.922.404	33.613	12.710
Phân chia lợi nhuận từ HĐHTKD	-	-	62.057.617	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	9.596.621	9.318.818	-	-
	11.838.844	16.241.222	62.091.230	12.710

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**26. Chi phí hoạt động tài chính**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Từ 1/1/2019 đến 31/3/2019 Nghìn VND	Từ 1/1/2018 đến 31/3/2018 Nghìn VND	Từ 1/1/2019 đến 31/3/2019 Nghìn VND	Từ 1/1/2018 đến 31/3/2018 Nghìn VND
Chi phí lãi vay	264.147.985	244.967.245	61.150.685	-
Chi phí đi vay	16.523.299	20.285.968	46.384	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá	9.741.467	8.596.360	-	-
Chi phí tài chính khác	16.009.822	10.268.997	-	-
	<b>306.422.573</b>	<b>284.118.570</b>	<b>61.197.069</b>	<b>-</b>

**27. Lãi trên cổ phiếu**

**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 được dựa trên số lợi nhuận phân bổ cho cổ đông phổ thông là 1.469 triệu VND (quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018: 114.458 triệu VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 899.309.112 cổ phiếu (quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018 đã được điều chỉnh: 879.431.085 cổ phiếu), chi tiết như sau:

**(a) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông**

	Từ 1/1/2019 đến 31/3/2019 Nghìn VND	Từ 1/1/2018 đến 31/3/2018 Nghìn VND
Lợi nhuận thuần thuộc về:		
Cổ đông ưu đãi	-	2.587.125
Cổ đông phổ thông	1.468.996	114.457.872
	<b>1.468.996</b>	<b>117.044.997</b>

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Số lượng cổ phiếu bình quân gia quyền**

	Từ 1/1/2019 đến 31/3/2019	Từ 1/1/2018 đến 31/3/2018 (Đã điều chỉnh)
Số lượng cổ phiếu thường đã phát hành đầu kỳ và cuối kỳ	899.309.122	703.544.898
Ảnh hưởng từ phát hành cổ phiếu thường ngày 31/08/2018	-	175.886.187
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong năm	899.309.122	879.431.085

Sau khi phát hành cổ phiếu thường trong năm 2018, số cổ phiếu phổ thông được phát hành cho các cổ đông hiện hữu không phát sinh phụ trội, theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ hiện tại và tất cả các kỳ trình bày phải được điều chỉnh cho các sự kiện tạo ra sự thay đổi về số lượng cổ phiếu phổ thông mà không dẫn đến thay đổi về nguồn vốn. Theo đó, Ban Giám đốc của Công ty đã điều chỉnh số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền cho quý kết thúc ngày 31/3/2018.

**28. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư và giao dịch với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong kỳ Tập đoàn và Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

**Tập đoàn:**

Bên liên quan	Bản chất của giao dịch	Từ 1/1/2019 đến 31/3/2019 Nghìn VND	Từ 1/1/2018 đến 31/3/2018 Nghìn VND
<b>Công ty mẹ cấp cao nhất</b>			
Tập đoàn Masan	Lãi trái phiếu	36.986.055	-
<b>Công ty liên kết của công ty mẹ cấp cao nhất</b>			
Ngân hàng TMCP Kỹ			
Thương Việt Nam			
("TCB") và các công ty con			
	Chi phí lãi vay và chi phí đi vay	14.592.869	28.501.870
	Khoản vay nhận được	539.252.866	363.747.343
	Khoản vay đã trả	635.389.753	474.036.701
<b>Công ty con của công ty mẹ cấp cao nhất</b>			
Công ty Cổ phần hàng tiêu dùng Masan	Mua hàng hóa	303.668	224.715
	Mua dịch vụ	630.594	813.926
<b>Cán bộ quản lý chủ chốt</b>			
	Lương, thưởng và các phúc lợi khác (*)	16.152.189	10.032.654

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(\*) Các thành viên trong Hội đồng Quản trị không được hưởng bất cứ khoản thù lao nào trong quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 và ngày 31 tháng 3 năm 2018.

**Công ty:**

Bên liên quan	Bản chất của giao dịch	Từ 1/1/2019 đến 31/3/2019 Nghìn VND	Từ 1/1/2018 đến 31/3/2018 Nghìn VND
<b>Công ty mẹ cấp cao nhất</b> Tập đoàn Masan	Lãi trái phiếu	36.986.055	-
<b>Công ty con</b> Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo	Phân chia lợi nhuận từ HĐHTKD	37.038.263	-
Công ty TNHH Vonfram Masan	Phân chia lợi nhuận từ HĐHTKD	25.019.354	-
<b>Công ty liên kết của công ty mẹ cấp cao nhất</b> TCB và các công ty con		560.035	-

**29. Thuyết minh khác**

Ngày 28 tháng 3 năm 2019, một hội đồng gồm ba trọng tài viên được Trung tâm Trọng tài Quốc tế Singapore chỉ định (“Hội đồng Trọng tài”) đã đưa ra phán quyết chung thẩm từng phần, theo đó chấp nhận khoản bồi thường cho NPM phát sinh từ các hành vi của Jacobs (“Phán quyết Chung thẩm Từng phần”). Vụ việc có liên quan đến việc ký kết và thực hiện hợp đồng thiết kế và cung cấp thiết bị (“Hợp đồng EPSA”) giữa NPM và Jacobs năm 2011 cho mục đích thiết kế, cung cấp thiết bị và quản lý thi công xây dựng dây chuyền chế biến khoáng sản của NPM tại tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam. Ngoài phán quyết Chung thẩm Từng phần, Hội đồng Trọng tài cũng sẽ cân nhắc các khoản bồi thường liên quan đến chi phí lãi vay và chi phí khác phát sinh mà sẽ được xác định trong thời gian tới. NPM hiện chưa nhận được bất kỳ khoản thanh toán nào liên quan đến Phán quyết Chung thẩm Từng phần nói trên.

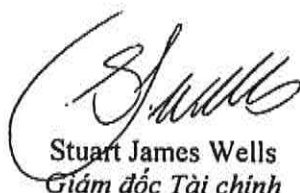
Ngày 23 tháng 04 năm 2019

Người lập:



Nguyễn Thị Thanh Mai  
Kế toán trưởng

Người kiểm tra:



Stuart James Wells  
Giám đốc Tài chính

Người duyệt:



Craig Richard Bradshaw  
Tổng Giám đốc